

làng văn

97
Tháng 9.92



Đã phát-hành rộng-rãi khắp mọi nơi

loạt tham-luận của Nguyễn Hữu Nghĩa về

- . Tiếp-tế thân-nhân tại quê nhà và du-lịch CSV
- . Hòa-hợp hòa-giải dân-tộc
- . Nhận-diện văn-nghệ cõi trời
- . Viện-trợ cho Hà-nội
- . Giao-lưu văn-hóa với CSVN
- . Kinh-nghiệm Liên-sô và Đông Âu
- . Trường-hợp Dương Thu Hương
- . Phê-bình bản dự thảo sửa đổi hiến-pháp của CSVN

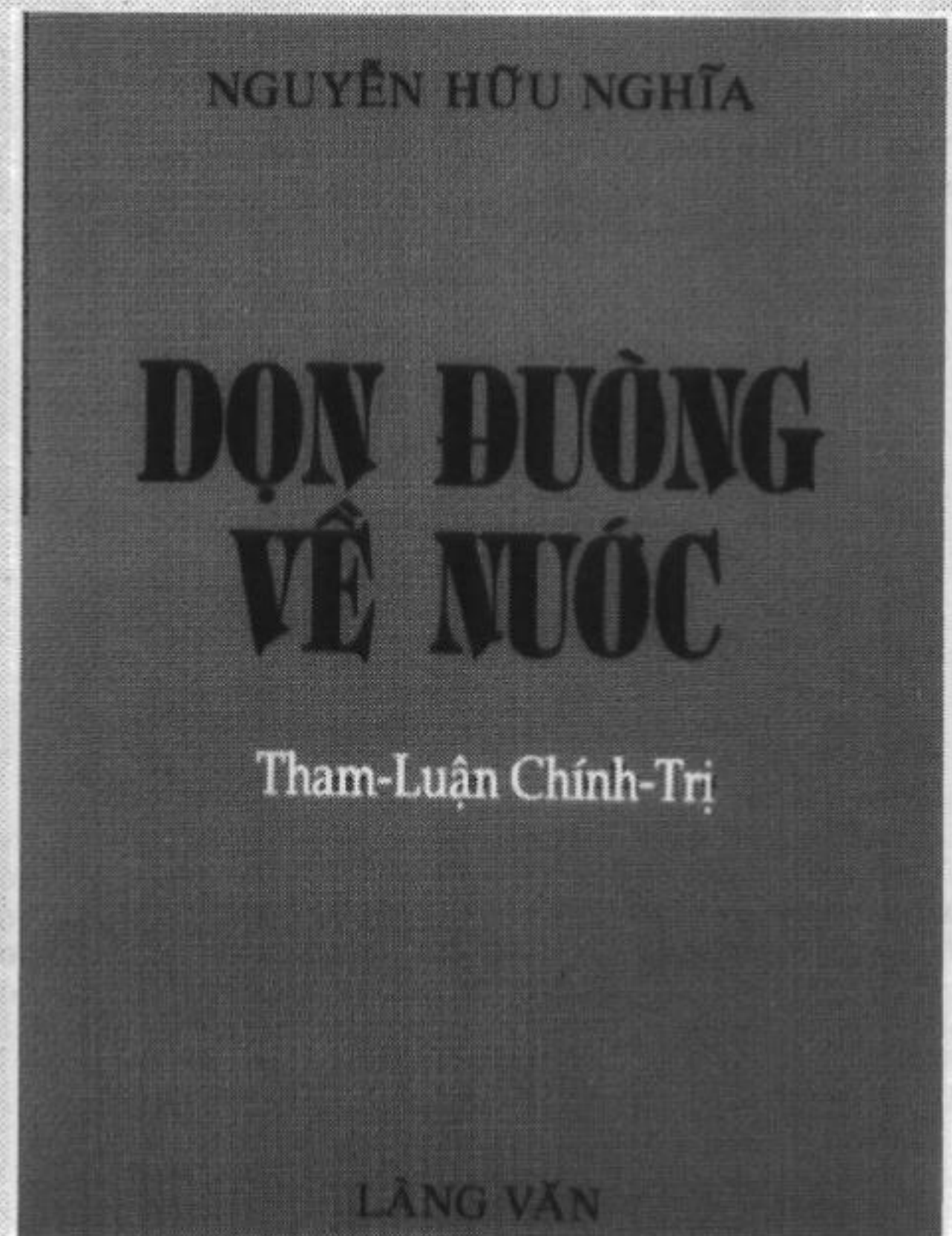
Sẽ phát-hành trong năm:

☀ **DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC**

tập 2:

- Vấn-đề Trịnh Công Sơn
- Vấn-đề chia cắt đất nước lần thứ hai
- Đấu-tranh trong lòng địch
- Giải giới quân-sự
- Tháo-gỡ chính-trị
- Chiến-tranh nổi dậy
- Điều-kiện tiến tới bầu-cử tự do
- Phác-họa một thể-chế tương-lai cho đất nước
- Các vấn-đề thời-sự

☀ **PHÊ-BÌNH HIẾN-PHÁP 1992 CỦA CSVN**



làng văn

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada
Tel. (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year
Second Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 — LDN: 310578.



Volume 9 — No 97 — September 1992

Hải-ngoại hỗ-trợ phong-trào tôn-giáo trong nước.....	2
Tin vắn.....	3
Tin Việt-nam.....	5
Danh-sách "Quốc-hội" khóa 9 của CSVN.....	9
Thi-sĩ Nguyễn Tất Nhiên chết trước sân chùa.....	10
Ngoài ngõ.....	11
Tin thêm về nhóm trá hình giao lưu văn-hóa.....	12
Tiêu-diệt tới người quốc-gia cuối cùng, Sơn Tùng.....	17
Từ "Thế-Hệ" tới "Hợp-Lưu", Nguyễn Hữu Nghĩa.....	22
Thơ Nguyễn Huy Phước.....	29
Cà, Trần Văn Tích.....	30
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	32
Các trò chơi của trẻ con miền Nam, Xuân Tước.....	33
Thơ Trần Mộng Tú.....	34
Kẻ Hành Hương, Dũng Văn.....	36
Thơ Phan Thịnh.....	38
Những đám cháy không màu, Ngô Nguyên Dũng.....	40
Thơ Ngô Nguyên Dũng.....	43
Thơ Thụy Ý.....	44
Mùa xuân trên xứ lạ, Phùng Nhân.....	45
Thơ Cao Hoàng Nhân.....	47
Thơ Ngữ An.....	50
Nàng, Vũ Nghi.....	51
Thơ Hồ Trường An.....	53
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	54
Ly rượu hai mươi năm, Hồng Hoang.....	56
Thơ Lê Thụy Vi.....	60
Lời buộc ràng trăm năm, thơ: N.T. Nhiên, nhạc: N.H. Nghĩa.....	61
Sổ tay, Cung Vũ.....	62
Thơ Cung Vũ, Trần Văn Lệ, D.H., T.T. Mây Trên Ngàn.....	63
Thơ Hoàng Quốc Minh.....	64
Thơ Nguyễn Bá Đình.....	68
Mẹ mong gả thiệp, Hồ Trường An.....	71
Thơ Hà Huyền Chi.....	73
Thơ Lê Sơn Hà.....	74
Thơ Việt Phương.....	77
Thơ Hồ Ông.....	78
Tha hương, Ngô Du Trung.....	80
Xóm Cũ: Nhớ về Đà Lạt, Vi Sao.....	83
Xóm Măng: Mẹ con sấu và chiếc răng sấu, Ngô Nguyên Dũng.....	86
Ô chữ, Vui cười.....	88
Xếp Alcapone III, Lê Xuân Nhị.....	89
Thơ Nguyễn Văn Ngọc.....	91
Thơ Lê Hữu Mục.....	92
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	97
Thơ Minh Tuấn, Cao Xuân Tú.....	99
Thơ Vi-Vi.....	101
Độc-giả thác-mắc.....	104
Ký II, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	106
Diễn-đàn.....	108
Nhận được, giới-thiệu.....	110
Nhân tin tị-nạn.....	110
Thư đi tin lại.....	114

Tranh bìa: sơn dầu của Nguyễn Tăng

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chức-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tân—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Dân—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lăng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng—Nguyễn Phong—Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tĩnh—Thái Văn Kiểm—Trương Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích

Cộng-tác:

Bác Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tú—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Lê Thụy Vi—Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Ngô Du Trung—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng—Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt—Nguyễn Tư
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thủy Trang—Tô Kiều Phương—Trần Mộng Tú
Trần Quang Hải—Trần Văn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Văn Nương—Võ Đình—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng—Nguyễn Tăng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Vệt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Cung Vũ

- Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Anh: Hoài Châu Pháp: Bạch Thái Hảo
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim
- Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh
- Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc
- Đại-diện tại Hoa-kỳ:
Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

Giá báo dài hạn và
giá biểu quảng-cáo: trang 112

Hỗ-Trợ Phong-Trào Tranh-Đấu Cho Tự-Do Tôn-Giáo Tại Quốc-Nội

Sau khi báo-chí hải-ngoại loan-báo bản yêu-sách ngày 25.6.92 do Hoà-thượng Huyền Quang gửi đảng và nhà nước CSVN, các đoàn-thể tôn-giáo và chính-trị Việt-nam đã tích-cực hỗ-trợ.

Ngày 25.7, Mặt Trận Dân-Tộc Dân-Chủ Việt-Nam (gồm 8 tổ-chức: Dân-Quyền, Liên-Minh Dân-Chủ VN, Liên-Minh Toàn Dân VN Quốc-Gia, Lực-Lượng VN Tự-Do, Tổ-Chức Phục Việt, VN Dân-Chủ Xã-Hội Đảng, VN Quốc Dân Đảng) đã ra tuyên-cáo bày tỏ sự ủng-hộ tích-cực của Mặt Trận đối với công-cuộc đấu-tranh cho tự-do tín-ngưỡng trong nước, và cam-kết vận-dụng mọi khả-năng và phương-tiện của mình, kêu-gọi sự yểm-trợ tích-cực của tất cả mọi đoàn-thể, tổ-chức không phân-biệt chính-kiến, tôn-giáo cho nỗ-lực đấu-tranh của Phật-giáo-đồ trong mùa pháp-nạn. Mặt Trận cũng kêu-gọi và tích-cực vận-động sự yểm-trợ của nhân-dân và chính-quyền các quốc-gia trên thế-giới cho công-cuộc đấu-tranh chính-nghĩa của nhân-dân Việt-nam.

Ngày 26.7, Cộng-đồng Người Việt Tị-nạn tại Âu-châu ra tuyên-bổ nội-dung:

"1. Triệt-để yểm-trợ và ủng-hộ lập-trường cũng như đường hướng đấu-tranh vì đạo-pháp, vì dân-tộc của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất (GHPGVNTN).

"2. Thành-lập ủy-ban yểm-trợ mọi công-tác, mọi cao-trào, đấu-tranh trong và ngoài nước, do GHPGVNTN đề-xướng.

"3. Trong cấp-thời, lập ban Yểm-trợ để hỗ trợ tối đa 'Ngày đấu-tranh cho đạo-pháp và dân-tộc' do GHPGVNTN Hải-ngoại khởi-xướng và tổ chức tại Quốc hội Âu châu từ 13 tới 16.9.92"

Ngày 31.7, Liên đoàn Công giáo VN tại Hoa kỳ đưa ra bản lên tiếng, có đoạn viết rằng:

"Văn-thư của HT Thích Huyền-Quang mang tiềm-lực của một cuộc đấu-tranh. Nó tố-cáo trước lương-tâm nhân-loại những tội-ác quy-mô và có hệ-thống của bạo-quyền VC đối với Phật-giáo. Nó cũng cho người ta thấy rõ những thủ-đoạn hiểm-độc của bạo-quyền nhằm chia-rẽ các tôn-giáo tại Việt-nam.

"Hiển-nhiên, cuộc đấu-tranh ấy có chính-nghĩa. Nó đồng-bộ với cuộc cách-mạng dân-tộc của nhân-dân VN hôm nay, một cuộc cách-mạng nhân-danh Con Người Vì Tổ-Quốc.

"Chúng tôi xin nghiêm-mình bày tỏ lòng ngưỡng-mộ, Chúng tôi thành-tâm chia-sẻ những nỗi thống-khổ mà Phật-giáo VN đang phải gánh chịu. Chúng tôi tích-cực ủng-hộ và kính-cần kêu-gọi tất cả các lực-lượng dân-tộc trong và ngoài nước tích-cực ủng-hộ cuộc đấu-tranh đòi hỏi tự-do tôn-giáo của Phật-giáo VN, đồng-thời tố-cáo trước dư-luận mọi âm-mưu chia-rẽ tôn-giáo.

"Thiên-chúa giáo, cùng với Phật-giáo, Cao-đài-giáo, Phật-giáo hòa-hảo,... nằm trong dòng sinh mệnh của dân-tộc Việt-Nam."

Bản lên tiếng ký tên ông Nguyễn

Văn Chức, cựu nghị-sĩ, Tổng Thư-ký Liên-đoàn Công-giáo VN tại Hoa-kỳ.

Ngày 1.8, Tổ-chức Hòa-Đồng Dân-Tộc với bà Trần Minh Tiết và các ông Trần Quang Thuận, Hà Thế Ruyet cùng những tu-sĩ yểm-trợ tinh-thần như Đạo-trưởng Minh Lý Đỗ Vạn Lý (Cao Đài), Tu-sĩ Thái Hòa (Hòa Hảo), Mục-sư Trần Minh Hải, Mục-sư Nguyễn Xuân Hồng (Tin Lành), Linh-mục Nguyễn Đức Việt Châu, Linh-mục Nguyễn Thành Long (Công-giáo), Hoà-thượng Thích Tâm Châu (Phật-giáo) đã ký chung một bức thư gửi Ủy ban hải-ngoại bảo-vệ Phật-giáo và nhân-quyền tại VN, ủng-hộ cuộc tranh-đấu của Phật-giáo trong nước, và kêu-gọi Liên-hiệp-quốc cùng quý vị lãnh-đạo các tôn-giáo trên thế-giới, lãnh-đạo hành-pháp, tư-pháp, lập-pháp của các nước, các hội nhân-quyền, trí-thức, văn-gia, nghệ-sĩ thế-giới hãy tiếp tay người VN, cởi bỏ ách độc-tài thống-trị cho dân-tộc Việt.

Ngày 6.8, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam trên Thế-Giới ra tuyên-cáo đòi bộ Chính-trị đảng CS và các cơ-quan lãnh-đạo điều-hành nhà nước CSVN:

"1. Tức-khắc giải-thể đảng CSVN, đồng-thời triệt-hạ các guồng máy đàn-áp, khống chế nhân-dân.

"2. Tạo môi-trường chính-trị thuận-lợi cho tất cả tầng-lớp nhân-dân Việt-nam trong và ngoài nước muốn đem tâm chân-thành chung sức vào việc phục-hưng quốc-gia, sau khi đã giải-thể đảng CS.

Công-bố và bảo-đảm các quyền tự-do căn-bản của người dân theo tinh-thần hiến-chương LHQ.

"3. Tức-khắc trả tự-do và khôi-phục danh-dự, quyền công-dân cho tất cả những người đã và đang bị giam-cầm vì lý-do tôn-giáo, chính-trị, các văn-nghệ-sĩ, bất-đồng chính-kiến; các cựu quân-nhân, công-chức, cán-bộ của chính-thể VNCH cũng như tất cả các người dân vô-tội khác.

"4. Tức thời trả lại cho nguyên-

chủ tất cả những tài sản đã cưỡng- chiếm của các tư-nhân, của các tổ- chức, các tôn-giáo.

"5. Ngừng ngay việc bán rẻ các tài-sản quốc-gia cho tài-phiệt ngoại-quốc; và tuyệt-đối không được nhượng một tấc đất nào cho ngoại-bang — dù là nơi hải-đảo — để mưu cầu những ân huệ cá nhân nhất thời."

Bức tuyên-cáo ký tên Hoà-thượng Thích Tâm Châu, Thượng-thủ giáo-hội Phật-giáo VN trên thế-giới.

Ngoài ra, về phía văn-ngệ-sĩ, Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam / Ontario và Phong-Trào Hưng Ca Việt-Nam cũng đã ra tuyên-cáo ủng-hộ cuộc đấu-tranh của Phật-giáo cũng như các tôn-giáo khác tại quốc-nội.

Bản tuyên-cáo của Phong-Trào Hưng Ca có đoạn viết:

"Bất cứ nghệ-sĩ nào trước hay sau khi đã thành danh, thành tài cũng đều là một con người, mang nặng công cha nghĩa mẹ, nợ non-sông, tình đất nước. Họ không có quyền và không thể tách rời khỏi dòng sinh-mệnh của dân-tộc, nơi đã hun-đúc họ thành người.

"Trong ý-niệm đó, Phong-Trào Hưng Ca kêu gọi các anh chị em văn-ngệ-sĩ trong và ngoài Phong-trào hãy góp hết sức mình cho đại-cuộc mà Phật-giáo và các đoàn-thể tôn-giáo trong nước là những nỗ-lực chính.

"Chúng ta tiếp-tục chiến-đấu, cho đến ngày xóa bỏ hoàn-toàn chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản, xây-dựng lại con người Việt-nam trong một nước Việt-nam toàn-vẹn lãnh-thổ, độc-lập, tự-do, dân-chủ và hạnh-phúc."

Hiện nay, các đoàn-thể quần-chúng và tôn-giáo Việt-nam tại hải-ngoại ráo-riết vận-động các quốc gia Tây phương và các tổ chức nhân-quyền thế-giới ủng-hộ cuộc đấu-tranh cho tự-do tôn giáo tại Việt-nam. Có tin gì chúng tôi sẽ loan tiếp vào các số tới.

tin văn



ĐỨC PHẬT SỐNG ĐẠT-LAI LẠT-MA ĐÒI HÀ-NỘI THẢ CÁC TU-SĨ

Trong bức thông-bạch đề ngày 25.5.1992, đức Phật sống Đạt-lai Lạt-ma, Giáo-chủ Phật-giáo Tây-tạng, người được trao giải Nobel Hoà-bình mới đây, đã lên tiếng kêu-gọi chính-phủ CSVN hãy trả tự-do tức-khắc cho các hoà-thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thượng-tọa Thích Đức Nhuận và các đại-đức Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu.

Bức thông-bạch có đoạn viết:

"Nhu con thuyền phải có người chèo chống, Phật-giáo Việt-nam phải có người dẫn-dắt. Tôi rất ưu-tư khi thấy năm nhà lãnh-đạo quan-trọng của Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất ấy bị cầm tù hoặc quản-thức tại gia. Điều đó chứng-tỏ họ không có quyền tự-do trong việc hướng-dẫn tâm-linh và đạo-đức cho những tín-đồ đang hết sức trông-đợi."

CỰU TỔNG BÍ THƯ CỘNG ĐẢNG ĐÔNG ĐỨC BỊ NGA GIAO CHO ĐỨC

Cựu Tổng Bí-thư đảng Cộng-sản Đông Đức Erich Honecker đã bị dẫn độ từ Mạc-tư-khoa về Đức hôm 29.7 vừa qua. Ông Honecker sẽ bị giải tòa về tội từng ra lệnh cho vệ-binh đổ hạ-sát 249 người Đức.

Trong số các nạn-nhân của Honecker, có 49 người bị giết trước khi có bức tường ngăn đôi Bá-kinh, và 200 người bị giết trong khi tìm cách vượt tường tìm tự-do.

Honecker năm nay 79 tuổi cùng vợ là Margot đã ẩn-náu trong tòa đại-sứ Chí-lợi ở Mạc-tư-khoa

được 7 tháng rưỡi. Cùng ra tòa với Honecker còn có cựu thủ-tướng Đông Đức Willi Stoph và cựu bộ-trưởng Quốc-phòng Heinz Kessler.

Honecker là người ra lệnh thiết-lập xây-cắt bức tường Bá-kinh năm 1961 và cai-trị Đông Đức bằng chính-sách sắt máu suốt 18 năm, cho đến khi bức tường bị phá vỡ và chế-độ đổ bị xóa bỏ.

VƯƠNG HỒNG VĂN TRONG TỬ NHÂN BANG QUA ĐỜI

Vương Hồng-văn, một trong bốn bốn người (tứ nhân bang) thực-hiện cuộc cách-mạng văn-hóa đẫm máu tại Hoa-lục, đã chết hôm 4.8 vì bệnh xơ gan, thọ 58 tuổi. Hồng-văn nguyên là phó chủ-tịch đảng Cộng-sản Trung-quốc, Đặng Tiểu-bình tước quyền chức cùng lúc với Giang Thanh, vợ góa của Mao Trạch-đông năm 1976, một năm sau khi Mao qua đời.

Cái chết của Vương Hồng-văn rất mờ-ám, không khác vụ tự-tử của Giang Thanh năm ngoái, tuy nhiên dân-chúng Trung-hoa không mấy quan-tâm. Mao, Vương hay Đặng Tiểu-bình cũng chỉ là sự thay ngôi đổi chủ, dân khổ thì vẫn cứ khổ.

NHẬT-BẢN GỬI QUÂN SANG CAO-MIÊN

Chính-phủ Nhật đã đáp ứng yêu-cầu của Liên-hiệp-quốc, gửi 700 quân-nhân sang Cao-miên để bảo-vệ hòa-bình.

Đây là một biến-cố của Áu-châu, vì trước nay Nhật-bản không được phép tổ-chức quân-đội vũ-trang. Sau vụ gửi quân sang Cao-miên, Nhật-bản sẽ tiếp-tục trang-bị quân-

đội. Với sức mạnh kinh-tế của Nhật-bản hiện nay, cộng thêm sức mạnh quân-sự bắt đầu xây-dựng từ bây giờ, Nhật-bản sẽ dần-dà trở thành một lực-lượng quân-sự có khả-năng đe-dọa toàn vùng Âu-châu và Thái-bình-dương.

TIỆP-KHẮC CHIA ĐÔI

Quốc-gia Tiệp-khắc (Czechoslovakia), gồm hai nước cộng-hòa Czech và Slovak đang tách ra làm hai.

Quốc-hội tiểu-bang Slovak đã bỏ phiếu và tuyên-bố độc-lập. Nhà thơ Vaclav Havel đã từ-chức tổng-thống liên-bang gần hai tháng nay không có người thay-thế.

Nước Tiệp-khắc gồm hai dân-tộc với hai ngôn-ngữ khác nhau: Czech và Slovak. Nước cộng-hòa Czech rộng 78.864 cây số vuông với 10,5 triệu dân, thủ-đô là Prague. Nước cộng-hòa Slovak rộng 49.035 cây số vuông với 5,4 dân, thủ-đô là Bratislava.

Liên-bang Tiệp-khắc có 132.100 quân, với 2/3 là lục quân và 1/3 là không-quân; không có hải-quân.

SADDAM HUSSEIN LỘT CÁC ĐẠI THƯƠNG

Để thu lại khoảng tiền bị chiến-tranh làm hao-hút trong thời-gian qua, TT Saddam Hussein của Y-lạp-khắc (Iraq) đã ra lệnh tịch-thu toàn bộ tài-sản và xử bán các tay đại thương-gia trong nước. Trong vòng một tuần-lễ, Saddam đã hạ-sát 42 người, treo thây lên cột đèn, và giam-giữ 500 người khác để khảo của. Tên sát-nhân này kết án các nạn-nhân đã "đầu-cơ tích-trữ", "lũng-đoạn kinh-tế đất nước."

Sau khi tổ-chức lại hệ-thống quân-đội, Saddam Hussein tuyên-bố "đã phục-hồi được 40% binh-lực."

HOA KỲ VÀ ÂU CHÂU TRANH NHAU BUÔN BÁN VỚI ĐÀI-LOAN

Vì nhu-cầu chia ba thế chân vạc

để kiểm-chế Liên-sô, Hoa-kỳ đã phải chấm-dứt viện-trợ quân-sự và buôn bán vũ-khí với Trung-hoa Dân-quốc (Đài-loan) để lấy lòng Trung Cộng. Tuy-nhiên, trong các siêu-cường thế-giới, cũng chỉ có Hoa-kỳ tiếp-tục trao-đổi mậu-dịch với quốc-gia này.

Về thương-mại, trong năm 1991 vừa qua, Hoa-kỳ đã xuất-cảng sang Đài-loan 13,2 tỷ mỹ-kim, nhiều hơn mức xuất-cảng sang Trung Cộng 2,1 tỉ, mặc dù dân-số Trung Cộng đông gấp 56 lần dân-số Đài-loan.

Tại Đài-loan, nhờ dân-chúng đồng lòng, trong hơn 10 năm tranh-đấu và chịu-đựng tình-trạng cô-lập về ngoại-giao, Đài-loan đã dốc hết sức xây-dựng kinh-tế, chính-trị, và đã tiến rất xa so với thời 1980. Hiện nay Đài-loan là quốc-gia có số ngoại-tệ dự-trữ cao nhất thế giới: 80 tỷ mỹ-kim, hơn cả Nhật-bản, và đang tiến-hành chương-trình hiện-đại-hóa toàn diện với ngân-sách dự-trù là 300 tỷ mỹ-kim.

Con số mới-mẻ và cực-kỳ hấp-dẫn này đã lôi-cuốn các nước Âu-châu và Hoa-kỳ. Đế-quốc Liên-sô đã sụp-đổ, Hoa-kỳ thấy không cần phải "nuơng" Trung Cộng nữa, mà trái lại, còn tìm cách hạn-chế bớt sự phát-triển về quân-sự của quốc-gia khổng-lồ này. Việc buôn-bán vũ-khí cho Đài-loan được xét lại. Mỹ định bán cả chiến-đấu-cơ tối-tân F-16 cho Đài-loan, để chống lại các chiếc Sukhoi-27 do Trung Cộng mua của Liên-sô trước đây.

Tuy-nhiên tòa Bạch-ốc còn đang lưỡng-lự trước khi tháo-gỡ nhanh-chóng các ràng-buộc cũ để kịp tranh thương với Pháp. Chính-phủ Mitterrand đang thương-lượng để bán cho Đài-loan các chiếc Mirage 2000-5. Một nhóm cố-vấn của TT Bush muốn để Pháp bán chiến-đấu-cơ cho Đài-loan trước, để chia-sẻ bớt áp-lực từ phía Trung Cộng. Một nhóm e-ngại rằng, Pháp sẽ đặt điều-kiện để Đài-loan mua luôn thiết-bị nguyên-tử của Pháp sau các chiếc Mirage 2000-5 thì Hoa-kỳ mất mỗi lợi lớn và lâu dài này.

VC NHẬN CHÌM XUỐNG VỤ TRƯỞNG SA

Theo tin báo VC Sài-gòn giải-phóng thứ bảy ngày 28.7, đại-sứ VC tại Nam-dương là Đỗ Ngọc Dương đã hướng-dẫn phái-đoàn CSVN dự "hội-nghị không chính-thức lần thứ 3" tổ-chức tại Yogyakarta, Nam-dương từ 29.6 tới 2.7 vừa qua. Trong phái-đoàn 5 người của CSVN, ngoài Đỗ Ngọc Dương còn có Trần Công Trục, phó trưởng ban biên-giới trực thuộc Hội-đồng Bộ-trưởng.

Qua 7 phiên họp diễn ra trong 4 ngày giữa phái-đoàn các nước tranh-chấp quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa, gồm CSVN, Trung Cộng, Đài-loan, Tân-gia-ba, Mã-lai, Nam-dương và Phi-luật-tân, các bên đồng ý họp lại trong 9 tháng nữa.

Phái-đoàn CSVN tuyên-bố "tự kiểm-chế để không có những cuộc tranh-cãi không cần-thiết." Trần Công Trục nói với thông-tín-viên Hà-nội rằng "chính-phủ ta khẳng-định chủ-quyền và toàn-vẹn lãnh-thổ của nước ta đối với 2 quần-đảo Trường-sa và Hoàng-sa, khẳng-định lại việc Trung-quốc ký hiệp-ước về thăm-dò và khai-thác dầu lửa với một công-ty Mỹ là vi-phạm chủ-quyền Việt-nam."

Trong thời gian 9 tháng chờ đợi phiên họp kế, Trung Cộng vẫn tiếp-tục duy-trì lực-lượng hải-quân hùng-hậu trấn giữ các đảo ở phía bắc Trường-sa mới chiếm được của Việt-nam, bảo-vệ an-ninh cho công-ty Mỹ Crestone Energy Corporation mở các cuộc dò tìm các túi dầu trong thềm lục-địa.

Bàn về sự hiện-diện của quân-đội Trung Cộng tại Trường-sa, Trần Công Trục nhấn mạnh: "Chính-phủ ta kiên-quyết giải-quyết các bất đồng thông qua thương-lượng hòa-bình."

Lời giải thích lấp lửng của Trần Công Trục và thời-hạn kéo dài quá lâu để mở lại các cuộc "thương-lượng hòa-bình" chứng-tỏ cộng-sản Hà-nội quyết-định nhận chìm xuống vụ Trường-sa,

mặc cho Trung Cộng muốn làm gì thì làm.

NÀNG TÔ THỊ BỊ SÉT ĐÁNH

Báo *Quân-đội nhân dân* ngày 25.7 cho biết, tượng nàng Tô Thị (tức núi vọng-phu) ở Lạng-sơn đã bị sét đánh sạt một bên đầu. Dân-chúng đói-khổ trong vùng ùn ùn kéo nhau đi khuân đá về nung vôi. Thậm chí có nhiều người nhân cơ-hội đó, mang cả cuốc chim đục-đẽo quanh chân núi để lấy đá.

Ở các dòng cuối, bài báo nói thêm rằng sở Văn-hóa Lạng-sơn đã cho hàn-gắn, sửa chữa các chỗ bị thiên-tai và con người làm hư-hỏng.

Hiện-tượng tàn-phá di-tích lịch-sử và danh lam thắng cảnh tại Việt-nam ngày càng trầm-trọng. Trong hoàn cảnh nghèo đói kéo dài quá lâu, đạo đức suy đồi, con người không còn quan tâm đến cái đẹp của ngoại-vật nữa. Mọi sự vá-vúi, sửa-chữa chỉ ngăn cho xã-hội chậm sụp-đổ, chứ không có tác-dụng phục-hồi và phát-triển toàn-bộ. Muốn phục-hồi toàn bộ, phải thay-đổi toàn bộ, bắt đầu từ chế-độ cộng-sản chuyên chính.

PHONG-TRÀO "CÁP DUỖN" TÁI DIỄN TẠI CAO-MIÊN?

Ngày 21.7, hai gia đình người Việt cư-ngụ tại Takmeas, tỉnh Campot, Cao-miên, đã bị 30 lính Miên sát hại tập-thể.

Tất cả 8 nạn-nhân, kể cả người già, phụ-nữ và trẻ con, đã bị sát hại một cách dã-man.

Tại gia-đình thứ nhất, lính Miên đã giết lấy đứa trẻ sơ-sinh mới 7 ngày trên tay mẹ nó, quật xuống đất. Người mẹ euống-cuồng nhào đại tới chụp lại đứa con, đã bị bắn vào bụng và ngực nguyên một băng đạn AK 47. Một tên lính Miên khác đá vào đầu hài nhi đang nằm thoi thóp trên mặt đất. Người cha của đứa trẻ đang làm việc trong lò bánh gần đó, nghe tiếng súng chạy vội về nhà, đã bị bắn chết theo vợ con.

Tại gia-đình thứ hai, lính Miên

lôi bốn đứa trẻ từ 9 tới 16 tuổi ra mổ bụng lấy mật. Ông ngoại của các cháu quì xuống chấp tay lạy như tể sao để xin tha cho các cháu, đã bị chúng bắn chết tại chỗ.

Vụ tàn-sát 2 gia-đình người Việt đã gây làn sóng công-phản trong dư-luận quốc-tế. Người tây-phương liên-tưởng đến những cảnh-tượng tàn-bạo trong cuốn phim *The Killing Field*, nói về tội-ác của Khmer Đỏ; còn người Việt hồi-tưởng phong-trào *cáp duỗn* (giết người Việt) đã hạ-sát hàng loạt người Việt sinh sống tại Cao-miên, thả xác theo sông Cửu-long cho trôi về Việt-nam.

NÚI LỬ TẠI CAO BẰNG

Trận mưa lớn kéo dài suốt hai ngày 23 và 24 tháng 7 đã làm lở mất một nửa quả núi, lấp ngheén một con suối tại xã Quang-Trung, huyện Trà-linh, Cao-bằng, nơi có 42 căn lán của đồng-bào các tỉnh Cao-bằng, Bắc thái và Hà-bắc dựng lên làm nơi tạm-trú trong thời-gian làm việc tại hầm mỏ mangan.

Vụ núi lở lúc 2 giờ sáng đã vùi 40 trong số 42 căn lán sâu dưới 30 mét đất bùn, giết chết 200 đồng-bào đang ngủ say.

Nhờ sự tận tình đào xới của các toán cấp-cứu Thái-nguyên, đến 5 giờ chiều ngày 25, 40 người đã



tin việt-nam

được kéo ra khỏi đất bùn. Trong số này có 17 người còn có hi-vọng sống-sót.

TỔ-CHỨC GIA-NÃ-ĐẠI THÂN VC ĐÃ GIẢI TÁN

Theo tin Thông-tấn-xã CSVN, Tổ-chức Viện-trợ của Gia-nã-đại cho Việt-nam (viết tắt là C.A.V.C.) đã họp đại hội-đồng thường-niên hôm 8.7 tại Ottawa, Gia-nã-đại. Đại-hội đã bỏ phiếu quyết-định giải-tán hội sau 25 năm hoạt-động.

Hội này được thành-lập năm 1967, vào thời-kỳ cao-điểm của chiến-tranh Việt-nam, là một tổ-chức phản-chiến, nguy-hòa thân Cộng-sản Bắc Việt. Họ đã vận-động được khá nhiều viện-trợ cho Bắc Việt. Hội CAVC cũng đã tổ-chức nhiều cuộc biểu-tình chống chiến-tranh Việt-nam. Họ hòa theo Hà-nội đổ tội cho quân-đội đồng-minh và Hoa-kỳ xâm-lăng Việt-nam, bất chấp thực-tế là CS Bắc Việt, với toàn bộ viện-trợ của Liên-sô và Trung Cộng, đã xâm-lăng miền Nam trước, khiến chính-phủ miền Nam vì yếu-thế phải kêu-gọi thế-giới tự-do giúp-đỡ.

Sau 1975, cả thế-giới nhìn rõ bộ mặt thật của CSVN, khiến hội CAVC gặp nhiều khó-khăn trong việc tài-vận. Hội-viên cũ bỏ đi dần dần mà hội viên mới thì không có. Hội tiếp-tục cầm-cụ cho tới tháng 7 vừa rồi đã quyết-định tự giải-tán, vì thiếu ngân-sách, không được quần-chúng Gia-nã-đại ủng-hộ và vì các hội-viên đều đã cao tuổi.

Trước khi giải-tán, hội CAVC tặng hết số tiền quỹ còn lại gần 17.500 gia-kim cho nhà nước CSVN.

RỦI MAY, MAY RỦI

Hôm 3.7, một thuyền vượt biên Việt-nam đã bị bão nhận chìm ngoài khơi Quảng-nam Đà-nẵng. May mắn thay, tất cả 14 thuyền-nhân đều được một chiếc tàu mang cờ Hoa-kỳ cứu thoát và đổ họ vào Tân-gia-ba.

Chính-phủ Tân-gia-ba đã đánh điện báo tin, và chính-phủ CSVN đã cho thuyền nhỏ sang tận nơi áp-giải các nạn-nhân về nước.

HÀ-NỘI TRỤC-XUẤT 2 NHÂN VIÊN HOA KỲ

Hôm 10.7, CSVN đã ra lệnh trục-xuất hai nhân-viên trong phái-đoàn Hoa-kỳ tìm kiếm người mất-tích trong chiến-tranh (MIA) và tù-binh (POW) đang làm việc tại Việt-nam.

Hai nhân-viên này gồm một người Mỹ và một thông-dịch-viên VN quốc-tịch Mỹ, bị buộc tội "có thái-độ khiêu-khích, xúc-phạm đến tình-cảm và gây bất-bình với nhân-dân địa-phương."

Cái mà Hà-nội gọi là "thái-độ

khiêu-khích" đó là một người giơ quả đấm trước ảnh Hồ Chí Minh cho người kia chụp ảnh. Nội vụ xảy ra ở Quảng-bình, và sự mà Hà-nội gọi là "xúc-phạm đến tình-cảm và gây bất-bình với nhân-dân địa-phương" là vì có khá đông nhân-dân địa-phương tò-mò bu quanh xem cảnh chụp ảnh nghịch-ngợm này, và trẻ em đã vỗ tay cười!

SÀI-GÒN Ổ ĐIỂM VÀ THÀNH HỒ ĐÈN MỜ

Trong thời-kỳ chiến-tranh xâm-lăng miền Nam, Hà-nội thường vu-cáo thủ-đô Sài-gòn là "ổ điểm Mỹ". Lời vu-cáo vô tội vạ này đã vận vào sự thật. Ngày nay, 18 năm sau chiến-tranh, "thành-phố mang tên vàng" Hồ Chí Minh mới thực-sự biến thành một ổ điểm khổng lồ.

Theo báo-cáo của sở Công-an thành-phố, cả thành-phố mang tên "bác" có 30.000 quán cà-phê đèn mờ, mỗi tụ-điểm là một ổ bán dâm trá hình.

Gọi là quán cà-phê, nhưng mỗi quán có từ 5 tới 10 gái ôm. Các cô ăn mặc hở-hang, xà vào lòng khách để các cậu các ông tha-hồ gỡ-gạc. Nếu thấy cần tiền chiếm mục-tiêu (bảo-đảm đầy-đủ vi-trùng giang-

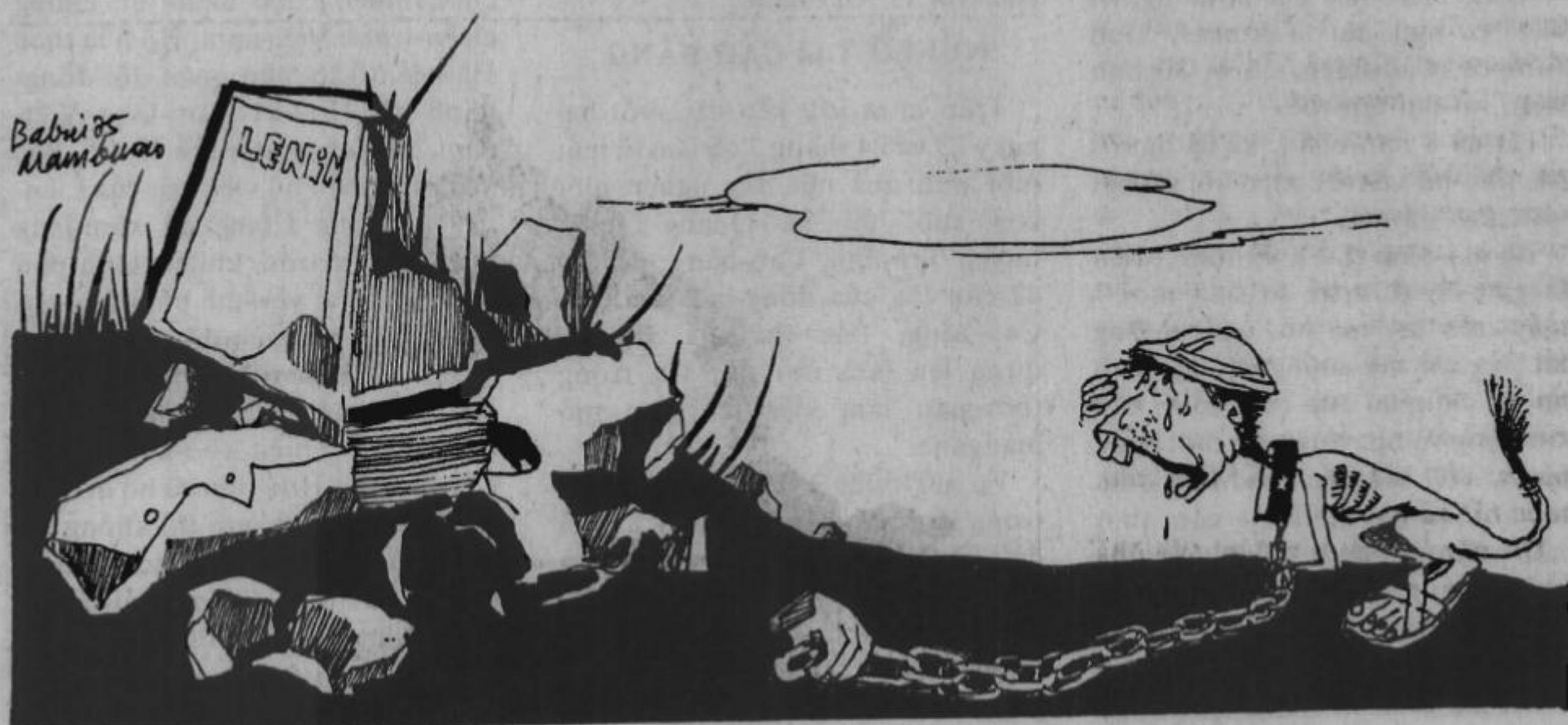
mai, lậu, liệt-kháng), khách sẽ được mời ra nhà sau, được chia ô bằng vài tấm màn bẩn-thỉu.

Điều đáng nói, vẫn theo báo-cáo của sở Công-an, quán cà-phê nào cũng có ăn chia với chính-quyền địa-phương (VC gọi là ô dù). Hóa ra vào thời Cộng mạt, nhà nước còn kiêm cả nghề chứa thổ!

ĂN CHIA KHÔNG ĐỀU, HẠM VĨNH-LONG SA LƯỚI ĐỒNG ĐỘI

Tòa-án Quân-khu 9 tại Vĩnh-long vừa xử cán-bộ Nguyễn Văn Chúng, giám-đốc Xí-nghiệp sản-xuất hàng xuất-khẩu của thị-đội Vĩnh-long, 15 năm tù ở, bồi-hoàn 5 tỷ 198 triệu đồng cho nhà nước.

Trên đây chỉ là một trong hàng chục ngàn vụ tham-nhũng dưới chế-độ xã-hội chủ-nghĩa. Thực-tế không phải vì chế độ muốn cải thiện xã hội mà điều tra tham nhũng, đó chỉ vì tình trạng ăn không đều chia không đủ, và các phe phái muốn hắt cẳng nhau giành chỗ tốt cho cánh nhà để được chia-chác nhiều hơn. Rốt cục chỉ có người dân là khổ. Tham-nhũng này xuống, tham-nhũng khác lên. Người cũ ăn đã no nên bòn rút từ từ, còn nới tay cho



dân chúng kịp phục hồi để có sức cung-phụng lâu dài; người mới lên ngôi chưa nóng chức, càng mạnh tay vơ-vét hơn người cũ để có đủ tiền “đền đáp” công ơn tài-bồi của thượng-cấp, khiến dân-chúng càng khổ gấp bội. Cho nên, giải-quyết nạn tham-nhũng ở Việt-nam, không phải chỉ mang ra xử năm ba cán-bộ cấp thấp mà dứt. Nạn tham-nhũng cấu-kết hàng ngang hàng dọc, chẳng chịt từ trên xuống dưới, không thể nào dứt nổi, ngoại trừ thay-thế toàn bộ guồng máy cầm quyền.

NGÀNH IN TRONG NƯỚC

Theo báo VC *Tuần tin-tức* số 485 xuất-bản ngày 18.7 tại thành Hồ, cả nước hiện nay có 340 nhà in, với 2245 máy in và gần 1000 máy *photocopy*, hầu hết đều là cơ-quan của đảng và nhà nước CSVN, còn lại là cơ-sở quốc-doanh do cán-bộ nhà nước chỉ-đạo và quản-lý. Hai trung-tâm ấn-loát lớn nhất nằm tại Sài-gòn và Hà-nội. Ngoài ra, các ngành ở trung-ương, cách thành-phố, tỉnh, quận huyện, ban ngành ở các địa-phương cũng có nhà in.

Trong số 72 tỷ trang này, riêng thành Hồ với 112 nhà in (33% tổng-số máy in trong nước) đã in tới 41 tỷ (57% lượng in cả nước).

Theo báo *Tuần tin-tức*, việc kiểm-soát các nhà in tại thành Hồ rất khó. Trong số 112 nhà in này chỉ có 98 cơ-sở “đăng-ký.” Bài báo viết rằng “*Thực-trạng quản-lý ngành in rất thiếu kỷ-cương, vi-phạm các qui chế hiện hành, tiếp tay cho in hàng gian, hàng rởm; vai-trò của tư-nhân trong in ấn rất sâu, có thể điều-phối các loại sách-báo, ấn-phẩm, thậm chí có tư-nhân đã mua máy in gửi tại một nhà in để in những tài-liệu, và như vậy khó tránh khỏi việc họ in những gì họ muốn, cho dù đó là tài-liệu xấu, hoặc rất xấu...*”

Dù nằm trong tay đảng và nhà nước, nhà in nào cũng phải “sống”, nghĩa là tự túc điều-hành. Đã có nhu-cầu thu-hút khách hàng thì khó lòng loại-trừ “hàng xấu” hay

“hàng quá xấu”!

Kiểm-soát máy in đã khó, việc kiểm-soát các máy *photocopy* càng khó-khăn hơn nhiều. Bài báo tiết-lộ “*ngoài thị-trường hiện có rất nhiều loại sách, tài-liệu in bằng máy photocopy với giá rẻ, in rõ, đẹp, bán tại các sạp sách báo*”.

Trước đây báo-chí trong nước đã lên tiếng đả-kích một số ấn-phẩm của *Làng Văn*, kể cả báo lẫn sách đã được in và bán lên trong nước. Cuốn sách bán chạy nhất là *Đường mây qua xứ tuyết* của Nguyên Phong do ít nhất hai cơ-sở khác nhau in và phát-hành. Riêng báo *Làng Văn* tương-đối dễ tìm tại các sạp báo tại thành Hồ, miễn là phải quen biết và chịu tốn tiền. Giá mỗi tờ *Làng Văn* bản chính in tại Gia-nã-đại tính ra tương-đương với nửa tháng lương công-chức; riêng bản *photocopy* từ 8.000 tới 11.000 đồng tiền Hồ.

SÁCH VỞ THÀNH HỒ

Báo *Tuổi trẻ* cười ngày xuất-bản tại thành Hồ, số tháng 8.92 đã “điểm” một cuốn sách do hội Y-học cổ-truyền Đồng-nai của nhà nước xuất-bản. Bài giới-thiệu cuốn sách, Hội ghi rằng để “*cống-hiến những bài thuốc tâm đắc và phương-pháp thể-dục dưỡng-sinh, nhằm tăng*

thêm hiệu-lực phục-vụ sức-khoẻ nhân-dân.”

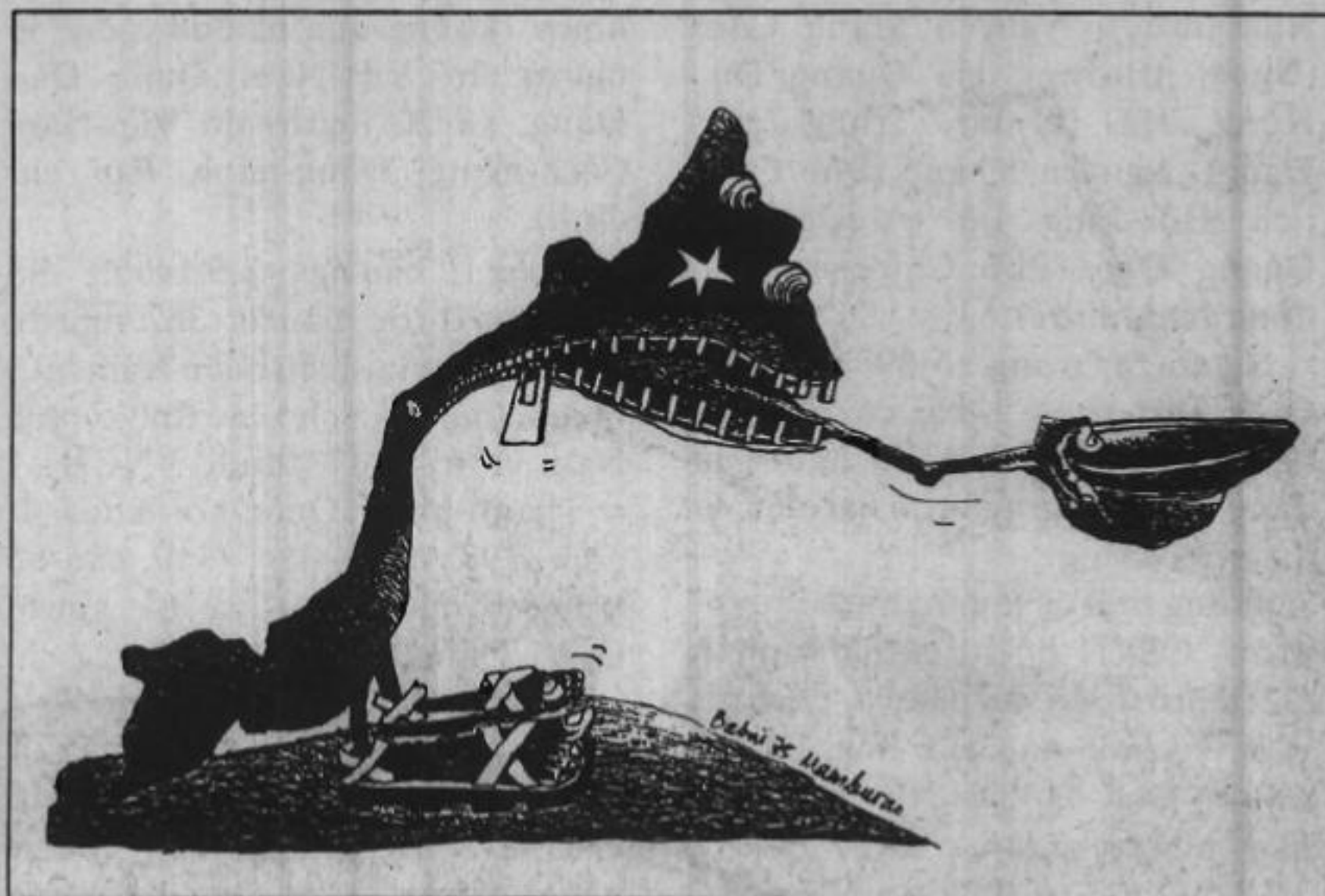
Nội-dung cuốn sách, ngoài mấy toa thuốc bổ-dưỡng, còn có cả các toa thuốc cường dương, dai sức và giúp cho các ông phát-triển kích-thước “của quý” tới mức tối-đa.

Sách dạy rằng, muốn cho của quý cứng-cáp, nở-nang hơn bình-thường, các ông hãy “*bắt một số đĩa đang nhồi trong nước, cho vào một chai thủy-tinh, càng nhiều càng tốt. Sau đó đổ dầu ăn vào chai, đem phơi cả đĩa lẫn dầu ăn ra nắng gắt nhiều ngày. Nhờ sức nóng mặt trời, đĩa sẽ tan ra nước, chất dầu này xoa vào bộ-phận sinh-dục, chỉ một vài lần “nó” sẽ nở to, lại thêm sức mạnh phi-thường.*”

Chăm-sóc sức-khoẻ nhân-dân tới mức này thì đỉnh cao trí-tuệ của Đảng ta quả là... vô-địch!

BÁN LÚA CHO NHÀ NƯỚC

Ông Lê Văn Bi ngụ tại xã Thạnh Hưng, Kiên-giang khiếu-nại rằng, ban thu mua huyện Ô-môn, tỉnh Hậu-giang đã mua của ông 32 tấn 9 lúa hồi tháng 12.1975, tính tới nay đã 17 năm rồi mà vẫn chưa thanh-toán thanh-toán hết món nợ 1 triệu đồng. Nên nhớ là 1 triệu đồng tiền Hồ vào tháng 12.75 mua được gần 500 lượng vàng, và 1 triệu đồng vào tháng 8.92 chỉ mua được vài chỉ!



“Quốc-Hội” Mới của CSVN

Sau nửa năm chuẩn-bị ráo-riết, CSVN cũng đã nặn xong “Quốc-Hội” mới để trình-diễn dân-chủ.

Như thường-lệ, tuyệt đại đa-số ứng-cử viên đều do Mặt Trận Tổ-Quốc tuyển-chọn và giới-thiệu. Mặt Trận thường chỉ chọn dư ra 1/3 hay 1/4 số ứng-cử-viên so với số đại-biểu được bầu. Thí-dụ như đơn-vị 1 ở Cao-bằng, cần bầu ra 2 đại-biểu, Mặt Trận giới-thiệu ra 3 người. Cử-tri được quyền bỏ phiếu bầu, chọn lấy 2 trong số 3 người đã được chọn sẵn. Đơn-vị 1 ở Thanh-hóa, cần 3 đại-biểu, Mặt Trận Tổ-Quốc giới-thiệu 4 ứng-cử-viên.

Trong số 13 ủy-viên Bộ Chính-trị Trung-ương, có 7 người vào năm Quốc-Hội, là Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Vũ oanh, Phan Văn Khải, Bùi Thiện Ngộ và Nông Đức Mạnh.

Trong 146 ủy-viên Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng CSVN, có tất cả 45 người nằm trong Quốc-hội. Ngoài 7 người đã kể ở trên, còn có các cán-bộ cao-cấp như Phạm Hưng (Chủ-tịch Tòa-án Nhân-dân Tối cao), Đặng Hữu (Chủ-tịch Ủy ban Khoa-học Nhà nước), Đỗ Quốc Sam (Chủ-tịch Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước), Nguyễn Mạnh Cầm (Ngoại trưởng), Hà Quang Dự, Hồng Hà (bí-thư Trung-ương Đảng), Nguyễn Khánh (Phó Chủ-tịch Hội-đồng Bộ trưởng), Lê Quang Đạo (Phó Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước).

Ngoài ra, trong số 395 đại-biểu Quốc-Hội khóa 9, chỉ có 2 người không có đảng tịch, 36 người là đảng viên thường, còn lại đều là đại-biểu Đảng.

Trong một cơ-quan thuộc về lập-pháp, CSVN bố-trí cả hành-pháp (22 người) lẫn tư-pháp (4 người) vào. Về lãnh-đạo văn-hóa, có các cán-bộ lãnh-đạo hội Nhà văn, Nhà báo và Nghệ-sĩ sân-khấu (6 người). Về lãnh-đạo tư-tưởng, có các cán-

bộ ban tư-tưởng Trung-ương Đảng (4 người). Ngoài ra còn có công-an (32 người) và quân-đội (43 người).

Nhìn qua cách sắp-xếp của đảng CSVN, qua việc dàn dựng một “Quốc-hội” mới gồm toàn thành-phần đảng viên bảo-thủ và trung-kiên, người ta có thể dự đoán không sợ sai-lầm rằng Hà-nội quyết-liệt bám cứng lấy quyền-lực, không chịu nhường bước trước trào-lưu dân-chủ tiến-bộ trong nội-bộ đảng, cũng như quần-chúng Việt-nam.

Sự kiện này càng cho thấy vấn-đề “đồng thuận dân-tộc”, “hoà-hợp hòa-giải dân-tộc” do CSVN đưa ra tuyên-truyền trong mấy năm nay chỉ là những trò hề rẻ tiền, không còn lường gạt được ai, kể cả loại chính-khách trở cờ, mờ mắt trước quyền-lợi và địa-vị đã trở thành hảo-huyền qua kết-quả bầu-cử trên đây.

THÀNH PHẦN QUỐC-HỘI CSVN CÁC KHÓA TRƯỚC

Khóa I, bầu ngày 6.1.1946:

Số đại-biểu được bầu là 333 người, cộng với 70 đại-biểu đương-nhiên (không qua bầu-cử, gồm 50 người do Việt-Nam Quốc Dân Đảng, và 20 người do Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh Hội chỉ định).

Khóa II, bầu ngày 8.5.1960: Số đại-biểu được bầu là 362 người, cộng với 91 đại-biểu miền Nam lưu-nhiệm (đại-diện cho các tỉnh ở phía Nam vĩ-tuyến 17, thuộc VNCH).

Thành-phần Quốc-hội khóa II gồm 298 đảng-viên (110 cán-bộ trung-ương Đảng) và 64 người ngoài Đảng.

- Khóa III, bầu ngày 26.4.1964:

Tổng-số đại-biểu được bầu là 366 người, gồm 296 đảng-viên (109 cán-bộ trung-ương Đảng) và 71 người ngoài đảng.

- Khóa IV, bầu ngày 11.4.1971:

Tổng-số đại-biểu được bầu là 420 người, gồm 317 đảng-viên (127 cán-bộ trung-ương Đảng) và 103 ngoài Đảng.

- Khóa V, bầu ngày 6.4.1975:

Tổng-số: 424 đại-biểu, gồm 314 đảng-viên (126 cán-bộ trung-ương Đảng) và 110 ngoài Đảng.

- Khóa VI, bầu ngày 25.4.1976:

Tổng-số: 492 đại-biểu, gồm 398 đảng-viên (114 cán-bộ trung-ương Đảng) và 94 ngoài Đảng.

- Khóa VII, bầu ngày 26.4.1981:

Tổng-số: 496 đại-biểu, gồm 435 đảng-viên (167 cán-bộ trung-ương Đảng) và 61 ngoài Đảng.

- Khóa VIII, bầu ngày 19.4.1987, gồm 496 đại-biểu, gồm 465 đại-biểu (116 cán-bộ trung-ương Đảng) và 31 ngoài Đảng.

Duyệt lại các con số này, ta có thể rút ra những nhận-xét sau:

- Nhiệm-kỳ Quốc-hội CSVN không đều. Nhiệm-kỳ lâu nhất là khóa I (14 năm), ngắn nhất là I năm (khóa V). Các nhiệm-kỳ khác, khi thì 7 năm (khóa III), khi thì 6 năm (khóa VII), khi thì 4 năm (khóa IV), khi thì 5 năm (khóa VI).

- Năm 1960, sau khi đất nước chia đôi đã 6 năm, Bắc Việt vẫn cho “lưu-nhiệm 61 đại-biểu miền Nam”. Sự kiện này chứng-tỏ rằng Hà-nội vẫn công-khai chủ-trương xâm-lăng Việt-Nam Cộng-Hòa, mà họ vẫn coi là phần đất của họ.

- Số đảng viên bao giờ cũng nằm đa-số tuyệt-đối tại Quốc-hội, và số cán-bộ lãnh-đạo Trung-ương Đảng nằm tại Quốc-hội bao giờ cũng hơn 100 người.

Qua những nhận-xét này, người ta có thể kết-luận rằng “Quốc-hội” CSVN chỉ là cái bóng của Trung-ương Đảng, và là cơ-quan thể-hiện quyền-lực của đảng CSVN, qua hình-thức dân-chủ giả vờ để lừa bịp công-luận thế-giới. Các cuộc “bầu cử tự-do” trong tương-lai, cho dù có quốc-tế giám-sát, nếu được tổ-chức trong khi đảng Cộng-sản vẫn nắm chính-quyền, chỉ là một cách để hợp-thức-hóa chế-độ bạo-tàn này mà thôi.

DANH SÁCH "QUỐC HỘI" MỚI CỦA CSVN

LTS. — Làng Văn sưu-tập, phân-loại và đăng toàn bộ danh-sách "đại-biểu Quốc-hội khóa 9" của CSVN như sau đây. Hi-vọng rằng danh-sách này sẽ giúp đồng-bào nhận ra danh-tính của cán-bộ CS trong các kỳ bầu-cử tự-do (nếu có) về sau này.

- Cao-bang: Đàm Văn Ngụy (Ủy viên Trung-ương Đảng), Dương Văn Sáng, Nông Hồng Thái (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Trục Luyện, Nguyễn Thị An.

- Lạng-sơn: Vi Xuân Thanh, Bùi Ngọc Thanh, Hoàng Thị Bích-Ly, Nông Đức Mạnh (Ủy viên Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng), Dương Công Sửu, Nguyễn Phú Cường.

- Bắc-thái: Nguyễn Hữu Càng, Nông Thái Nghiệp, Nguyễn Khánh (PCT/HĐBT), Dương Trung Tiến, Dương Khánh Lâm, Đặng Quốc Tiến, Hoàng Thị Chiên.

- Tuyên-quang: Hà Quang Dự (Ủy viên Trung-ương Đảng), Hoàng Đức Hỷ, Hà Thị Khiết (Ủy viên Trung-ương Đảng).

Quảng-ninh: Nguyễn Bình Giang (Ủy viên Trung-ương Đảng), Hồng Hà (Ủy viên Trung-ương Đảng, Bí-thư Trung-ương Đảng), Nguyễn Thị Lê, Đặng Thị Thanh Hương (cán-bộ văn-hóa, ủy-viên Hội Nghệ-sĩ Sân-khấu Việt-nam), Nguyễn Viết Hoè, Bàn Tiến Dũng.

- Lào Cai: Tráng A Pao (Ủy viên Trung ương Đảng), Đỗ Quốc Thắng, Cư Hòa Văn, Vương Thị Nghi.

- Sơn-la: Đỗ Văn Ân, Lò Thị Luyến, Tráng A Lư, Cà Kha Sam.

- Lai-châu: Lê Văn Truyền, Lý Ly Phà, Lò Văn Inh, Mùa Thị Mỹ.

- Hoà Bình: Vũ Oanh (Ủy viên Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng), Bùi Thị Bình, Nguyễn Nhiều Cốc (Ủy viên Trung-ương Đảng), Lê Thanh Đạo.

- Yên-bái: Nguyễn Đình Lộc, Triệu Thị Nhặt, Hoàng Công Dung, Lâm Phúc Cổ.

- Hà-giang: Trịnh Trần, Dương Minh Chương, Hoàng Thừa, Triệu Thị Nái.

- Hà-nội: quận Ba-đình: Đỗ Mười (Tổng Bí-thư, Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng), Chu Duy Kinh, Phạm Lợi, Vũ Quân Phương (cán-bộ văn-hóa, ủy-viên Hội Liên-hiệp Văn-học thành-phố HCM), Cao Minh Châu, Lê Xuân Tùng (Ủy viên Trung-ương Đảng), Kim Cương Tử (họa-thuật quốc-doanh), Trần Thị Tâm Đan, Lê Quang Đạo (PCT Hội-đồng Nhà nước, chủ-tịch Quốc-hội khóa 8), Nguyễn Đình Chừng, Vũ Đình Cự (Ủy viên Trung-ương Đảng), Vũ Đức Khiển, Phạm Thị Trân Châu, Nguyễn Hồng Hải, Chu Thúy Quỳnh, Đinh Hạnh, Phạm Văn Ngọc, Tôn-thất Bách, Nguyễn Văn Cử.

- Vĩnh-phú: Bùi Hữu Hải, Nguyễn Xuân Thuyết, Lê Đình Thành, Phùng Quang Hùng, Hà Văn Nội, Phùng Văn Túu, Nguyễn Trọng Khánh, Đỗ Văn Ngọc, Đặng Quan Thụy, Phùng Văn Toàn, Đinh Văn Thế, Hữu Thọ (Ủy viên Trung-ương Đảng).

- Nam-hà: Nguyễn Mạnh Hùng, Đặng Khôi, Vũ Gia Tham, Trần Quang Ngọc, Vũ Tú Nam (cán-bộ văn-hóa, Tổng Thư-ký Hội Nhà Văn), Bùi Văn Tiến, Vũ Mão (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Đức Hiệp, Nguyễn Trọng Nhân (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Thị Thân (Ủy viên Trung-ương Đảng), Lại Vi Nghi.

- Hà-bắc: Đỗ Bình Dương (Ủy viên Trung-ương Đảng), Tăng Dương, Mai Thúc lân, Nguyễn Hoà

Bình, Trần Đức Tâm (BCT/TU Đảng), Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Văn Vọng, Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Thủy Cái, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Bá Cự, Tăng Văn Luy.

- Thái-bình: Đào Đình Luyện (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Thu Hà, Vũ Minh Mão, Vũ Mạnh Rinh, Vũ Thị Ngọc Đậu, Hoàng Bình Quân, Phan Quang (cán-bộ văn-hóa, Tổng Thư-ký Hội Nhà văn Nhà báo Việt-nam), Nguyễn Văn Sản.

- Hà Tây: Nguyễn Phúc Đình, Phan Thu (Ủy viên Trung-ương Đảng), Chu Văn Liễu, Trần Văn Khuyên, Hoàng Đình Cầu, Bùi Thị Phương Toàn, Nguyễn Văn Hiệu (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Văn Học, Nguyễn Văn Tâm, Đặng Văn Hai, Trần Thị Thanh Thanh (Ủy viên Trung-ương Đảng), Phùng Văn Thu.

- Hải-hưng: Mao Xuân Nung, Phạm Huy Thọ, Nguyễn Văn Yếu, Phạm Nguyên Tấn, Lương Quang Thư, Nguyễn Đức Kiên, Hà Xuân Trí, Trần Thị Miên, Trần Văn Phác, Trần Đình Phùng, Đặng Văn Cảo, Phạm Hưng ((Ủy viên Trung-ương Đảng, Chủ-tịch Tòa-án Nhân-dân Tối-cao), Đoàn Thị Thêu.

- Ninh-bình: Lê Đức Bình, Tô Xuân Toàn, Đinh Văn Hùng, Nguyễn Trọng Xuyên (Ủy viên Trung-ương Đảng), Lê Thị Bích.

- Thanh-hóa: Nguyễn Thanh Chương, Lương Ngọc Toàn, Lữ Văn Xiết, Hoàng Ngọc Nhất, Hà Thị Liên, Hà Đình Xô, Trịnh Xuân Mão, Lê Khả Phiêu (trung-tướng, Ủy viên ban Chấp-hành Trung-ương Đảng, bí-thư Trung-ương Đảng, Chủ-nhiệm Tổng Cục Chính-trị Quân-đội Nhân-dân), Hoàng Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Thái Bá, Lê Viết Dục, Đặng Nhật Minh, Phạm Ngọc Quang, Nguyễn Thị Bạch Yến, Lê Văn Tu (Ủy viên Trung-ương Đảng), Lê Văn Tam.

- Nghệ-an: Trương Thị Hồng, Lô Trung-Thành, Tạ Quang Hải, Đỗ Phương (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Dương Hoàng, Nguyễn Quốc Thưởng, Đậu Hồng Tân, Dương Viên, Moong Văn Nghệ Cao Xuân Khuông, Nguyễn Duy Quý (Ủy viên Trung-ương Đảng), Lê Thị Thủy, Nguyễn Mạnh Cầm (Ủy viên Trung-ương Đảng, Bộ-trưởng Ngoại-giao), Nguyễn Như Vỹ.

- Hà-tĩnh: Trần Quốc Thái, Hà Học Trạc (Ủy viên Trung-ương Đảng), Phạm Lợi, Trịnh Hồng Dương, Nguyễn Khắc Táo, Nguyễn Thị Thu, Lê Minh Hương, Tăng Nghĩa.

- Quảng-bình: Trần Hòa, Phan Lâm Phương, Lý Tài Luận, Nguyễn Thị Thu Hoài.

- Quảng-tri: Nguyễn Đức Hoan, Trương Thị Khuê, Đoàn Khuê (Đại-tướng, Ủy-viên Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, Bộ-trưởng bộ Quốc-phòng), Hồ Gô.

- Thừa Thiên — Huế: Thích Thiện Siêu, Võ Nguyên Quảng, Nguyễn-Khoa Kim Bội, Lê Đức Anh (Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, Bộ-trưởng Quốc-phòng), Nguyễn Đình Ngộ.

- Quảng-nam Đà-nẵng: Ngô Văn Dũng, Lê Xuân Trinh, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Văn Trí, Hà Thị Thu-Sương, Lê Quốc Khánh, Huỳnh Nghĩa, Hoàng Minh Thắng, Nguyễn Bá Thanh, Nguyễn Đôn, Nguyễn Đăng Lâm.

- Đắc-lắc: Y Ngông Niê Kđam, Lê Ngọc Sanh, K'Tân, A-Ma-Pui (Ủy viên Trung ương Đảng), Võ An Bang, H-Win Niê Kđam.

- Gia-lai: Nguyễn Văn Sỹ (Ủy viên Trung-ương Đảng), Trần Chu Toàn, Đặng Ngọc Bân, H'Ngia.

- Kontum: Sô-Lây-Tang, Nguyễn Thanh Cao.

- Lâm-đồng: Trần hà Anh, Bùi Bích Liên, Nguyễn Duy Anh, Lơ Mu Hà K'rong.

- Quảng-ngãi: Nguyễn Văn Được, Đinh Ưông, Đỗ Quang Thắng (Ủy viên Trung-ương Đảng, Bí-thư Tỉnh-ủy Quảng-ngãi), Trần Thị Nhân.

- Bình-định: Trần Thị Lệ Thu (cán-bộ văn-hóa, Tổng Thư-ký Hội Văn-học Nghệ-thuật Bình-định), Võ Văn Lược, Trần Văn Nhân, Đặng Hữu

(Ủy viên Trung-ương Đảng, Chủ-tịch UB Khoa-học Nhà nước), Tô Tử Thanh, Đoàn Văn Téo, Lê Văn An, Hoàng Quang Đạo.

- Phú-yên: Lương Công Doan, Mang Cự, Hà Đăng (Ủy viên Trung-ương Đảng), Trần Thị Minh Chánh.

- Khánh-hòa: Nguyễn Thiết Hùng, Trần Minh Duân, Nguyễn Thị Nở.

- Bình-thuận: Nguyễn Văn Thuận, Mã Điền Cự, Hoàng Bích Sơn (nguyên thứ trưởng Ngoại-giao), Đinh Trung, Nguyễn Khương.

- Ninh-thuận: Nguyễn Trung Hậu, Cha-Malé-Điêu.

- Đồng-nai: Trần Thị Bạch Tuyết, Đinh Quốc Thái, Nguyễn Văn Tư (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Văn Thạnh, Lê Thị Thu-Ba, Huỳnh Văn Bình, Điều Bảo.

- Sông Bé: Nguyễn Minh Triết (Ủy viên Trung-ương Đảng), Điều Khê, Trần Thị Kim Văn, Hồ Đức Việt.

- Tây-ninh: Nguyễn Văn Rốp, Đặng Văn Lý, Trần Việt Biên, Nguyễn Hồng Phúc.

- Bà rịa — Vũng tàu: Đỗ Quốc Hùng (Ủy ban Kiểm-tra Trung-ương Đảng), Bùi Thiện Ngộ (trung-tướng Công-an, Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, Bộ trưởng bộ Nội-vụ), Phạm Văn Hy (Ủy viên Trung-ương Đảng), Phạm Thị Sơn.

- Thành phố HCM: Phạm Quang Dự, Thích Minh Châu, Nguyễn Văn Hanh, Trương Tấn Sang (Ủy viên Trung-ương Đảng), Đỗ Hoàng Hải, Võ Văn Kiệt (Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, Chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng), Chu Phạm Ngọc Sơn, Lý Kim Mai, Trương Mỹ Hoa (Ủy viên Trung-ương Đảng, Phó Chủ-tịch Hội Liên-hiệp Phụ-nữ), Phan Khắc Từ, Đinh Công Hùng, Nguyễn Hữu Khương, Nguyễn Minh Thành, Đoàn Lê Hương, Nguyễn Thị Ngọc Phượng, Nguyễn Tấn Phát, Lê Khắc Bình, Phan Văn Khải (Bộ Chính-trị Trung-ương Đảng, PCT HĐBT), Huỳnh Thị Nhân, Nguyễn Văn Rạng, Đỗ Quốc Sam (Ủy viên Trung-ương Đảng, Chủ-tịch Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước), Bùi Đức Luận, Nguyễn Ngọc Hải, Phạm Văn Trà (Ủy viên Trung-ương Đảng), Chu Văn Mười (cán-bộ văn-hóa, Chủ-tịch Hội Văn-học Nghệ-thuật Hải-phòng), Trần Bích Nga, Đào An, Hồ Tế, Nguyễn Thị Mận.

- Đồng-tháp: Lê Minh Châu, Nguyễn Văn Hải, Lê Minh Sơn, Phan Minh Tấn (Ủy viên Trung-ương Đảng), Phan Thị Tiến, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Trung Can.

- Bến-tre: Nguyễn Văn Bình, Ca Lê Thuần, Bùi Quang Tôn, Nguyễn Thị Tuyết Sương, Trần Văn Ngẫu, Lê Thị Thanh Liem.

- Long-an: Nguyễn Thanh Nguyên, Trần Văn Lục, Nguyễn Văn Thạnh, Phạm Thanh Phong, Đặng Công Thạch, Võ Thị Thắng.

- Tiền-giang: Nguyễn Tấn Lực, Phạm Văn Khanh, Nguyễn Văn Chín, Nguyễn Thị Hoài Thu.

- An-giang: Nguyễn Ngọc Trán, Lê Phú Hội, Nguyễn Hùng Dũng, Nguyễn Minh Hồng, Đinh Công Doan, Lê Minh Tùng, Nguyễn Văn Hơ (Ủy viên Trung-ương Đảng), Nguyễn Thị Liên.

- Kiên-giang: Trần Văn Niền, Danh Ut, Trần Chí Liem, Bùi Văn Tầm, Nguyễn Đức Thắng, Phạm Văn Minh, Nguyễn Thị Việt Nhân.

- Cần-thơ: Dương Việt Trung, Phạm Văn Kiệt, Võ Tông Xuân, Phạm Xuân Định, Ngô Hồng Khanh, Nguyễn Hà Phan (Ủy viên Trung-ương Đảng), Bùi Văn Hoàn, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Xuân Xinh, Phan Tân Tiến.

- Vĩnh-long: Hồ Minh Mẫn, Dương Tấn Đệ, Lê Nam hải, Trần Hữu Tín, Phan Tấn Tài, Châu Hồng Linh.

- Sóc trắng: Lê Thanh Bình, Lâm Hùng Kiện, Phan Lệ Hồng, Huỳnh Cương (Ủy viên Trung-ương Đảng), Diệp Kinh Tân.

- Trà-vinh: Bùi Quang Huy, Trần Thanh Hồng, Lâm Phú, Trần Hoàn Kim, Bùi Công Minh.

- Minh hải: Trần Văn Cua, Nguyễn Việt Hồng, Phạm Phương Thảo, Mai Thanh Ân, Nguyễn Thị Hồng Minh, Đặng Thành Học, Trương Minh Thắng.

Thi-Sĩ Nguyễn Tất Nhiên Chết Trước Sân Chùa Ở Quận Cam, California

Thi-sĩ Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ bốn mươi tuổi, nổi tiếng hơn hai mươi năm nay, đã qua đời hôm 3.8 tại Cali. Ông nằm chết trên băng sau chiếc Toyota cũ-kỹ của ông, giữa mớ sách báo và quần-áo khê chưa chưa giặt, quện lẫn mùi khói thuốc. Chiếc xe đậu trước sân chùa Việt-Nam do Thượng-tọa Pháp Châu trú-trì. Ngôi chùa tọa-lạc ở góc Magnolia và Chapman, Garden Grove, quận Cam California, Hoa-kỳ.

Các nhà sư đi tưới rau ngang qua sân chùa đã phát-giác ra thi-thể của ông và gọi cảnh-sát. Theo nhận-xét sơ-khởi, có thể Nguyễn Tất Nhiên tự-tử bằng thuốc ngủ. Ông thường dặn-dò bạn-bè trong thời-gian gần đây: "nếu tôi tự-tử, xin đừng ai cứu-cấp, để cho tôi được chết."

Hiện mẹ và các em của thi sĩ (như ký-giả Nguyễn Hoàng Nam) vẫn ở ngay tại quận Cam, tuy-nhiên ông sống cuộc đời vô-gia-cư, thường ngủ đậu nhà này một tối, chùa nọ vài hôm. Mới đây ông mua được một chiếc Toyota cũ-kỹ, đậu trước tòa-soạn báo *Người Việt*, dùng làm chỗ ngủ. Ông được hưởng trợ-cấp xã-hội vì tàn-phế tinh-thần (điên nhẹ) và độc-thân. Hai tháng trước ngày chết, trợ-cấp này đã bị cắt.

Nguyễn Tất Nhiên tên thật là Nguyễn Hoàng Hải, sinh ngày 30.5.1952 tại Bình-trước, quận Đức-tu tỉnh Biên-hòa. Ông làm thơ từ năm 11 tuổi, in thơ từ năm mới 15 và nổi tiếng từ năm 17, qua các

bài *Em hiền như ma soeur, Thà như giọt mưa, Hai năm tình lận-đận...* do Phạm Duy thành ca-khúc.

Các tập thơ đã in của Nguyễn Tất Nhiên gồm:

- *Nàng thơ trong mắt* (1966)
- *Dấu mưa qua đất* (1968)
- *Thiên-tai* (1970)
- *Thơ Nguyễn Tất Nhiên* (1980)
- *Chuông mơ* (1980)
- *Tâm dung* (1989)

Về nhạc, Nguyễn Tất Nhiên có tập *Những năm tình lận-đận* gồm 8 ca-khúc do chính ông viết, 3 bài thơ Nguyễn Tất Nhiên do Phạm Duy phổ nhạc và 1 bài do Nguyễn Hữu Nghĩa phổ nhạc.

Về văn, Nguyễn Tất Nhiên có một số truyện ngắn đăng rải-rác trên *Làng Văn* và *Ngọn cỏ khô trên thung-lũng mùa xuân* (nhiều tác-giả).

Di-cảo (chưa in) của Nguyễn Tất Nhiên gồm có tập thơ *Cũng cần cho hạnh-phúc*, trường thi và *Truyện ngắn Nguyễn Tất Nhiên*.

Sự xuất hiện của Nguyễn Tất Nhiên trong thi ca Việt Nam cuối thập niên 60 là một hiện tượng. Tên tuổi Nguyễn Tất Nhiên là do âm nhạc làm nên, mà do công lao của nhạc sĩ Phạm Duy. Ngoài các bài thơ phổ nhạc kể trên, Phạm Duy còn phổ các bài *Cô Bắc-kỳ nhỏ, Anh vái trời, Hãy yêu chàng*.

Nguyễn Đức Quang phổ các bài *Vì tôi là linh-mục, Thiên-thu*.

Nguyễn Hữu Nghĩa phổ các bài *Xin chở tình ta theo, Nỗi sầu khổ dịu-dàng, Lời buộc ràng trăm năm*

(đăng trong số này), *Như những hoàng-hôn bỏ mặt trời, Linh-mục và Thiên-thu*.

Thi-sĩ bị bệnh tâm-thần nhẹ từ nhỏ, đã hai lần vào điều-trị tại Dưỡng trí viện Biên-hòa, và một lần tại Pháp, trước khi ông sang định-cư tại Hoa-kỳ. Cũng vì tính-tình thất-thường, gia-đình ông đã đổ-vỡ. Người hôn-phối của ông, cũng là hình-bóng phụ-nữ trong rất nhiều bài thơ của ông, đã mang các con ra đi, để lại cho chồng một món tiền để sinh sống.

Nguyễn Tất Nhiên có thể yêu si-mê nhiều người cùng một lúc, nhưng không chịu nổi cảnh xa vợ con, nhất là các con. Nỗi ám-ảnh về một cái chết tự-tử mang nặng từ khi còn nhỏ, đã quanh-quẩn trong đầu ông, càng ngày càng mạnh. Và ông đã lìa đời, như các câu thơ kết bài *Nỗi sầu khổ dịu-dàng* (Nguyễn Hữu Nghĩa phổ nhạc):

*Thế nào rồi em cũng bỏ tôi
Như những hoàng-hôn bỏ mặt trời*

*Tôi loài thiêu-thân yêu lửa ngọn
Vì em nên hăng hái lìa đời...*



ngoài ngõ



50.000 GIÁO DÂN VN DỰ ĐẠI HỘI THÁNH MẪU MISSOURI, HOA-KỲ

Hơn 50.000 giáo-dân Việt-nam, 80 linh-mục và 150 nam-nữ tu-sĩ đã từ 50 tiểu-bang Hoa-kỳ đã về dự Đại-hội Thánh Mẫu, tổ-chức tại Carthage, tiểu-bang Missouri từ 6.8 tới 9.8 vừa qua.

Trong dịp này, đức Hồng-y Bernard Low, giáo-phận Boston đã kêu-gọi nhà cầm quyền Hà-nội hãy phóng-thích Linh-mục Trần Đình Thủ, vị Bề Trên Cả sáng-lập dòng Đồng Công, 86 tuổi, đã bị bắt giam từ ngày 2.7.1987 cho tới nay hơn 5 năm. Đức Hồng-y nói:

"Chúng tôi kêu-gọi nhà cầm-quyền Hà-nội hãy trả tự-do cho Linh-mục Trần Đình Thủ. Chính-quyền VN không việc gì phải sợ người Công-giáo. Người công-giáo hành-động chỉ vì lòng yêu quê-hương xứ-sở của họ.

"Chúng tôi kêu-gọi nhà cầm quyền Hà-nội hãy trả tự-do cho những người anh em của chúng tôi, các tu-sĩ thuộc mọi tôn-giáo và để cho họ được tự-do hành đạo."

Được biết hiện nay tại hải-ngoại có khoảng 300.000 giáo-dân, khoảng 21% tổng-số người Việt tị-nạn. Số linh-mục có 500 vị, trong số này có 300 tại Hoa-kỳ, 100 tại Pháp.

Tòa-thánh La-mã bổ-nhiệm Đức Ông Philipp Trần Văn Hoài làm Giám-đốc Văn-phòng Trung-ương

Tông-đồ Mục-vụ Việt-nam hải-ngoại. (theo CBA)

QUA HỆ-THỐNG ĐÀI TIẾNG NÓI HOA-KỲ, ÔNG NGUYỄN VĂN KIM ỦNG HỘ PHẬT GIÁO VN

Hôm 2.8, ông Nguyễn Văn Kim, Tổng Thư-ký Mặt Trận Dân-Tộc Dân-Chủ VN (8 tổ-chức), đã trả lời phóng-viên chương-trình Việt-ngữ đài VoA (Tiếng nói Hoa-kỳ), lên tiếng ủng-hộ cuộc tranh-đấu của Phật-giáo Việt-nam tại quốc-nội.

Ông nhắc lại tuyên-cáo ủng-hộ của Mặt Trận đối với phong-trào đấu-tranh của Phật-giáo, như đã từng lên tiếng ủng-hộ văn-thư 14.4 của Hội-đồng Giám-mục VN gửi chính-quyền cộng-sản.

Về phản-ứng của CS trước phong-trào Phật-giáo, ông Kim nhận-định: "Với bản chất xảo-trá, CSVN cũng có thể tránh-né mũi dùi đấu-tranh của Phật-giáo bằng cách gây chia-rẽ tôn-giáo." Nhưng ông nói thêm: "Các tôn-giáo sẽ không để cho CS gây chia rẽ. Các tôn giáo đã ý-thức rằng đoàn-kết thì đạt được tự-do, chia-rẽ thì giúp cho CSVN có khả-năng tồn-tại."

Nhận-xét về kết-quả bầu-cử Quốc-hội của CSVN trong tháng 7 vừa qua, ông Tổng Thư-ký Mặt Trận DTDC nhận-xét: "Cuộc bầu-cử đó chỉ là một hành-động tuyên-truyền của CSVN mà thôi. Với bản-chất bản hiến-pháp 1992, là thể-chế-hóa vai-trò độc-tôn, độc-quyền của đảng CSVN, với luật bầu-cử qui-định Mặt Trận Tổ-Quốc — một tổ-chức con đẻ của CSVN — có quyền chọn-lựa và giới-thiệu ứng-cử-viên, cuộc bầu-cử cái gọi là Quốc-hội chẳng qua là công việc thành-lập một bộ-phận của CSVN gồm 395 người. Điều đáng nói là đảng CSVN bắt nhân-dân VN đóng dấu "dân bầu" lên cái bộ-phận của đảng CSVN này để gọi đó là Quốc-hội."

SAN JOSE VINH DANH TỪ "CẢI-TẠO"

Trên 1000 quan-khách đã tới dự

buổi lễ Tưởng-niệm và Vinh danh cựu tù-nhân chính-trị dưới chế-độ CSVN, do Khu-hội Cựu Tù-nhân Chính-trị CSVN tại Bắc California tổ-chức hôm 26.7 tại giảng-đường trường Overfelt.

Phía quan-khách ngoại-quốc có ông James Webb, cựu bộ-trưởng Hải-quân Hoa-kỳ. Nhà văn Đào Văn Bình, chủ-tịch Khu-hội là trưởng ban tổ-chức chào-mừng quan-khách. Nhạc-sĩ Huỳnh Công Ánh, chủ-tịch Tổng Hội tuyên-bố khai-mạc buổi lễ.

Buổi lễ kéo dài từ 1 giờ trưa tới gần 5 giờ chiều, diễn ra trong không-khí trang-nghiêm và cảm-động. (theo tin ĐVB)

HỘI CỰU QUÂN-NHÂN VNCH / OTTAWA ĐỔI TÊN, BẦU LẠI

Hội Cựu Quân-Nhân QL VNCH tại Ottawa đã bầu xong ban chấp-hành mới, thành phần như sau:

- Hội trưởng: Ô. Vũ Xuân An
- Phó HT đặc-trách miền Tây Québec (vùng Hull): Ô. Nguyễn Hoàng Nguyên
- Phó HT Nội-vụ: Ô. Lê Quốc Uy
- Tổng Thư-ký: Ô. Lương Thành Hưng
- Phó TTK kiêm Thủ-quỹ: Ô. Lê Quốc Tuấn.

Hội cũng quyết-định đổi hội danh thành "Hội Chiến-Sĩ Việt-Nam Tự-Do".

HỘI-NGHỊ BẢO-VỆ NGƯỜI TỊ-NẠN TẠI ĐỨC-QUỐC

Cộng-đồng VN tại Đức tổ-chức một khóa hội-thảo kéo dài hai ngày 15 và 16.8 tại Darmstadt, với hai chủ-đề sau:

- Lập-trưởng của Cộng-đồng VN tại Đức đối với bản Hiệp định hồi-hương ngày 9.6.92 vừa qua.

- Các bước đi và hành-động cụ thể để bày tỏ lập-trưởng và bảo-vệ các đồng-hương đang bị đe-dọa đưa về VN.

Tin Thêm Về Vụ Nhóm Trá Hình “Giao Lưu Văn Hóa” Bị Cộng Đồng Người Việt tại Montréal Lạnh Nhạt

NHẮC LẠI DIỄN TIẾN NỘI-VỤ

Nhân vụ ông Võ Đình bày tranh và kỷ-niệm 35 năm viết-lách, tổ-chức tại Montréal, nhóm giao-lưu văn-hóa với CSVN đã từ California, Virginia và Toronto tụ-tập đông-đảo tại Montréal. Nhận thấy sự tập-trung này kèm theo một âm-mưu mờ-ám, một số nhân-sĩ đã rút tên khỏi ban tổ-chức; và một vài người còn lại yêu-cầu nhóm giao-lưu đừng đến dự để tránh những phản-ứng có thể diễn ra sôi-nổi của cộng-đồng người Việt tại địa-phương.

Mặc dù trước nay vẫn lớn tiếng kêu-gọi “hòa-giải hòa-hợp”, “giao-lưu văn-hóa”, nhưng nhóm này chỉ hòa-hợp và giao-lưu với cộng-sản Hà-nội, còn thì né tránh và thù-hận người quốc-gia tốt-độ. Trước những dấu-hiệu báo trước phản-ứng chống đối của cộng-đồng Montréal, nhóm giao-lưu hùng-dũng tuyên-bố “tự ý không đến dự”. Nhưng, khi về tới Hoa-kỳ, nhóm này đã đưa ra tất cả 4 bản tin (ký tên Trương Vũ, Khánh Trường, Phan Tấn Hải), đăng trên một số báo thân-hữu của họ, lăng-mạ quí vị nhân-sĩ đã tỏ thái-độ lãnh-đạm với họ là “làm văn-đục cộng-đồng”, sỉ-nhục các tổ-chức, hội-đoàn đã tẩy-chay họ là “ung-nhọt”, xác-xược lên án cả cộng-đồng 40.000 người Việt ở Montréal là “thiếu văn hoá”, “ít quan tâm tới văn hoá”.

Tiếp theo sau đó, Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại do ông Trang Châu làm chủ-tịch cũng đưa ra thông-cáo ngày 6.7, bênh-vực quyền “tự-do sinh-hoạt, tự-do phát-biểu tư-tưởng” của nhóm giao-lưu văn-hóa với CS; bắt-chấp quyền tự-do tẩy-chay, tự-do phát-biểu tư-tưởng đối-kháng của công-chúng.

Vụ lăng-mạ của nhóm giao-lưu không gây được tiếng vang, nhưng bản thông-cáo bênh-vực của ông Trang Châu đã châm ngòi cho vấn-đề nổ lớn...

VĂN BÚT VN/ONTARIO YÊU-CẦU ÔNG TRANG CHÂU GIẢI-THÍCH

Ngày 17.7, ban chấp-hành Văn Bút VN/Ontario thông-quá bản nhận-định chung của Trung-tâm về thông-cáo 6.7 của ông Trang Châu, nhân-danh Văn Bút VNHN.

Văn Bút VN/Ontario nhận-định rằng “quan-điểm chính-trị của Hợp-Lưu và Trăm Con đi ngược lại lập-trường Quốc-gia dân-tộc căn-bản của Văn Bút VNHN ghi trong phần mở đầu của bản Điều-lệ” và “văn-hữu chủ-tịch Trang Châu lại đứng về phía hai tờ báo ấy để ‘cực-lực phản-đối’ tiếng nói của người tị-nạn, chúng tôi coi đó là sự vi-phạm nặng-nề đối với bản Điều-lệ mà ban chấp-hành, hơn ai hết, có nhiệm-vụ phải tôn-trọng.”

Trong phần kết-luận bản nhận-định, Văn Bút VN/Ontario “chờ

đợi” ông Trang Châu và ban chấp-hành Văn Bút VNHN “giải-thích thêm về bản thông-cáo ngày 6.7” để có thể nắm vững lập-trường của ban chấp-hành đương-nhiệm.

THÔNG-CÁO CỦA CỔ VẤN VĂN BÚT VNHN

Sau khi ông chủ-tịch Văn Bút VNHN ra thông-cáo “cực-lực phản-đối mọi thế-lực” đã xua-đuổi nhóm “giao-lưu văn-hóa với CSVN”, học-giả Lê Hữu Mục đã nhân-danh cổ-vấn ban chấp-hành Văn Bút VNHN ra thông-cáo yêu-cầu ông Trang Châu rút lại tờ thông-cáo ấy, lý-do là “tờ thông-cáo đã được viết bằng một văn-phong bất nhứt và trong tinh-thần chống lại bản Hiến-chương Văn Bút Quốc-Tế và bản Điều-Lệ Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại.”

ÔNG TRANG CHÂU LÊN TIẾNG LẦN THỨ HAI

Đúng một tháng sau ngày ký thông-cáo 6.7, và 10 ngày sau khi có thông-cáo của học-giả Lê Hữu Mục, tòa-soạn *Làng Văn* nhận được bài viết *Những điều trông thấy* dài 10 trang ký tên Trang Châu.

Qua bài viết này người ta có thể rút ra được mấy điều quan-trọng như sau:

- Ông Trang Châu không đồng ý với chủ-trương giao-lưu văn-hóa kiểu *Hợp-lưu*. Ông Trang Châu viết: “Từ khi tờ *Hợp-lưu* ra số đầu cho đến nay được 6 số, tôi vẫn không đồng ý chủ-trương giao-lưu văn-hóa kiểu này.” Lý do vì “Tôi có đọc trong *Hợp Lưu* một bài thơ của Trần Mạnh Hảo rằng đã có bao nhiêu chiến sĩ hy sinh để các ông lớn thụ hưởng. Trần Mạnh Hảo kể các ông lớn đó là tổng thống, thủ tướng, đại tướng. Giá Trần Mạnh Hảo thêm về đó hai chữ Chủ tịch thì hay biết mấy. Vì tổng thống chỉ có bên phía quốc gia, còn chủ tịch tối cao thì chỉ có bác Hồ bên Xã hội Chủ nghĩa mà thôi.”

- Ông cũng không đồng ý với tờ *Trăm con*, vì ông vẫn tôn-trọng lá

cờ vàng ba sọc đỏ. Ông Trang Châu viết: "Còn tờ Trăm Con của chị Trân Sa, ngay trong số đầu, có kẻ đã viết không chấp-nhận cờ vàng ba sọc đỏ, cũng không chấp-nhận cờ đỏ sao vàng. Khi viết câu đó, tác-giả chắc cũng có cái lý của ông ta: hoặc ông ta còn nhóc con quá, chưa biết cộng-sản, quốc-gia là gì, hoặc lúc đó ông ta đã được bố mẹ cho xuất-ngoại trốn lính rồi nên cảm thấy mình không liên-hệ gì với hai thể chế đối-ngịch đó. Hoặc cũng có thể đó là giấc mơ của một người mong mai sau đất nước mình hết cảnh đối nghịch. Riêng cá-nhân tôi, tôi đã bao nhiêu lần xếp lá cờ vàng ba sọc đỏ trao lại cho những bà quả-phụ trẻ hay thân-nhân của những y-tá Dù tử-trận, làm sao tôi có thể chối-bỏ nó được."

Các phần còn lại, tác-giả bài viết ghi-nhận chi-tiết diễn-tiến của nội-vụ. Những sự kiện này đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần qua các bài viết dài lê-thê của các ông "giao-lưu" Trương Vũ, Khánh Trường, Phan Tấn Hải, xin miễn đề-cập.

Điều đáng chú ý qua thư trần tình 10 trang của ông Trang Châu là, thay vì ra một tuyên cáo giải thích lập trường của ban chấp hành VBVNHN để trả lời các trung tâm và hội viên, ông chỉ dám mình định lập trường quốc gia dân tộc và quan điểm của ông đối với các nhóm "giao lưu" dưới tư cách cá nhân. Từ đó nảy ra một thắc mắc:

Phải chăng trong thời gian qua, nhà văn Trang Châu đã chịu một áp lực ghê gớm nào đó để phải ra một tuyên cáo đi ngược lại suy nghĩ, lập trường của mình?

PHẢN-ỨNG CỦA BÁO-CHÍ HẢI-NGOẠI

Ngoài các phản-ứng nội-bộ Văn Bút, báo-chí Việt-ngữ hải-ngoại cũng liên-tiếp đặt vấn-đề với ban chấp hành trung ương VBVNHN, trong đó có các bài nhận-định của các ký-giả Duy Sinh (Việt-Nam Tự-Do), Hoàng Dược Thảo (Sài-gòn Nhỏ), Đào Trường Phúc (Phố Nhỏ), Nguyễn Hữu Nghĩa (Làng Văn), của các báo Đại Dân Tộc, Quốc Gia, Dân Chủ... biếm thi của Hồ Công Tử, Trần Ngăn Tiêu (Dân-chủ mới), biếm văn của Ký Thiệt (Ngày Nay Wichita), cùng tin-tức tường-thuật của Việt-Nam Mới (Seattle), Thế-Giới (Texas), Điện Ảnh, Chiến-Sĩ Tự-Do (Toronto), Phụ Nữ Diễn Đàn (nam Cali), và khoảng 50 tờ báo khác ở khắp nơi trên thế-giới.

Một cách dí-dỏm nhẹ nhàng, bài biếm văn của ông Ký Thiệt trên nguyệt-san Ngày Nay số 102 (tháng 7.92) xuất-bản ở Wichita có đoạn viết rằng:

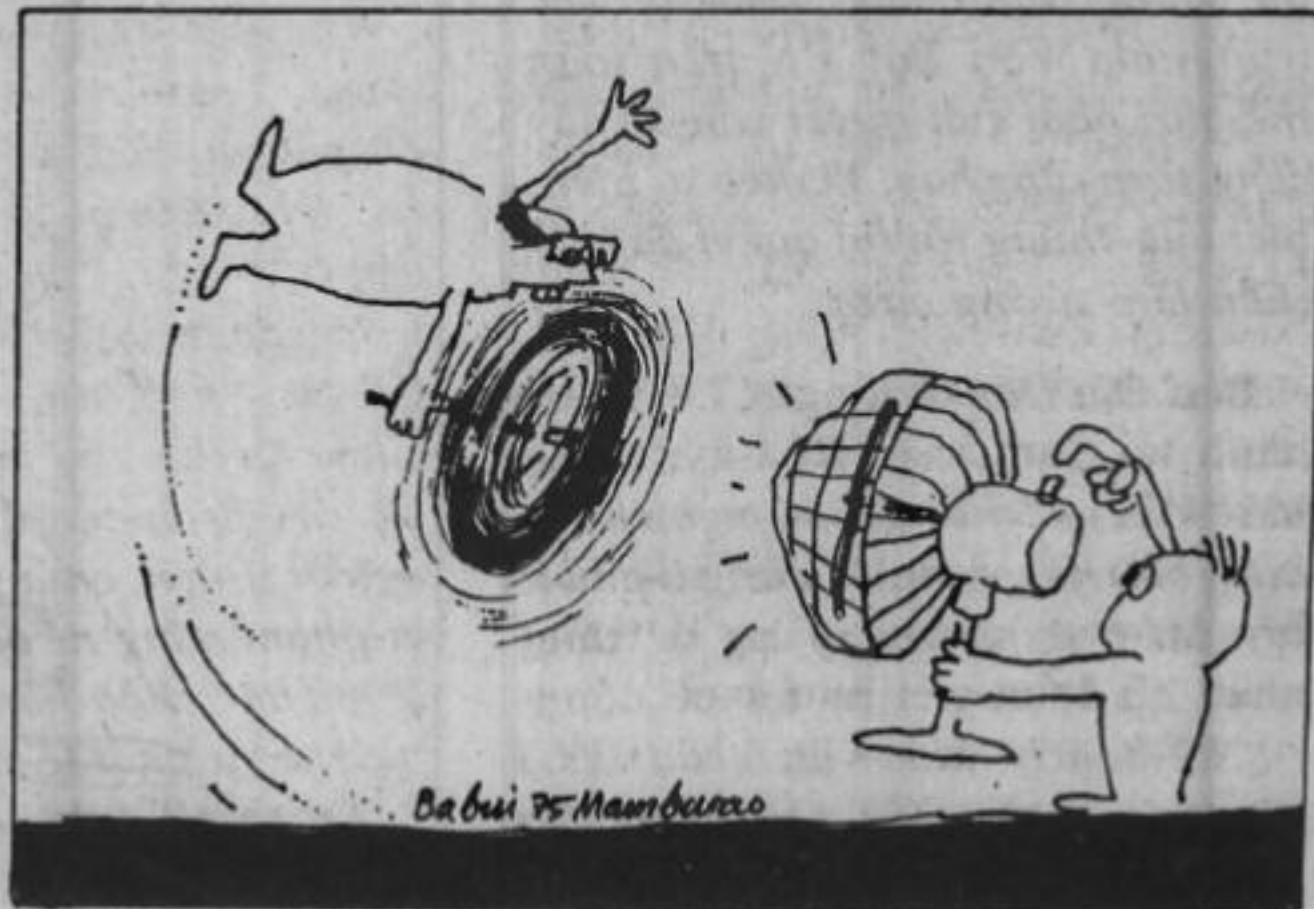
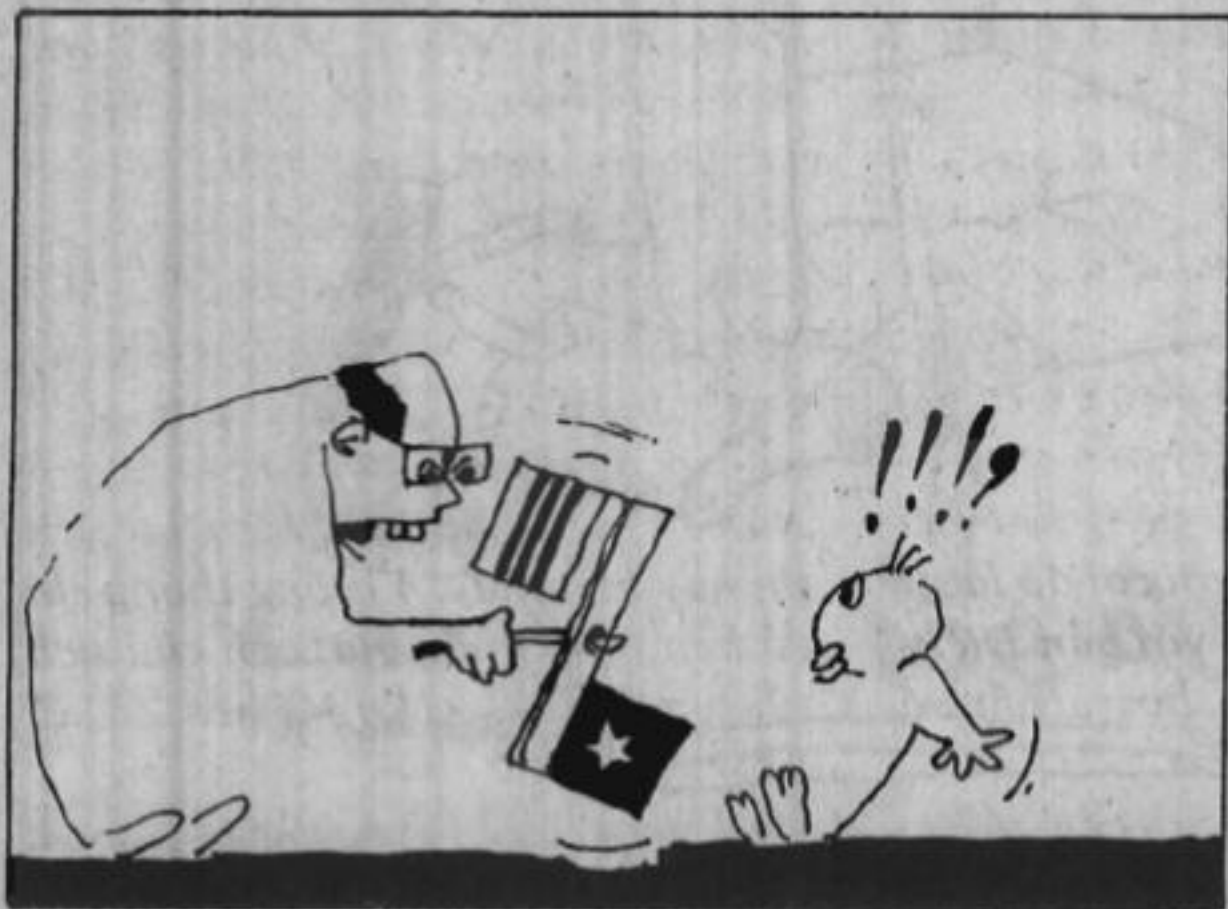
"Một phái-đoàn văn-nghệ-sĩ hùng-hậu từ miền Tây và miền Đông nước Mỹ khăn gói quả mướp kéo nhau sang Montréal, Canada

để dự cuộc triển-lãm Võ Đình, nhưng chỉ... đi dạo phố ngắm cảnh xứ Gia-nã-đại rồi trở về!

"Việc 'thay-đổi chương-trình' là quyền tự-do của các vị này và không có gì đáng nói. Nhưng, sau khi về Mỹ, một số 'nhà văn-hóa' đã chạy nhụt-trình la hoảng là đã bị 'hạn-chế tự-do đi lại' ở Montréal khiến không thể vào xem tranh, đồng-thời phản-đối 'một thiểu-số người ít quan-tâm tới văn-hóa' ở Canada gây ra vụ đàn-áp này.

"Theo lời tố-cáo của các 'nhà văn-hóa', thì một số nhà văn khi đến Montréal đã bị làm áp-lực 'không được đến dự phòng tranh trong ngày khai-mạc và các sinh-hoạt văn-nghệ'... nhóm Trăm Con mới bỏ ra cũng bị cấm cửa. Một số nhà văn, nhà thơ, nhà báo sau khi về đến nhà an-toàn đã lên tiếng phản-kháng rất kịch-liệt.

"Người bàng-quan lấy làm thắc-mắc không hiểu 'một số người ít quan-tâm tới văn-hóa' có quyền-lực gì mà có thể làm cho cả phái-đoàn văn-nghệ-sĩ hùng-hậu phải riu-riu tuân lệnh? Các 'nhà văn-hóa' học rộng hiểu nhiều sao lại để 'một thiểu-số người ít quan-tâm tới văn-hóa'... bắt nạt một cách dễ-dàng như vậy? Canada cũng như Hoa-kỳ là nước tự-do dân-chủ. Nếu bị ai ngang-tàng 'hạn-chế đi lại' như ở thành Hồ, sao không đi tố-cáo (với cảnh-sát)? Còn nếu chỉ bị... khuyên



bảo mà thấy không hợp-lý thì sao không đường đường chính chính hành xử quyền... đi xem tranh? Hay tại trong lương-tâm quý vị có điều gì không ổn nên sợ bóng sợ gió và tự ý rút lui? 'Một thiểu-số ít quan-tâm tới văn-hóa' không có quyền-thế gì, chỉ mới khuyên-bảo mà các 'nhà văn-hóa' đã rét và cài số de thì làm sao mà hợp-lưu và đấu-tranh trực diện với Việt Cộng — những kẻ chỉ nói chuyện với văn-nghệ-sĩ bằng roi da (theo lời nhà văn bất-đắc-dĩ Dương Thu Hương)?"...

Nghiêm-khắc hơn, bài nhận-định của báo Việt-Nam Tự-Do số 570 (23.7) phát-hành tại Nam Cali, cho rằng "các trung-tâm Văn Bút VNNH trên toàn thế-giới đã trao thân làm tướng cướp" khi bỏ phiếu bầu ban chấp-hành đương-nhiệm, để họ lạm-dụng danh-nghĩa Văn Bút để đi bênh-vực nhóm giao-lưu văn-hóa với CS. Bài báo có đoạn viết:

"Trong chúng ta ai cũng biết các đám Hợp-Lưu, Trăm Con... gồm những ai, lập-trường ra sao, đang mưu tính gì khi họ công-khai quảng-bá các tác-phẩm được gọi là văn-hóa của các văn-công Hà-nội, kêu-gọi hòa-hợp, giao-lưu, xóa bỏ quốc-kỳ quốc-ca, phủ-nhận mọi quá-khứ... chứng-tỏ những đám này đang làm cái nhiệm-vụ tuyên-truyền cho VC."

Bài báo kết-luận: "Với tư-cách là một cơ-quan truyền-thông, chúng tôi cũng trân-trọng yêu-cầu các trung-tâm Văn Bút VN trên toàn thế-giới phải giải-quyết vấn-đề này càng sớm càng hay. Vì theo sự hiểu-biết của chúng tôi thì quý vị đã trao thân làm tướng cướp."

Báo Đại Dân-Tộc ngày 7.8, phát-hành tại San Jose, Hoa-kỳ, trong bài "Vẫn giữ thái-độ thù-nghịch cố-hữu, ban kiều-vận VC đang siết bàn tay sắt bọc nhung" đăng ở trang nhất, có đoạn viết như sau:

"Kế-hoạch kiều-vận (của VC) còn ra chỉ-thị: cần phê-phán kịp thời các nhận-thức mơ-hồ, các

quan-điểm lệch-lạc, đấu-tranh chống các âm-mưu chống-phá đất nước của bọn lưu-vong phản-động nước ngoài.

"Cộng-sản Việt-nam vẫn ra sức đánh-phá, bằng mọi thủ-đoạn vươn tay ra để cầm nắm những hoạt-động văn-hóa nước ngoài.

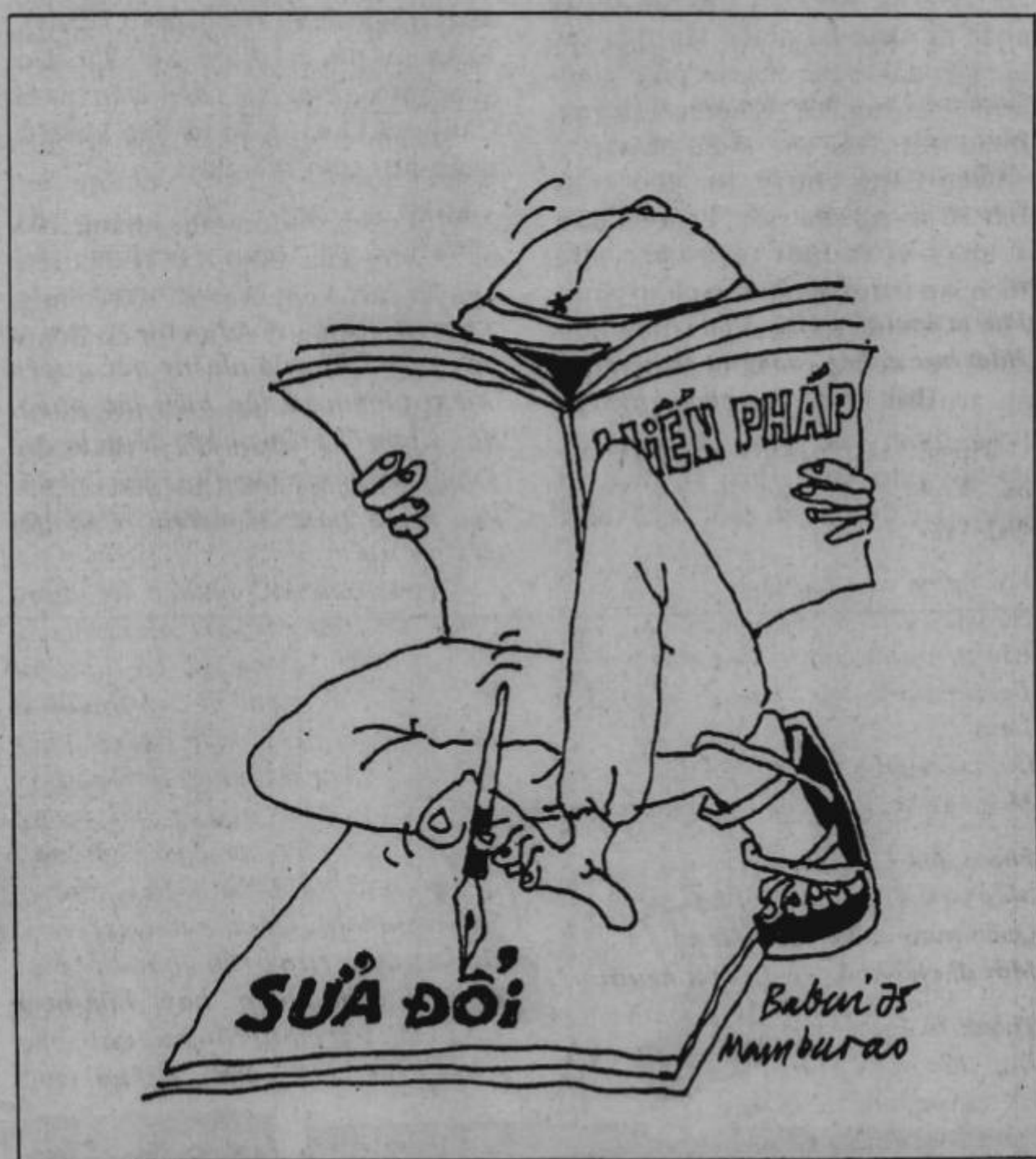
"Việc xảy ra gần đây nhất là việc tờ báo xuất-bản hai tháng một lần, in ấn ở Hoa-kỳ nhưng lại ra mắt ở Paris là tờ Hợp-Lưu, thấy có ghi những người cộng-tác là những người ở trong nước. Việc tờ Đất Mới chuyển sở-độc-giả mua báo dài hạn cho tờ Hợp-Lưu. Việc nhà xuất-bản Hồng-Linh ở Nam Cali chuyên in lại những sách của các nhà văn Việt Cộng. Việc xuất-bản và phát-hành tờ Trăm Con ở Canada với hình-thức, nội-dung y chang tờ Hợp-Lưu. Việc sôi-nổi

nhất là cộng-đồng người Việt ở Canada đã ngăn-cản một số nhà văn (trong đó có nhà văn Khánh Trường và nhà thơ Trần Sa là hai người chủ-trương hai tờ Hợp-Lưu và Trăm Con) tham-dự ngày kỷ-niệm 35 năm cầm bút của Võ Đình...

"Có người đặt vấn-đề phải chăng bàn tay lông-lá của tổ-chức kiều-vận CSVN đang thao-túng sinh-hoạt báo-chí, văn-nghệ ở hải-ngoại? Thiết nghĩ câu trả lời đã quá rõ-ràng."

Tờ Sài Gòn Nhỏ tại Nam Cali đặt vấn đề:

"Vì đường lối của tạp chí Hợp Lưu, thiết tưởng chúng tôi không phải nói dài dòng và để quyền phê phán lại cho cộng đồng Việt Nam tại Hoa kỳ, nhất là các hội đoàn quân nhân, các anh em cựu tù nhân



chính trị mới đến Hoa kỳ trước một tờ báo có khuynh hướng bắt tay với kẻ thù, không đếm xỉa gì đến nỗi khổ đau của cả một dân tộc."

PHẢN-ỨNG CỦA VĂN-NGHỆ-SĨ

Sau vụ cộng-đồng Montréal xua-đuổi nhóm giao-lưu trá-hình, Làng Văn nhận được rất nhiều thư-từ ủng-hộ sự lên tiếng sớm sủa của tòa-soạn, và bản nhận-định minh-bạch của Văn Bút Ontario. Ngoài ra các nhà thơ chưa Hồ Công Tử (MA), Trần Ngân Tiêu (FL) đều có các bài biếm thi bàn về vấn-đề này.

Thi-sĩ Hồ Công Tử (tức Hồ Công Tâm) đưa ra ba bài, chúng tôi xin tạm công-bố một phần:

Ông Văn Bút Việt Nam Hải-Ngoại
Đi một chiều cổ quái bằng môn
Bà con ngó thấy hết hồn
Cớ chi thông-cáo tuyên-ngôn lạ-lùng

(trích bài Đỡ đòn giao-lưu)

Chúng nó rủ nhau đến thật đông
Đưa châu cửa trước, đưa châu hông
Thập-thò tính chuyện vào ăn có
Ngơ ngáo bày mưu ghé lộn-sòng
Hòa-giải tuyên-truyền phurong cốt cán
Hợp-Lưu cổ động lũ văn công
Phe ta cấm cửa không thêm tiếp
Hậm hực cuống cuống lũ chạy rong.
(bài Năm vùng phản-kháng)

Thi-sĩ Trần Ngân Tiêu đưa ra hai bài. Về vụ Hợp-Lưu đập đầu ăn vạ, ông viết:

Vài chàng cầm bút bí đề
Rủ nhau nhất trí theo nghề cung văn
Lập trường chính-trị làng-nhàng
Tuyên-truyền cho Đảng ấy rằng Hợp Lưu

Giở trò giao-hợp một chiều
May ra Đảng có ít nhiều ban ân

Phe ta hội-hợp văn nhân
Mấy chàng mò tới xin phần nhi-nhỏ
Quần hùng điểm mặt văn nô
Mời đi chỗ khác kẻ dơ mắt người.

Thành ra ảm-ức với đời
Đập đầu ăn vạ la trời kêu đau
Về nhà vợ hỏi "nằm thao"
Rằng... bị khủng-bố nên tao u đầu

Vợ rằng mai mốt đi đâu
Em cho mượn váy trùm đầu chắc ăn
(bài Đi ăn vạ)

Bản về thông-cáo Trang Châu, có đoạn ông viết:

Quần hùng chắc hờ hênh rồi
Quên rằng Đảng đã trồng người từ lâu
Bao giờ chúng mới ló đầu
Cứ hỏi hội chủ Trang Châu PEN nhà.

Hợp-Lưu vu vạ phe ta
Hội chủ thông cáo bênh va cái rằm
PEN đâu phải nhóm cung văn
Sao rầy với bọn nhập-nhằng văn-nô!

(trích bài Hội chủ trở cờ)

PHẢN-ỨNG CỦA CỘNG-ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC-GIA TẠI MONTRÉAL

Trước các biến-động liên-quan tới uy-tín và danh-dự của cộng-đồng, báo Quốc-gia, tiếng nói chính-thức của cộng-đồng người Việt vùng Montréal đã trình bày quan-điểm như sau:

"Cộng-đồng đã có thái-độ dứt-khoát và rõ-rệt trước những âm-mưu thâm-độc của bạo-quyền. Trong nước chúng vận-dụng bản hiến-pháp mới không ngoài mục-đích sử-dụng quốc-hội được bầu ra ngày 19.7.92 qua những đặc quyền kiêm nhiệm từ lập hiến lập pháp, tới sửa-đổi hiến-pháp, đề-nghị các tổ-chức công-quyền, chỉ nhằm mục-đích củng-cố nhà nước xã-hội chủ-nghĩa.

"Ngoài nước, chúng lợi-dụng lòng yêu-thương đất nước của người Việt hải-ngoại, cố-tình gài một số chính-khách, văn-ngệ-sĩ hay trí-thức đóng kịch chống đảng nhưng không bỏ đảng, để lên nhập vào hàng ngũ người hải-ngoại, mong tìm cách chia-rẽ và phá-hoại.

"Cộng-đồng đã nhìn thấy những mưu-toan đó, và đã xác-quyết một lập-trường cứng-rắn, bác-bỏ mọi đề-nghị thỏa-hiệp hay hòa-hợp hòa-giải, bất cứ từ tổ-chức nào, phe nhóm nào hay chính Hà-nội đưa ra...

"Trên chiều hướng đó, Cộng-

đồng hỗ-trợ tất cả mọi đoàn-thể, mọi nghệ-sĩ, sống trong một nước dân-chủ, Cộng-đồng tôn-trọng mọi hoạt-động dân-chủ khác và có trọn quyền không tham-gia, không ủng-hộ, không hỗ-trợ những sinh-hoạt không thích-hợp với mục-tiêu của cộng-đồng.

"Cộng-đồng đã bày-tỏ thái-độ thật rõ-rệt trước sự hiện-diện của một vài cá-nhân, trong quá-khứ đã có những hành-vi đi ngược lại với Quốc-gia dân-tộc. Những cá-nhân này có thể là nhân-vật của chế-độ cũ, đã tham-những và bất xứng, đã không giữ nổi đất nước và cũng phạm tội-ác không khác những kẻ đang dùng chính-sách độc-tài để đàn-áp nhân-dân hiện nay. Nhưng kẻ thù chính của người quốc-gia là cán-bộ cộng-sản đã có một thời trực-tiếp hay gián-tiếp, hoặc dùng bạo-lực hoặc dùng văn-ngệ để đả-phá quốc-gia dân-tộc và từ đó đẩy người dân ra đi tìm tự-do.

"Trước sự hiện-diện của những thành-phần đó, Cộng-đồng có quyền và có bổn-phận tẩy-chay, xa-lánh."

Bản về chính sách thông-tin, trao-đổi văn-hóa một chiều, bài quan-điểm nêu rõ:

"Cộng-đồng nghĩ rằng, hành-động đúng sẽ chứng-minh được ý-thức cao-đẹp, và nhất quyết tránh xa ảnh-hưởng của chiến-dịch thông-tin, văn-hóa một chiều.

"Có gì vô-lý hơn khi được mời vào ban Tổ-chức vài hoạt-động của khách viễn-phương, mà không được biết mục-tiêu thực-sự của hành-động đó là gì!

"Và chỉ mới tránh xa thôi, đã mang tiếng gây áp-lực, nếu tham-dự, không biết người ta sẽ lợi-dụng uy-thế của tập-thể tới đâu."

Về việc nhóm giao-lưu văn-hóa lãng-mạ đích-danh các nhân-sĩ cộng-đồng vì các vị này đã thẳng-thắn rút tên ra khỏi ban tổ-chức để phản-đối sự tập-trung mờ-ám của nhóm này, báo Quốc-gia viết:

"Định giá khả-năng của các vị này là việc làm của Đại-hội các hội-

viên trong Cộng-đồng. Ta không cần nhận bài học của những người ngoại-cuộc, không đạt được mục-tiêu tại Montréal, để rồi trở về địa-phương của họ, sử-dụng những đòn thiếu quân-tử, bề cong ngòi bút đả-kích và nêu hết tên tuổi của những người họ không ưa-thích, mạ-lý trên những phương-tiện truyền-thông của họ. Và còn tỏ ra kiêu-căng khi cho rằng Cộng-đồng Montréal đã mất đi một dịp thưởng-thức văn-nghệ điêu-luyện, khi một số nhân-sĩ không tham-gia ban Tổ-chức (sic).

Không đề-cập thẳng tới thông-cáo 6.7 của ông chủ tịch Văn Bút VNHN bênh-vực nhóm giao-lưu văn-hóa, bài quan-điểm đưa ra nhận-xét chung:

"Và đáng trách hơn nữa, có người nhân-danh cầm bút, đã đưa ra những thông-cáo ngớ-ngẩn để bênh-vực những người mệnh-danh làm nghệ-thuật nhưng bỏ quên yếu-tố nhân-sinh."

Để trả lời nhóm giao-lưu văn-hóa về những lời lăng-mạ hàm-hồ như "làm văn đục cộng-đồng", "thiếu văn-hóa", "không quan-tâm tới văn-hóa"... bài quan-điểm viết trong phần kết-luận như sau:

"Cộng-đồng Montréal cho tới nay, trong sạch; tuy người lãnh-đạo chưa hẳn nhận là những mẫu người lý-tưởng, nhưng Cộng-đồng Montréal không chấp-thuận để những người từ xa tới, gieo-rắc những hành-động hay tư-tưởng nhằm xáo-trộn nếp sống hiền-hòa của Cộng-đồng từ 17 năm qua.

"Lập-trường của Cộng-đồng Montréal luôn luôn trong sáng, xin



hãy tôn-trọng những nét độc-đáo này, và xin đừng mang ô-nhiễm tới thành-phố đáng yêu này."

Khi đăng lại bài quan-điểm của báo Quốc-gia, cơ-quan ngôn-luận chính-thức của Cộng-Đồng Người Việt Quốc-Gia Montréal, nhà văn Đào Trường Phúc nhận-xét trên tuần báo *Phổ nhỏ* (D.C., Hoa-kỳ) rằng bài quan-điểm trên đây đã quá rõ-ràng và đầy-đủ để làm sáng-tỏ tất cả những khía-cạnh liên-quan tới vụ nhóm giao-lưu bị cộng-đồng Montréal lạnh-nhạt tẩy-chay vừa qua. Nhắc lại vụ đối-phó với sự xuất-hiện của cán-bộ văn-hóa VC Trịnh Công Sơn, cũng tại Montréal trước đó, báo *Phổ nhỏ* viết:

"Hai sự kiện liên-tiếp xảy ra trong vòng hai tháng trời, tuy có làm sôi-nổi bầu không-khí sinh-hoạt hiền-hòa của thành-phố Montréal, nhưng đồng-thời cũng nói lên một ý-nghĩa đáng làm hãnh-diện chung cho tất cả những cộng-đồng Việt-nam tại hải-ngoại: thái-độ dứt-khoát và tinh-thần đoàn-kết rõ-rệt của người Việt tị-nạn cộng-sản khi cần phải đối-phó với kẻ thù chung của dân-tộc, và những kẻ vô-tình hoặc cố ý tiếp tay cho kẻ thù để kéo dài chế-độ độc-tài đảng trị trên quê-hương."

Một cách thực-tế, trong tiến-trình của cuộc đấu-tranh hiện-tại, với sức mạnh của chính-nghĩa tự-do nhân-bản, chúng ta chẳng những không né-tránh, mà còn tìm cách để giao-lưu văn-hóa thực-sự và đúng nghĩa với đồng-bào quốc-nội.

Hơn lúc nào hết, tiếng nói yêu-thương, ý-chí cương quyết và tấm lòng son sắt của đồng-bào hải-ngoại cần phải truyền-đạt về nước, làm vững lòng những người ở lại, chờ mong và hy vọng. Hoàn-cảnh thực-tại và kinh-nghiệm xóa bỏ chế-độ cộng-sản tại Đông Âu, Liên-sô cần được phổ-biến sâu rộng tới quần-chúng trong nước, giúp toàn dân phấn-chấn đứng lên. Đó là chiều vào, trước nay chỉ có cộng-đồng làm, bằng chiến-dịch chuyển

lửa, bằng sách báo xé ra gửi chui. Tiếc thay những việc này chỉ có "bọn chống cộng cực-đoan" thực-hiện, nhóm trá-hình giao-lưu không bao giờ làm. Trên các trang báo của họ không hề bao giờ có một dòng tin về việc tháo ách cộng-sản ở bất cứ nơi nào, mà ngược lại chỉ toàn những bài bôi-nhọ tư-tưởng và hành-động chống Cộng của cộng-đồng tị-nạn: sáo-mòn, cũ-kỹ, quá khích, hết linh...

Về chiều ra, nỗ-lực vùng dậy của đồng-bào trong nước — như vụ nhà thờ Vinh-sơn, dòng Đồng Công trước kia, vụ BS Nguyễn Đan Quế gần đây, vụ LS Đoàn Viết Hoạt hiện-tại — trong khi báo-chí tị-nạn loan tin, vận-động hỗ-trợ thì nhóm trá-hình giao-lưu im như thóc. Từ các ông cai-thầu giao-lưu như Nhật Tiến, Đỗ Hữu Tài cho tới các nhóm theo đuôi, đi tới đâu cũng nhân-danh Phật-giáo, mong che mắt các nhà tu-hành để lường-gạt thiên-sinh cùng Phật-tử; nhưng khi Hòa-thượng Huyền Quang và Giáo-hội Phật-giáo nổi dậy trong nước, tất cả các tôn-giáo, đoàn-thể, báo-chí hải-ngoại đều hỗ-trợ, nhóm giao-lưu trá hình cũng vẫn điềm nhiên tọa thị.

Cộng-sản rất sợ và không bao giờ dám giao-lưu văn-hóa thực-sự với người Việt hải-ngoại. Họ chỉ bày kế giao-lưu... nội-bộ, nổi dậy loa tuyên-truyền từ trong ra ngoài mà thôi...

Nhìn lại, sự lạnh-nhạt xua đuổi của cộng-đồng Montréal và phản-ứng mạnh-mẽ của báo-chí hải-ngoại đối với nhóm *Hợp-Lưu*, là một bài học thức-tỉnh cho những người vô-tổ-quốc, những kẻ bạc-bẽo vong ân thời nào cũng có. Đó cũng là tiếng chuông cảnh tỉnh cho bất cứ ai còn chân trong chân ngoài, ai cũng chơi, gi cũng gạt, đặt tư tình lên trên phúc-lợi của đất nước. Cộng đồng Việt Nam tại Montréal đã chứng-tỏ một thái-độ minh-bạch cần-thiết phải có, cảnh-giác những người tự khoác áo cấp-tiến để mong lường-gạt chính-trị đồng-bào tị-nạn.

Tất Cả Chỉ Là Để Tiêu-Diệt Đến Người Quốc-Gia Cuối-Cùng

Sơn Tùng

Vụ một số văn nghệ sĩ ở Hoa kỳ và Toronto phản kháng việc “hạn chế đi lại” khi tới Montréal dự các buổi sinh hoạt văn nghệ đánh dấu 35 năm cầm bút cầm cọ của ông Võ Đình, mới thoát nghe tưởng như chuyện trẻ con và khó tin, nay đang sáng tỏ dần.

Điều sáng tỏ thứ nhất là không có ai bị “hạn chế đi lại” ở Montréal, và nhà chức trách tại đây cũng không nhận được một khiếu nại hay tố giác nào liên quan đến hành động vi phạm quyền tự do đi lại của du khách, hay khủng bố văn nghệ sĩ. Sự thật là chỉ có một số ít người không được ban tổ chức ba buổi sinh hoạt văn nghệ hoan nghênh và đã tự ý không đến tham dự.

Điều sáng tỏ thứ hai là một số ít người này, tức nhóm chủ trương tờ *Hợp Lưu* ở California và tờ *Trăm Con* ở Toronto, đã cố tình biến không thành có, làm rùm beng với chủ đích đánh lừa dư luận rằng những tổ chức chống cộng ở Canada đã thô bạo xâm phạm quyền tự do sinh hoạt và tự do đi lại của các văn nghệ sĩ, nhằm tạo ác cảm trong quần chúng đối với các tổ chức nói trên.

Điều sáng tỏ thứ ba là sự cùng một mẹ sinh ra của ba tờ báo *Đất Mới* ở Montréal, *Hợp Lưu* ở California, và *Trăm Con* ở Toronto. Kéo nhau tới Montréal tham dự các buổi sinh hoạt văn nghệ với Võ Đình chỉ là một dịp để

“hợp đại hội” với nhau nhằm hợp nhất hành động trong thế trận mới. Không đầy một tháng sau vụ hoán bị “hạn chế đi lại”, tờ tạp chí cộng sản *Đất Mới* tuyên bố đình bản và công khai bàn giao nhiệm vụ lại cho tờ *Hợp Lưu*.

Một điều sáng tỏ nữa là trong số người từ Hoa kỳ đến Montréal vào cuối tháng sáu vừa qua, phần lớn đã vô tình bị lôi kéo vào một vụ “không có gì mà làm ầm ĩ”, không biết mình đã bị dùng làm bung xung trong một màn múa rối do một vài đạo diễn chuyên nghiệp chủ mưu. Các văn nghệ sĩ này chỉ vì cảm tình với ông Võ Đình mà tới Montréal, rồi cũng chỉ vì cảm tình với một vài người trong đoàn mà theo nhau bỏ về, không tới xem tranh và sinh hoạt văn nghệ, trong khi thực ra họ không hề bị ai cấm đoán ngăn cản.

Đạo diễn của màn vu oan giá họa này không xa lạ với sân khấu chính trị Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ nay, mà khán giả là dân tộc Việt Nam bị cưỡng bức mua vé bằng giá máu và nước mắt. Nó khởi đầu từ việc Hồ Chí Minh giả vờ làm môn đệ của nhà ái quốc Phan Bội Châu rồi báo cho mật thám thực dân Pháp bắt và dùng tiền thưởng nuôi dưỡng đảng Cộng sản. Vào năm 1945, khi phe Quốc gia tin lời Cộng sản để lập “chính phủ liên hiệp”, chính các đạo diễn ấy đã phao tin trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội chứa xác chết để cho công an xông vào bắt

bớ và tiêu diệt phe Quốc gia. Đó chỉ là các màn khởi đầu của những trò ma thuật được Cộng sản tung ra trong suốt quá trình tranh cướp quyền lực tại Việt Nam.

Từ 1955 tới 1975, để khoác áo “chính nghĩa” cho cuộc chiến tranh xâm chiếm miền Nam, Cộng sản Bắc Việt đã vu cáo chính quyền Quốc gia ở miền Nam là tàn bạo, hiếu chiến, “kéo lê máy chém khắp miền Nam”, tàn sát gia đình cách mạng, trả thù kháng chiến, bức hại tôn giáo, kềm kẹp báo chí văn nghệ sĩ, đàn áp sinh viên học sinh, hành hạ tù nhân, đi điểm hoá phụ nữ, kể cả ăn gan uống mật dân quê... Không có tội lỗi xấu xa ghê tởm nào mà Cộng sản không gán cho người Quốc gia để lấy cớ “giải phóng miền Nam”, trong khi mưu đồ làm bá chủ Đông Dương đã được vẽ ra từ ngày lập Đảng và đã được tính toán từ trước khi đặt bút ký hiệp định Genève năm 1954. Trong lúc đó thì mìn, hỏa tiễn, lựu đạn, súng lớn súng nhỏ... của cả khối Cộng sản đã được đổ vào miền Nam cùng với hàng chục sư đoàn để gieo rắc khủng bố. Thành phố, trường học bị pháo kích, rạp hát quán ăn bị ném lựu đạn, xe đò bị giạt mìn, viên chức xã ấp bị ám sát... Ngay tại Sài Gòn, trí thức và người cầm bút gây trở ngại cho sự xâm nhập của Cộng sản nằm vùng cũng bị hạ sát (giáo sư Trần Anh, nhà báo Từ Chung, sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật, v.v..)

Những trò vừa ăn cướp vừa la làng của Cộng sản không đánh lừa được đa số người dân Việt Nam, nhưng đã bị một phần dư luận thế giới do sự tiếp tay của một số trí thức, chính trị gia, văn nghệ sĩ ở miền Nam. Những người này vì ảo tưởng và ấu trĩ về chính trị nhưng lại kiêu căng và đói khát danh vọng, đã bị một số cán bộ Cộng sản nằm vùng giật dây, xúi giục, cổ vũ, hăng say chống lại chế độ Việt Nam Cộng hoà, trở thành những nhạc công trong một bản hợp tấu mà nhạc trưởng là Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản ở Hà

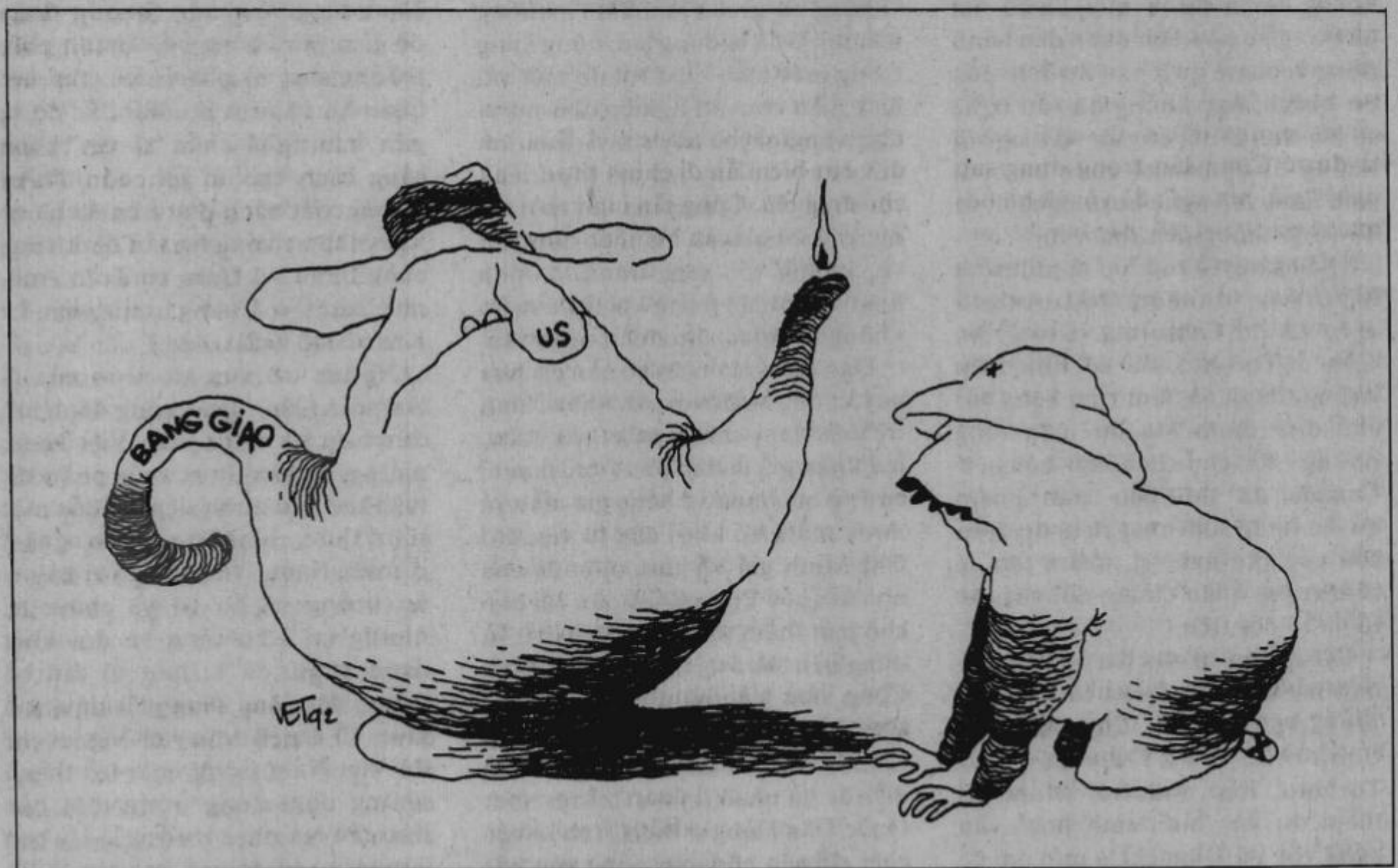
Nội. Với sự yểm trợ của Cộng sản quốc tế và những tổ chức thiên tả Tây phương, Cộng sản Bắc Việt đã thành công trong việc dán nhãn hiệu "ông ác" cho chế độ Quốc gia ở miền Nam, còn họ thì trở thành "ông thiện" trước mắt thế giới. Tất cả chỉ nhằm mục đích đánh tan, một lần mà mãi mãi, lực lượng chống Cộng tại Việt Nam và tiêu diệt đến người Quốc gia cuối cùng.

Chủ trương tiêu diệt đến người Quốc gia cuối cùng được Cộng sản tiếp tục triệt để thi hành sau khi chiếm được miền Nam. Cựu quân nhân, công chức, văn nghệ sĩ, đảng phái Quốc gia, và cả các nhà tu hành... bị lừa hết vào các trại cải tạo. Tại Việt Nam không còn một tổ chức chính trị nào khác, ngoài đảng Cộng sản. Nhưng Cộng sản cũng không yên tâm. Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hoà Hảo... bị coi là những nơi có thể gây trở ngại mầm mống quốc gia dân tộc, đều bị nằm trong kế hoạch phá hoại và triệt hạ

thâm độc. Cả những thành phần "kháng chiến cũ" mà trước 1975 Cộng sản rêu rao là bị chính quyền Quốc gia trả thù, nay được Đảng "chiếu cố" hỏi tội nếu... chẳng may họ được thăng tiến trong xã hội miền Nam cũ. Ngay đến những thành viên của cái gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam cũ do chính Cộng sản Bắc Việt dựng lên trước kia cũng bị loại trừ nếu họ không phục tùng Đảng, đến nỗi ông cựu "Bộ trưởng Tư pháp" Trương Như Tảng phải liều mạng đi vượt biên, còn bà "Bộ trưởng Y tế" Dương Quỳnh Hoa thì đang bị giam lỏng tại nhà thương Đồn Đất Sài Gòn (nay gọi là bệnh viện Nhi Đồng 2).

Còn những nhạc công khờ khạo trong bản tấu khúc đỏ ngày trước? Họ không hề được trả công. Kẻ nào ngoan ngoãn phục tùng Đảng thì được cho tiếp tục phục vụ Đảng với thân phận trâu ngựa. Nếu không ngoan ngoãn và không đáng dùng thì Đảng thẳng tay loại trừ. Một

trong những kẻ trước kia khuấy động ở miền Nam nhiều nhất, sau này lại ngoan ngoãn dễ bảo nhất và được Đảng dùng dai nhất là bà Ngô Bá Thành. Sau ngày 30.4.75, bà Ngô Bá Thành đã trở trên đóng vai một đạo giả hết duyên trong vở tuồng "hòa hợp" đến nỗi bà Dương Quỳnh Hoa phải ngượng giùm. Trong một cuộc phỏng vấn do hãng tin Pháp AFP thực hiện vài năm sau ngày "giải phóng", từ "nhà tù lỏng" bệnh viện Đồn Đất, bà Hoa bất bình hỏi xéo "những trí thức tranh đấu trước kia sao ngày nay đều im lặng trước những đau khổ của nhân dân?" Ngô Bá Thành không chỉ im lặng mà còn được dùng để "làm mặt" cho cái chế độ đã tạo ra hàng triệu thuyền nhân tị nạn. Đối lại, bà ta được cho vào ngồi trong cái gọi là Quốc Hội gồm toàn tội tở của Đảng. Trong kỳ bầu cử đại biểu "Quốc hội khoá 9" vừa qua, Ngô Bá Thành bất ngờ bị thất cử. Đảng đã hất Ngô Bá Thành ra khỏi chuồng ngựa vào lúc cái



chuồng ngựa ấy được Đỗ Mười khoe là “dân chủ” nhất từ xưa tới nay. Đảng đang diễn tuồng “đổi mới” và “dân chủ” nên cần phải đề phòng những con ngựa chứng không đáng tin cậy. Ngô Bá Thành bị cú đá tối mắt, đau đớn nhục nhã, đang giả vờ phản đối và tố cáo “bầu cử gian lận” để gỡ thế diện. Thật ra, bà ta thừa biết cuộc “bầu cử” nào do Đảng tổ chức mà chẳng gian lận, và danh sách những người đắc cử đã có sẵn trước khi nhân dân tới phòng phiếu.

Ngoài Ngô Bá Thành, còn một danh sách dài những người ít được biết tới hơn nhưng cũng đã góp công lớn trong kế hoạch tiêu diệt người quốc gia ở miền Nam. Những người này hiện đang ở đâu và làm gì? Họ đã biến mất khỏi sân khấu như những đào kép phụ khi tuồng hát đối màn. Một số khá đông hiện đang có mặt ở hải ngoại. Vượt biên hay ra đi trong trật tự, họ cũng đã quyết định từ chối đời sống dưới cái chế độ mà họ đã góp công tạo nên. Phần lớn những người này đang sống ở các nước ngoài một cách thầm lặng để suy gẫm và tự hổ thẹn với việc làm của họ trong quá khứ. Trong số đó có cả những người còn đại đột tướng là được Cộng sản trọng dụng sau ngày “giải phóng”, đã vội vã hồ hởi hòa theo chúng, tố giác bạn bè, ám hại đồng nghiệp... Nay họ đang ở đây, trong sự khoan dung, xóa bỏ quá khứ của cộng đồng người Việt tị nạn. Dân tộc Việt Nam không có truyền thống nuôi dưỡng hận thù, dù là đối với những kẻ đã gây khổ đau cho mình. Nhiều người tị nạn đã gặp lại những kẻ từng tố cáo mình, cướp nhà cửa tài sản của mình, làm nhục vợ con mình..., nhưng họ đều bỏ qua, không hề nghĩ đến việc trả thù hay vạch mặt chỉ tên, phanh phui chuyện cũ. Vậy, tại sao bỗng dưng mấy năm gần đây những người tị nạn ở hải ngoại lại bị vu cáo là “chống Cộng cực đoan, hẹp hòi”, “nuôi lòng hận thù không phải”, và “đòi tiêu diệt đến người Cộng sản cuối cùng”?

Tướng không khó khăn lắm để tìm nguồn gốc và xuất xứ của chiến dịch vu cáo này, nếu chúng ta chịu rút ra từ lịch sử những bài học. Cộng sản Việt Nam không bao giờ từ bỏ chủ trương tiêu diệt đến người Quốc gia cuối cùng. Với “đại thắng mùa xuân 1975”, CSVN tướng là toàn thắng nên một mặt thi hành ngay kế hoạch “truy quét tàn dư Mỹ Ngụy”, mặt khác không mấy quan tâm tới những người vượt biên mà họ miệt thị vu khống là thành phần căn bản xã hội cũ. Cộng sản chỉ đặt khối người tị nạn thành vấn đề khi số người ra đi đạt tới con số hàng triệu, tạo thành một lực lượng chính trị và kinh tế quan trọng ở hải ngoại, lấn át hẳn những tổ chức do Cộng sản gây dựng mấy chục năm nay. Những tổ chức tay sai đi đến chỗ tê liệt, phân hoá, tan rã. Và CSVN đã thêm một phần bổ túc vào cái chiến lược tiêu diệt đến người Quốc gia cuối cùng được hoạch định từ khi lập Đảng: mở chiến dịch tiêu diệt lực lượng Quốc gia ở nước ngoài. Và những bài bản cũ khi tiến đánh miền Nam lại được đem ra thi hành.

Một mặt CSVN thay đổi chính sách, không triệt để ngăn cản những người bỏ nước ra đi nữa. Cả đi vượt biên lẫn đi chính thức. Thả cho đi nhiều, Cộng sản nhắm hai cái lợi: vừa dễ cài cán bộ nằm vùng tạo thế “xôi đậu” trong các cộng đồng người Việt như thời chiến tranh, vừa được tiếng cởi mở đổi mới để thoát ra khỏi thế cô lập về chính trị và kinh tế. Mặt khác, trò chơi “ông thiện, ông ác” lại được tái diễn. Nhóm chữ “chống Cộng cực đoan” bắt đầu xuất hiện ở hải ngoại để gây chia rẽ trong khối người tị nạn, đồng thời một số người mang danh “tị nạn” cũng bắt đầu ra mặt tự nhận là “chống Cộng ôn hoà” để kêu gọi xóa bỏ ranh giới Quốc-Cộng, hoà giải dân tộc, cùng nhau góp phần xây dựng đất nước và cải tạo chế độ Cộng sản. Nhóm chữ “chống Cộng cực đoan” được gán cho những người không chịu khuất phục đầu hàng Cộng sản cùng với

tội nuôi dưỡng hận thù, hiếu chiến, và “đòi tiêu diệt đến người Cộng sản cuối cùng”. Và cũng như tại miền Nam trước năm 1975, lại có một số người ấu trĩ và đói danh vọng, sẵn sàng nhận các chân nhạc công trong “bản hợp tấu đỏ” do Ủy ban Trung ương Đảng ở Hà Nội điều khiển.

Khối người Việt tị nạn ở hải ngoại không còn chính quyền như tại miền Nam trước kia, Cộng sản nhắm vào các tổ chức, hội đoàn chống Cộng để vu khống và bôi lọ. Những người chủ trương đầu hàng Cộng sản cũng giả vờ cáo đầu ăn vạ như thành phần múa rối ở miền Nam trước kia, vu cáo là bị các tổ chức “chống Cộng cực đoan” khủng bố ức hiếp, làm như đây là những tổ chức tội ác Mafia. Họ đội lốt giao lưu văn hoá để làm đầu cầu cho sách báo Cộng sản xâm nhập cộng đồng, và đổi lại họ hy vọng được Cộng sản cho lưu hành ở trong nước một vài tác phẩm vô thưởng vô phạt hoặc có lợi cho chế độ. Người đi đầu trong chủ trương đầu hàng Cộng sản là ông Nhật Tiến, một nhà văn với những tác phẩm không có gì xuất sắc, đã được Cộng sản thưởng công để “động viên” những nhà văn “tị nạn” khác bằng cách cho in lại cuốn *Thềm Hoang* viết cách đây trên 30 năm. Người ta hy vọng Nhật Tiến không phải là một Vũ Hạnh trước kia, mà chỉ là một nhà văn tác tị đang mơ ước có chỗ ngồi trong... văn học sử Cộng sản! Không có ai trong số những người “giao lưu văn hoá” hiện nay ở hải ngoại tự nhận mình là Cộng sản, cũng như trước 1975, Vũ Hạnh, Sơn Nam... không bao giờ để lộ tung tích là cán bộ Cộng sản nằm vùng. Nhiều người đã tin họ và ra sức bênh vực họ, phản đối chính quyền khi họ bị cơ quan an ninh bắt giữ.

Mới đây, ông Trang Châu, nhân danh Chủ tịch Văn bút Việt Nam Hải ngoại, cũng đã ra bản thông cáo đầu tiên sau gần một năm nhậm chức, để “cực lực phản đối mọi thế lực cưỡng bức sự tự do sinh hoạt,

tự do phát biểu tư tưởng" của nhóm "giao lưu văn hoá" trong vụ họ hô hoán là bị "hạn chế đi lại" ở Montreal. Bản thông cáo của ông Trang Châu đã nhận được nhiều sự chỉ trích vì nó vừa sai nguyên tắc vừa mất lập trường. Bản thông cáo nói rằng ban tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ Võ Đình đã "bị áp lực từ nhiều phía" để ngăn cản sự tham dự của nhóm "giao lưu văn hoá", vậy tại sao ban tổ chức không phản đối mà ông Trang Châu lại nhậm lệ nhận phần việc ấy? Hơn nữa, "áp lực từ nhiều phía" mà ông Trang Châu phản đối vu vơ lại nhắm vào các tổ chức cộng đồng người Việt Quốc gia ở Canada mà Văn bút Việt Nam Hải ngoại được thành lập cũng đặt trên nền tảng "quốc gia dân tộc", đáng lẽ phải cùng lập trường và cùng đứng chung một giới tuyến. Không lẽ chủ tịch VBVNHN lại không đủ trình độ và ý thức để ra một cái thông cáo tai hại và ngớ ngẩn như trên? Vụ này nhắc người ta nhớ lại việc linh mục Thanh Lăng trước kia đã đem uy tín và tình thương của mình bao che cho Vũ Hạnh, Miên Đức Thắng.

Lịch sử sẽ lặp lại nếu chúng ta không chịu học lịch sử. Trong giới cầm bút ở hải ngoại hiện nay cũng đang có những Vũ Hạnh, Miên Đức Thắng, và nhiệm vụ của họ cũng không khác gì của Vũ Hạnh, Miên Đức Thắng, Sơn Nam... trước 1975. Những người chủ trương "giao lưu văn hoá" hiện nay tuy luôn kêu gào đòi xóa bỏ hận thù và hoà giải dân tộc, nhưng họ lại chỉ thậm thụt hoà giải với các cán bộ trí vận của Cộng sản và gây hiềm khích xáo trộn trong hàng ngũ Quốc gia trong khi họ vẫn tự nhận là "chống Cộng"... ôn hoà. Thỉnh thoảng họ cũng giả vờ viết bài "chống Cộng" qua loa, nhưng chỉ nhằm đá kích hiện tượng, không bao giờ lên án chủ nghĩa Cộng sản, mà cũng không bao giờ dùng ngòi bút để diễn tả những tội ác của Cộng sản mà họ đã chứng kiến trong những năm tháng còn ở Việt Nam, nói

thay cho đồng bào bị khoá miệng ở quê nhà. Họ đang nhận lại nhiệm vụ từ những tờ báo đỏ ở Âu châu và Gia-nã-đại đã lần lượt theo nhau dẹp tiệm, cùng với các hội "Việt kiều yêu nước" vì bị đồng bào tẩy chay. Tạp chí *Đất Mới* của nhóm người Việt Cộng sản tại Montréal trong số tháng 7 & 8 năm 1992 đã loan báo đình bản vì không có mấy người đọc, hết tiền, và công khai nhận định cùng chung đường lối để chuyển nhượng độc giả lại cho tờ *Hợp Lưu*.

Còn tạp chí *Trăm Con* mới ra mắt ở Toronto thì lập trường ra sao? Tuy cũng tự nhận là chủ trương "hoà giải dân tộc" giữa những người Việt Nam "một mẹ trăm con", nhưng ngay trong số ra mắt, họ đã giả vờ cho cả Cộng sản và Quốc gia vào một rọ để bảo rằng không ai có chính nghĩa, rồi quay ra mạt sát các tổ chức chống Cộng ở hải ngoại, xúi giục thế hệ trẻ tránh xa các bậc cha anh. Họ có chửi Cộng sản vài câu thì cũng không làm cái chế độ độc tài ác ôn ở Việt Nam bận tâm, nhưng những lời mạt sát các tổ chức chống Cộng và phủ nhận chính nghĩa Quốc gia dân tộc ngay giữa cộng đồng người Việt tị nạn ở hải ngoại có tác dụng phá hoại cao độ mà chỉ Cộng sản là kẻ có lợi. Nó nhằm cô lập và đánh gục những người chống Cộng ở hải ngoại, sau đó dần dần Cộng sản Việt Nam sẽ nắm lại thế chủ động mà họ đã mất ở ngoài nước. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ cần có thể trong chiến dịch "tiêu diệt đến người Quốc gia cuối cùng" ở hải ngoại.

Nhờ vào tinh thần hoà hoãn khoan dung và tình đồng hương của khối người Việt tị nạn, một số người trước kia giấu kỹ tung tích nay đang hung hăng tự cao tự đại phỉ báng chính nghĩa Quốc gia dân tộc. Họ tự cô lập trong cộng đồng người Việt tị nạn nhưng lại miệt thị cộng đồng là đang xây dựng một thứ "ghetto" tị nạn. Họ chửi bới những người chống Cộng và kết đồng minh với các nhà văn Cộng

sản ở trong nước được họ gọi là "phản kháng" và tôn vinh hết mực, trong khi một trong số người này là Dương Thu Hương đã kiêu căng hợm hĩnh viết rằng: "Tất cả những ai, dù khen tôi hay xỉ vả tôi thì họ cũng cách tôi cả một đại dương và lời họ nói chưa vọng đến tai tôi"*. Đó là sự thật lừa lờ của cái gọi là "giao lưu văn hoá" và "hoà giải dân tộc". Họ tự nhận là đại diện cho nguyện vọng của quảng đại quần chúng để đầu hàng Cộng sản, trong khi những bài viết của họ chỉ được các tên tay sai nằm vùng của Cộng sản thưởng thức và lên tiếng "động viên". Đặng Tiến, một kẻ đào nhiệm theo Cộng sản ở Pháp trong lúc còn chiến tranh, đã viết bài khen ngợi những nhà văn "giao lưu văn hoá" là tiến bộ, đồng thời biện hộ cho "Đảng" ngay trong bài ấy: "*Tình trạng suy nhược của đất nước, nếu chỉ do những chính sách sai lầm, thì ta quy trách nhiệm cho một chánh quyền vừa bất lực vừa tàn bạo. Nhưng thâm trạng kia còn có thể do những căn nguyên văn hoá, văn hoá nói chung và văn hoá chính trị... Người Cộng sản cầm quyền kém cỏi, nhưng họ kém cỏi chỉ vì họ là Cộng sản, hay vì tiềm lực của dân tộc, về kinh tế và văn hoá nữa, đã quá hao mòn?*"**

Không gì bằng trích dẫn ra đây lời của một cựu lãnh tụ đảng Cộng sản Liên xô, ông Boris Yeltsin, quan thầy cũ của những người Cộng sản Việt Nam, để vừa trả lời cho luận điệu lừa mị nói trên, và cũng để giúp cho những người đầu hàng Cộng sản vào giờ thứ 25 mà vẫn tự cho là "tiến bộ" có cơ hội mở mắt. Lên tiếng trước Quốc hội Hoa kỳ ngày 17 tháng 6 vừa qua, ông Yeltsin, hiện là tổng thống nước Nga tự do, đã nói như sau: "*Thế giới có thể thở ra nhẹ nhõm. Thần tượng của cộng sản chủ nghĩa, từng gieo rắc khắp mọi nơi sự xung đột xã hội, sự thù hận và tàn bạo có một không hai, từng nuôi trồng mối sợ hãi trong nhân loại, đã sụp đổ. Chủ nghĩa ấy đã sụp đổ và không bao giờ có thể ngóc dậy...*

Không thể có sự đồng sinh tồn giữa dân chủ và hệ thống cai trị độc tài. Không thể có sự đồng sinh tồn giữa kinh tế thị trường và những quyền lực kiểm soát tất cả mọi thứ và tất cả mọi người... Kinh nghiệm từ những thập niên vừa qua đã dạy cho chúng tôi biết chủ nghĩa cộng sản không có bộ mặt nhân bản. Tự do và chủ nghĩa cộng sản không thể dung hoà được với nhau".

Siêu cường đồ Liên Xô sau hơn 70 năm dùng bạo lực bành trướng và được CSVN coi như mẫu quốc vĩ đại đã sụp đổ, vì không có chính nghĩa, và vì đã tự hủy mọi "tiềm lực của dân tộc", như mọi đảng Cộng sản khác. Chính tả đã sáng tỏ, ai thắng ai đã ngã ngũ. Không thể chấp nhận luận điệu "Cộng sản và Quốc gia đều giống nhau và đều không có chính nghĩa". Và cũng không cần đặt ra vấn đề xóa bỏ hận thù và "hoà giải dân tộc" khi chủ nghĩa cộng sản không còn.

Đối với những nhà văn "tị nạn"... chống Cộng ôn hoà đang mơ tưởng một chỗ ngồi trong "văn học sử"

Cộng sản, có lẽ nên nghe lời "tự bạch" của nhà văn "phản kháng" Dương Thu Hương miêu tả cái "đám ngựa văn sĩ" trong chuồng Cộng sản: "50% thích và yên tâm với kiếp ngựa, 30% hiểu nổi thống khổ của thân trâu ngựa nhưng cúi đầu cam chịu, 15% máu nóng hơn, đủ dũng khí tóe vó đá vào chuồng lúc nửa đêm khi chủ nhà và bọn giữ ngựa ngủ say, chỉ còn 5% có tinh thần phản kháng ở nhiều cấp độ"*. Không thấy Dương Thu Hương dành loại nào cho những kẻ đang ở ngoài chuồng nhưng "thích và tình nguyện làm thân trâu ngựa"?

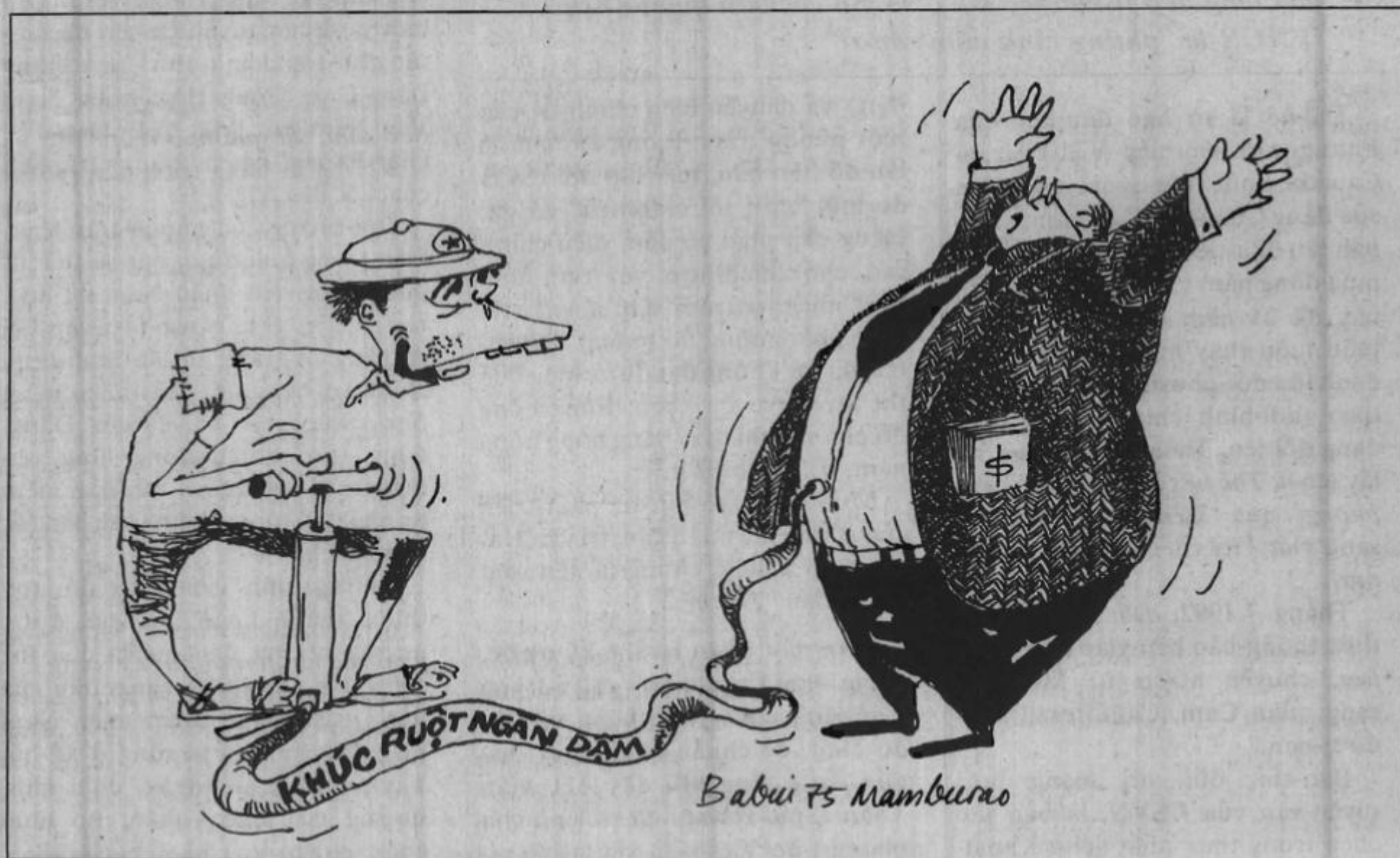
Lịch sử sẽ không lặp lại đối với những người Quốc gia biết rút từ trong quá khứ những bài học. Nhà ái quốc Phan Bội Châu là người Quốc gia đầu tiên trong số hàng triệu người Quốc gia sau đó bị CSVN loại trừ cho đến ngày 30.4.1975 đã cho chúng ta một bài học bằng máu không thể bao giờ quên. Thời và thế ngày nay cũng không còn giống miền Nam trước năm 1975 nên mưu đồ tiêu diệt đến

người Quốc gia cuối cùng ở hải ngoại sẽ không thành công. Cộng sản Việt Nam và nhóm "giao lưu văn hoá" trá hình đã lầm lối lớn khi nghĩ rằng chỉ có thể hệ già nua luyến tiếc quá khứ vàng son mới chống Cộng. Những biến cố làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới trong ba năm nay cho thấy chính những thế hệ lớn lên trong chế độ Cộng sản mới là thành phần chống Cộng sâu sắc nhất. Thế hệ trong và ngoài nước Việt Nam sẽ không nghe lời lừa mị của Cộng sản và của những kẻ chỉ có khả năng chọn cho mình một chỗ đứng mập mờ trên một miền đất dành cho họ mọi quyền tự do để lựa chọn.

Chú thích:

* Trích *Thư gửi Bùi Bích Hà* của Dương Thu Hương, *Thế kỷ 21* số 39, tháng 7.92.

** Trích tạp chí *Diễn Đàn*, Pháp số 3, tháng 12.91 và *Đất Mới*, Canada số tháng 1 & 2 năm 1992.



Từ Thế-Hệ tới... Hợp-Lưu, Hai Mươi Lăm Năm Chặng Đường Còn Tiếp Tục⁽¹⁾

Nguyễn Hữu Nghĩa



. Báo VC "Đất Mới" chuyển hồ-sơ độc-giả về California
. Người "tiếp-quản" báo "Đất Mới" là Khánh Trường, kẻ
mắng cộng-đồng VN Montréal là "thiếu văn-hóa", lăng-
mạ làng báo tị-nạn là "hủi", và gọi các cựu quân-nhân
VNCH là "những hình nộm rần-rì"

Thế-hệ là tờ báo đầu-tiên của Phong-trào liên-hiệp Việt-kiểu tại Canada, khúc ruột ngoài ngàn dặm của đảng Cộng-sản Việt-nam, xuất-bản lần đầu-tiên tại Gia-nã-đại vào mùa đông năm 1967. Từ đó cho đến nay đã 25 năm. Như con các kẻ luôn luôn thay mây đổi sắc để dễ đánh lừa đối-phương, cộng-sản tùy theo tình-hình chính-trị mà thay dạng đổi tên. Thoạt đầu ra báo, họ lấy tên là *Thế hệ* rồi đổi thành *Tiền-phong*, qua *Tiền-phong thời-sự*, sang *Đất Việt* rồi chuyển sang *Đất mới*.

Tháng 7.1992, *Đất mới* chính-thức thông-báo bàn-giao cho *Hợp-lưu*, chuyển hồ-sơ từ Montréal sang quận Cam, California, "thủ-đô tị-nạn."

Báo-chí, đối với mạng lưới tuyên-vận của CSVN, là bản sao chép trung-thực nhất lịch-sử hoạt-

động và chuyển biến chính-trị của một phong trào. Trong 25 năm, 6 lần đổi tên báo, mỗi lần đổi tên là do một "cơn sốt chính-trị" vỡ da. Đảng cần phải co dãn, điều-chỉnh sao cho thích-hợp với tình-hình mới, nhiệm-vụ mới. Khi cần nắn thì nắn, phải buông thì buông. Tuyên-truyền hờ không đạt được hiệu quả thì tuyên-truyền khép. Bông hồng đỏ phá sản thì thay bằng bông hồng xám, ít lộ liễu hơn.

Muốn định rõ hướng phát-triển của guồng máy dân vận, trí vận Hà-nội tại Canada, chúng ta nên soát lại từ đầu: *Thế hệ*...

Hơn một phần ba thế-kỷ trước, trong khi cục-diện chiến-tranh xâm-lăng miền Nam bùng vỡ đến độ chót, để chuẩn-bị cho vụ tổng tiến công tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Hà-nội đã ra lệnh cho phong-trào Việt-kiểu yêu nước tại

Gia-nã-đại tập-trung thành-lập một cơ-quan tuyên-truyền để sẵn-sàng hỗ-trợ chánh-phủ Cách-Mạng Lâm-Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam (tức Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam, công-cụ của CS Bắc Việt).

Đối-tượng của phong-trào Việt-kiểu trong giai-đoạn này là thành-phần sinh-viên miền Nam du-học. Để dễ đến gần, cán-bộ trí-vận CS cố-gắng né-tránh tối-đa hình-thức chính-trị nặng-nề, nhạt-nhèo nặng tính cách tuyên truyền của Đảng, đồng thời khích động lòng yêu nước nơi các người trẻ, dẫn niềm tự hào dân tộc tới tinh thần dân tộc quá khích.

Những sinh viên thời đó, tuy thuộc thành phần khá giả, được hưởng những đặc quyền của thể chế quốc gia do sự chiến đấu của hàng triệu quân nhân miền Nam mang lại, nhưng vì sống ở xã-hội Tây-phương lâu ngày, chịu ảnh-hưởng của ngoại-nhân, họ nhìn cuộc chiến Việt-nam cách khác.

Các phong-trào phản-chiến quốc-tế, các chiến-dịch tuyên-vận, kiểu-vận của cộng-sản đã bóp méo hình-ảnh thật của chiến-tranh Việt-nam. Cuộc chiến-đấu tự-vệ dũng-cảm của quân dân miền Nam, với sự giúp-đỡ của Đồng-minh, để chống lại CS Bắc Việt xâm-lãng đã bị che khuất và thay vào đó bằng hình-ảnh "đánh thuê" cho "đế-quốc Mỹ" xâm-lược.

Cán-bộ đảng hết sức khéo-léo, nhẹ-nhàng, tiếm từng lượng độc-được tư-tướng vào lớp thanh-niên này, để dẫn-dụ họ tự gieo trồng tư-tướng cách-mạng chống Mỹ cứu nước ngay tự đáy lòng họ như một thứ chính-nghĩa, bám-víu vào đó rồi dần dà tiến tới gần và sát cánh với những người cộng-sản, chống lại chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

"Báo Việt-kiều" còn là vũ-khí đấu-tranh của CSVN tại hải-ngoại, như đã được Đảng xác-nhận:

"Hầu hết các báo Việt-kiều ra đời và trưởng-thành trong phong-trào Việt-kiều yêu nước. Báo ở Pháp có từ kháng Pháp. Báo ở Đức và Canada thành hình trong thời chống Mỹ.

"Trong thời-gian đấu-tranh chống thực-dân đế-quốc, các báo Việt-kiều yêu nước vận-động kiều-bào, các phong-trào công-nhân, các lực-lượng tiến-bộ và dân-chủ của nước sở-tại, và trong mức-độ nào đó, chính-quyền sở-tại cùng đấu-tranh giành độc-lập dân-tộc cho Việt-nam.

"Làm báo trong những năm 60 và 70 là những kinh-nghiệm đẹp và khó quên trong đời của người Việt-kiều yêu nước. Đường lối chính-trị lớn được vạch ra rõ-ràng. Tin chiến-thắng phấn-khởi. Người nước ngoài ủng-hộ. Người làm báo tự-hào, thoải-mái, hứng-thú, và sáng-tạo.

"Trên mặt trận văn-hóa và thông-tin ở nước ngoài, người làm báo Việt-kiều trong chừng-mức cũng là một chiến-sĩ trong đoàn quân chiến-thắng của cách-mạng Việt-nam. Ngày đất nước được giải-phóng 30.4.1975 cũng là ngày

hội lớn của làng báo Việt-kiều." (2)

Trong tinh-thần và chủ-trương đó, tờ *Thế-hệ* ra đời năm 1967 như một tập-hợp mới, với châm ngôn là "Tiếng nói của lớp người trẻ hôm nay, không thành-kiến và không mặc-cảm." (3)

Qua tờ báo mang màu sắc sinh-viên này, cán-bộ đảng đốc-thúc giới trẻ Việt-nam tại Gia-nã-đại nghĩ rằng họ "không thể ngồi yên được nữa", "lúc bom đạn nước ngoài dội xuống hàng ngày hàng giờ trên đầu những người đồng loại của mình, sự sống còn của cả một dân-tộc đang bị đe-dọa phải trở lại thời-kỳ đồ đá." (4)

Tờ báo đầu-tiên chỉ vồn-vẹn mấy chục trang, khổ tạp-chí, đánh máy đơn-sơ, "nhưng nó chứa đầy chất nổ thức-tỉnh của cả một ý-thức dân-tộc trước chiến-tranh, trước sự nghèo-nàn lạc-hậu." (5)

Sau khi *Thế-hệ* đi tiên-phong và thành-tựu, CSVN tiếp-tục phát-động phong-trào làm báo sinh-viên tại Pháp, Tây Đức, Bỉ, Nhật-bản và cả Hoa-kỳ. Cán-bộ Đảng hãnh-diện ghi-nhận rằng "Chung quanh tờ báo, hình-thành cả một phong-trào càng lúc càng lớn rộng." (6)

Cho tới tháng 3.1970, từ bước khởi đầu bằng sinh-viên lớt đường, CSVN dựng lên "hội Việt-kiều yêu nước tại Canada", coi như bước sang giai-đoạn kiện-toàn của phong-trào. Tờ *Tiền-phong*, cùng khổ tạp-chí, phát-hành ngày 6.1970, là tiếng nói chính thức của phong trào, nặng về lý-luận chính-trị, bệ-vệ đứng bên cạnh tờ *Thế-hệ* mang màu sắc sinh-viên, chỉ bàn nhiều về vấn-đề "hòa-hợp hòa-giải dân-tộc", lên án chiến-tranh và chế-độ lao-tù tại miền Nam VN.

Trong quá-trình bốn năm đi song song từ 1970 tới 1974, "hai ban biên-tập, hai cách trình-bày vấn-đề, hai cách tiếp-cận với những mức-độ khác nhau những vấn-đề của đất nước, thời-đại, nhưng cùng chung một gốc, một hướng về một chân trời." (7)

Tới 1974, tờ *Tiền-phong* chính-

thức thay-thế tờ *Thế-hệ* (đóng cửa). *Tiền-phong* đổi tên thành *Tiền-phong thời-sự*, đổi sang khổ tabloid.

Tháng giêng năm 1975, để chuẩn-bị cho chiến-dịch tiến chiếm toàn bộ miền Nam sau khi đã trói tay được Hoa-kỳ và cắt đứt mạch tiếp-liệu từ Hoa-kỳ sang VNCH bằng hiệp-định Paris 1973, Hà-nội cho đổi tên hàng loạt các "hội Việt-kiều yêu nước" tại các nước thành "hội Đoàn-kết Việt-kiều." Hội Việt-kiều yêu nước tại Canada, dĩ-nhiên, cũng đổi thành hội Đoàn-kết Việt-kiều tại Canada, và tờ *Đất Việt* chính-thức ra đời: "tờ báo bốc lên sự lạc-quan, phấn-chấn của thời-kỳ sau 1975." (8) Trong giai-đoạn say men chiến thắng này, hội Đoàn-kết Việt-kiều Canada cho lập thêm phân hội Trí-thức, và cho ấn-hành tập san *Đóng-góp* cùng tuyển-tập tư-liệu Việt-nam.

Tờ *Đất Việt* đứng vững trong 15 năm, bắt đầu bằng ba năm "trắng mặt" 1975-1978, sang thời-kỳ 12 năm sóng-gió, và sau đó thay hình đổi dạng trong giai-đoạn "đổi mới".

Giai-đoạn sóng-gió bắt đầu từ 1979, khi cộng-đồng người Việt tị-nạn ngày càng lớn mạnh. Tới 1981, tại Gia-nã-đại hơn 100.000 người tị-nạn đã đề bẹp phong-trào Việt-kiều chỉ có 6.000 nhân mạng. Trong nước, CSVN bị đủ mọi loại khó-khăn dồn-dập, không thể chia sức cứu các cơ-sở ngoài xa.

Bắt buộc phải đổi mới (dù thật hay giả) để sống còn, "Hiệp-hội người Việt Canada" ra đời thay (tên) cho hội cũ. Tờ *Đất Việt* đổi tên thành *Đất Mới*, là tiếng nói của cánh bảo-thủ thân Hà-nội. Một nhóm cộng-sản lý-tướng trong nhóm *Đất Việt* cũ tách ra, lập tờ *Diễn-đàn người Việt*, ra bất định kỳ.

Trở lại quá-trình lịch-sử từ *Thế-Hệ* tới *Đất Việt*, *Đất Mới*. Tờ báo có các nhiệm-vụ trọng-yếu rõ nét là:

1) Thông tin:

Báo Việt-kiều là cơ-quan phổ-

biển, tường-thuật các bản tin của thông-tấn-xã Việt-nam. Ở nước ngoài không có báo Nhân-Dân, Quân-Đội Nhân-Dân, Sài-Gòn Giải Phóng thì đọc Đất Việt, Đất Mới.

Khi Tôn Đức Thắng lên chủ-tịch nước, Đất Việt, đăng chân-dung, tiểu-sử lên trang nhất. Nguyễn Văn Linh vừa hăng giọng, thì có ngay tin "Tổng bí-thư Nguyễn Văn Linh tuyên-bố...". Đỗ Mười tản-bộ ngang qua nhà máy giấy, Đất Việt, loan tin "Tổng bí-thư Đỗ Mười tham-quan..." Võ Văn Kiệt sang Mã-lai ký giấy bán bột Hoàng-sa, vừa hạ cánh xuống phi-trường, Đất Mới chạy tin "Chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng Võ Văn Kiệt về đến sân bay Tân-sơn-nhất, v.v. Mặc dù số trang hạn-chế, Đất Mới số tháng 7&8.1992 đã dành ra 16 trang đăng toàn bộ bản hiến-pháp 1992 và luật bầu-cử của CSVN, kèm theo các bài giải-thích và hoan-hô.

Cứ mỗi dịp đầu năm, Đất Việt lại long-trọng đăng thư chúc Tết của đại-sứ CSVN lên trang nhất. Sau này khi sứ-quán rút về, Đất Việt, đăng thư chúc Tết của chủ-tịch hội Việt-kiều cộng-sản.

Ngoài ra, Đất Mới cũng không quên khoa trương, quảng cáo hàng mẫu tự do, no ấm, phồn vinh cho chế độ qua những mẫu tin đại loại: "Kiểm chế và đẩy lui lạm phát", "Sản xuất lương thực vượt kế hoạch, tăng dự trữ và có phần để xuất khẩu", "Sản lượng dầu mỏ quốc gia đạt 1 triệu 5 tấn"...

3) Tuyên-truyền:

Báo Đất Việt, Đất Mới là mũi nhọn xung kích đưa những chiến dịch tuyên truyền vào cộng đồng tị nạn, kêu gọi du lịch thăm quê, hoà hợp hoà giải, "xoá bỏ hận thù", đầu tư hợp tác với chính phủ Cộng sản Việt Nam.v.v...

Khi đảng hô lên "sửa sai", thì các báo Việt-kiều đồng loạt lập lại: "sửa sai! sửa sai!" Báo Đất Việt tháng 7.1987 viết:

"Người làm báo Việt-kiều thấy cần phải lên tiếng về những khó-

khăn và trì-trệ trong nước. Họ thấy không thể nào chỉ ca-tụng và tô hồng mãi cho chế-độ ở Việt-nam, nhất là khi Việt-nam càng ngày càng gặp nhiều khó-khăn và mắc nhiều khuyết-điểm. Phải thẳng-thắn góp ý với những khuyết-điểm ở trong nước. Nếu không, lương-tâm của người làm báo thấy không ổn; đối với nhiều người làm báo Việt-kiều, không góp ý với trong nước là đi ngược lại tinh-thần phê-phán của chủ-nghĩa Mác. Không nói lên sự thật ở Việt-nam, báo sẽ mất tính thuyết-phục và do đó sẽ mất độc-giả, nhất là những độc-giả đã sống dưới chế-độ và ra đi vì bất-mãn. Như vậy, tờ báo sẽ không làm

tốt một trong hai nhiệm-vụ chính của nó là vận-động Việt-kiều hướng về đất nước."

Nhà nước CSVN hô lên "đổi mới", lập tức báo Đất Việt đáp-ứng ngay, mở rộng diễn-đàn, bàn sâu vào các tác-phẩm "đổi mới" trong nước, điển hình như Kiểm Sắc, Vàng Lửa của Nguyễn Huy Thiệp:

"Những tác-phẩm của Thiệp hội-tụ lại vấn-đề tranh-cãi chính, là đổi mới, mà giới trí-thức phải nắm lấy trong phạm-vi cho phép; đổi mới là chiến-lược đã được đảng CSVN chính-thức chấp-nhận và thực-hiện sau Đại-hội Đảng lần thứ 6 vào tháng 12.1986." (9)

Cho đến khi phe Nguyễn Văn



Sự đổi màu liên-tục của con các-kẻ báo-chí CSVN tại hải-ngoại

Linh xuống, Đỗ Mười lên, phe bảo-thủ thắng-thế và ra lệnh "đổi mới" theo chiều khác, báo *Đất Mới* quay theo ngay:

"*Đã có một thời tôi trầm mình trong ảo-tưởng perestroika, đã ước-mơ cho perestroika và tác-giả của nó được thành-công để VN có thể xem đó như một mô hình. Nhưng ngày nay lịch-sử đã chứng-minh hùng-hồn rằng perestroika đã thất-bại, vì bản thân perestroika là một ảo-tưởng và ông Gorbachev là một người mộng-tưởng...*"

3) Đả-phá và lũng-đoạn cộng-đồng tị-nạn:

Nhiệm-vụ thứ ba của báo Việt-kiều là bôi đen cộng-đồng tị-nạn,

bằng bất cứ phương-cách nào, qua bất cứ cơ-hội nào. Trước đây báo *Đất Việt* (số tháng 10.87) đã từng dành nhiều bài để lăng-mạ giới cầm bút tại Cali, điển hình là bài *Một mẫu-số chung* của Nam Dao. Ta thử đọc lại một đoạn văn mô-tả một buổi sinh-hoạt của cộng-đồng tị-nạn:

"*Quán Nguyệt Cầm là nơi làm lancement cho quyển sách. Ông chủ, nhạc-sĩ thổi kèn, cho mượn chỗ, song khách phải tự trả tiền café, nước chanh... Lối ra vào khách-khứa ngổn-ngang. Những lời chào hỏi, những cái vỗ vai, những tiếng cười. Đi ngang quầy, thấy Mai Thảo đứng tựa tay vào cái*

két. Chúng tôi lách, vào đến cuối phòng, ngồi sát tường. Văn-võ bá quan bắt đầu "về" chỗ. Bàn trước cái bực trình-diễn có Phạm Duy và một số các vị đàn anh trong làng văn-nghe và báo-chí. Đây ông Yển, chủ báo Người Việt, kia có cả Du Tử Lê, mặt xạm đen, gầy quắt đi, cổ rụt vai so, ngồi bên cạnh là một Lê Uyên, trông vẫn ngồn-ngộn mời chào. 'Nàng vừa bình-phục sau khi bị lạc đạn vì một vụ bắn nhau đấy'. Dinh thì-thào. Họ (Nguyễn Thừa) Du thì bây giờ khá lắm, lên ông, báo với những chuyện dâm-dật 'chạy' lắm. Đông người đọc và thế là đông quảng-cáo, là vô tiền". Một số người đến bàn chúng tôi.

....
Họ kéo nhau ngồi, rồi anh chàng râu mép lia thia trông đúng cách giang hồ, chỉ vào một góc, oang oanh:

— Kia kìa, Nguyễn Mộng Giác, tay đó mới "được."

Mặc dầu không hiểu "được" một cách chính-xác, tôi đưa mắt nhìn theo ngón tay chỉ và hỏi lại:

— Tôi tưởng "được" là phải kể Mai Thảo trước tiên, chứ...

— Móa nói thật, móa không thể chịu được hẳn. Hôm nọ mới phang cho một quả...

— Xin giới-thiệu, cái chị mới vào cứ xoắn lấy ông 'văn bá' Mai Thảo, mông lắc la lắc lư, là nữ-sĩ đấy. Nữ-sĩ Trần Diệu Hằng, tí nữa thế nào cũng có màn trình-diễn quý vị...

...Tôi không được vui. Tôi cũng không muốn nói nhiều đến cái 'bế-tắc', cái chỗ 'bí', sự nhai lại một số đề-tài 'cổ' của nền văn-nghe dưới chế-độ Cộng-hòa cũ, trong đó, nổi bật hơn cả, vẫn là cái đề-tài chống Cộng. Chống Cộng rẻ tiền. Rẻ đến độ bán lại với giá kẻ cắp, kẻ đã khôn-ngoaan lấy 'tu-tưởng' chỗ này của Sojenitsyne, chỗ kia của Zinoviev... Dĩ-nhiên tên nhân-vật và bối-cảnh đã được "Việt-nam-hóa" đi, để đổi 'màu da' trên những câu chuyện lẽ ra là đứng-dẫn. Những câu chuyện chống Cộng hương-vị quê nhà đó, thương thay, chỉ là những câu chuyện chề cán-bộ

TÀI-LIỆU

(báo *Đất Mới* tại Montréal)



Tổng Bí thư Đỗ Mười và Ủy viên Bộ Chính trị gặp gỡ sau phiên họp đặc Đại hội

Kinh tế xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

VỀ RUỘNG ĐẤT

Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết có 97% số đại biểu nhất trí ghi vào văn kiện Đảng: ruộng đất thuộc quyền sở hữu toàn dân, giao cho nông dân quyền sử dụng lâu dài (các vấn đề khác như việc chuyển quyền sử dụng kể thừa, thế chấp... do Nhà nước quy định)

VỀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CỦA ĐẢNG

Có 98,8% số đại biểu tán thành: Đảng CS Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

VỀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CỦA ĐẢNG

Trong quá trình thảo luận, hầu hết các đại biểu đã thống nhất hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đại hội đã biểu quyết, có 89,7% số đại biểu nhất trí "Đảng lấy chủ nghĩa

Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".



HỢP BÁO QUỐC TẾ NHÂN DẠI HỘI VII

- CẢM VẤN GÂY KHO KHĂN NHẤT...
- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỈ THỜI TRONG CÁC XI NGHIỆP QUỐC DOANH
- KHÔNG PHẢI BẮT BỊ VĂN NGHỆ SĨ

Ngày 25-6, tại trung tâm báo chí Đại hội 7, các báo trưởng Đào Ngọc Xuân, Trần Đình Hoàn và thư trưởng

dốt, cán-bộ tham-những, cán-bộ mất hết nhân-tính... lại đang áp đặt cái quyền-lực u-tối mệnh mang trên những con người hiền-lành, nhẫn-nại, tìm cách vượt biên, với cái mê đắm của một miền đất hứa không có gì quý hơn là... tự-do. Tự-do, dĩ-nhiên, được hiểu với sự giản-lược nhất trong mọi giản-lược triết-lý đã biến thành khẩu-hiệu..." (10)

Khi nhắc tới lớp người Việt-nam di-tản năm 1975, báo Đất Việt, Đất Mới đồng giọng bảo "họ phải ra đi vì họ mang quá nhiều tội-lỗi đối với nhân-dân", hoặc "đào-tẩu vì sợ hãi." (11)

Khi nói về lớp văn-ngệ-sĩ bình-thường, nghĩa là không dính-dáng chính-trị, không chống Cộng cũng không hân theo Cộng, báo Việt-kiều mô-tả họ như những con người lầy-lụa, sống nhớp-nháp trong vũng lầy của lạc thú thấp-hèn, bệnh-hoạn: "ngồn-ngộn mời chào", "mông lác-la lác lư", "vai so cổ rụt". Chỉ có một vài người đã được chọn-lựa, hay chỉ-định cho những công-tác công-khai hay bí-mật sau này mới được phê cho một điểm trung-bình: "được!"

Khi nói tới lớp văn-ngệ-sĩ tích-cực, dẫn thân hay chống Cộng, báo Đất Việt, Đất Mới và hiện giờ, Hợp-Lưu mới tận-dụng kho từ-ngữ của họ làm vũ-khí tấn-công và phỉ-báng: phản-động, cực-đoan, quá-khích, mị-dân, sát máu (Đất Mới); củi mục, cỏ rác, hủi (Hợp-Lưu).

Cuối cùng, tờ Đất Mới của nhóm cộng-sản bảo-thủ, trong tháng 7.92 chính-thức thông-báo sẽ ra thêm một số nữa, với chủ-đề "Hoà-giải và Hợp-lưu" rồi sẽ đình-bản vô hạn-định, và bàn-giao số độc-giả dài hạn cho tờ Hợp-Lưu.

Trong phần quảng-cáo về sự bàn-giao này, tờ Đất Mới cho biết, việc giới-thiệu căn-cứ vào "nội-dung phong-phú, đa-dạng, nghiêm-túc" và vào "nỗ-lực có thật của nhóm người chủ-trương trong vấn-đề hòa-giải dân-tộc", tức báo Hợp-Lưu.

Trong vấn-đề quản-trị một tờ báo không sống bằng quảng-cáo, "độc-giả dài hạn" vừa là tài-sản (asset) vừa là trách-nhiệm nợ-nần (equity) của một công-ty. Một công-ty chỉ chuyển-giao cả tiềm-năng lợi-tức lẫn trách-nhiệm tinh-thần cho một công-ty khác, khi nào cả hai có những ràng-buộc mật-thiết với nhau về cả phúc-lợi lẫn

trách-nhiệm dân-sự, chưa kể lý-tưởng chính-trị, đối với một cơ-quan văn-hóa của một tổ-chức chính-trị.

Sự liên-hệ này đã xác-nhận minh-bạch vị-thế và mối tương-quan giữa nhóm Hợp-Lưu và phong-trào Việt-kiều ở hải-ngoại, cũng như với đảng Cộng-sản Việt-nam. Điều mà ông Khánh Trường

TÀI-LIỆU:

Đất Việt
TIẾNG NÓI CỦA VIỆT KIỀU TẠI CANADA
UNION GENERALE DES VIETNAMIENS AU CANADA • THE GENERAL UNION OF VIETNAMESE IN CANADA
P.O. Box 577, St. C, Montreal, P.Q., CANADA, H2L 4K4 • Dépôt légal No 0-120454 ISSN 0316-1307

CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG TỪ TRẦN

Bộ Chính trị trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra thông báo về một số vấn đề liên quan đến di chúc và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Nhân dịp kỷ niệm 20 năm n...
Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời...
rồi lại xóa, hình như Bộ...
nhắc, chưa coi là đã xong...
thật rồi y Bác thế này. Vì...
Bác qua đời, chưa thể đưa...
chức công bố chính...
- Khi Bác...
đang còn...
liệt.

vết thương hình, Bác viết rồi lại gạch...
chức, đoạn nói về xây dựng lại đất...
nước, phát triển kinh tế, văn hoá,...
chuẩn bị thống nhất đất nước, Bác...
gạch dọc d hên trái ngực là

thế giới này, tôi ki...
hữu hận, chỉ tiếc l...
được phục vụ lâu h...
nữa".

Bản Di chúc do c...
nguyên văn được Bác...
năm 1961, trừ đoạn th...

- Đoạn cuối: Trung...
đã công bố, các đoạn d...
văn bản gốc, chỉ có một...
Bản 1965 Bác viết "Cuộc k...
chống Mỹ có thể sẽ kéo dà...
nữa"; bản công bố chính t...
lại: "Cuộc kháng chiến ch...
thể còn kéo dài".



TIỂU SỬ CHỦ TỊCH T...

TUYÊN BỐ của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh Thư chúc Tết

của ĐẠI SỨ QUÁN nước CHXHCN Việt Nam tại Canada



đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam...
nh bảo đảm thắng lợi của cách m...



ĐẠI SỨ QUÁN
HƯỚNG DẪN HOA SA HỒI CHU NHƯA VIỆT NAM
TẠI CANADA

Thư Chúc Tết
Ủy Đại sứ nước Cộng hoà xã hội chủ...
Việt Nam tại Ca-na-đa

Giao lưu văn hóa
hòa hợp dân tộc
và trách nhiệm
nhà văn

chưa bao giờ phủ-nhận, mà ngược lại còn hãnh-diện xác-nhận.

Trên báo *Người Việt* ngày 25.7, ông Khánh Trường khẳng-định: "*Hợp-lưu* là tờ báo công-khai cổ-võ lập-trường giao-lưu văn-hóa giữa trong và ngoài nước." Các chữ "công-khai cổ-võ lập-trường giao-lưu văn-hóa", ông cho in bằng chữ đậm, như một sự thách-thức ngạo-nghe của một người cả tin vào chính-nghĩa của ông và sức mạnh của tập-thể mà ông tựa lưng vào.

Nhưng những hàng chữ đậm này không che-dấu nổi một sự thực: cái mà ông Khánh Trường gọi là "giao-lưu" ấy, thực-sự chỉ là tuyên-truyền một chiều từ trong ra ngoài.

Những bài báo của cán-bộ văn-hóa cộng-sản viết và đăng trên

Hợp-lưu, không do tác-giả tự gửi, mà thực-tế, ông Khánh Trường chỉ sao chép lại từ sách báo do Hà-nội xuất-bản. Đó là hàng "kiểm phẩm", đã qua mấy lần kiểm-duyet, chuyên-chở những điều Đảng muốn dân đọc.

Về chiều ngược lại, từ ngoài vào trong, *Hợp Lưu* đã gửi được mấy tờ về nước? Và nội dung những bài viết của nhóm ông tại hải ngoại viết gì? Trên thực tế, độc giả không tìm thấy bất cứ một bài viết nào đã động tới một phần nhỏ khát vọng của dân tộc. Chỉ thấy những bài hần học kết tội chống cộng (Vũ Huy Quang, *Hợp-lưu* số 6). Chỉ có những bài thơ văn kể lể chuyện hội-nhập thất-bại, những cuộc tình tràn ngập dục-tính sa-đọa, những cách

sống vô-luân...

Khi có người tố-cáo ông đã triển-lãm tranh ở Nhà Việt-Nam của VC tại Paris, ông Khánh Trường viết (vẫn trong bài báo trên), rằng không cứ gì Nhà Việt-Nam ở Paris, thậm chí ngay việc bày tranh ở VN, nếu được phép (của CSVN) và có phương-tiện, ông cũng bày. Thực-tế, CSVN chỉ dùng tờ *Hợp Lưu* và ông Khánh Trường như một cái loa. Cho tới nay, nhà cầm quyền CS chưa có nhu cầu mang cái loa này về phát thanh trong nước, nên ông vẫn cứ hợp-lưu một mình ở hải-ngoại. Cán-bộ văn-hóa trong nước, những người được hưởng nhiều đặc-quyền nhất, cho tới nay vẫn không biết *Hợp-Lưu* là gì, Khánh Trường là ai. Chuyện giao-lưu, rốt cuộc, vẫn là một sự phỉnh gạt trơ-trên ngay đối với những người cộng-tác...

Cũng qua bài báo dẫn thượng, để dọn đường đón rước báo Đảng "*Đất Mới*", ông Khánh Trường đã nhất loạt lăng-mạ toàn-thể báo-chí quốc-gia tại hải-ngoại, nguyên-văn như sau:

"Một tờ báo sống bằng quảng-cáo, tất-nhiên có những tương-quan dù chẳng ngay-thẳng, nhưng là những tương-quan có thật, giữa chủ báo và khách hàng quảng-cáo..."

"Gần như đa-số các chủ tiệm thường "tránh dấy với hải." Để yên-tâm làm ăn, đừng bị quấy-rầy, họ thường lựa những tờ báo hung-hăng nhất thấy cho vài trang quảng-cáo, như một cách bịt mồm, một cách ngầm nói: làm ơn quên tôi đi. Ngược lại, các chủ báo nắm được yếu-điểm đó của khách hàng, cứ tiếp-tục múa may quay-cuồng như những con rối, để giữ quảng-cáo."

Sự hạ-nhục thô-bạo của ông Khánh Trường đối với làng báo tị nạn chắc-chắn sẽ được cộng-sản lợi-dụng như những bằng-chứng hiển-nhiên để bôi đen danh-dự chung của tập-thể cầm bút hải-ngoại.

Ông Khánh Trường cũng là một

TÀI-LIỆU:

1 trang báo Đất Mới Montréal



BÀ CON VIỆT KIỀU VỀ QUÊ AN TẾT

Chiều 28-1, trên 500 bà con Việt kiều, các giám đốc, đại diện các công ty Việt kiều hoặc có mối quan hệ làm ăn trong nước đã gặp gỡ thân mật tại TP Hồ Chí Minh. Trưởng ban Việt kiều trung ương Hoàng Bích Sơn cho biết: "Chỉ trong tháng đầu năm 92, đã có trên 40.000 Việt kiều về quê ăn Tết bằng con số cả năm 90. Từ 200 người của năm nào, nay đã tăng lên 40.000 người về nước trong một tháng, cho thấy chiếc cầu nối giữa đất nước và hai triệu kiều bào ở nước ngoài đã được xây dựng".

SỰ QUÂN VIỆT NAM TẠI CANADA HỌP MẶT MỪNG XUÂN



Theo dõi chương trình văn nghệ



Đại sứ Đặng Nghiêm Bái và chủ rế VN



Bàn chuyện đầu năm

Hơn 80 bà con kiều bào từ Quebec, Montreal, Toronto đã về Đại sứ quán Việt Nam tại Ottawa tham buổi họp mặt Tết Nhâm Thân.

Hội trường với một diện tích khiêm tốn dường như không đủ chỗ cho cuộc gặp mặt cuối năm. Dịp này, Đại sứ Việt Nam, ông Đặng Nghiêm Bái đã thông báo một số tình hình trong nước: những khó khăn thuận lợi trước thềm năm mới và thông qua bà con hiện diện chúc toàn thể kiều bào Việt Nam ở Canada một năm mới an khang thịnh vượng, thành công nơi xứ người.

Trong buổi họp mặt còn có nhiều đầu rế Việt Nam tham dự, bà con đã được thưởng thức các món ăn dân tộc cổ truyền của ngày tết do chính đầu bếp từ Việt Nam sang phụ trách. Phần văn nghệ "bổ tui" đã được nhiều anh chị em hưởng ứng đặc biệt có phần ngâm thơ của phu nhân đại sứ.

Được biết tuần sau đó, Sự quán Việt Nam cũng đã có buổi họp mặt thân mật mừng xuân với đại diện các công ty, kiều hồi, du lịch, dịch vụ tại Canada. Đồng đạo đại diện từ các nơi ở Canada đã về tham dự.

Quận Cam cũng là nơi từng nổ ra hàng trăm cuộc biểu-tình chống

Kiểm được một tay sai sừng-sỏ
cổ Khánh Trường, quả không phải
là chuyện dễ. Khánh Trường có
"đổm-lược" lằng-mạ cộng-đồng

Một con người như vậy quả xứng đáng là truyền-nhân đón nhân di-sản **Đất Mới**.

Duyệt-xét lại quá-trình hoạt-động của báo Đảng tại hải-ngoại, người ta thấy rõ con đường CSVN đã vạch từ 1967 cho tới nay, trước sau không thay-đổi. Từ *Thế-hệ* chuyển dần sang *Đất mới*, rồi *Hợp-*

Kim Thạch

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CHÚNG TA

(Sài Gòn Giải Phóng, mục thi viết "Đội mới-Cuộc chiến đấu đang tiếp diễn", ngày 13-8-80)

Lời Dư nói ban nầy, bữa nầy. Hai Long được coi là khách quý.
Hai Long cung kính cúi đầu.
Cẩn công cúi đầu đáp lễ. Y thưng thả quay lại xa-lông, chia tay với phía khách:
- Mời ...



Ngày 4/12/91 vừa qua, ông Đặng Nghiêm Bái đã trình Quốc thư lên ông Toàn quyền Canada, Ramon Hnatyshyn, để đảm nhận chức vụ Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam ở Canada. Được biết ông Đặng Nghiêm Bái năm nay 63 tuổi, đã từng là Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam tại Vương quốc Anh, kiêm nhiệm Đại sứ tại Canada từ 1982 đến 1986. Trước khi đảm nhận chức ở Canada, Ông Đặng Nghiêm Bái là phụ tá Bộ trưởng ngoại giao của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

thực Việt-Mỹ gần đây vì
chứng minh sống động ở
VN.

Nhân dân VN luôn
dân Canada đã và đang
nhận thấy mối quan hệ
gần gũi đây có những
giá trị quyết định của C
hệ với VN và đưa VN t
trợ phát triển của Cana
vấn đề Campuchia. VN
hệ kinh tế, khoa học kỹ
là phù hợp với nguyên
chúng ta..."

Lưu, chỉ là những mắt xích tiếp-nối có hệ-thống trong tinh thần "tinh-hình mới, nhiệm-vụ mới."

Có khác chăng, là trước kia báo Đảng chỉ nằm ở ngoại biên, nay thì cái khoen xích "Hợp-Lưu" đã được móc ngay vào giữa lòng thủ-đô tị-nạn. Đó là một sự thử-thách lớn cho cả hai phía: bộ-phận văn-hóa-vận CS và cộng-đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ.

Trong guồng máy cai-trị của cộng-sản, vấn-đề tuyên-truyền bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu, gắn liền với sự sinh-tử của chế-độ. Ngay trong thời-kỳ chiến-tranh diễn ra khốc-liệt nhất, tài nguyên và nhân-lực suy-kiệt nhất, CSVN cũng không hề xao lãng công tác.

Trong giai-đoạn hiện-tại, Hà-nội lại càng phải đẩy mạnh vấn-đề kiều-vận đến mức chót. Kiều-vận khai thông bế-tắc cho ngoại-vận. Đảng phải bám cứng lấy trận-địa chiến-lược này.

Khổ cho Hà-nội là bây giờ không ai thêm đọc báo đảng nữa, dù là đảng-viên. Muốn xâm-nhập cộng-đồng tị-nạn, đảng phải bóc nhãn đồ ra, dán nhãn hồng hồng, cam cam thay thế. *Đất Mới*, *Đoàn Kết* thì nhau đóng cửa giả chết, chuyển hồn sang một cái xác mới có chút màu sắc tị-nạn, nằm ngay giữa lòng tị-nạn. "Hồn Trương Ba da hàng thịt", cái xác da đó chính là *Hợp Lưu*, và hồn là cả hai ban biên tập *Đoàn-Kết*, *Đất Mới* nhập lại. Duyệt lại danh-sách bài vở trên tờ *Hợp-Lưu*, so sánh với *Đất Mới* và *Đoàn Kết* là đủ rõ.

Đối với cộng-sản, ra hẳn một tờ báo mới tại California không khó. Họ có dư tiền của và nhân-lực để làm chuyện đó. Cái khó là làm sao tạo được bộ mặt tương-đối sạch-sẽ để coi, được cộng-đồng — hay một phần cộng-đồng — chấp-nhận.

Con bài tẩy Khánh Trường, Đảng đã vật ngửa ra mặt chiếu, và chờ coi phản-ứng của người Việt tị-nạn, cái tập-thể mà Phạm Văn Đồng từng lãng-mạ là "toàn trộm cắp và đi-điểm"...

(1) Mỗi khi đổi tên báo, VC thường viết một bài dài giải-thích ý-nghĩa của sự chuyển-tiếp. Tựa đề này nhại lại nhan bài "Từ Thế-Hệ tới Đất Mới, hai mươi hai năm chặng đường còn tiếp-tục" đăng trên *Đất Mới* số 1, tháng 8.1989.

(2) *Đất Việt*, tháng 7.1987, trang 30.

(3) Câu châm-ngôn này được báo "giao-lưu" *Trăm Con* sao chép lại gần như nguyên-văn, đăng trong mẫu quảng-cáo: "Trăm Con, tờ báo của những người trẻ không mặc-cảm quá-khủ" (*Hợp-lưu* số 5, trang 26).

(4, 5, 6, 7, 8) *Đất Mới*, tháng 8.1989.

(9) *Đất Mới* tháng 9.1989, trang 52.

(10) Ý-tưởng và cách diễn-tả của đoạn văn phỉ-báng văn-chương dẫn

thân (chống Cộng) của Nam Dao trên đây, mới đây đã được sao chép lại trên tờ *Hợp-Lưu* số 6, tờ báo hậu-duệ của *Đất Mới*:

"Các văn-nghệ-sĩ hưởng lạc chỉ làm văn-nghệ, nên mới có các nhà ái-quốc an-ổn, áo quần sùng-sính to tiếng hô-hào đoàn-kết và chống Cộng rập khuôn thời Cộng-hòa (đệ nhất và đệ nhị). Họ lớn tiếng lập đi lập lại điệp-khúc yêu nước cũ... như những con vẹt. Nhưng dù có bộ lông sặc-sỡ và trong lồng son yêm ấm; dù rền-rĩ véo-von tới đâu, vẹt cũng vẫn là vẹt. Chỉ cần có ý-kiến khác, lập-tức thành "làm lợi cho CS." Vũ Huy Quang, trang 19, bài *Cấm-vận và phỉ-báng*.

(11) *Đất Việt*, tháng 8.87, trang 3

TÀI LIỆU:

linh sao mãi mãi vào chi đây

vào là "vô thường" của đời
nhiều khổ lụy, mới đáng

Mới thành thật xin lỗi tác giả
đăng lại toàn bài:

5 vườn

lai mới tậnh cơn mưa
ba bụi hững trời trưa lúc nào
thời mây nhẹ lên cao
ng minh sao mãi mãi vào chi đây
công tìm khắp Đông Tây
y hạnh phúc ở ngay lòng mình!

Từ nào cho...
30 - 4 - 1992.

Giới thiệu

- Do thiếu hụt ngân sách, *Đất Mới* sẽ phải đình bản.
- Căn cứ vào nội dung phong phú, đa dạng, nghiêm túc.
- Căn cứ vào nỗ lực cố thật của nhóm người chủ trương trong vấn đề hòa giải dân tộc.
- Quang Việt xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

Tạp chí Hợp Lưu

- Nếu muốn, bạn đọc có thể nhờ *Đất Mới* chuyển thẳng số tiền mua dài hạn còn lại cho *Hợp Lưu*. Và bạn sẽ tiếp tục nhận *Hợp Lưu* cho đến khi hết hạn.

ĐẤT MỚI, tháng 7 & 8 năm 1992, trang 5

chính khí ca

Người trên bờ biển Bắc,
Ta đứng ở phương này,
Lũng sâu chìm đáy mắt
Vách núi dựng tường mây.

Gió mưa đời hiu hắt,
Lòng ta người có hay?
Lũng sâu đầy bóng giặc
Vách núi ta còn đây.

Bốn phương trời, gió lộng,
Người vẫn sắt thép dày!
Dầu sấm dưng, vũ động,
Chính khí vẫn còn đây.

Ta biết người không hèn,
Một giờ không khuất nhục
Chi lớn quyết trau rèn,
Đội nhau ngày bão phục.

Ta biết người, lòng đau
Xót quê trời héo rữa

Người trăm họ u sầu
Khắp gông cùm, thú dữ.

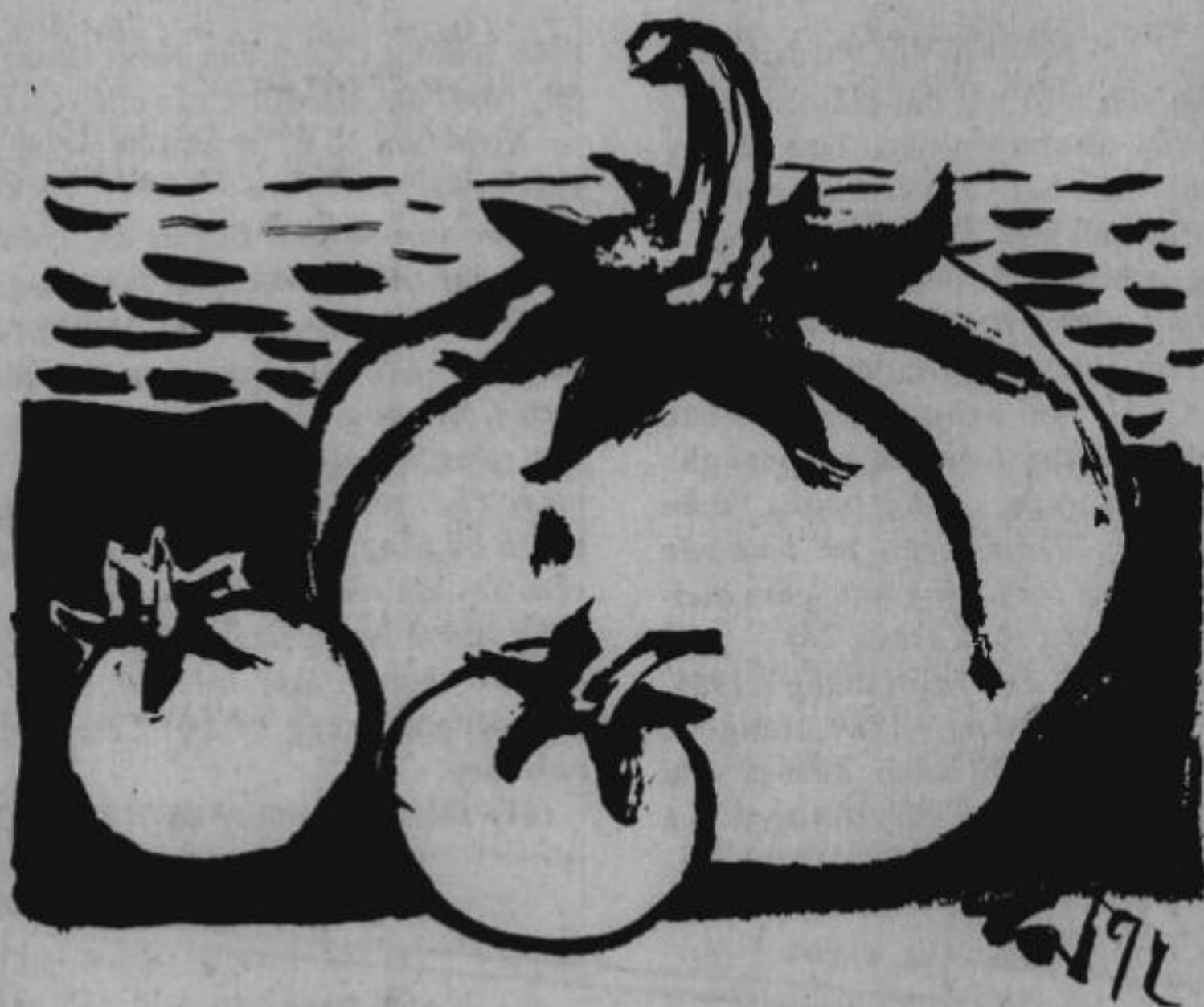
Giặc thù ta, lang sói.
Ăn cướp lẫn ăn mày.
Giặc thù như đĩa đói,
Trơ mặt khắp đông, tây.

Giặc thù đi hai chân,
Mài nanh, câu nhân nghĩa
Đình trí tuệ: bần cùng!
Xác Hồ và bãi la!

Ta biết người vẫn còn,
Quê hương trời phải sáng,
Chính nghĩa vẫn trường tồn,
Tương lai, ngày nắng rạng.

Trượng phu hề, uy dũng!
Lửa người đỏ bên trời,
Đông, tây hề, núi dựng!
Gió bão lộng trùng khơi!

nguyễn huy phước



Cà

Trần Văn Tích

Trong thực đơn hàng ngày của người phong lưu dư dả không có cà. Nó là rau dưa thanh đạm của kẻ *bất phong lưu* (1), như Lý Văn Phức từng tự nhận

*ăn thì tính sớm lo trưa
chén cà muối xối, đĩa dưa cải
trường.*

Cảnh sinh hoạt hàn nho, dù là của con người Thăng Long hay xứ Nghệ, dù là của nhân vật lịch sử hay hư cấu, thì cũng là một kiểu như nhau: Lưu Bình cũng đã từng ngậm ngùi khi được bạn

*dọn lưng cơm với một quả cà,
ăn chẳng được anh liền phần chí...*

Nhưng dầu vậy không ai đành tâm bội bạc với quả cà. Trái lại con người Việt Nam đã từng biết đến cà từ những ngày viễn cổ. Trong buổi bình minh khai quốc, khi tiếng trống đồng còn vang dội vào mỗi ngày lễ hội lớn, nòi Việt đã dùng cà làm thực phẩm bên cạnh bột quang lang, hạt lúa nếp. Thì Thánh Gióng đã chẳng thấy cuộc đời mình gắn bó chặt chẽ với luống cà quả cà đầy ư? Thần thoại kể rằng mẹ Gióng chuyên nghề trồng cà, khai thác một vườn cà làm nguồn lợi tức sinh nhai. Bà thụ thai khi một hôm ra vườn cà thấy một vết chân người to lớn in hằn trên luống cà; bà ướm

chân mình vào đấy và từ đó bắt đầu hoài thai Thánh Gióng (2). Sinh con xong, bà lại trồng cà, mò cua bắt ốc, sớm tối rau cháo nuôi con. Và rồi khi cần lớn nhanh như thổi để chống cường địch thì nguồn thực phẩm của Phù Đổng Thiên Vương cũng vẫn là cà: dân Kẻ Đổng đã gom góp của cải soạn một bữa tiệc có *bảy nong cơm, ba nong cà* để tiễn chân Gióng ra trận. Cà đã là thức ăn duy nhất trong bữa ăn thịnh soạn đãi khách anh hùng!

Rồi cây cà sẽ bầu bạn với tổ tiên suốt chặng đường dài lịch sử, xuyên trọn đại dương thời gian. Trong khuôn khổ nền kinh tế tự cung tự cấp của người nông dân Việt Nam, cà bát, cà pháo luôn luôn có mặt, góp lời. Cọng rau muống thả trên mảnh ao con, cây cà pháo trồng sau khu vườn nhỏ là thức ăn *gia bản*:

*thịt cá là hương hoa, tương cà là
gia bản.*

Hàng ngày, người bà người mẹ làm tương thay mắm; hàng tuần người chị người vợ chăm sóc vun quén cây cà lấy quả dầm tương. Người ta tính toán hết cả, dự trù mọi sự cho việc chi tiêu hàng năm hàng tháng: Tết, giỗ, đám cưới, đám ma, việc họ, việc chi, việc phái,

việc làng... Trồng bao nhiêu đậu xanh cho ngày kỵ mẹ, gieo bao nhiêu sào nếp cho kỳ cúng thành hoàng. Bầy gà, lứa heo được chăm nuôi theo kế hoạch: con gà này *om* dành ngày Tết, con lợn kia *thúc* lo việc làng. Thửa vườn lớn bằng mảnh khăn lau mặt cũng được phân vùng sản xuất: mấy gốc chè để nấu nước, một dây trầu để đãi khách, cây nhài để ướp trà, cây mít để lấy quả, giàn bầu giàn bí để nấu canh, liếp hành liếp ngò làm gia vị... Và nhất định phải có một đôi luống cà pháo cà bát:

*Tháng chạp là tháng giồng khoai
Tháng giêng giồng đậu, tháng hai
giồng cà
hoặc*

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai giồng đậu, giồng khoai,
giồng cà*

Chừng nào còn *ao rau muống*, còn *đầy chum tương* thì có thể coi như cuộc sống ổn định, yên bình, tạm đủ những nhu cầu thiết yếu:

Nhà em có vại cà đầy

*Có ao rau muống, có đầy chĩnh
tương...*

Những người mẹ, người chị, người vợ Việt Nam đã sinh sống trong khung cảnh đó, đã lớn lên theo nếp nghĩ đó; đã, qua bao đời,

hái củi, trồng cà, muối dưa, vớt bèo, chăn lợn:

*Chiêm xong lại đến vụ mùa,
Hết mùa rau muống đến mùa cải
hoa.*

*Dừng khinh dưa muối tương cà...
Vườn cà như một khu công viên
bỏ túi, ở đây người ta có thể gần
hữu ích với thú vị:*

*Rủ nhau đi dạo vườn cà,
Cà non chấm mắm, cà già làm
dưa.*

hoặc:
*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm
xuân.*

Cho nên cây cà đã đặt chân vào
văn chương bác học từ rất sớm. Bài
phủ *Vịnh Hoa Yên* tự của vị tổ thứ
ba dòng Thiền Trúc Lâm là sư
Huyền Quang Lý Đạo Tái đã nhắc
đến vò cà hũ tương:

*Cấp nạnh cà một dờ, tương một
lũ.*

Đáng chú ý là lối phát âm của tiếng
Việt cổ được chữ Nôm ghi lại: đời
Trần vò là dờ, hũ phát âm là lũ.

Rồi quả cà đi vào truyện Nôm
dân tộc:

*...Lưu trông ngán nỗi gần xa,
Bát cơm nguội hẩm, đĩa cà mồi
meo...*

(Lưu Bình Dương Lễ)
hay vào thi ca ngâm vịnh:

*Cải chữa ra cây, cà mới nụ
(Nguyễn Khuyến,
Bạn đến chơi nhà)*

Với một phong thái thực là tự
nhiên thoải mái, cây cà nhẹ gót
bước vào vốn liếng ý tứ của nhà
thơ. Chúng ta sẽ thấy rõ điều này
nếu thử so sánh Yên Đỗ với Đỗ
Phủ. Đỗ Thiệu Lăng cũng từng có
khách đến thăm trong cảnh thiếu
thốn, quần bách và thi nhân chỉ có
chút rượu do nhà tự nấu để đãi:

*Bàn sơn thị viêm vô kiêm vị,
Tôn tửu gia bần chỉ cữu phối.*
Trần Trọng Kim dịch thơ:

*Xuềnh xoàng mâm chén, chợ xa,
Có vò rượu cũ của nhà nấu thôi.*
Còn ngoài ra, không hề thấy nói
đến cà, đến cải, đến mướp, đến bầu.
Như nhà thơ của nhà giáp Đông
làng Vị Hạ hoặc như nhà thơ của

phong tục Việt Nam, khi mô tả sản
phẩm bày bán nơi chợ búa thị
thành:

(...)
*Bến Thành chợ rộng tứ vi,
Mấy cửa hàng xén ở thì luôn năm.
Chỗ ăn chỗ bán chỗ nằm,
Ba-tăng tiền thuế bạc trăm không
cần.*
*Ngoài thời cà mướp cau trầu,
Chuối dưa măng mít bông rau cải
hành.*

*Bắp khoai cam quýt ớt chanh,
Già giò vịt để cua xanh tôm càng...*
(Nguyễn Liên Phong,
Nam-kỳ Phong-tục
Nhơn-vật điển ca)

Nhưng cà cũng đã từng được bậc
danh sĩ đất Diên Hà đan củ trong
bộ bách khoa toàn thư *Văn đài loại
ngữ*, chương *Phẩm vật loại*: "Loại
cây cỏ ở nước Nam có nhiều thứ
quí: dưa hấu ở thành Cổ Lộng và ở
Lai Khê, cà ở trại An Lũng và xã
Đại Lữ, khoai ở bến Đông Dư, củ
mài ở làng Cổ Pháp, vải ở làng An
Nhân, bưởi ở xã Đông Lao; đều là
thượng phẩm, do đất ở các nơi vừa
kể lầy, tốt; khí hậu hợp với cây". Cà
được ghi bằng chữ Hán là gia, An
Lãng tức là Kẻ Láng.

Và tất nhiên là trong tiếng nói
dân dã, cà xuất hiện theo tần số còn
cao hơn nữa. Biết bao khổ ca dao
lục bát với nét nhạc uốn lượn hằng
nhắc đến cà.

Nhớ người yêu tha thiết, thương
người thương mặn nồng, cô thôn
nữ được so sánh ngay với cà và
muối:

*Mình nhớ ta như cà với muối,
Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng.*

Khi cà với muối hoà hợp — như
mình với ta — thì thành loại thức
ăn vừa của hằng ngày vừa để dự trữ
rất phổ biến nơi đồng quê thôn
xóm. Cũng là nhớ, cũng là thương
mà Thúy Kiều thì trang trọng, điển
nhã:

*Tưởng người dưới nguyệt chén
đồng*

*Tin sương luống những rày trông
mai chờ.*

Cũng là nhớ, cũng là thương mà
người chinh phụ thì sâu sắc, xót xa:

*Trời thăm thăm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.*
Nhờ cà nhờ muối nỗi nhớ lòng
có gì là lạ vì bốn mùa rau đậu đều
thể thiếu được cà:

*Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở Kẻ Láng vốn nhà trồng rau.
Rau thơm, rau húng, rau mùi,
Thìa là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.
Mồng tơi, mướp đắng, ớt, cà,
Bí đao đậu ván, vốn nhà trồng
nên,*

*Anh giúp em đôi quang tám để cho
bền,*

*Mượn người lịch sự gánh lên kinh
kỳ...*

Có lẽ cũng vì lòng trân trọng
thương yêu cây cà cây bí nên cháu
bé chăn bò trên lưng con bò mẹ chở
về nhà vào lúc hoàng hôn cũng lại
gắn cây cà vào cọng vật mà cháu
cưng chiều, con bê con đang mãi
miết ăn hết đám cỏ nọ lại ngoạm
đến chòm cỏ kia, quá ham ăn háu
đói mà không chú ý theo đàn. Cháu
triu mền gọi con vật ấy là *mế*, cháu
lành lảnh cất tiếng gọi nó trở lại với
bầy:

*Mế ơi là con bò Mế!
Mế hương, mế hoa,
Mế cà, mế rọ,
Mế ở ba mùa,
Ai mua chẳng bán,
Ai hoạn chẳng cho,
Cắt cỏ ăn no,
Cày bừa cho đỡ mẹ Mế,
Mế ơi là con bò Mế!*

Cho nên mang thân phận *chiếc lá
lìa rừng*, người ta nhớ quay nhớ
quất những món ăn quen thuộc cũ
trong đó có cà; và qua nhớ quả cà,
người ta nhớ người thương:

*Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm
tương.*

*Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm
nao.*

Bởi vì cơm với cà tuy hai mà là như
một:

*Ấy ngày mồng sáu tháng ba,
Ăn cơm với cà đi hội chùa Tây.*

Nhưng cà còn có thể là đặc sản
được ưa chuộng của một miền đất
nước, chẳng hạn của huyện Yên

Định, tỉnh Thanh Hoá:

Ai về nhớ vãi Định Hoà,
Nhớ cau Hồ Bái, nhớ cà Đan Nê,
Nhớ dừa Quảng Hán, Lưu Khê,
Nhớ cơm chợ Bản, thịt dẻ quán
Lào.

hay của làng Láng tức làng An
Lãng, huyện Từ Liêm, Hà Nội:

Dưa La, cà Láng, nem Báng,
tương Bản,

Nước mắm Vạn Vân, cá rô đầm
Sét.

Riêng con người phong lưu lịch
duyet như Tản Đà thì lại cho rằng
"cà pháo ở Nghệ An ngon có tiếng,
tôi nếm qua Vinh thường được
ăn", do đó mới có thơ:

Long Xuyên chén mắm, Nghệ An
chén cà.

(Thú ăn chơi)

Và những mối lương duyên keo
sơn bền chặt, thuận vợ thuận chồng
cũng được xem là những thiên tình
ca sai cả nhiều sọt:

Cô kia đi đường này với ta,

Trồng bông bông tốt, trồng cà cà
sai.

Cô kia đi đường ấy với ai,
Trồng bông bông héo, trồng khoai
khoai hà.

Khi những tâm hồn khoáng đạt
(hay thơ đại) hát hò bằng quơ, chỉ
cần lời mà chẳng cần ý, chỉ có kể lể
đan củ mà không có quan hệ hồi
tưởng hay liên tưởng, chỉ có mối
tương liên về mặt ngữ âm, về mặt
vận luật mà không có gắn bó chặt
chẽ về mặt nội dung, về mặt hàm
nghĩa... thì cây cà cũng không vắng
bóng:

Cái sáo mặc áo em tao,

Làm tổ cây cà,

Làm nhà cây chanh.

Độc canh bờ giếng,

Mỗi miệng tiếng kèn.

Hỡi cô trồng sen,

Cho anh cái lá.

Hỡi cô trồng bưởi,

Cho chàng hái hoa...

Đó cũng là trường hợp một đoạn

đồng dao:

Một cụm cà là ba cụm lý,

Con nhà ông lý mặc áo tía tó...

Đành rằng bát cơm quả cà của
đồng quê giản dị là món ăn phổ biến,
quen thân nhưng nếu chỉ và cơm
với nước muối cà thì lại là chuyện
khác:

Tiệc thay hạt gạo tám xoan,

Thối nời đồng điệu lại chan nước
cà.

Gạo tám xoan thượng hạng nấu
bằng nời đồng điệu, mà chỉ được
chan nước cà mặn chát thì phí cả
gạo ngon, nời quý.

Nhưng có cà để ăn mà cứ phải ăn
hoài, ăn năm này sang tháng khác
trong khi làm lụng vất vả thì cũng
là một cực hình. Đó là cảnh ngộ tội
nghiệp của chàng trai ở rể nhà
người:

Công anh làm rể Chương Đài,

Ăn hết mười một, mười hai vại cà

Giếng đâu thì dất anh ra,

Kẻo anh chết khát vì cà nhà em.

Cùng tình trạng đáng thương đó
là những bác lực điền, những o thợ
cấy nặn nhàn của các chủ điền keo
kiệt, bần xỉn:

Nghàn muôn chớ cấy Kẻ La,

Cái tương thì thối cái cà thì thâm.

Vì quả cà là thức ăn gia bản nên
nó đã gia nhập đội ngũ thành ngữ:
cơm hầm cà thiêu là tình cảnh ăn
uống kham khổ, cơm thì thối với
gạo hầm và món ăn thì chỉ có cà
thiêu. Dẫu sao ngày nào còn ở quê
hương, quả cà cộng muống vẫn là
rau dưa thường nhật. Nơi đất lạ cà
lại trở thành trân phẩm và đãi
khách bên này có rau dưa tương cà
lại hoá ra thịnh soạn. Tuy nhiên
chắc rằng ngày tái ngộ quả cà cộng
muống cũng sẽ không xa.

Chú thích:

1. Bất phong lưu truyện là tên tác
phẩm văn vần của Lý Văn Phức
với nội dung mô tả cuộc sống giản dị,
không xa hoa.

2. Theo truyện Đồng Thiên Vương
trong Lĩnh Nam Chích Quái và Phù
Đồng Thiên Vương trong Thiên Nam
Ngữ Lục thì Thánh Gióng có cha.

bạn hiền

gửi Hà Huyền Chi

Bốn bề gặp nhau lạ hoá quen
Xiết tay một cái dễ gì quên
Dấu xưa lạ hoắc giờ huynh đệ
Xương hoạ tâm đầu Lý Bạch ghen

Ta còn gì nữa để cho nhau
Ngoài nỗi chung mang một khối sầu
Nhớ nước, thương quê cung kiếm gầy
Tháng năm hoài niệm bạc đầu râu

Xa cách hai phương tình vẫn đậm
Dặm dài chưa tận nghĩa vẫn chương
Trùng trùng nửa chén còn say khướt
Phiêu bạt trăm năm vẫn nhớ thương

Độc ẩm trăng suông ly rượu nhạt
Đang môi nhớ bạn chín phương xa
Kẻ trong tù ngục, người trôi giạt
Uống mãi chẳng vui nổi xót xa

Hội ngộ mai này bạn với ta
Cung ly cùng hát khúc tâm ca
Biển dâu thành bại bao năm cũ
Còn lại cho nhau một tiếng khà.

trần ngân tiêu



Các Trò Chơi của Trẻ Con Miền Nam

Xuân Tước



Văn hoá, phong tục được thể hiện trong văn chương bình dân với ca dao tục ngữ cũng như được thấy trong các bài hát của trẻ con. Ở miền Nam Việt Nam, trẻ con có nhiều trò chơi đi đôi với bài hát, khiến trò chơi linh động hơn. Trong bài này, chúng tôi xin nhắc lại các trò chơi đó cũng như các bài hát mà trẻ con ưa thích.

Chặt cây dừa...

Như các bạn đã biết, miền Nam Việt Nam ngày xưa là vùng đất của người Miên, được gọi là Thủy Chân Lạp. Khi cuộc di dân của người Việt đổ xuống thì người Miên rút lui về phía tây. Từ đó, người Việt bắt đầu phá rừng làm ruộng hoặc làm rẫy. Rừng mới phá được đốt thành tro. Chất tro này là một loại phân bón kỳ diệu. Mùa đầu cấy lúa, người ta có thể thu hoạch đến 30 gạ cho một công đất. Số năng suất đó giảm dần mỗi năm. Cho đến khi chỉ còn được chừng 5 gạ mỗi công thì người ta thay đổi kỹ thuật, quay ra khai mương lập vườn. Nông dân khai thông nhiều kinh rạch, rồi lên bờ lập vườn. Mương vườn đổ ra kinh, rạch xả nước phèn, làm cho đất được tốt hơn. Thêm vào đó, mỗi năm sông Cửu Long mang vào các mương vườn một lớp phù sa màu mỡ. Người ta móc lấy đất đó bồi lên vườn, làm cho đất không bao giờ già cỗi. Loại cây dễ trồng ở vườn nhất là dừa. Dừa trồng 4 năm thì có trái. Độ 20 năm thì cỗi phải thay

lớp mới. Xen lẫn với dừa, còn nhiều loại cây ăn trái khác, mang thêm lợi tức cho dân quê. Trẻ con sống trong yên lành nhờ nước dừa ngọt mát, cây trái bốn mùa nên vui chơi ca hát:

Chặt cây dừa,
Chừa cây mọng.
Cây tầm phọng,
Cây mía lau,
Cây nào cao,
Cây nào thấp,
Cây mía vấp.
Cu hòn, con chạy...

Vào những đêm trăng sáng, khi vườn tược đã thành khoảnh, khi lúa thóc đã vàng sẫm, thì cạnh bên cha mẹ xay lúa hay giã gạo, bọn trẻ cũng bày ra trò chơi "Chặt cây dừa". Chúng sắp hàng dài, nhìn về phía một đứa đứng ngoài, rồi nắm tay nhau, chúng cùng hát bài nói trên. Đứa nhỏ đứng ngoài hỏi: "Ăn gì?". Những đứa trong hàng liền chạy ra, nói nhỏ vào tai đứa đứng ngoài. Phải nói tên một loại trái cây chứ không được nói gì khác. Xong, đứa đứng ngoài chỉ những đứa trong hàng, nói "Ăn ổi", thì đứa chọn ăn ổi trong hàng phải chịu thua, chạy ra thay cho đứa đứng ngoài. Rồi bọn trẻ lại hát và trò chơi lại tiếp tục.

Trò chơi này nhằm đề cao sự phong phú của vườn tược miền Nam. Nó cũng giới thiệu mọi thứ cây trái ngon lành của vùng nước ngọt, dừa sai, cây nặng trĩu trái, thứ gì cũng có: ổi, xoài, mận, cam, quýt,

thơm, khóm, bưởi, măng cầu... Thứ nào cũng ngon, cũng ngọt. Dừa già thì "chặt cây dừa" rồi "chừa cây mọng" là để dành các cây dừa tơ. Các loại cây có lợi tức thấp như cây mía lau hay cây mía vấp cũng như những loại cây mọc hoang như cây sậy hay cây tầm phọng thì bỏ đi. Và sự khai mở vườn tược cứ thế mà tiến hành, mang lại sự trù phú cho khắp miền Nam.

Thầy bắt rắn:

Trong trò chơi này, một người đóng vai "ông thầy" ngồi giữa. Rồi bọn trẻ ôm eo ếch nhau, đi về phía ông thầy, vừa đi vừa hát:

Kinh, kinh cang,
Bà phú lang,
Ông thầy thức, ngủ?

và hỏi: Ông thầy có nhà không?

Ông thầy nói: "Có", rồi tiếp: "Cho xin khúc đầu".

Bọn trẻ đồng thanh: "Đầu để đầu đi".

Ông thầy: "Cho xin khúc giữa".

Bọn trẻ không chịu: "Giữa để giữa đi".

Ông thầy đòi hỏi: "Cho xin khúc đuôi".

Bọn trẻ chống đối: "Đuôi để đuôi đi".

Thế rồi bọn trẻ xông vào chụp lấy ông thầy. Ông thầy chống lại. Bọn trẻ vừa quăn ông thầy vừa hét: "Mạnh thầy thầy ăn, mạnh rắn rắn ăn". Chỉ một lúc sau ông thầy bị hạ.

Trò chơi này phải chăng đã nói lên tấm lòng ái quốc của người dân

quê miền Nam. Thực dân đánh chiếm nước ta, biến Nam kỳ lục tỉnh thành thuộc địa (khúc đuôi) và hai miền Trung Bắc thành xứ bảo hộ (khúc giữa và khúc đầu). Con rấn Việt Nam gồm ba miền Nam Trung Bắc liền kết hợp để chống lại "ông thầy" là bọn thực dân. Cuộc chiến của "con rấn" chống "ông thầy" này đã diễn ra từ khi Pháp đặt chân lên đất nước Việt Nam năm 1862 cho đến khi phải cuốn vó chạy dài năm 1956. Nói là rấn chứ thật ra là rồng, và suốt cả trăm năm dài, "con rồng cháu tiên" đã không ngừng chiến đấu với "ông thầy Phú-lang-sa" để giành lại nền độc lập và thống nhất cho đất nước.

Qua trò chơi này, trẻ con không những chỉ vui đùa mà còn nêu cao lòng ái quốc trong cuộc chiến gay go chống thực dân. "Khúc đầu", "khúc giữa", "khúc đuôi" gì cũng không tương nhượng. Lãnh thổ của ta phải nguyên vẹn đời đời...

Tùm nùm tùm niệu

Bọn trẻ ngồi thành vòng tròn, nắm tay lại chồng lên nhau thành một trụ cao. Vừa chồng nắm tay chúng vừa hát:

*Tùm nùm tùm niệu,
Tay tí, tay tiên.
Đồng tiền, chiếc đũa,
Hột lúa ba bông.
Ăn trộm trứng gà,
Bù-sa, bù-sít.
Con rấn, con rít,
Thì ra tay này!*

Câu hát chấm dứt ngay chỗ nắm tay nào thì đứa trẻ có nắm tay đó bị thua, phải đứng ra công các đứa khác một vòng rồi trò chơi lại tiếp tục. Bài hát và trò chơi này nói lên sự đoàn kết của dân ta (tùm nùm tùm niệu), mọi người góp công góp của để chống lại bọn giặc cướp, và rốt cuộc bọn giặc cướp ấy cũng bị lòi mặt dù có ẩn nấp nơi đâu.

Bắt mọi Cà-la-du:

Hồi nhà văn Bình Nguyên Lộc còn sinh tiền, chúng tôi đã cãi nhau về trò chơi này. Hôm ấy anh em văn giới chúng tôi họp nhau tại nhà in của anh Huỳnh Văn Lợi ở bến Chương Dương. Tô Nguyệt Đình

vừa thắng cuộc và làm anh bán bò vô viên sập tiệm, mang vào cho chúng tôi 800 viên thịt bò để nhậu chơi và đấu láo. Hôm đó có mặt anh em toà soạn *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* (bộ mới, xuất bản ở Sài gòn năm 1960-1961 do Huỳnh Ngọc Đại làm chủ nhiệm). Anh Bình Nguyên Lộc vừa cho đăng một bài trên báo *Thời Nay* về nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt, nhan đề là *Một trò chơi, một hình ảnh lập quốc*. Trò chơi đó như sau:

Trẻ con chia ra làm hai phe, vạch ranh giới trên sân đất, rồi cả hai phe đều hô to lên câu sau đây: "*Bắt mọi Cà-la-du, chống khu bắt mọi*". Sau khi hô, cả hai phe đều vượt biên giới sang vùng địch để bắt người của bên kia về làm dân "nước mình". Trò chơi cứ diễn đi diễn lại mãi như vậy độ một tiếng đồng hồ thì một bên chỉ còn rất ít dân và đành phải đầu hàng.

Trong trò chơi này, sức mạnh không phải là yếu tố duy nhất để thủ thắng mà chiến thuật xem ra trọng yếu hơn trong việc hơn, thua.

Lúc chia phe, trẻ con chia đều về số lượng, nhưng được phép chọn lựa người của phe mình. Sự chọn lựa không căn cứ trên sức vóc mà dựa trên tinh thần kỷ luật của các cá nhân. Thường thì mỗi bên, một đứa bé lanh lợi tự đứng ra làm thủ lãnh, và đứa bé thủ lãnh chỉ chọn đứa trẻ nào chịu phục tùng mạng lệnh của nó mà thôi. Như vậy bên nào cũng có đứa bé nhỏ, yếu ớt và đứa cao lớn, khoẻ mạnh. Tự nhiên mà thế quân bình thành hình. Trong tình trạng đó, trẻ con phải nghĩ ra chiến thuật chớ không thể chỉ trông cậy vào sức mạnh.

Chiến thuật này rất đơn giản. Chúng cho 3 đứa khá khoẻ đi bắt một đứa rất khoẻ ở bên kia, hy sinh các binh sĩ yếu đuối, tha hồ cho đối phương bắt bao nhiêu mặc kệ. Các tù binh, theo ước lệ, phải trung thành với chủ mới, và bắt được 3 tù binh khoẻ thì 3 tù binh này về sau sẽ thành sức mạnh bắt những quân địch yếu hơn, đôi khi 1 chiến sĩ khoẻ bắt được tới 2 chiến sĩ yếu bên

địch.

Anh Bình Nguyên Lộc cho biết, anh đã nghiên cứu kỹ, không thấy nói miền Nam có trò chơi "Bắt mọi Cà-la-du" này, miền Trung cũng không có, có thể là ở miền Bắc, do ảnh hưởng của việc tranh thắng giữa các bộ lạc thời xưa.

Anh Lê Văn Trương người miền Bắc, tác giả nhiều tiểu thuyết luận đề nổi tiếng ngày xưa, (qua đời từ lâu), nói: "Tôi không nghe thấy có trò chơi này ở miền Bắc Việt Nam". Thẩm Thệ Hà (mất cách đây 2 năm)

vẽ hộ em nét mày

*Em mở lòng kinh Thánh
Chàng đến xông hương trầm
Em tặng đóa sen hồng
Chàng ướp vào kinh Phật*

*Ngày rằm chàng nằm đất
Gối đầu kinh Liên Hoa
Chúa nhật em xem lễ
Môi thơm lời Thánh ca*

*Chúa nghiêng mình Thánh giá
Ôm em gần vết thương.
Phật vẩy nước cành dương
Chàng sưng hờn an lạc.*

*Trên gác chuông vời vời
Em dấu trái tim ngoan
Chàng qua cổng tam quan
Viết tặng em bài kệ!*

*Ôi! Đất Phật xa xăm
Cách ba ngàn thế giới
Nước Chúa tận thiên đàng
Gót trần làm sao tới!*

*Thôi hãy ngồi xuống đây
Ngắm đường ngôi em rẽ
Vẽ hộ em nét mày
Ta chung đời dâu bể.*

*Chúa, Phật đều rộng tâm
Tình yêu như tín ngưỡng
Hãy trút vào đời nhau
Nước sông Hằng vô lượng.*

trần mộng tú

quê ở Trảng Bàng, Tây Ninh thì nói rằng: "Có thể đó là cuộc tranh đấu lẫn lộn dân mọi (thiếu số) ở vùng phía bắc miền Nam". Anh Tô Nguyệt Đình (cũng đã mất) và chúng tôi thì căn cứ vào tiếng "chống khu" là tiếng miền Nam, cho rằng trò chơi "Bắt mọi Cà-la-du" phải là chơi của trẻ con miền Nam. Anh Bình Nguyên Lộc vẫn không đồng ý. Rồi thì 800 viên thịt bò bay mất, cả chục chai bia cũng tiêu mà vấn đề vẫn chưa ngã ngũ.

Khi anh Bình Nguyên Lộc sang Hoa kỳ, chúng tôi có nói chuyện điện thoại với nhau hàng tuần. Nhắc lại chuyện này, anh Lộc cười hì hì, nói: "Mọi Cà-la-du chắc là mấy viên thịt bò mà mình đã bắt hết đó chứ gì!"

Cho đến ngày nay, người viết bài này đã 72 tuổi, vẫn chưa biết rõ trò chơi "Bắt mọi Cà-la-du" xuất xứ từ miền nào của Việt Nam. Mong được độc giả hiểu biết hơn chỉ giáo.

Bắc kim thang:

Vào những đêm trăng sáng, các em quây quần lại, mỗi tốp chừng ba bốn em, nắm tay nhau thành vòng tròn, rồi xoay người lại, chân trái xỏ rế lẫn nhau, sau đó buông tay, vừa vỗ tay vừa nhảy cò cò bằng chân phải, miệng hát nhịp nhàng. Nếu em nào té là thua, phải công lẫn lượt các em kia hoặc bị búng vào tai. Bài hát như sau:

*Bắc kim thang cà lang bí rợ,
Cột qua kèo là kèo qua cột,
Chú bán dầu qua cầu mà té,
Chú bán ếch ở lại làm chi.
Con le le đánh trống thổi kèn,
Con bìm bịp thổi tờ tí le tờ le...*

Tập tầm vông:

Đây là một điệu hát đơn giản. Hai em ngồi đối mặt, vừa hát vừa vỗ tay. Câu đầu: mỗi em tự vỗ tay; câu hai: tay mặt em này vỗ tréo qua tay mặt em kia; câu ba: mỗi em tự vỗ; câu tư: tay trái em này vỗ qua tay trái em kia. Và cứ thế tiếp tục.



*Tập tầm vông,
Chị lấy chồng,
Em ở vá.
Chị ăn cá,
Em mút xương.
Chị nằm giường,
Em nằm đất.
Chị húp mật,
Em liếm ve.
Chị ăn chè,
Em liếm bát.
Chị coi hát,
Em vỗ tay.
Chị mang giày,
Em chân đất.
Chị hành khát,
Em xỏ tiền.
Chị đi thuyền,
Em đi bộ.
Chị kéo gỗ,
Em lợp nhà.
Chị trồng cà,
Em trồng bí.
Chị tuổi Tý,
Em tuổi Thân.
Chị tuổi Dần,
Em tuổi Mẹo.
Chị kéo kẹo,
Em nấu đường.
Chị trồng thơm,
Em trồng khóm.
Chị dạo xóm,
Em coi nhà.
Chị thờ cha,
Em nuôi mẹ.
Chị trồng họ,
Em trồng hành.
Chị để dành,
Em ních hết.
Chị đánh chết,
Em la làng.
Chị đào hang,
Em chun tuốt...*

Ngoài các trò chơi kể trên, trẻ con miền Nam còn có những bài đồng dao rất dễ thương như bài *Con chim mạnh mạnh*, bài *Ông già ông quét đường mương*...

Sắc thái văn hoá bằng bạc khắp nơi trong văn chương bình dân Việt Nam. Những câu ca dao, đồng dao; những bài hát, câu hò, trò chơi trẻ em... đã góp phần rất lớn trong việc trồng "cây văn hoá" ở nước ta.

Thoạt tiên, chẳng phải vì sự phơi mở cõi lòng ẩn mật của cô Dung đã làm tôi thích thú truyện ngắn *Say trắng* của Ngô Nguyên Dũng. Tôi ngạc nhiên thích thú vì trong truyện này nhà văn đã chạm tới, đã mổ xẻ cái “nhịp thời sinh chuyển mùa” của con người.

Hình như ở hải ngoại, có rất ít nhà văn bày tỏ thân phận người Việt với những niềm sinh thú gắn liền nhu cầu sinh thái trong mối liên hệ với khí lực thái âm của vũ trụ. Vì vậy sau khi đọc *Say trắng*, tôi hết sức chú ý đọc văn NND. Tôi yêu chàng Du và nàng Evi của anh trong *Trăng trên sông Hằng*. Và bên một ô cửa lãng quên của chính cuộc đời mình, hình như tôi cũng đã có nỗi ngậm ngùi “*vật vã trong cơn sốt lương tâm dày vò, rã rượi, mệt nhoài, vất người bên khung cửa ngán chia quá khứ với thực tại, trong và ngoài, khổ đau và hạnh phúc...*” giống như nhân vật Du trong *Cuối năm ô cửa hèn*.

*Đã về thu những bàn tay nín lặng
Thao thức sương treo muốn nói
một lời*

*Rơi rụng xuống vẫn im càn trác
ẩn*

*Trái quá mùa niu ngực lá phân
vân*

Thường Quán

Rất có thể những đoạn thơ trích đã khiến tôi cảm thấy cái chất thơ xa xót, hoang vu mà rất đời con người, rất đời hoang vu trong *Cái chết của bầy ve lãng mạn*. Và hình như cái nỗ lực phục sinh cho một “*dĩ vãng vừa qua đời*”, cho “*những niềm mát mát có thật trong tâm hồn*” của những thân phận xa xứ nơi NND đã làm tôi có ý nghĩ là hầu hết các nhân vật trong văn xuôi của anh đều là những kẻ hành hương bàng hoàng trong chốn tâm tình u uẩn của chính mình.

Tôi không đọc NND một cách tuần tự vì tôi biết anh hơi muộn. Việc đọc của tôi là sự lựa chọn tự nhiên tự do, là giấc mơ chợt đến, là ngẫu hứng khó ghìm khởi nguồn từ tâm thức. Tôi đọc hai tập *Dòng chữ tâm tình* và *Mười hai hoa cúc sau*

Kẻ Hành Hương Bàng Hoàng Trong Những Chốn Tâm Tình U-Uẩn

tùy-bút về một số truyện ngắn
của Ngô Nguyên Dũng

Dũng Văn



khi đã đọc vài truyện anh đăng trên *Làng Văn* gần đây. Giống như một đứa bé bước vào khu vườn nhiều cây cối hoa quả, tôi sờ, tôi hái và tôi ném ngay tấp lự những thứ có màu sắc hình thù gây ấn tượng và kêu gọi nhất. Không theo thứ tự mục lục, truyện nào có nhan đề gọi cảm

hoặc có vẻ lạ là tôi đọc trước.

Hẳn là không phải chỉ riêng tôi nhận ra sự tinh tế tài hoa của anh trong những truyện mà đời sống được cảm nhận chủ yếu bởi các em. Tôi đã mỉm cười thú vị khi thấy bé An (*Về một mùa xuân năm xưa*) mơ

hồ nhận ra những uốn khúc trong thế giới tình cảm của người lớn: “Ba và dì Mai cùng ly mạnh quá, rượu đỏ chòng chành rót thành vệt trên tấm khăn bàn trắng muốt. Ba hấp tấp giữ cổ tay dì Mai cho rượu khỏi sóng sánh. Một thoáng thật nhanh, An thấy ánh mắt má chau lại. Ba rút tay về vôi vàng, dì Mai luống cuống ngồi xuống ghế quay sang cùng với ly nước cam An cầm trên tay”. Nhà văn đã hé mở mối ẩn tình bằng cái nhìn của trẻ thơ hay là bằng ngòi bút tinh tế?

Sự ứng xử điềm tĩnh, đầy lý trí và rất văn hoá của vợ chồng Thức-Khanh sau ly hôn (*Những vì sao*) rốt cuộc đã chẳng mang lại cho tôi cảm xúc yên bình nào về số phận của bé Vi. Tôi đã quá biết những giọt lệ của người cha đơn độc trước đã đánh quá tay của định mệnh, nhưng có lẽ cái dư vang xé lòng nhất được bật ra từ những câu văn cuối cùng của thiên truyện: “Hai cha con chạy lảng xãng, miệng không ngớt gọi: Mi mi ơi.. me..eo me..eo... Những vì sao trên trời cao vẫn im lặng nhìn xuống. Có tiếng kêu của một loài thú mất chủ vang lên yếu ớt từ bụi rậm gần đó...”

Chẳng phải cho tới bây giờ tôi mới nghĩ tới những ai trong số chúng ta đã và sẽ là “nạn nhân của một chủ nghĩa, một đường lối chính trị sai lầm”. Bởi vậy, cái thai hải tặc trong buổi đầu đời 14 tuổi của bé Thảo trong *Nhật ký cuối năm*, cũng như tâm tưởng ấu thơ của bé Tâm và chú Đạt trong *Nắng đã tàn trên cây kim vũ* đã làm tôi phải tiếp tục nghĩ tới chủ đề nạn nhân và tội phạm một cách xa xót, kinh hoàng. Và không chỉ như vậy, *Bông cúc trắng* với dòng chữ nguệch ngoạc, ngọng nghịu của bé Thái trong truyện ngắn cùng tên cùng với món quà tặng mẹ nhân lúc xuân sang của bé Lý trong *Mai cài tóc rồi* đã đẩy tôi tới nỗi xúc động không thể ghìm nén. Rồi đây đám trẻ thơ bị nạn sẽ lớn. Những ai sẽ là người dám lấy cuộc đời mình bắc cầu tiếp nối vượt qua vực thẳm hận thù trong xứ sở ốm gầy xơ xác? Tôi

trân trọng sự tỏ bày đậm thấm đôn hậu những tâm tưởng ấu thơ hải ngoại của NND, bởi vì hơn lúc nào hết, nước mắt, nụ cười của trẻ thơ VN, dù là ở đâu, cũng có một khí lực nhiệm mầu khiến các chính khách nảy sinh những ứng xử khôn ngoan...

Nếu chỉ đọc những truyện ngắn đậm thấm tinh tế của NND viết về trẻ nhỏ và tuổi thơ của anh thì người ta sẽ dễ có cảm giác: anh thuộc loại nhà văn muốn đứng ngoài mọi ý thức hệ. Có lúc tôi đã chợt thoáng có ý nghĩ: anh là người tán đồng J.P.Sartre. Anh cũng cho rằng: Người trí thức không thể chỉ dựa vào một ý thức hệ nào nhất định. Muốn làm nhà văn theo cái nghĩa làm một người tự do thì phải vượt ra khỏi giai cấp mình và mọi giai cấp. Song thực ra thì “Ngày nay, mọi văn nghệ sĩ đều bị đẩy xuống cái thuyền thời đại của họ. Họ phải bám bụng mà chịu vậy, dù họ có cho rằng con thuyền ấy tanh ngòm mùi cá, rằng bọn cai tù ở trên thuyền quá nhiều, và tệ hơn nữa là con thuyền bị lạc hướng. Chúng ta đang ở giữa đại dương. Văn nghệ sĩ cũng như mọi người, phải bắt tay vào mái chèo khi đến lượt họ, chèo mà rán đừng chết gục, nghĩa là có thể sống mà tiếp tục sáng tác”. (A. Camus, *Sứ mệnh văn nghệ hiện đại*).

Dường như NND cũng đã “bị đẩy xuống cái thuyền thời đại” bằng chuyến xuất ngoại sang Tây Đức du học lúc anh mới 19 tuổi. Anh sớm có ý muốn “thích sống ở một nơi con người có được cái tự do tối thiểu: sống theo ý mình!” Tôi cũng không quên rằng cùng thời và khác thời với anh có rất nhiều văn nghệ sĩ cũng đã bị đẩy xuống cái thuyền thời đại của mình, song mỗi người mỗi khác và mỗi thế hệ cũng chẳng giống nhau. NND không bị đẩy xuống “cái thuyền thời đại” của anh như một thuyền nhân hoặc như một ngục sĩ. Sự “xuống thuyền” của anh cũng chẳng giống sự “xuống thuyền” của bộ đội CS

trước và sau năm 1945, sự “xuống thuyền” của quân nhân VNCH trước và sau 1975. Anh lại càng xa lạ với sự “xuống thuyền” trong tư thế một lao động xuất khẩu hay một tường nhân. Đọc những thiên truyện đậm đà tính tự thuật của NND, tôi càng nghĩ tới sự “xuống thuyền” khác nhau của các văn nghệ sĩ VN trong thế kỷ đầy sát và máu này, tôi càng nhận ra sự quằn quại bi tráng và thấm khốc của thân phận dân tộc. Anh đã kể chân thành bằng ngòi thứ nhất: “*Bến Tre Mỏ Cà* đã từng nổi tiếng là xứ của Việt cộng, bị quân thảo triển miên. Có thể vì lẽ đó mà ba tôi binh phe địch rõ rệt. Tôi có một người cha thiên tả. Nhà tôi chia làm hai phe. Đám đàn ông, phụ nữ sồn sồn tứ tuần trở lên đều mang nặng đầu óc phản chiến ‘ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản’. Còn đám con nít lỏi thì tinh thần quốc gia cao độ”. “Trong khi đất nước tan hoang vì chinh chiến, tôi ở Sài Gòn vẫn phe phỡn sống. Chỉ ăn học. Cuối tuần theo đám bạn thời thượng đi bát phở xem xi-nê hoặc đi nhảy đầm lậu...” (*Những kỷ niệm xanh*). Có lúc dòng tự thuật của anh có vẻ đùa đùa tếu tếu nhưng đậm mùi chua chát: “Thành thử cuộc chiến tranh ý thức hệ trong gia đình tôi chỉ âm ỉ cháy, chưa và sẽ không bao giờ nổ”... “Sau này, lúc nước mất, phe ta toi bởi hoa lá, địch còn ‘dụ’ phe ta về thăm nhà. Tôi sợ quá, tôi mà về chắc bị phe địch thứ thiệt... bắt bỏ bớt ba bốn bữa”. Phải chăng cuộc chiến tranh ý thức hệ đã thấm thấu quá sâu đậm vào đời sống gia đình anh, đời sống tâm hồn anh cái độc tố phân ly, chia cắt và ngờ vực của nó?

Có những lúc NND tỏ bày tâm tình của người Việt bị nạn bằng cái nhìn của một ý thức hệ rõ rệt. Rất ít khi ngòi bút của anh không thuộc hẳn về một ý hệ nào. Tâm tình các nhân vật trong *Mùa xuân xuôi nam* và *Bên kia rừng* chất chứa những uẩn ức đau buồn về thế sự. Cái lý do đã làm cho em gái của Nghĩa bị mất

trí thật là đau lòng. Người thì ẩn náu "trong triết lý nhà Phật", người thì "đề nén tư tưởng nổi loạn bằng thi ca", người thì "cả đời bơi lội trong những ảo mộng chính trị tự suy", người thì muốn "góp một tiếng nói vào cuộc đối kháng chế độ cộng sản về phương diện văn học". Tôi tâm đắc một cuộc hoá giải hơn là một cuộc đối kháng bằng văn học. Tuy vậy những ý tưởng của Lam (Mùa xuân xuôi nam) đã làm tôi vừa cảm động vừa u buồn:

"Chàng cựa quậy trong ý nghĩ phải góp sức vào trong công cuộc quang phục lại quê hương, dưới bất cứ hình thức nào: một chiếc lá mục làm phân bón cho đại thụ xanh tươi, một giọt nước góp thêm cho thành trận mưa monsum sau mùa nắng hạn. Chàng cũng chẳng từ chối là giọt máu truyền vào thân thể quê nhà đang lặn lẽ giấy chết vì hao mòn sinh lực". Có hơi yếm thế và bi quan quá không? Quê nhà "giấy chết" làm sao được? Dù trong lòng người Việt vẫn còn đó những hận thù chưa vơi, nhưng quê nhà chúng ta "chết" làm sao được khi mà còn có biết bao người Việt luôn nặng lòng với bốn phần và trách nhiệm làm người, khi mà còn có biết bao người Việt tị nạn ở hải ngoại hàng ngày hàng giờ "hướng về phía quê hương mù khơi rồi kêu lên một tiếng thăm nã" (Ô đêm)? Ấy là chưa kể tới những người Việt đang phải sống giả tạng như cầm diều để tìm và giữ cho mình một chỗ "tị nạn" ngay trên quê hương mình!

Có lẽ với Ngô Nguyên Dũng, thoát đầu viết là một đam mê, là để tháo gỡ những ẩn ức, là để tâm sự với người không quen, là để bắc cầu giao cảm với người xa lạ; nhưng sau đó viết không phải chỉ để giải tỏa những ẩn ức cá thể nữa. Trong những cuộc hành hương về dĩ vãng đời sống, trong những lần phục hiện những kỷ niệm xanh, những kỷ niệm đen, tôi nhận ra cái nỗ lực tỏ bày bạo liệt của nhà văn. Anh muốn phơi mở đa chiều đa diện cái tôi phức tạp của con người

với những dục vọng cuồng nhiệt âm ỉ của nó trong một xung đột thường hằng với cái Siêu Ngã (le surmoi) của chính nó, nhằm mang lại những kinh nghiệm ứng xử tâm tình với hy vọng mở ra những khuôn cửa tâm linh bất động. Bởi thế ngòi bút anh thường xuyên nỗ lực tỏ bày và mổ xẻ những sương khổ sâu kín nhất, những buồn vui u uẩn nhất của tâm hồn người Việt tị nạn. Và có lẽ từ nỗ lực lớn lao ấy, anh đã có những thiên truyện ngắn tâm lý khá đặc sắc. Mỗi quan hệ năng mưa bất chợt của Du với Lisa cùng với những ám ảnh riêng tư của họ trong Soi vùng ký ức là sự bày tỏ chân thành mà khốc liệt của nhà văn. Cái cơn bệnh lang thang có chủ đích của nhân vật Trác trong Mười lăm tháng giêng dường như là một cơn

sốt tâm thần. Vào ngày Nguyên tiêu, Trác trở lại đúng căn phòng số 7 ấy, để rồi gặp lại đúng cái người con gái giang hồ đầu tiên đã đưa anh vào những cuộc nhậu nát gối chần, để rồi thăm lại những người bạn mà anh đã thăm vào đúng ngày này năm trước. Sự lang thang của Trác có vẻ bệnh hoạn khi người vợ yêu của anh đang phấp phồng đợi anh về. Song những ai đã từng cố gắng lấp đầy cái khoảng trống huyền bí, toang hoác ở ngay trong tâm linh mình thì sẽ hiểu cố gắng của Trác nhằm tạo tác một gắn bó với vùng đất mới bằng những kỷ niệm ấy thực quả là một cố gắng "cảm động và bi thảm" như Nguyễn Mộng Giác đã nhận xét.

Có thể nhiều người cho rằng Trên da thịt mùa xuân và Đóng lại

ngẫu hứng

Trở về, tay khép cổng
Vài ngọn lá phong rơi
Chao qua và âm vọng
Chuông chiều thu xa khơi.

Nước non mờ sương khói
Lối về xa biết bao
Cúi đầu nghe tiếng nước
Quê người, nghe hư hao.

Đêm xa rừng sương đọng
Bóng nai vàng hắt hiu
Chờ một mùa trăng mộng
Bên suối rừng hoang liêu.

Mây bay mùa lau bạc
Mây bay trời Hoa Lư
Lòng ai nghe xao xác
Mây trời xưa tương tư.

Nghiêng qua tình lữ thứ
Bóng râm ngày ấu thơ
Thả hoa vào hơi gió
Vàng bay theo tiếng tơ.

Chiều phương xa chợt nhớ
Bóng cò trắng qua sông
Vút qua, và bờ ngõ
Dừng bến bãi mênh mông.

Qua sông người mới biết
Buồn sao tiếng gọi đò
Có sao, người mới biết
Buồn sao đêm xứ xa.

Một khung trời trăng lạnh
Hai cõi lòng xa nhau
Bên cười khua khanh khách
Bên cười, nụ xác xơ.

Kiểm cung ngày biển động
Cất vào trong đáy rương
Bỏ một chiều, lạnh lạnh
Ngỏ lời trong gió sương.

Áo bào xưa nhả nếp
Nghe như vẫn thoảng mùi
Đất bụi, buồn hăng hắc
Ngày rong rả ngược xuôi.

Thời gian đi biển biệt
Giây phút chẳng quay về
Bỏ quên ngoài cỏ biển
Một mùa đông lẻ thê.

Trăng vàng xưa ngơ ngợ
Soi buồn bên hàng cau
Nhớ câu hò năm cũ
Theo gió đi về đâu.

phan thịnh

giùm tôi cánh cửa sau cùng là chuyện chả có gì! Bởi lẽ ở đó hình như không có cốt truyện, những đột biến gay gắt cũng không mà chỉ có những tiếng kêu âm thầm, những gào thét âm thầm của tâm hồn con người. Với tôi, đó là hai truyện ngắn tâm lý rất thú vị vì hình như chúng đã chạm tới những vùng sống động và linh mẫn của tiềm thức và vô thức con người. Hành hương cùng với Du và Lisa, cùng với Trác, với Thuần với Hằng và Khoa trong tâm tư u uẩn của họ, tôi có cảm tưởng nhà văn không định cất tiếng nói đại diện cho một ý thức hệ nào, anh tự do trước yêu cầu tự anh đề ra: anh viết cái mà anh muốn viết.

"Thời gian tiêu hủy, trí nhớ giữ gìn" đó là cái chủ đề mà nhà văn Marcel Proust (1871-1922) đã nêu ra trong bộ tiểu thuyết *Đi tìm thời gian đã mất* (*A la Recherche du Temps Perdu*). Còn Ngô Nguyên Dũng chưa bao giờ đánh mất quê hương, và chẳng ai có thể làm mất nổi quê hương của anh. Chỉ có điều, chẳng phải chỉ có thời gian mới có sức mạnh tiêu hủy. Cái tiêu hủy thời gian lại là không gian. Mà Ngô Nguyên Dũng thì đã sống ở Tây Đức lâu tới mức dường như nó

đã thành một quê hương thứ hai của anh. Anh không chỉ phải chống trả sức tiêu hủy của thời gian, anh còn phải chống trả lại cả sức tiêu hủy của không gian kia nữa để phục hiện những *Hình bóng cũ*, những *Ao cá sấu*, những tâm tình, tâm ảnh của quê hương. Cái huyền tưởng: thần Kim Quy đã đào đất từ Hồ Gươm ra Thái Bình Dương tìm đường vô Nam, rồi lại tìm đường ra biển được nhìn nhận như điềm linh ứng báo trước viễn cảnh vượt biển tìm tự do của dân Việt trong *Câu chuyện của thầy Hương Quán* thật là nhức nhối và cũng thật là dễ thương. Phải chăng đó là một sự thật trong tâm tưởng người Việt tị nạn, là liều thuốc an thần kỳ diệu cho những kiếp sống tha hương tị nạn nơi xứ người? Nhưng mặt khác, cái huyền tưởng ấy cũng biểu lộ một sự thật tâm tình cảm động: bất chấp mọi dâu bể, người Việt sẽ chẳng bao giờ chịu lãng quên và đánh mất thần linh của mình. Và một điều nữa theo cách nghĩ của tôi, cái huyền tưởng ấy là sự biểu lộ cái thân phận ly tán, cái thân phận "giọt lệ xé năm xé bảy" của người Việt đương đại.

Càng xâu chuỗi các truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng lại theo một

trình tự tương đối theo "thời gian biến niên", tôi càng thấy rõ cái nhìn của nhà văn ngày càng sâu rộng hơn và cái vẽ mặt trăm luân Đông Á trong văn chương anh ngày càng hiện ra rõ ràng. Những đám cháy không màu, những giọt lệ tủi nhục phần uất, những giọt nước mắt hiếm hoi của hạnh phúc hiếm hoi, những quặn quai day dứt về thân phận lưu lạc, lưu vong của các nhân vật trong truyện anh đã làm tôi thanh thản mà nghĩ: trong văn chương, anh là kẻ an hành! Và đôi khi tôi cứ băn khoăn chẳng hiểu độc giả trong nước đã đọc anh được bao nhiêu? Phải chăng anh cũng thích câu này của Nietzsche: "*Cái Tôi của mỗi người vẫn ẩn giấu kỹ với chính bản ta: trong tất cả những cái mở trữ vàng thì vàng mà người ta mang trong bản thân là cái cuối cùng cần khai quật*"? Cho nên anh luôn luôn có đam mê phơi mở tỏ bày và thám hiểm vào thế giới tinh thần của cá nhân. Chợt nhiên tôi có ý nghĩ, trong những truyện ngắn gần đây: *Say trăng*, *Trăng trên sông Hằng*, dường như Ngô Nguyên Dũng đã bắt đầu cất lời cầu nguyện: Hãy mở giùm tôi cửa tới vô cùng!

Thiền học khuyên ta: Cảm đâu ứng đó. Ứng đâu hành đó. Đừng quá sớm, cũng đừng quá muộn. Dịch học bảo rằng: Khí lực trong mỗi con người dường như cũng giống khí lực trong các loài hoa, đó là kết tinh của khí lực Thái dương và cũng là kết tinh của mọi khí lực bao quanh mặt trời, mặt trăng, trái đất và cả vũ trụ tuyến nữa. Mỗi một tâm hồn đều có một nhịp sống riêng tư và điều khó khăn là đừng sống lỗi nhịp với Thiên, với Địa và với Nhân. Theo cách nhìn huyền vi thì con người ta đang bước vào thời kỳ chuyển đổi cực mạnh về tâm thức. Tôi tin rằng Ngô Nguyên Dũng sẽ tự mở ra được cho mình cái cánh cửa tới vô cùng khi mà anh luôn luôn thành thật và can đảm là kẻ hành hương bằng hoàng trong những chốn tâm tình u uẩn của thân phận con người. ●



Tường không về kịp đám tang má. Điện tín của chị Hoa gửi lên Sài Gòn gần hai ngày mới tới. Nhận được tin dữ, Tường xin ông bầu nghỉ ba ngày, tức tốc chạy ra bến xe đò lục tỉnh mua vé về Mỹ Tho. Từ đó về Mỹ Tho bằng đường bộ phải qua hai chuyến bắc. Chị Hoa khuyên Tường nên đi đò vì đường bộ dạo này bất an. Trưa, dòng Tiền Giang loá nắng. Tường đeo kính mát lên mắt, ngồi co thân trong chuyến đò kín người, thú và quang gánh, nghĩ ngợi lan man.

Đã lâu lắm chàng không về thăm quê, cũng hiếm khi thư từ thăm hỏi. Mỗi năm hai lần, vào dịp Tết và ngày giỗ ngoại, Tường mới gửi tiền và một phong thư thăm hỏi sức khoẻ má cùng bà con làng xóm. Tình ruột thịt hằng năm rục lên hai lần rồi tắt ngúm vì những bận bịu mưu sinh. Tường là diễn viên phụ của gánh Chiêu Dương, trụ thường xuyên tại đình Hưng Hoà gần chợ Đa-ka-o. Từ ngày bỏ xứ lên Sài Gòn làm ăn, Tường có cảm tưởng mình là tờ giấy bén lửa, cháy dần. Những rạo rức đam mê, lòng thèm khát đứng giữa ánh đèn sân khấu bị lửa thời gian đốt chậm, từ từ hoá tro.

Từ bến đò, Tường đi xe lam về nhà má. Tới nơi, thấy nhà trống trải, chỉ còn đứa cháu ở lại coi nhà, Tường biết đã trễ. Chàng vất hành lý xuống đất, tất tả theo cháu ra nơi hạ huyết. Nắng như thiêu đốt. Bụi quần theo từng bước hối hả. Toàn thân Tường nóng hầm hập, rờn rợn như kim châm. Cả hai tới mảnh đất hương hỏa lúc lễ vừa xong, quan tài đã được hạ xuống lòng đất. Tiếng tụng kinh trầm đều của nhà sư rải rớt vào không gian khô cứng. Thấy Tường, vài ba người đàn bà khóc nức lên. Tất cả cùng lượt quay lại nhìn chàng, đứa con duy nhất của gia đình.

Đi Ba nắm tay Tường, nước mắt ràn rụa:

— Trời ơi, sao cháu về trễ quá vậy? Xong hết trơn rồi. Thôi, quý xuống lạy má ba lạy đi!

Vài người khác lên tiếng nhắc:

— Con nhớ khấn nguyện cho

Những Đám Cháy Không Màu

Ngô Nguyên Dũng

Tặng Vũ Thế Dũng



vong linh má sớm siêu thoát.

— Nhang đâu? Có đứa nào đưa cho thằng Tường ba cọng nhang!

— Còn áo sô, khăn tang nữa. Sao mà trụi lủi vậy nè!

Tường mặc áo vô người, quần nhanh giải khăn trắng quanh trán, run run đón lấy ba cây nhang ngút khói từ tay một thiếu phụ có gương mặt thân quen.

— Chào cậu Tường.

Qua màn nước mắt, Tường nhận ra người đang đứng trước mặt chàng là chị Năm Lua, người đàn bà hàng xóm ngày xưa thường sang nhà chàng phụ họ chuyện bếp núc vào những ngày giỗ quải, Tết nhất. Cõi lòng chàng đột ngột bốc lửa. Mùi nhang lẫn với mùi hương đồng ruộng ngai ngái, tiếng than khóc tỉ tê và tiếng tụng niệm ẽ a tưởi lên trang giấy hờn chàng những hình bóng tưởng đã qua đời mà vẫn còn nguyên đó như vết sẹo trên thân.

Tường quỳ sụp xuống chân cổ quan nằm sâu bên dưới, nước mắt bật ra dập tắt những ngọn lửa vừa dấy. Chàng nghĩ tới khuôn mặt má hiền hậu qua khoé nhìn thời thơ ấu. Những sớm mai còn ủ sương, chàng theo má ra chợ làng nhóm ngày cuối năm. Dòng sông nước lợ chen kín ghe xuồng từ nhiều nơi đổ về. Những chụp đèn dầu chưa tắt, ủa vàng trong bãi nắng non. Âm thanh rầm rập, dồn dập từ đáy sâu quá khứ cuộn cuộn theo nhau trở lại. Vết sẹo của quê hương nửa yêu nửa ghét bỗng rách toạc, ủa dòng máu sinh quán...

Tường cầm nhang vô bình, đứng dậy. Có giọng hỏi sau lưng:

— Bốc đất thầy xuống huyết đi cháu!

Tường vốc ba nắm đất ném xuống mộ má, lòng bình thản trở lại. Chàng thấy bên vồng đất mới đào vài cành mắc cỡ bẹp dí, lấm tấm đất, nhưng vẫn cố vươn lên vài cánh bông rực tím trong bụi nắng. Từ đó cho đến lúc cầm bình nhang theo đoàn người đưa đám về lại nhà, tâm hồn Tường rối bời lơ lửng giữa nhiều chặng thời gian. Chàng

như con cá tới mùa trăng lặn, từ biển tìm về sông là nơi mở mắt chào đời. Sinh, ra biển, sống, về sông truyền giống và chết tại đó. Cái vòng đời nhiều biến động không vì một nguyên nhân hay mục đích nào. Chỉ đơn giản có vậy mà hôm nay, về quê đưa má tới nơi an nghỉ sau cùng, Tường mới có dịp suy gẫm.

Đoàn người tới nhà lúc nắng đã sẫm màu. Bóng cây trước cửa đã phủ ngôi nhà thấp. Vài con ngỗng dạo chơi trước hàng ba lát gạch tàu mấp mô. Dì Ba khoát tay đuổi bầy ngỗng ra vườn sau, lên tiếng mời nhà sư cùng bà con thân quyến vào nhà dùng cơm chiều. Bữa cơm chay đạm bạc, nhạt vị trong miệng Tường. Nhiều người bảo không đói, ra nhà trước ngồi trên bộ ngựa uống trà ăn bánh, trò chuyện nho nhỏ. Tường ngồi cạnh nhà sư bên mâm cơm trong chái bếp thoáng gió. Lũ ngỗng khi này lấp ló rụt rè bên ngạch cửa. Con chó ốm hình như nhớ chủ, tới cúp đuôi quần vào chân dì Ba, đầu ngẩng lên chờ đợi. Tường mũi lòng nhận ra tính bất biến của thời gian. Mọi vật nơi này vẫn y như trước đó nhiều năm. Vẫn hỏa lò đất nung nằm trong góc bếp. Tấm phản gỗ là nơi má thường ngồi co một chân lật giá, cuốn gói, giã đậu phộng hay xay thính. Ô cửa dẫn ra nhà tắm bên ao nước cạnh vẫn đóng khung tấm ảnh vườn sau trong ký ức Tường: một khoảnh nước lặng, vài thân dừa trĩu cành, mô đất xám, một phần mái nhà tắm lợp lá chằm khô khốc. Cả hương bếp nhà má vẫn đậm đà nguyên vẹn trong khướu giác chàng.

Tường cất tiếng:

— Nhà mình vẫn y vậy.

Dì Ba nở nụ cười hiền:

— Từ hồi cháu lên Sài Gòn làm ăn, má và dì đâu có sẫm sửa gì nhiều. Đủ ăn là vui rồi.

Lời nói nghe như trách móc. Tường mỉm cười, không đáp. Nhà sư hỏi:

— Cháu làm nghề gì ở Sài Gòn?

Tường còn do dự thì dì Ba đã cướp lời:

— Nó làm nghề đóng tuồng, sư ông à.

Nhà sư ngó chăm chăm vào mắt Tường. Chàng gật đầu:

— Con là kép hát, thưa sư ông.

Một người lạ xen vô:

— Cậu còn ở đây bao lâu? Hôm nào tui tới nghe cậu hát chơi, tui biết đờn lai rai.

Tường thành thật:

— Tôi chuyên đóng vai phụ, hát ít hơn nói, nhưng nếu có dịp, tôi sẵn lòng ca diễn vài bài cho vui.

Dì Ba kể lể:

— Hồi còn sinh tiền, má cháu mê cải lương, hát bội lắm, vậy mà khi biết cháu lên Sài Gòn làm kép hát, bà khóc biết bao nhiêu mà kể.

Tường lẳng lặng cười. Đó chính là nguyên do sâu kín ngăn chàng không về thăm má những năm sau này. Lá thư cuối cùng má nhờ người gửi cho chàng đầy thờ than trách mắng và nài nỉ chàng chọn một nghề khác để bà “nở mày nở mặt với bà con”. Tường là đứa con hiếu thảo, nhưng niềm đam mê hát xướng to tát quá, bắt chàng bất tuân lời má. Tình mẫu tử từ đó hẳn một vết nứt.

— Ăn nữa đi Tường!

Giọng dì Ba nài ép. Tường buông chén đĩa, lắc đầu:

— Cháu không đói lắm, chỉ mệt.

Từ sau lưng Tường, một cánh tay vươn ra đưa cho chàng tách trà còn bốc khói. Tường niêng đầu nhìn. Chị Năm Lua nhoẻn cười:

— Mời cậu Tường uống trà, ăn bánh ích nhưn dừa tráng miệng. Món bánh này, lúc còn sanh tiền, má cậu làm rất khéo. Cậu ăn thử coi tui làm có giống không?

Tường ậm ừ:

— Vậy à!

Chàng nhón lấy một cái, chậm rãi bóc lá, cầm chiếc bánh bằng khoai mì màu trắng ngà đưa lên miệng. Vỏ bánh thơm ngát. Nhưn dừa sền ngọt đậm đà. Tường nâng tách, thổi giạt hơi nóng, hớp ngụm nhỏ. Hương trà quê mẹ quyến theo vị bánh ích cùng biến động quá khứ nhẹ nhàng trở về. Đêm đồng nội êm mát. Cậu Tường mười chín tuổi bạn

quần cụt áo thun rách, lên ra chỗ hẹn với chị Năm Lụa, nghe chị ca vọng cổ. Giọng chị trong vắt như làn nước lóng phèn, ngấm đổ hột buồn ray rứt như mưa rắc trên mái lá nghèo nàn. Tường kêu chị dạy cách nói lối, xuống câu và ngân rãi. Chị mở ra cho Tường một thế giới rực ánh đèn, nhịp nhàng sên phách, đắm mùi phấn son và mênh mông ảo tưởng. Chị cấy vào giấc mơ chàng những mầm mống không tên, rực lửa. Chị còn dẫn Tường vào những đam mê thể xác. Những ngón tay chị là mười con rắn trườn lên thân thể Tường trai tơ, run rẩy hứng lấy nọc độc cảm giác. "Cậu Tường... thương tui đi! Thương đi!" Giọng chị thủ thủ van xin. Tiếng thở sâu, dài, mệt nhọc. Tường bối rối úp mặt vào trũng ngực mềm, như trẻ con rúc vào vú mẹ. Tai chàng vọng lại tiếng nhạc ngũ cung. Mắt chàng sáng loà màu đèn sân khấu. Hai chiếc mặt nạ cười khóc nhớn nhoe hiện hình trong trí óc tối đen. Người chàng nóng hực như bó rơm vừa bén lửa, phục sáng những cảm giác không màu. Rồi chị phủ ngang bụng Tường tấm khăn rằn thường vắt vai, áp má lên ngực chàng, tỉ tê hát điệu lý con sáo. Tường phân vân ngó lên trời đêm bản bật trắng sao, ứa nước mắt lặng lẽ. Có nỗi rung động nào vừa nhú trong tâm hồn chàng. Và niềm khổ đau tưởng tượng của một gã đóng tuồng cố gắng nhập tâm vai trò mình...

Tường chấp tay xá chào sư ông. Di Ba khúm núm trao cho sư ông bọc vải nâu đựng phẩm vật cúng dường, trình trọng xá tạ ơn, giọng đắm nước mắt:

— Con thay mặt bà con gần xa cũng như vong linh người quá cố, cảm tạ sư ông đã nhín chút thì giờ tới làm lễ phát tang... Chị con chắc hẳn mát lòng mà nhắm mắt...

Rồi di bát khóc rầm rứt, giọt tay áo quệt đôi dòng nước mắt nhều nhão. Bên ngoài nắng đã tắt. Ánh sáng hấp hối trên chòm lá bám bụi. Tường, di Ba, chị Năm Lụa và bảy cháu đứng lóng ngóng nơi hàng ba

thêm một lát mới trở vô nhà. Di Ba nhắc đứa con gái lớn đuổi ngỗng vô chuồng, cho chó ăn rồi xuống bếp phụ dọn dẹp bàn cơm. Chị Năm Lụa khêu tim đèn dầu, bật lửa. Di Ba châm ngọn đèn hột vịt đặt lên bàn thờ má đầy bánh trái, bát nhang thừa, bình bông mới, hai chân đèn cây chưa đốt. Tấm hình má rửa xấu, nước thuốc vàng cũ kỹ. Tia mắt ấy đang nhìn Tường, nửa mến thương nửa trách cứ. Tường nghe lòng mình dày vò hối lỗi. Chàng ngồi xuống cạnh chiếc bàn gỗ tạp, chỗ má thường ngồi ăn trâu và ngó mông ra lộ. Bàn đặt vón vện một chiếc đèn dầu tỏa ánh sáng yếu. Có tiếng muỗi vo ve dưới chân. Và tiếng đại bác từ xa vọng lại.

Di Ba nhướng mắt lo âu ngó ra trời đêm đầy bất trắc, cất tiếng:

— Cháu ra nhà sau tắm rửa, thay quần áo rồi đi nghỉ.

Tường "dạ" nhỏ, vô buồng mở xác lấy quần áo ngủ rồi cầm đèn dầu men theo lối lát gạch tàu ra nhà tắm cạnh ao nước tù. Chàng máng đèn vô móc, cởi quần áo nồng mùi mồ hôi và mùi nhang trầm, vắt lên cọc gỗ. Tường mở nắp lu, định khoáng gáo dừa múc nước thì thấy gương mặt mình lơ mờ ẩn chìm dưới làn nước lằng, vàng ánh đèn soi.

Từ ngoài bến nước vọng vào tiếng hát nức nở của chị Năm Lụa. Vần điệu lý con sáo trong đêm tình tự cũ. Giọng hát chị không còn trong trẻo nữa, hơi ngân đã mất độ dài, cách nhấn láy vụng về thô lậu, nhưng vẫn làm trái tim Tường xao xuyến. Khuôn mặt trong lu nước chợt mất những đường nhăn phiền toái. Mái tóc điểm sương không còn cứng ngắc đường lược mà phủ xoà vàng trán hoa niên. Tường khép mắt ngậy ngất múc nước dội lên thân trần. Chàng thoa xà-bông khắp người, nhớ tới mười con rắn đục tình bỏ trên da thịt thanh tân.

*

* *

Tiếng động khiến Tường giật mình thức giấc. Định thần lại, chàng nhận ra tiếng mái chèo khuấy

nước ngoài bến sông và giọng người ới ới chào hỏi nhau. Trời vẫn còn tối mịt. Tường vắt tay lên trán, suy gẫm mới hay đêm ngủ trong ngôi nhà ấu thơ, chàng không mộng mị điều gì. Tất cả đều ảm tối, chập chùng, sâu hút. Nằm một lát, chàng bắt được tiếng dép lê nặng nề của di Ba trên sàn gạch. Tiếp theo là âm thanh gầy vụn lác rác của cũi khô cùng rơm rạ, và tiếng bông lửa reo tí tách.

Tường rợn người hoá thành cậu bé năm xưa, trời vừa hửng sáng đã choàng tỉnh vì những tiếng động đầu ngày. Đứa bé vén mừng leo xuống giường, tay giụi mắt, đi chân không xuống nhà bếp. Nó dừng lại ở ngạch cửa lập lờ sáng tối. Má đang ngồi cạnh một người đàn ông lạ mặc quần áo đen, bên hỏa lò hực lửa. Một tay người đàn ông đặt trên vai má như vỗ về. Thấy cảnh tượng kỳ quặc, đứa bé thu mình nép sau tấm gỗ chắn, trộm nhìn qua khe hở. Má ngồi quay lưng lại, hai bờ vai nhấp nhô như thốn thức. Gương mặt người đàn ông tóc ngắn hồng ánh lửa, tia nhìn van lơn. Cậu bé chỉ nghe loáng thoáng vài câu trao đổi khó hiểu, rồi thấy người đàn ông đứng dậy. Má úp mặt xuống hai đầu gối chụm, khóc tức tưởi. Người đàn ông ném lại ánh mắt trắng tráo, xoay lưng bước nhanh ra cửa sau mất dạng. Cậu bé tròn mắt theo dõi màn bi kịch vừa diễn, thờ thẩn hồi lâu mới tần ngần rời chỗ ẩn, bước qua ngạch cửa tới cạnh má. Bà vẫn ngồi co người trên ghế con cạnh bếp lửa điểm tâm, mặt vẫn úp trên gối khép, vai vẫn nhấp nhô rung động. Bông lửa tiếp tục reo hồn nhiên. Cậu bé rụt rè giơ tay lay nhẹ tấm lưng ồm. Má quay phắt lại, nước mắt lấm lem đôi gò má bạc nhược.

Dáng ngồi ấy, nét mặt nửa hốt hoảng nửa nghi hoặc ấy ám ảnh trí óc trẻ thơ Tường một khoảng thời gian dài. Sau bảy năm xa cách, Tường ngỡ tất cả đã vượt trôi qua tiềm thức, nào ngờ sáng nay thức dậy, hình ảnh xa xưa đột ngột sống lại. Chàng cắn chặt môi để khỏi bật

ra hai tiếng "má ơi".

Sau khi đánh răng rửa mặt, Tường tới cạnh dì Ba đang ngồi bên bếp lửa. Dáng điệu dì trông thoải mái hơn cách ngồi của má. Dì Ba ngược mặt cười hiền:

— Ngủ ngon không cháu?

— Dạ, ngon.

Dì Ba chỉ cho Tường chiếc ghế con gần đó. Tường ngồi bó gối ngắm khuôn mặt dì bừng theo ánh lửa. Dì Ba nhẹ nhàng:

— Dì nấu cháo trắng ăn với cá kho tiêu làm bữa lót lòng.

— Dì bày đặt làm gì cho mất công? Sao dì không kêu sắp nhỏ ra chợ mua bánh bao, xiu mại về ăn cho tiện?

Dì Ba xua tay:

— Ôi, mấy thứ đó để lâu ngày, ăn không tốt cháu à. Năm thì mười hoạ cháu mới về thăm nhà, dì nấu mấy món ngày trước cháu ưa thích cho mà ăn. Hay cháu ở thành phố lâu rồi nên chê món ăn quê nhà?

Tường cười:

— Dạ, đâu có. Ở Sài Gòn để gì có người nấu cháo trắng với cá kho quẹt cho cháu ăn điểm tâm.

Dì Ba đặt tay lên gối Tường, hai mắt mở lớn, giọng nhỏ lại trịnh trọng:

— Ờ, cháu cũng trọng tuổi rồi, sao không cưới vợ?

Tường phì cười, nhìn bếp lửa. Nồi cháo sôi sục. Nắp nồi phì phò một nhọc. Khói bốc ấm gian bếp sớm mai. Tường nghĩ tới những khuôn mặt trát phấn tô son, y trang rực rỡ ban đêm, nhưng ban ngày chỉ là những thầy người thiếu máu xanh mướt.

Chàng lên tiếng cợt đùa:

— Cháu có vợ rồi đó chứ. Vợ cháu là ánh đèn sân khấu, dì không biết sao?

Dì Ba đập vai Tường, rầy:

— Cái thằng gì đâu, nói chuyện đàng hoàng nghe coi!

Tường đứng dậy, ra bộ, hai tay hoạ trong không khí, mặt rơn lên nét tuồng, cặp mắt mở lớn mê hoặc, giọng nói trầm bổng cổ tình:

— Ôi, đời nghệ sĩ mà, bạc bẽo lắm! Lấy đêm làm ngày, sống như

có khi tôi muốn làm đá cuội

tặng Nguyễn Việt Tiến

*bạn ơi tôi vẫn đi tìm mộng
tìm nửa khuôn trăng ráp lại đầy
cuối đêm nghe gió lùa khe trống
biết hồn mình còn đắm khói mây.*

*bạn ơi tôi vẫn đi tìm lá
của tháng mười nào rụng ngắt ngây
tìm tôi vỡ mảnh buồn rất lạ
con kiến sầu chờ lá lên cây*

*bạn ơi tôi vẫn đi tìm nguyệt
rớt xuống ao đừng mức đổ đi
để tôi nhẹ nhàng tay vớt
rớt đầy voi một chén Trương Chi.*

*bạn ơi tôi vẫn đi tìm núi
phủ xuống đời một bóng tối sâu
có khi tôi muốn làm đá cuội
lặng lẽ nhìn cuộc sống qua mau.*

ngô nguyên dũng

những cánh vạc ăn đêm, như những chuyển đồ ngang, đưa người sang sông chứ không bao giờ đưa ta...

Tường hất mặt, mắt liếc thẳng vô dì Ba, cánh tay chờn vờn trong không khí, bắt đầu nói lối:

—... Có nhiều lúc ngồi nhìn mưa rơi lá rụng, lòng người nghệ sĩ như chiếc lá lìa cành. Kiếp cầm ca thương vay khóc mượn biết tỏ cùng ai cho cạn nỗi.. ừ.. ơ.. lòng.

Dì Ba che mặt cười khúc khích:

— Đồ quỷ!

Tường ngồi xuống, giờ tay vuốt mái tóc quên chải. Dì Ba nhẹ giọng:

— Hồi nào tới giờ nghe nói cháu là kép hát, dì đâu có tin. Kép hát gì mà không thấy đăng nhựt trình nào hết trơn! Bữa nay thấy cháu diễn tuồng, coi cũng đặng.

Tường nói nhỏ:

— Cháu là kép phụ trong gánh hát, lên báo gì nổi!



Giọng dì Ba đầy lo âu:

— Vậy chứ đủ sống không?

Tường nghĩ tới những đêm mưa dầm, những khuya trở trần vì đói, đáp:

— Đủ, dì à.

— Dì thấy cháu ốm và xanh quá, có bệnh hoạn gì không?

— Không.

— Giá như má cháu còn sống, thấy vậy chắc bà buồn lắm!

Tường nắm tay dì Ba, nài nỉ:

— Kể chuyện má cho cháu nghe đi dì!

Nét mặt dì Ba tối sầm. Dì rút tay về, mở nắp nồi cháo, lấy đũa bếp khuấy đều. Sau một hồi im lặng, dì mới trầm giọng kể:

— Tối trước khi nhắm mắt, má cháu than tức ngực và chóng mặt nhức đầu. Dì thoa dầu nóng, cạo gió rồi kêu bà đi ngủ sớm, định ngày hôm sau sẽ ra tiệm thuốc bắc sắc vài thang thuốc. Ai dè sáng ngày không thấy má cháu dậy, vô buồng

kêu thì mới hay bả đi từ lúc nào không hay. Tay chùn dì lạnh ngắt hết trơn, đứng như trời trồng hồi lâu mới sai tụi nhỏ báo cho bà con chòm xóm tới sửa soạn chuyện ma chay...

Giọng dì bắt đầu sưng nước:

— ...Má cháu đi bất ngờ quá, không kịp trần trời gì, không được nhìn mặt con, mặt chồng lần cuối... Tội nghiệp biết chừng nào!

Tường xúc động bàng hoàng, lắp bắp:

— Vậy có nghĩa là... là... ba con còn sống sao dì?

Dì Ba sụt sùi:

— Ai biết đâu nà!

Tường ngơ ngác:

— Cháu không hiểu.

Giọng dì Ba lạnh lùng ráo rệ:

— Cái thằng cha mày bỏ vô bụng từ lúc mày còn nằm trong bụng mẹ. Lâu lâu, nửa đêm khuya khoát thằng kéo về phá làng phá xóm, tạt ngang nhà xin gạo xin tiền, còn dụ dỗ má mày đi theo. Bả không ưng vì nghĩ tới tương lai mày.

Ánh sáng trước mặt Tường đột ngột tắt ngúm. Trán chàng rịn mồ hôi dầy loăn. Từ sâu thẳm ý thức chàng vừa nhen lên những đám cháy, lớn dần, lan rộng mãi. Tường thấy mình vẽ mặt hoá trang, vận y phục tuồng đứng giữa đám cháy bùng bùng, ca than những điều vô nghĩa. Tiếng đàn cò ử ê, vỡ lớn, cuồng bạo như những lần roi quất lên thân gã kiện tướng trá hình. Chiêng trống vang dội, binh lính hò hét khắp nơi, vó ngựa dồn dập thúc bách. Tường là anh hùng bại trận,

phơi ngực hứng tên của sự thật oan nghiệt. Dòng máu đối trá tuôn xối xả giữa tràng pháo tay như sấm dậy. Đèn tắt, màn từ từ hạ. Những đám cháy ảo vọng trở nên nhạt nhẽo không màu.

*
* *

Buổi chiều cuối cùng Tường ra thăm mộ má, nhân tiện ghé ngang chợ mướn người xây mộ cho tươm tất. Chàng không biết đã đứng lặng bao lâu trước nấm mộ còn tươi mùi đất, khi nghe tiếng bìm bịp kêu rối bên kia sông mới hay trời đã nhuộm hoàng hôn.

Hôm nay là ngày cận rằm. Sau bữa cơm, Tường ra đứng ngoài hàng ba, ngó mông. Trăng chưa tròn đầy, treo vằng vặc một phiến trên đỉnh trời mênh mông. Tường búng mẩu tàn thuốc vô bụi rậm gần đó, lẳng lặng bước ra lối đêm mấp mô. Đom đóm thấp sao trên những chòm cây ven sông. Hơi thở đêm khuya lá xào xạc. Bước chân Tường dọ dẫm trên lối đất ẩm ánh trăng. Chàng là con cá từ đại dương xa tìm về nguồn sông, chỗ tự tình thời mới lớn. Chòi lá trống trơn nơi góc ruộng khô cằn cuối mùa vẫn còn đó. Rơm chắt thành đống cao, nằm rải trên đồng cạn, ngẫu nhiên vươn lên trời đêm trong xanh như những cây nấm khổng lồ. Hương đồng ruộng tanh ngái. Tường ngã mình xuống ổ rơm lót đất, ngược mặt nhìn ra vòm trời hiển lộ cao vút. Đất ẩm mát dưới lưng. Chàng thấy mình nhập vào cõi thình không bất tận, nhắm mắt lắng nghe tiếng thời gian chuyển động rầm rì, rón rén sột soạt.

— Cậu Tường.

Tường giật mình ngồi phắt dậy, mắt mở trừng. Một bóng đen đứng chắn trước mặt. Tường chưa kịp phản ứng, bóng đen đã lao vào ngồi xuống cạnh chàng, nói mau:

— Tui đây! Năm Lụa đây mà!

Tường điếng người bất động. Người đàn bà cất tiếng thì thầm:

— Từ hôm cậu về tới nay, đêm nào tui cũng ra đây đợi. Tui tưởng cậu quên tui rồi, ai dè còn nhớ!

Tường muốn nói, tôi đã quên chị, lửa không gian và thời gian đã thiêu hủy dần mòn trí nhớ tôi, nhưng không thốt nên lời.

— Tui thấy cậu y hệt như bảy năm về trước, có điều hơi ốm. Cậu Tường... cậu Tường...

Người đàn bà lắp bắp:

— Tui vẫn ở vậy... tui chờ!

Tường xót xa nhận ra tấm chân tình của chị Năm Lụa. Chàng nói câu lạc lõng:

— Sáng mai tôi đi rồi.

Chị Năm Lụa bùi ngùi:

— Tui biết, cậu bỏ làng bỏ xóm ra đi vì mê "đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ", đầu mông gì tới tui ở lại đêm đêm thắp ngọn đèn lu chờ hoài. Ban đêm, mấy ống ở trồng về nài ép tui. Ban ngày, lính mình cứ theo ve vãn miết. Nhưng tui không ưng ai...

Bất ngờ, người đàn bà gục mặt vô vai Tường, khóc nức lên. Tường thở dài. Mùi da thịt đàn bà bốc nồng nàn. Cảm giác rạo rực bồn loạn năm xưa rậm rạp trở về. Tường nghiêng đầu xuống mái tóc thơm mùi cây trái của chị Năm Lụa, lướt tay lên làn áo mỏng. Ngực chị không còn săn chắc, thất lung đã hết thon gọn, nhưng nỗi háo hức tìm lại cảm xúc cũ vẫn làm bốc lửa hai bàn tay Tường. Chàng lần xuống bụng người đàn bà, dừng lại trên phần lông mịn. Chị Năm Lụa uốn người, thở hắt ra, hỏi hã:

— Thương tui đi! Cậu Tường... thương tui đi!

Tường bật úp người lên thân chị Năm Lụa ẩm mềm. Chàng không vội vã hấp tấp như tối nào, mà từ tốn khơi quật tới tận cùng cảm giác mù cảm. Chàng là cơn địa chấn, là miệng hoả sơn, là tâm trời xoáy đang tìm chống trả sức tiêu diệt của không gian và thời gian vô tình. Mầm nổi loạn trong huyết thống chàng đang tìm cách phá vỡ những bờ đê bảo vệ. Không biết đây là lần thứ mấy, Tường cảm thấy tâm hồn mình bắt rút ben lửa cháy thành những vụn tro lạnh lẽo, xám ngắt.



mái tóc của thư

khi nhớ đến dấu yêu
thấy mình còn lãng mạn
oi, mái tóc mây chiều
bay trong thời quá vãng.

thụy ý



Mùa Xuân Trên Xứ Lạ

Phùng Nhân

tác-phẩm đoạt giải khuyến-khích
bộ môn Truyện ngắn
Giải VHNT Làng Văn 1991-1992

Tình cờ tôi gặp ông Bính tại ga xe lửa Villawood thuộc bang New South Wales. Thoạt đầu tôi thần nhiên nhìn ông như nhìn bao nhiêu hành khách khác. Chỉ khi ông lại ngồi cạnh tôi, mở lời hỏi chuyện tôi mới biết ông là người Việt. Có lẽ vì mới qua nên ông còn mang tâm trạng lè loi nơi xứ lạ, thích tâm sự. Ông nhìn tôi rồi hỏi:

— Cậu đi học hay đi làm?

Tôi nhìn ông một thoáng rồi trả lời:

— Đi ra bộ Di Trú làm bảo lãnh đưa cháu mới tới đảo.

Ông Bính cười, nói một hơi:

— Chấp nhận nguy hiểm vượt biển, nếu được định cư là khoẻ. Còn đi diện ODP như tôi, bộ Xã

hội nó không cho trợ cấp an sinh xã hội cũng mệt lắm.

Tôi nói băng quơ:

— Ở... bởi vì người bảo lãnh có cam kết về khoản đó mà!

Ông Bính nói giọng xa xôi:

— Thế mới chết! Ở đời mà... nếu ở với con trai thì gặp con dâu, còn ở với con gái thì gặp con rể. Đàng nào cũng khổ. Chỉ khi nào mình tự túc được mới thoải mái thôi.

Vừa lúc đó xe lửa tới. Tôi và ông Bính leo lên ngồi kế bên nhau và qua câu chuyện không đầu không đuôi, gặp đâu kể đó, tôi thấy nơi ông Bính có một cái gì đó khiến tôi vừa thương cảm vừa nể trọng. Đến chừng hỏi thăm ra thì ông Bính ở cách tôi có 300m, cách nhau chỉ một

con lộ. Tôi bèn ngỏ lời mời ông Bính lúc nào rảnh rồi ghé tôi chơi vì lúc này tôi thất nghiệp nên ở nhà thường.

Bẵng đi vài tháng, tôi cứ ngỡ ông Bính đã quên tôi, người hành khách đồng hương trên chuyến xe lửa vội vàng. Thế nhưng vào một buổi trưa chúa nhật, tôi đang làm đất để vô mấy chậu bông thì có tiếng chuông reo. Tôi vội vàng phui tay trở vô nhà mở cửa thì thấy một người đàn ông lớn tuổi đang đứng đợi, miệng mỉm cười. Qua vài giây bối rối, tôi mới nhận ra ông Bính, người mà tôi mới quen trên chuyến xe lửa hôm nào.

Sau khi mời ông vô nhà, tôi lo pha trà, lấy thuốc mời nhưng ông khoát tay, nói:

— Tôi không hút thuốc, còn cậu có bận làm gì không? Nếu bận thì để khi khác tôi đến chơi cũng được. Hôm nay đi học về, tiện đường sức nhớ đến cậu nên ghé thăm chứ giờ này về nhà nằm buồn quá chịu không nổi.

Tôi mời ông cứ tự nhiên ngồi chơi vì dân đi diện ODP với dân thất nghiệp cũng giống nhau thôi, không có gì bó buộc cả.

Qua vài ly trà, tôi thấy ông có vẻ

suy tư pha lẫn nét thất chí của một người đầu bạc tha hương. Ông cứ tấm tắc khen nhà tôi ngăn nắp, vườn trước vườn sau có cây cảnh tươi tốt, lại có cả rau muống, khổ qua, mướp hương làm ông chạnh lòng nhớ Việt Nam quá đỗi.

Tôi mời ông ra sân trước, chỉ cho ông xem chậu lan đã nở được vài bông và hàng cúc vạn thọ đang đơm nụ. Ông Bính cười và khen:

— Cậu có mắt thẩm mỹ lắm! Trồng hoa, chậu phải có cái lớn cái nhỏ mới đẹp chứ nếu chỉ một cỡ chậu trông sẽ nhàm đi. Nhưng cúc vạn thọ của cậu năm nay chắc nở sớm vài bữa. Nếu cậu muốn chiều ba mươi Tết mới nở thì cậu phải bón thêm phân u-rê.

Tôi thắc mắc hỏi vặn lại:

— Sao kỳ vậy? Lẽ ra vô phân tốt nó phải trổ bông sớm mới phải chứ?

Ông Bính cười giải thích:

— Cây gặp phân tốt chỉ ra lá thôi nên nụ và đài hoa do đó cũng chậm phát triển.

Tôi không ngờ ông Bính rành việc trồng trọt như vậy. Những chậu bông tôi mua từ nhà vườn về, thân còn treo toong teng mấy miếng nhãn bằng tiếng Anh. Có cây hình thù giống cây bình linh, có cây lá giống như lá mít, nhưng tôi cũng không buồn tra tự điển xem nó thuộc họ hàng nhà ai. Việc trồng bông của tôi chỉ cốt làm sao cho huê mỹ cảnh cửa nhà. Vậy mà ông Bính nhìn qua một lượt, nói ra từng tên nghe thật quen thuộc. Ông than phiền:

— Tại Úc ở đây chỉ biết trồng hoa thôi chứ không biết chơi cây cảnh.

Tôi ngạc nhiên:

— Vậy chứ hai cái đó khác nhau chỗ nào?

Ông Bính từ tốn trả lời:

— Khác nhau nhiều lắm chứ! Chơi hoa thì chỉ cần hoa đẹp thôi. Còn cây cảnh thì phải có gốc, nó đòi hỏi nghệ thuật công phu, nói lên được tâm trạng, đạo đức của người trồng...

Tôi ngắt lời ông:

— Ở đây cũng có bán loại cây bonsai đó chứ! Nhưng... mắc lắm, mua về chăm sóc không đúng kỹ thuật, nó chết thì kể như mình đi đứt hết một tuần lương.

Ông Bính chậm rãi:

— Đồng ý là loại bonsai quý, nhưng còn nhiều loại khác cũng có thể làm cây cảnh được. Chẳng hạn như loại hồng dây của cậu ở đây, mình có thể biến nó thay thế cây mai chiếu thủy. Mặc dầu gốc nó không lớn nhưng tước nó ra mạnh, mình có thể uốn nó thành hình mẫu tử hay long phụng giao đầu. Còn chậu bách niên này, cậu cho nó xuống đất rồi đắp đất sếp lên tưới nước. Cứ thế mà nước xoi mòn, lâu ngày lõi rễ lên già thành gốc. Cây cảnh cốt là cái gốc phải có vẻ già cỗi, có thể nó mới diễn tả được thiên nhiên và sự sinh tồn trong vũ trụ.

Nhìn dáng ông với mái tóc hoa râm, đang sẫm soi mấy chậu bông nơi đất khách, khiến tôi liên tưởng tới mấy chú tôi nơi quê nhà, giờ này chắc cũng đang tỉa lá mai đón xuân. Vườn hoa Nhật Bản ở Auburn Sydney dù có đẹp đến đâu cũng không thể thay thế gốc mai vàng ngày Tết trong tâm tưởng người Việt tị nạn.

Trở vô nhà một hồi mà tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi những lời nói của ông Bính về cách chơi hoa và cây kiểng. Hình như biết tôi đang nghĩ gì, ông Bính nói:

— Cậu muốn có một cây cảnh đẹp, cậu phải bỏ công uốn nắn chứ không thể chỉ trong một sớm một chiều mà có được! Nó không giống như một chậu hoa, chỉ cần bón phân tưới nước là đủ. Vì vậy người trồng cây cảnh phải có tâm hồn nghệ sĩ, phải biết rung động khi thấy chồi non vừa nhú và phải biết tạo dựng nét đẹp hài hoà như trình bày một tác phẩm. Còn không, cây cảnh cũng chỉ là một cái cây như muôn ngàn cây khác. Nhưng nói là nói vậy chứ ở xứ Úc này phong thổ nó khác bên mình, và loại trồng để uốn làm cây cảnh không biết ở đâu mà kiếm. Khi nào có dịp, tôi và cậu

đi lại mấy vườn ương cây, hy vọng sẽ tìm được vài loại để nuôi thành gốc.

Vừa nói, đôi mắt ông Bính vừa lim dim nhìn về xa xa như đang ngắm nghía một hòn non bộ trong trí tưởng.

Chuyện cây cảnh gợi lên khung cảnh Tết, đưa ông Bính lan man đến các thú vui ngày xuân. Ông nói hết chuyện đá gà sang chuyện gói bánh chưng, chuyện nấu xôi sao cho dẻo, cho rền... Tôi ngồi nghe mà liên tưởng đến những sự tích bánh dày bánh chưng, những phong tục tiếp nối tự ngàn xưa của dân tộc.

Tới một lúc câu chuyện đưa đẩy đến hoàn cảnh gia đình. Tôi tò mò hỏi ông Bính:

— Vậy chứ ai bảo lãnh ông sang đây? Con trai hay con gái?

Ông Bính trả lời mà mắt ngó mông lung:

— Con trai.

— Được bao lâu rồi?

Ngập ngừng một chút, ông đáp:

— Hơn một năm. Tết này nữa là cái Tết thứ hai.

Tôi nhìn ông, ái ngại hỏi:

— Ông có xin được tiền xã hội không?

Ông Bính mân mê ly nước trà hồi lâu rồi ngẩng lên trả lời:

— Không cậu à! Cái khổ của con người là sống mà không có đồng tiền!

Tôi thấy tội nghiệp cho ông sau câu nói chân tình ấy, nhưng biết làm sao hơn! Chính tôi hiện cũng đang là kẻ thất nghiệp đây mà! Tôi muốn giúp ông Bính một chút gì vật chất để ông cảm thấy được chia sẻ, nhưng lại sợ làm tổn thương lòng tự ái của ông.

Gương mặt ông Bính, lưỡng quyền nhô cao quá khổ theo tướng số là tướng của người về già hay chịu cảnh đơn côi. Tôi ngồi đối diện ông mà ngậm ngùi, biết đâu mai sau khi tuổi già sức yếu tôi lại cũng lâm vào hoàn cảnh ông Bính hiện giờ!

Để đánh tan không khí nặng nề, tôi bèn chuyển sang chuyện khác, thành thật nói cho ông nghe là tôi

qua được năm năm, thuê nhà một người bà con ở tạm, mới có khả năng ra riêng được hơn một năm và cũng mới bảo lãnh vợ và bốn con qua đoàn tụ. Hiện thời kể như tôi có phước vì trong cảnh vượt biên, tôi không bị mất đứa con nào.

Ông Bính nhìn tôi chua chát:

— Thân tôi bây giờ như gà què ăn quần cối xay cậu ạ! Phải biết trước nó đối xử với tôi như thế, thà là tôi ở lại chịu cảnh nhớ con chứ chẳng sang đây làm gì!

Câu nói của ông Bính vô tình làm tôi nhớ lại hình ảnh phố xá Cabramatta vào những sáng cuối tuần. Thành phố thật nhộn nhịp, và các dãy băng chật cứng người Á châu lớn tuổi ngồi nghỉ chân sau những giờ mua sắm mệt mỏi. Dáng điệu già nua của họ trông chẳng khác nào những cánh bướm sau một cuộc hành trình dài trên mặt đại dương. Rồi hôm nay ngồi đây, trước mặt tôi là ông Bính với đôi mắt long lanh ngấn lệ đang gọi lên trong tôi một nỗi chua xót ngậm ngùi.

Tôi hỏi thêm ông Bính:

— Trước khi sang đây, ở Việt Nam ông làm nghề gì?

Ông Bính trả lời, giọng tiếc rẻ:

— Tôi là nhân viên kỹ cụng của hãng Air Việt Nam. Tuy không giàu có gì nhưng chưa bao giờ tôi phải bận tâm đến miếng ăn miếng uống. Sang đây ăn nhờ con, nhiều khi miếng ăn mắc ngang cổ, nuốt không vào. Nhất là khi con dâu eo sèo, kể lể thuở làm dâu bị bà nhà tôi chì chiết. Thật khổ!

Tôi mời ông Bính uống thêm trà và cố lái câu chuyện về ba ngày Tết, về những tục lệ đầu năm, về chợ hoa Nguyễn Huệ và những ông đồ ngồi viết liễn... Ông Bính vụt nói:

— Còn mười hôm nữa là ở Việt Nam mình lo giấy cỗ tảo mộ ông bà rồi...

Tôi nói chen:

— Ở quê tôi thì bà con lo chuẩn bị tháo đập, tát đìa và quét bánh phồng...

Đôi mắt ông Bính ngó mông vào khoảng trống, dường như để ôn lại

mẹ con

Giữa một nơi

Rào thưa vách đổ

Đầy dấu vết của chiến tranh phần nộ

Mái lá run mình

Giường nhỏ

Trời sao

Ôi một trời sao mênh mông

Trong đôi mắt nào nung

Tràn ánh sáng tấm thân gầy thiếu phụ

Dáng kiều thơm của một thời xưa cũ

Còn vấn vương trên nét đẹp điêu tàn

Vòng tay gầy ru điệu ngủ con ngoan

Nâng tiếng hát

Mắt ngời sao đêm tối

Thơ trẻ ngủ say

Nụ cười thoải mái

Vui trong mơ một cuộc sống no lành

Nét mặt tình anh

Cầm vuông miệng rộng trán thông minh

Nhưng đôi chân

Ôi đôi chân què quặt

Đôi chân nhỏ

Giữa một chiều nắng tắt

Chiến trận lan về dày xéo đất đai

Lửa đạn tung bay

Trong một phút đêm dài

Đôi chân nhỏ cũng góp phần lịch sử

Giọt máu thiên thần

Triền miên mạch sữa

Len vào lòng cày nội cỏ và dòng sông

Như tự nghìn xưa những giọt máu hồng

Đã tưới khắp Trường sơn Đông hải.

cao hoàng nhân

những kỷ niệm thời niên thiếu. Rồi ông hỏi tôi:

— Cậu có thích múa lân không?

Tôi đáp:

— Mê lắm...

Như gặp người đồng điệu, ông kể lể:

— Cậu biết không, hồi năm ngoài tôi đi ra ngoài Cabramatta xem múa lân. Mấy đội lân cũng khá lắm, nhất là đội của Tàu, đâu có thua gì đội lân râu bạc ở chợ Cầu Ông Lãnh hồi xưa! Nhưng ngặt một nỗi, pháo của Đài Loan và

Hồng Kông vẫn nhiều thuốc quá, nổ thì có giòn nhưng hơi nguy hiểm khiến mấy con lân hơi khóp, lúc pháo nổ không dám nhào vô, cứ đứng ngoài mà vờn mãi. Cái thú xem múa lân là khi lân gặp pháo phải dũng mãnh xông đến tấp phong pháo nhai trước rồi mới quay sang đớp phong bao lì xì.

Nhìn đôi mắt ông Bính chớp chớp dường như cố níu lại hình ảnh dĩ vãng mà trong đó ngày Tết của gia đình ông không thể thiếu mai vàng, liễn đỏ, mâm cỗ thịnh soạn và



nồi bánh chưng sôi sục trên bếp lửa hồng. Bởi ông là người Bắc, ngày Tết không thể thiếu bánh chưng cũng như tôi người miền Nam, cho dù vất vả đến cỡ nào, vợ tôi cũng phải gói cho được một nồi bánh tét.

Tôi nhìn ông, hỏi:

— Năm nay nhà ông có gói bánh chưng không?

Ông trả lời, giọng buồn hiu:

— Hôm tuần rồi, tôi và nhà tôi có bàn với vợ chồng nó, là Tết này để ba mẹ gói bánh chưng. Nhưng chúng nó gạt ngang, bảo có muốn ăn ra tiệm mua cho tiện. Đấy rồi cậu xem, phong tục tập quán mình sẽ mất dần vào những chỗ đó. Cái quan trọng của ngày Tết không phải là ăn sao cho tiện, cho nhiều, mà là ở chỗ chuẩn bị tổng cụ nghinh tân, nhớ ơn ông bà tiên tổ và để đánh dấu sự trưởng thành của đời sống.

Tôi nhìn ông ướm thử:

— Hay là Tết này ông bà lại đăng tôi, mình hùn nhau nấu một nồi bánh chưng, bánh tét. Củi lửa để tôi lo, mình xách xe đi lượm một lát thiếu giống!

Ông Bính tán đồng:

— Phải đấy. Cậu mợ ở đây lo nếp, đậu; còn đăng tôi lo dây lạt, lá. Có nồi bánh, Tết mới có ý nghĩa.

Chúng tôi ngồi nói chuyện thêm một lát rồi ông Bính kiêu từ ra về. Tôi tiễn ông ra cửa, nhìn dáng ông ngập ngừng băng qua con lộ đông xe mà thâm thương cảm. Ở xứ này, xe cộ cứ nối đuôi nhau chạy, nào ai để ý dừng xe, nhường bước cho một ông già chậm chạp.

Trở vô nhà, tự dưng tôi thấy căn nhà mình đang ở trở nên xa lạ. Mỗi căn phòng là một thế giới riêng tư, mà sự riêng tư đó đôi khi cũng làm cho người ta sợ hãi. Lát nữa đây, ông Bính về tới nhà, bước vô phòng đóng cửa lại, sau tiếng rít của cái bản lề, ông Bính sẽ hoàn toàn cô độc.

Trong phút giây buồn bã đó, tôi đi lại tí tay lên cửa sổ nhìn ra vườn rau. Vợ tôi đang lom khom nhổ cỏ, hai bàn tay bươi xới trong lớp đất

tơi ải màu đen. Tự dưng tôi thấy thương vợ tôi quá đỗi. Hầu như suốt cuộc đời, vợ tôi chưa biết đến phần son là gì, chỉ biết lao khổ mưu sinh, trong sạch và đạo đức. Ngoài những giờ học Anh văn ra, vợ tôi chỉ quanh quẩn hết trong bếp lo nấu nướng dọn dẹp, lại lúc thúc ngoài vườn chăm chút những luống rau quê hương. Chỉ mới một mùa hè mà vườn nhà tôi đã đầy những tia tó, húng quế, bạc hà... cạnh bờ rào là giàn mướp hương, giàn khổ qua trái treo lủng lẳng.

Sự thương khó trong đời sống con người là biết vun trồng hạnh

phúc. Vợ tôi đã vun trồng tình nghĩa gia đình qua những lá rau thơm, những bụi ngò gai điểm tuyết cho tô canh chua thêm hương vị. Thế nhưng thế hệ tương lai của người Việt nơi hải ngoại, trong đó có con tôi, sẽ dần dần lạnh nhạt với những gì mà mẹ cha chúng đã dày công vun quén. Hằng ngày chúng nhớ số điện thoại của công ty gà chiên Kentucky hơn là nhớ đến hai chữ Việt Nam mặc dù tôi đã cố gắng gieo vào đầu chúng những hình ảnh quê hương đất nước. Chỉ mong một ngày mai Việt Nam thay đổi màu cờ, tôi sẽ khuyến khích các



con tôi trở về xây dựng quê hương và tìm lại cội nguồn dân tộc.

Nhìn những chậu cúc vạn thọ sắp đơm bông, tôi liên tưởng đến một mùa xuân rộn rịp. Nhìn lũ chim sẻ tìm mồi trên mái ngói, tôi lại nhớ đến cánh én báo hiệu xuân về, đến cánh diều bay lơ lửng trên đồng nội. Từ những cái Tết tủi hờn đầy nước mắt nơi trại tị nạn qua đến những cái Tết nơi xứ người với đầy đủ tiện nghi, dư thừa vật chất nhưng sao trong tôi vẫn thiếu một cái gì, loay hoay tìm hoài không gặp! Mới tuổi trung niên mà tôi còn quặt quật tâm can khi tờ lịch cuối cùng được gỡ xuống, hướng chỉ ông Bính đã ngoại lục tuần, ràng buộc với đời biết bao kỷ niệm! Trong những lúc năm cùng tháng hết như thế này, chắc ông Bính thấy tuổi già của mình thật là vô vị!

Giữ đúng lời hứa với ông Bính hôm nào, tôi chạy xe lòng vòng, hễ gặp cây ai bỏ vệ đường cũng tha về để đó. Tôi hình dung ra nồi bánh chưng trong có lẫn lợn đấm đòn bánh tét vợ tôi gói, sôi ừng ục trên bếp lửa, làm ửng hồng đôi gò má của hai người đàn bà ngồi canh bánh. Còn tôi và ông Bính thì ngồi rung đùi đánh cờ tướng dưới ngọn đèn nê-ông được truyền từ trong nhà ra mắc trên bụi hồng.

Nhưng rồi dự định của tôi và ông Bính không kịp thực hành. Chỉ còn một tuần lễ nữa là Tết đến thì vào một buổi trưa, tôi đang cào lá cây dầu gió rụng đầy trước sân nhà, ông Bính đến thăm tôi mà nét mặt còn hằn dấu tủi hờn. Sau khi chào hỏi, tôi mời ông vào phòng khách. Nhìn đôi mắt ông thấy sung mừng đỏ như vừa mới khóc, tôi không biết mở lời cách nào, chỉ nói bằng quơ:

— Củi lửa tôi đã kiếm đủ rồi. Nồi bánh chưng Tết năm nay chắc ngon phải biết!

Ông Bính nhìn tôi nói nhỏ:

— Hôm nay tôi qua xin lỗi cậu về chuyện đó đây!

Tôi ngạc nhiên:

— Bộ có chuyện gì bất ngờ lắm sao?

Ngập ngừng một chút rồi ông Bính nói:

— Bà nhà tôi với con dâu rầy lộn mấy bữa nay, và tôi thì chiều nay theo người ta lên Wollongong làm lò bánh mì.

Tôi mời ông tách trà rồi an ủi:

— Có gì đâu mà lỗi phải! Nếu ông rảnh thì trước mình cùng thức một đêm để đảm đạo, sau đó ông dạy tôi cách gói bánh chưng. Còn nếu bận thì thôi chờ việc gì mà ông phải tự trách.

Ông Bính phân trần:

— Biết vậy. Nhưng người lớn mà thất hứa tôi thấy ngại lắm. Số là vợ tôi và con dâu, hôm thứ bảy tuần rồi cãi nhau một trận. Vợ tôi vì tự ái đứng dậm cẳng kêu trời, còn con dâu thì ỷ nhà cửa của nó nên thì thào nói tay đôi, cứ thế mà nhà như đám giặc!

Tôi tò mò hỏi tiếp:

— Còn thằng con trai ông có phản ứng gì không?

Ông Bính buồn bã:

— Cũng có, nhưng không qua nổi con vợ. Hình như cái cảnh nàng dâu mẹ chồng nó như có mối thù truyền kiếp, không thể nào ở chung được cậu à...

Tôi đẩy ly nước trà về phía ông ân cần mời, cố ý để ông dần bớt cơn xúc động. Nhưng nơi khoé mắt ông Bính đã rung rung ngấn lệ. Ông nói tiếp:

— Cậu biết không, cũng may hôm đi học Anh văn, chính phủ có phát tiền. Tôi lãnh về bàn với nhà tôi cất để dành, chờ chừng nào tới tuổi lãnh tiền già mới có nữa, bởi vì khi con mình bảo lãnh sang đây, nó phải cam kết nuôi mình đến năm năm cơ mà.

Tôi ngạc nhiên hỏi tiếp:

— Vậy chờ con ông không cho ông tiền xài sao?

Ông Bính mỉm cười chua chát, lắc đầu:

— Hồi lễ Vu lan năm ngoái, thằng con trai có cho tôi năm chục bạc, bảo ba có muốn tiêu gì thì tiêu. Nhưng chỉ vài bữa sau con vợ nó mượn lại, nói để đóng tiền điện.

Tôi bèn đề nghị:

— Hay là để tôi dắt ông ra phòng xã hội xin tiền trợ cấp...

Ông Bính lắc đầu:

— Đừng cậu. Tôi có hỏi rồi, rắc rối lắm! Đảng Phòng Xã hội người ta cho biết phải kêu thẳng con tôi ra phỏng vấn, nếu thật sự gặp khó khăn người ta mới giải quyết bằng cách cho mượn, nhưng con tôi phải ký tên cam kết sẽ trả lại sau này. Nó lưỡng lự nửa muốn làm nửa muốn không. Còn con vợ nó thì la đông đông, nói nợ cái nhà trả chưa biết bao giờ mới hết, nay ra ký nợ nữa nó không chịu đâu. Nếu “ai” có ở đây thì cơm nước nó nuôi, còn không thì làm gì thì làm chứ nó không biết.

Nghe ông kể, tôi biết trường hợp đối xử nhân tâm với cha mẹ như dâu con ông Bính không phải là hiếm. Họ thường nghĩ rằng cha mẹ già rồi, chỉ cần nuôi cơm ngày hai bữa là đủ chứ không để ý đến những nhu cầu lật vật riêng tư mà ai cũng có. Nhất là đối với người già vốn nhiều tự ái, cư xử vụng về dễ làm họ tủi thân.

Tôi hỏi nhỏ:

— Tình trạng như vậy rồi bây giờ ông tính sao?

Ông Bính chậm rãi đáp:

— Cũng may, nhờ người bạn giới thiệu, tôi xin được việc làm ở lò bánh mì tận trên Wollongong cậu à. Mọi việc liên hệ đã xong. Năm giờ chiều nay người ta đến đón. Chắc Tết này tôi phải ăn Tết ở lò bánh mì đó quá!

Tôi khuyên:

— Tuổi già làm bánh mì cực nhọc lắm, biết ông có chịu nổi không? Hay là để chậm lại mình tìm việc khác.

Ông Bính nói với vẻ cương quyết:

— Họ làm được thì mình làm được. Có tận nhân lực mới tri thiên mệnh được cậu à.

Nói xong câu tự đánh lừa sức khoẻ của mình, ông Bính mỉm cười chua chát.

Tôi nài nỉ:

— Hay là nói lại với họ đợi qua Tết rồi đi có được không? Chờ

người Việt mình, cho dù có làm ăn đâu xa, Tết cũng phải quay về đoàn tụ với gia đình.

Ông Bính lắc đầu:

— Không được đâu! Nhớ họ mượn người khác rồi mình biết xin việc ở đâu? Vả lại gia đình con cái tôi như vậy thì có gì vui để mà ăn Tết!

Nhìn ông Bính, tôi thấy bao nỗi thương khó của tuổi già. Tục ngữ Việt Nam có câu “ở xa mỗi chân, ở gần mỗi miệng”, cho dù cha con mà lớn lên sống chung với nhau dưới một mái nhà đã là rắc rối, huống hồ gì có thêm một nàng dâu nắm hết quyền hành tài chánh trong nhà nữa! Ông Bính thở dài rồi nói tiếp:

— Nhờ đi học mấy khoá Anh văn mà tôi được biết, hiện giờ cũng có nhiều người lâm vào hoàn cảnh như tôi lắm. Ban đầu chưa thân, ai nấy đều giữ gìn ý tứ. Sau này thân rồi tâm sự với nhau mới thấy ăn được hột cơm của con không phải là dễ. Nhờ vậy mà vợ chồng tôi cũng được an ủi phần nào.

Tôi hỏi ông:

— Ông đi làm lò bánh mì, còn bà ở nhà có chuyện gì làm chưa?

— Bà nhà tôi đi giữ em kiêm luôn giữ nhà và nấu cơm cho người ta nay cũng gần một tuần rồi.

Ông Bính trả lời tôi mà đôi mắt ngó mông ra cửa, dường như ông đang mường tượng đến người bạn gối chăn, đầu đã hai thớ tóc mà còn phải đem thân đi ở đợ để có bữa cơm!

— Lương có khá không?

Miệng tôi hỏi ông mà lòng cảm thấy vô cùng đau xót.

Ông Bính đưa hai bàn tay lên ra dấu, nói:

— Một trăm đồng một tuần.

Tôi hỏi thêm:

— Có cực lắm không?

Ông Bính trầm ngâm một hồi mới trả lời:

— Nghe bà nhà tôi kể lại là cặp vợ chồng này còn trẻ, cha mẹ mất sớm nên gọi bà ấy bằng “mom”, tử tế với bà ấy lắm.

Nói xong câu ấy, gương mặt ông Bính như tối lại. Ông đưa tay lên

giụi mắt mấy lần. Có lẽ ông đang tủi thân, bởi người dưng nước lã mà còn biết xót thương cảnh ngộ của vợ chồng ông trong khi dâu con quá sức đanh đá. Ông Bính kể tiếp:

— Cậu có biết không, hôm trước thằng cháu nội tôi bảo tôi: Sao nội không ở bên Việt Nam mà qua đây làm chi, mỗi lần nội bệnh ho con gớm thấy mồ.

Tôi ngạc nhiên kêu lên:

— Trời đất! Nó mấy tuổi mà nói được câu đó?

Giọng ông buồn buồn:

— Tám tuổi rồi cậu. Giận quá tôi la lên: “Cái thằng cha, con gái mẹ mày xúi mày nói với tao như vậy phải không?” Mình quá giận nên lỡ lời. Con dâu tôi ở trong phòng chạy ra bắt lỗi, làm tôi phải ở trong phòng liên tiếp hết mấy ngày. Từ bữa đó đến nay không ai nói chuyện với ai nữa, bây giờ tôi nghĩ lại thấy cũng kỳ.

Sau câu nói, ông Bính thở dài buồn bã làm tôi cũng buồn lây. Tôi đứng dậy dắt ông Bính ra sân trước, chỉ cho ông coi chậu tùng Nhật Bản mới mua, hỏi chuyện để ông khuây khoả:

— Giống này có làm kiếng được

không?

Ông Bính ngắm nghía cây rồi mới trả lời:

— Được. Nhưng cậu phải đợi tàn nó lớn một chút rồi mới có thể uốn được.

Ông chỉ dẫn sơ sài nhưng cặn kẽ, bảo tôi nhánh nào nên cắt, nhánh nào nên để và phải uốn nắn thế nào cho khỏi gãy.

Tôi và ông Bính đi bách bộ ở sân trước một hồi rồi đi ra vườn sau. Nơi đây tôi đã trồng được hai liếp rau muống sắp tới lứa cắt ăn được rồi. Nhìn luống rau, ông Bính nói giọng buồn:

— Dân Bắc chúng tôi thiếu rau muống như xe thiếu nhớt cậu ơi, thấy nó làm sao ấy!

Tôi phụ họa:

— Còn dân Nam tụi tôi, nếu thiếu giá sống như cây thiếu nước. Bởi đó mà vợ tôi vừa mới tới đã hỏi ở đây có đồ giá được không, rồi bà hỏi xin đứt tôi hết một cái chậu sành để dành xúc giá.

Tôi và ông Bính đứng nơi hiên nhà nói lan man về một nơi chốn quê hương, ở đó có những cây cà pháo, những vòng thuốc lá, giậu mồng tơi, bụi bồ ngót thân thuộc.

ngõ ngang khi gặp

ngõ ngang khi gặp lại em
mười năm đất lạ thăm quên quê nhà
em cười hỏi chuyện đời ta
ngậm ngùi mà nói chỉ là tay không
có chẳng vạt áo bụi hồng
về phôi cuộc sống thăng trầm đó đây
một mình một bóng mây bay
lang thang mười hướng đắng cay cuộc đời
hỏi em giờ lấy chồng rồi
hạnh phúc cũng có, ngậm ngùi nhiều hơn
nếu đời đừng đổ nguồn cơn
mối tình ngày nọ hẳn hơn bây giờ
gặp nhau như chuyện tình cờ
thôi em tình cũ hững hờ mây bay.

ngữ an



Thỉnh thoảng trong câu chuyện, ông Bính lại chêm vào “quê nhà” và “giờ này” chắc cũng đang lo tảo mộ! Trong tận cùng tâm cảm, chúng tôi cùng thấm thía nỗi buồn của kẻ xa quê.

Ông Bính lặng lẽ đứng nhìn liếp rau muống như cố tìm hình ảnh thân thương gì trong đó. Đột nhiên ông mỉm cười:

— Trong các loại rau của mình, chỉ có rau muống là ăn lâu chán, chứ còn như bắp cải, xu hào, cải bẹ... ăn vài lần là cả tháng sau không muốn nhắc!

Tôi thành thật nói:

— Đợi tôi vô nhà lấy dao ra cắt cho ông một ít.

Ông Bính khoát tay từ chối:

— Để khi khác đi cậu. Hôm nay chút nữa tôi phải đi lên lò bánh mì rồi.

Bất giác hai tiếng bánh mì nhắc tôi nhớ lại một thời cách nay ba năm về trước, tôi đã làm hết mấy tháng trời nơi lò bánh. Những cục bột dẻo nhẹ bám riết theo tôi trong những đêm khuya mòn mỏi. Sức trai mà tôi còn không kham nổi, liệu với tuổi ngoài lục tuần, ông Bính rồi sẽ ra sao?

Ông Bính chào tôi ra về, hẹn sẽ có dịp lại ăn với tôi một bữa cơm có rau muống bóp gỏi chao, trộn một ít tôm khô và rau thơm cho đúng điệu. Tôi sánh vai ông bước lần ra cửa. Khi cánh cửa rào vừa khép, tôi có cảm giác là ông Bính đã bước qua một lần ranh của cuộc đời đầy gian nan bất trắc. Mái tóc bạc trắng của ông nổi bông lên giữa nắng chiều, tự dưng tôi cảm thấy một nỗi buồn ray rứt.

Trở vô nhà, tôi bắt gặp vợ tôi với thói quen như lúc còn ở quê nhà, đang lau chùi bếp núc, lo soạn lại cái chõ xôi và cái nồi nhôm để nấu bánh tét. Tất cả ngăn đó thứ khua dậy trong tôi nỗi thao thức bất chợt, như một gã ghiền phải cai rượu lâu ngày, tình cờ người thấy mùi hèm làm cho vật mình khó chịu.

Ôi cái Tết ở quê người, tôi bỗng nghe thèm điệu trống múa lân! ●

Nàng

Vũ Nghi

tác-phẩm đoạt giải khuyến-khích
bộ môn Truyện ngắn Giải VHNT Làng Văn 1991-1992



Nàng là một cô gái đẹp. Tôi không cần phải kể lễ dài dòng về sắc đẹp của nàng, như người xưa hay tả, nào là mắt phượng mày ngài, mặt mày thanh tú, vóc dáng yếu điệu; hoặc như người thời nay với những lời khen sống sượng như thân hình bốc lửa, cặp mắt lẳng lơ, đôi môi kêu gọi. Tôi chỉ biết nàng đẹp, và có lẽ hết 90% đàn ông con trai độc thân trong thành phố đều đồng ý rằng nàng đẹp. Chính bản thân nàng cũng biết rằng mình đẹp

cho nên nàng rất là tự hào, đôi lúc tự kiêu thái quá về sắc đẹp trời cho ấy.

Tôi yêu nàng, lẽ dĩ nhiên, cũng như đại đa số thanh niên độc thân trong cộng đồng người Việt ở đây yêu nàng, nếu không tôi đã chẳng tốn công lải nhải về nàng. Nhưng như tôi đã nói, nàng rất kiêu hãnh về sắc đẹp của mình. Có lẽ nàng cho rằng tụi đàn ông tầm thường này không xứng đáng với sắc đẹp kiều diễm của nàng, nên đối với bọn

người say mê chung quanh, tuy vẫn tỏ vẻ thiết tha nhưng thật lòng nàng chẳng chọn một ai. Nàng vẫn đều đều nhận những nụ hồng tỏ tình của chúng tôi, bọn đàn ông ngu muội, và mỉm cười rất ngọt ngào đáp lại. Nàng cũng vẫn nhận rất thường những món quà đắt giá của những kẻ giàu sang hơn, kèm theo nụ cười khả ái là những câu nói êm ái dịu dàng. Bởi vậy mặc dù nàng chưa chính thức đáp lại bất cứ người nào, bọn đàn ông si mê nàng, trong đó, tôi dĩ nhiên là một kẻ rất trung thành, đều vẫn nuôi hy vọng tràn trề. Ngày nào nàng chưa lên xe hoa, ngày đó mọi người trong chúng tôi vẫn còn hy vọng. Biết đâu chừng, một ngày nào đó nàng sẽ thấu hiểu tấm lòng tôi đối với nàng còn nồng nàn và đáng quý hơn xe hơi nhà lầu, hơn vòng vàng tiền bạc? Và bởi vì ngoài tình yêu cuồng nhiệt đó, tôi thật không còn gì để dâng nàng.

Bây giờ có lẽ tôi nên giới thiệu sơ về mình. Tôi là dân vượt biên, trải trăm sông ngàn chết mới lọt được vào cái xã hội tự do này. Sau khi xài hết mấy tháng trời để học nói tiếng người tạm tạm đủ xài, tôi lẫn xả vào công việc. Để kiếm tiền, dĩ nhiên. Tôi làm đủ mọi thứ nghề, như ông bà ta thường nói, thương vàng hạ cám, nghề gì tôi cũng nhào vô, miễn có tiền là được; từ lau dọn cầu tiêu đến bồi bàn mấy quán ăn rẻ tiền, từ thắng đồ xăng đến công nhân nhà máy. Hạ cám thì tôi chắc chắn đã trải qua, còn thương vàng thì có lẽ... chưa tới. Nói ngay ra, nói mà trong lòng hơi xấu hổ, tôi thuộc loại thất học. Ở Việt Nam chỉ biết đọc biết viết sơ sơ là tôi phải bỏ học đi làm. Lăn lộn đủ mọi nơi, rồi cuộc tôi đi đánh cá, với hy vọng mong manh sẽ có được một chỗ trên tàu vượt biên. Hy vọng này rồi cuộc đã thành tỵ, bởi vậy giờ này tôi mới có mặt ở đây, và mới... chết mê chết mệt vì nàng.

Với cái vốn học thức thấp lè tè như vẹt bầu, ngoài ba cái nghề vớ vẩn, tôi còn biết làm gì hơn được nữa! Có một điều rất may mắn, là

thượng đế đã sinh ra tôi với cái tính tự nhiên như ruồi và bản mặt chai dày hơn vỏ xe hơi. Bởi vậy nên tôi chẳng ngại ngần gì, vẫn ngang nhiên xếp mình ngang cơ với đám kỹ sư bác sĩ và những cậu công tử con nhà giàu, tranh giành tình yêu của nàng. Người ta nói tình trường như chiến trường mà. Nếu có những người dùng tiền để đè bẹp đối phương thì tôi cũng có thể dùng cái... mặt dày của mình để đứng vững, ít nhất là trong cuộc chiến tình yêu này. Thêm một điều may mắn nữa là nàng không hề phân biệt giàu nghèo, cho dù trong thâm tâm, tôi biết chắc nàng rành hơn ai hết về tài chánh của bất cứ ai trong chúng tôi. Nàng vẫn tiếp đãi bất cứ người nào đến thăm nàng một cách tử tế đàng hoàng.

Như thói quen, tôi thường đến nhà nàng vào chiều thứ bảy. Tôi biết nàng rảnh vào giờ đó, vả lại tôi cũng mới tan việc vào buổi chiều. Theo thói quen từ ngày yêu nàng, mỗi chiều cuối tuần tôi lại mua một nụ hồng đem đến tặng nàng. Lúc đầu tôi rất ghen tức khi thấy trước mình đã có bao nhiêu là hoa cắm la liệt trong nhà nàng, nhưng khi thấy nàng tươi cười nhận nụ hồng trong tay tôi rồi âu yếm cắm riêng vào một chiếc bình, tôi lại thấy hả hê vui sướng. Ít ra nàng cũng coi trọng tôi đó chứ. Ngoài hoa ra, cứ lễ, Tết hay sinh nhật, tôi đều cố gắng dành dụm mua tặng nàng những món quà đắt giá. Noel vừa rồi tôi tặng nàng cái đồng hồ có cần bốn hạt kim cương tím. Tết ta tôi tặng nàng một bộ đồ trang điểm hiệu Lancôme. Sinh nhật vừa qua của nàng, quà tôi là một chiếc áo dạ hội lộng lẫy giá hơn nửa tháng lương. Tôi nghĩ chơi đẹp đến vậy là cùng, chẳng lẽ đám đàn ông kia có đưa đám tặng... xe hơi hay sao?

Nếu cuộc đời cứ êm ả trôi như thế, tôi nghĩ mình vẫn cứ sẽ tiếp tục theo đuổi nàng, dành dụm tiền bạc mua quà cho nàng, và... hiểu thảo với nàng còn hơn là đối với bà mẹ già còn kẹt lại Việt Nam gấp trăm lần. Thế nhưng sự đời không giản

dị êm xuôi như vậy. Do một sự rất tình cờ, tôi khám phá ra bộ mặt thật của nàng và... bùng tỉnh.

Sáng hôm đó tôi đang làm ở nhà hàng Dragon, giữ chân *waiter* khiêm tốn trong một nhà hàng Tàu rất tầm thường, thì tôi... thấy nàng, đi với một đám con gái. Thiên địa ơi, tôi có bao giờ ngờ là nàng sẽ đặt chân đến đây đâu. Mặc dù mặt tôi đã khá chai lì nhưng tôi thật không muốn phải chạy ra tiếp nàng. Tôi nhờ thằng bạn Tàu ra tiếp và dặn nó dẫn nàng ngồi ở cái bàn sát vách ngăn, để tôi có thể ngồi ở bên kia... nghe lén nàng nói chuyện. Theo kinh nghiệm tán gái của tôi, tụi con gái chỉ nói thật về chuyện tình cảm khi hợp mặt với nhau, nhất là bạn thân, như cái đám đi với nàng bữa nay.

Quả nhiên như tôi đoán, đám con gái vừa ngồi xuống bàn là mồm miệng tía lia đủ chuyện trên đời. Tụi nó cười giòn ồm ồm, nói chuyện to tiếng, thật không giống những lúc bình thường đối diện với bọn đàn ông. Cuối cùng thì tụi nó cũng nói đến chuyện những người theo nàng. Tôi mừng rơn khi nghe nàng lần lượt nhắc tên những đứa mà nàng bảo là không có chút cảm tình. Như vậy là tôi đã loại bỏ được cả đồng đội thủ rồi còn gì! Tôi đang khoái chí cười tùm tùm thì nghe tụi con gái nhắc đến tên... tôi.

Giọng con Phi chanh chua (tôi biết hết đám bạn nàng, tụi nó vẫn theo làm kỳ đà cắn mũi mỗi khi tôi có dịp ra phố hoặc đi ăn với nàng):

— Ê, còn chàng Chí khờ của mày thì sao?

— Thằng Chí?— Nàng cười rộ lên. Chao ôi, tôi chưa hề bao giờ nghe nàng cười một cách... thô bỉ như vậy — Cái thằng ngu đó, dân đánh cá mà không biết tự lượng. Đúng là cóc mà đòi ăn thịt ngỗng trời.

Con Ngọc thêm vào:

— Phải nói là thằng cuội mà đòi lấy Hằng Nga mới đúng.

Cả bọn rú lên cười, làm như tức cười lắm vậy. Tôi tức bầm gan tím ruột nhưng cố bặm môi để nghe tụi

nó nói tiếp:

— Biết đâu đó!— giọng con Thanh nhão nhoet — Biết đâu chó lại ngáp phải ruồi. Tao thấy mày cũng tốt với nó lắm mà!

Nàng hừ một tiếng sắc lẻm:

— Tốt? Mày có điên không? Tao mà thích thằng đó hả? Chỉ được cái là nó xài sang lắm, tội gì mà bỏ uổng chó!

— Sang lắm à? Kể nghe coi.

Bọn con gái nhao nhao.

— Coi đây nè, cái đồng hồ này là nó cho tao hồi Noel đó. Tôi tưởng tượng nàng đang vênh mặt tự đắc — Có cần hột xoàn đằng hoàng. Tao đi coi giá rồi, tệ gì cũng 2, 3 trăm.

Hai, ba trăm? Tôi kêu thăm, bốn trăm bốn chín đồng chín các lặn đó em cưng.

— Chà, sang thiệt! Con Vân trăm trở. Vậy sinh nhật mới đây của mày nó tặng gì?

— Tặng áo. Nàng trả lời, giọng chua lét. Kiểu như bà già, tao bán lại cho bà Bảy rồi, được có năm chục.

Năm chục? Trời đất ơi, nửa tháng lương của tôi mà nàng bán có năm chục!

— Lỡ nó biết sao mày?

— Biết thì biết chứ, sức mấy mà nó dám làm gì. Tao chỉ cần nói một tiếng là êm chuyện liền.

— Có uy quá he! Giọng con Xuân nghi ngờ. Nó cũng biết suy nghĩ chứ bộ, hổng lẽ mày nói sao nó nghe vậy. Cũng có hạn thôi chứ.

— Mày không tin hả? Nàng có vẻ tức giận. Đứa khác thì tao không chắc, chứ thằng Chí thì tao dám bảo đảm trăm phần trăm, tao nói cái gì là nó nghe cái đó liền.

— Mày biểu nó chết coi nó có chịu không!

Con Xuân cười khẩy.

— Cái gì mà quá đáng vậy — con Phi can — Vừa vừa thôi.

— Ừ thì vừa vừa. Tao với mày cá độ nè — Con Xuân hăm hở — Một châu xi-nê nha?

— Cá làm sao? Nàng hỏi.

— Cá cái gì? — Con Xuân có vẻ suy nghĩ — Thôi vậy nha. Bây giờ

chùm thơ dưới mái mưa đêm

bức màn

Ta có trong nhau từ vạn kiếp
Xưa giờ anh chẳng nhận ra em
Bởi tâm anh phủ màn đen tối
Càng kiếm tìm càng xa em thêm.

giọt lệ

Yêu mến cuộc đời muôn mặt ấy
Mắt em ngời ngấn lệ hân hoan
Trong cơn giao cảm anh vừa thấy
Giọt lệ mặn nồng chứa đại dương.

cổ nguyệt trường miên nữ

Tôi giống cô nàng vui giấc ngủ
Giữa trăng sơ cổ chẳng ai hay
Tỉnh ra thế kỷ vừa qua mất
Gào rống trong sương một tiếng dài.

hiện hữu

Phải chăng khoảnh khắc đột chuông rung
Vọng chuỗi thời gian xa mịt mùng
Và hạt cát này, viên sỏi ấy
Chập chờn ẩn hiện cõi vô cùng.

hồ trường an

hết mùa hè rồi nhưng trời cũng chưa lạnh lắm, tao thách mày làm sao cho nó nhảy xuống nước bơi... mười lăm phút. Nó là dân đánh cá mà, đâu có nhảm gì.

— Khi không biểu nó nhảy xuống bơi — nàng ngáp ngừng — phải có lý do gì chứ!

— Thì làm bộ rú nó đi biển chơi, lấy tàu của thằng Hoan đó, rồi mày kiếm cách... xô nó xuống biển, mười lăm phút sau hẵng vớt lên. Nếu nó mà không giận mày thì tụi tao chịu thua.

— Vậy có được không đó? — Con Thanh lo lắng — Lỡ nó... chết đuối thì sao?

— Chết sao được! — Con Xuân cả quyết — Mười lăm phút thôi mà. Với lại nó là dân đánh cá chắc là bơi giỏi lắm.

— Thôi cũng được, — Giọng nàng hơi thiếu tự tin — nhưng phải mang theo nhiều áo phao với lại

dụng cụ cấp cứu, chứ lỡ có chuyện gì là... chết tao đó.

— Yên chí đi! — Con Xuân nói giọng chắc mẫm — Chúa nhật tuần tới nha. Mày có bốn phen phải phone rú nói, với lại kêu thằng Hoan lấy tàu đi chơi.

Bàn bạc đã rồi tụi con gái bắt đầu ăn uống và nói sang chuyện khác.

Còn tôi, tôi thật là giận đến... hộc máu. Không dè tụi con gái này độc ác như vậy, nhất là nàng. Thì ra nàng chỉ lợi dụng tôi, coi tôi như một trò đùa. Trong phút chốc, bao nhiêu tình yêu tôi dành cho nàng biến thành tức giận, rồi đến căm thù. Tôi nhất định phải trả thù. Nhưng bằng cách nào đây, tôi chưa nghĩ ra. Hừm... có thù không trả phi quân tử mà, rồi nàng sẽ biết tay tôi.

Suốt từ bữa nghe lên được câu chuyện giữa nàng và tụi con gái ác



độc đó, tôi suy nghĩ hoài, suy nghĩ mãi, nghĩ tới nghĩ lui coi cách trả thù nào tốt nhất. Rốt cuộc rồi tôi cũng nghĩ ra. Nàng sẽ biết! Tôi sẽ làm cho nàng tổn tới già. Tôi sẽ lấy lại cả vốn lẫn lời, để bù cho sự mất mát tình cảm của mình. Chờ coi, người đẹp, chờ coi! Tôi nghiêng răng thì thầm.

Quả như tụi nó bàn trước, nàng điện thoại rủ tôi chúa nhật tới đi biển chơi. Trong phone, giọng nàng không còn vẻ gì giống như lúc ở nhà hàng mà ngọt ngào và êm ái đến độ... rợn người. Chút xíu nữa tôi đã tha thứ cho nàng. Đến chừng nghĩ đến âm mưu ghê gớm của

nàng tôi bỗng thấy ớn lạnh. Nàng đúng là phù thủy mà, nhưng từ nay nhất định tôi sẽ không nghe theo nàng nữa đâu.

Chúa nhật đến, tôi mặc sẵn bên trong một bộ áo lặn, loại áo chống lạnh của các tay thợ lặn chuyên nghiệp mà tôi mượn hết gần trăm bạc một ngày. Tôi còn mang theo chai rượu mạnh nhỏ, uống một ngụm trước khi xuống nước cho ấm bụng. Nói chung, tôi đã chuẩn bị kỹ càng, từ tinh thần đến thể xác, để chơi với nàng ván này.

Hôm đó nàng trang điểm thật đẹp. Nàng mặc bộ áo đầm màu tím hoa cà, lộng lẫy, đôi má thoa phấn hồng, đôi môi đỏ mọng quyến rũ

làm rực rỡ cả buổi sáng âm đạm đầu thu. Dù sao chẳng nữa, tôi vẫn thấy lòng mình nhói lên khi gặp nàng. Đôi môi đẹp kia, sao có thể thốt ra những lời ghê gớm! Khuôn mặt sáng sủa kiều diễm kia, sao có thể nghĩ ra những mưu kế độc ác vô cùng!

Tôi vẫn làm bộ tự nhiên như mọi ngày, cười cười nói nói với nàng và đám con gái quỷ quyết bạn nàng. Chúng tôi mở máy tàu rồi chạy ra khơi. Cũng may hôm ấy dù trời không đẹp nhưng biển lặng sóng và không có gió nhiều. Lũ con gái cứ thảnh thơi lại nhìn nhau nháy nháy. Phải như mọi ngày chắc tôi không để ý nhưng bây giờ... hừ, chút nữa bọn bay sẽ thấy, nhất là nàng, người đẹp phù thủy kia.

Giờ phút hành động đã tới, nàng rủ tôi ra boong ngắm cảnh.

— Bữa nay không có nắng nhưng biển đẹp quá phải không anh?

Giọng nàng êm ái.

— Ừ, em thích biển lắm hả?

Tôi vờ vĩnh.

— Dạ. — Nàng cười then thùng

— Nhưng em sợ nước lắm. Em chưa bao giờ dám đi tắm biển hết.

— Vậy là thiếu một thú vui ở đời rồi — Tôi cũng cười cười đáp lại — Lúc ngắm nhìn thì biển chỉ đẹp thôi, nhưng khi bơi lội thì mình có cảm giác khác, rất thú vị.

— Em chẳng ham đâu. — Nàng cười ngọt ngào — A, ở dưới kia có cái gì kia anh. Ờ, tụi bay ra coi kìa... Nàng reo to, như con nít.

Lũ con gái rần rần chạy ra. Tôi biết thời điểm đã tới. Chắc tụi nó làm bộ cúi nhìn rồi... xò tôi xuống chớ gì? Tôi bình tĩnh mở nút chai rượu vẫn giấu trong túi áo, kín đáo quay sang hóp một ngụm lớn. Bước chân tụi con gái đến thật gần sau lưng, tôi cảm thấy tay tụi nó chạm vào người mình, rồi thỉnh thoảng đẩy mạnh. Nhanh như chớp, tôi chụp lấy cánh tay nàng. Trong khoảnh khắc, tôi không kịp nhận thức rõ, rằng mình bị xô xuống hay tự ý nhảy xuống, thì tôi và nàng đã ở dưới nước rồi. Tôi còn nghe tiếng kêu thất thanh của nàng, đầy

em biết cho tôi

Sao tôi chỉ thích nơi thanh vắng
Thả nổi hồn trôi giạt cuối trời
Đàn kiến gặp nhau vung tín hiệu
Tôi tìm ngõ ngách đứng im hơi.

Sao vẫn là tôi, bóng lộn đầu!
Thì thầm gió hỏi đến từ đâu?
Bàn chân dẫm nát lên ngày tháng
Nú lại thời gian, tỏa mối sầu.

Khoảnh khắc gặp nhau, ngỡ ngần hoài
Em trắng vừa độ, áo vàng phai
Trông nghiêng nét mặt yêu và nhớ
Lá trúc vườn ai động gót hài!

Em ngoan, đừng thấy tôi thơ thần
Ấy lúc nguồn thơ ập xuống hồn
Tôi thét nhủi đầu say nắng hạ
Và cười rủ gọi bóng hoàng hôn.

Em biết vì sao bóng lộn đầu?
Khơi lòng ấu trĩ bởi niềm đau
Khơi tròng điên dại moi đôi mắt
Một gã thi nhân hoá bạch đầu.

Em hãy vì tôi ử chỗ nằm
Ôm lắm thân xác chẳng ăn năn
Thân em sức nước mùi hương phấn
Xin tạ ơn em đến bội phần.

Tôi cuốn lên rồi, bó chiếu manh
Tầm nhìn đã thấy khoảng trời xanh
Em ơi vũ trụ còn khôn ấy
Đất lở vì muôn tiếng rập rình.

phạm quang ngọc



về sợ hãi. Sức đội của máy tàu đẩy tôi và nàng ra xa nơi vừa rút xuống. Nước biển tháng 9 dù không lạnh như nước đá nhưng ở Canada cũng lạnh ghê gớm lắm rồi. Tôi cảm thấy hơi nóng từ hớp rượu Vodka rần rần tỏa trong cơ thể. Bên cạnh tôi, mặt mày nàng tái mét. Cô em, cô có thấy trò đùa này thú vị hay không? Tôi buông tay nàng ra, nhanh nhẹn tự cởi bộ quần áo ngoài rồi hụp xuống nắm lấy tay nàng. Trên kia, tôi nghe tiếng la hét kêu cứu của bọn con gái vang vang, dội qua làn nước, mơ hồ như trong một giấc mơ.

Vì đã chuẩn bị trước nên tôi rất bình tĩnh, trước khi hụp xuống tôi đã hít một hơi dài. Tôi biết trong vài phút nàng không thể chết được vì thiếu dưỡng khí. Tôi chỉ muốn nhấn nước cho nàng sợ, và sau khi cứu nàng lên, đủ để tôi làm hô hấp nhân tạo, gỡ gạc lại tiền bạc và tình cảm mà tôi đã bỏ ra cho nàng.

Cái đám bạn nàng trên kia, cả cái thằng Hoan con nhà giàu, chắc chắn không đứa nào học qua cấp cứu, thì làm sao biết hô hấp nhân tạo chứ! Hơn nữa tôi cũng sẽ làm bộ như lo lắng lắm, để không ai nghi ngờ là tôi cố tình kéo nàng xuống nước. Khi tôi đã thở hết luồng không khí trong ngực, tôi nghĩ chắc cũng đủ làm nàng sợ đến chết, tôi liền nắm tóc nàng kéo lên mặt nước để nàng thở. Xa xa, khoảng chừng mấy chục thước, chiếc tàu đang quay đầu trở lại. Tôi hít một hơi dài rồi bơi ngược đến tàu. Tôi ngoảnh lại nhìn nàng. Khuôn mặt nàng xanh mét, mắt nhắm nghiền, chắc vì quá sợ. Như vậy cũng tạm đủ rồi, lần sau đừng đùa giỡn độc ác như vậy nữa nhé! Ác lai ác báo mà, cô em học cao, chê tôi là thằng thất học, chẳng lẽ cô em lại không biết điều đó hay sao?

Cuối cùng tôi và nàng đã lên được trên tàu. Nàng được tụi bạn cho nằm dài trên boong. Nhìn mấy khuôn mặt con gái lo lắng tái xanh, nghe tụi nó sợ sệt đối đáp, tôi thấy... đã quá, thật là đã. Phải chi ở nhà một mình, tôi sẽ cười lớn tiếng

một cách vô cùng thoải mái, vô cùng khoái trá. Nhưng như đã định, tôi làm bộ lo lắng ra mặt.

— Tránh ra, tránh ra, để tôi cấp cứu. Không biết có sao không nữa?

— Tránh ra đi, tránh ra... — Lũ con gái xôn xao — Anh Chí chắc biết cấp cứu mà.

— Có cần gì không anh Chí? Ở đây có hộp cứu thương nè.

Con Xuân sợ hãi run run đưa cho tôi hộp cứu thương.

— Không cần đâu. — Tôi gạt nó qua một bên — Để tôi hô hấp nhân tạo. À, ở đây có cô nào biết làm hô hấp không? — Tôi vờ vĩnh — Con gái với nhau tiện hơn.

— Không sao đâu. — Tụi nó tranh nhau đáp — Anh cứu mau đi, tụi này không biết gì hết á.

Tôi cười thâm trong bụng, ngồi xuống bên cạnh nàng.

Lũ con gái nhìn tôi tin cậy. Tôi vừa gọi tên vừa tát vào mặt nàng, để trả thù, dĩ nhiên, nhưng làm bộ như để lay nàng tỉnh. Tát vài cái rồi mà không thấy nàng trả lời, tôi bắt đầu nhồi bụng nàng như nhồi... bột bánh mì, rồi xóc ngược nàng lên cho nước chảy ra. Thật ra nàng đâu có bị uống nhiều nước chứ. Đặt nàng nằm trở xuống, tôi hít một hơi dài, dùng tay banh miệng nàng ra, thổi hơi vào. Tôi thổi xong rồi nhưng... tại sao không lợi dụng, hôn đầm đuối lên đôi môi khêu gợi ấy? Nụ hôn đầu tiên, cho nàng. Mặc dù lúc ấy môi nàng xám xịt và lạnh ngắt, tôi vẫn thấy rung cảm lạ thường. Dù sao cũng không thể quá lộ liễu, độ chừng vài chục giây tôi ngẩng đầu lên, hít hơi, tiếp tục hô hấp nhân tạo và tiếp tục... hôn. Lũ con gái khờ khạo kia, và cả thằng nhà giàu cà chớn, dĩ nhiên không biết tôi đang lợi dụng nàng. Tôi cứ thế, hô hấp, rồi hôn, rồi hô hấp, cả mấy phút.

Nhưng có điều lạ là tại sao tôi chẳng thấy nàng có chút phản ứng nào. Tôi bắt đầu lo sợ khi miệng đã mỏi mà nàng không hề nhúc nhích. Tôi lại xóc nàng cho nước ọc ra. Lần này tôi thật lòng làm tất cả những gì mình học được, qua những kinh

nghiệm đi biển, để cứu nàng. Nhưng nàng không hề cảm nhận, cứ nằm đơ ra, không nói không cười, không lảng lơ liếc mắt, không lả lơi điệu bộ.

Không đâu, không thể nào, chỉ có vài phút, làm sao... Và hơn nữa trời cũng đâu có lạnh lắm, tôi vẫn thấy mình khỏe như voi kia mà. Nàng nhất định không thể, không thể nào...

Tang lễ của nàng cử hành vào sáng Chúa nhật sau, cũng là một buổi sáng âm đạm không nắng và rất nhiều mây xám. Lũ con gái bạn nàng khóc như mưa như gió. Trời tuy không mưa nhưng tôi nghĩ nước mắt họ đủ làm ngập lụt thành phố. Và không chỉ riêng con gái, tôi biết đám con trai theo nàng hình như cũng rơi lệ ít nhiều. Còn tôi, tôi không khóc, mà chỉ thấy lòng ngập tràn hối hận. Phải, cho dù sau ba ngày trời điều tra lên điều tra xuống, cảnh sát đã nói là tôi vô tội, bác sĩ đã giám định là nàng chết vì đau tim, không phải chết đuối, tôi vẫn biết mình đã giỡn quá đáng. Theo lời bác sĩ, nàng đã chết vì sợ, tim nàng ngưng đập ngay sau khi rút xuống nước. Vô lý thật đó, phải không? Sao lại chết dễ dàng như vậy được. Nhưng có lẽ vì tim nàng chứa quá nhiều tình yêu, của những kẻ theo nàng, tim nàng nặng nề quá, nên không thể tiếp tục làm việc được nữa, nên mới ngưng đập dễ dàng. Ai muốn nói sao thì nói, tôi vẫn biết cho dù mình không cố ý giết nhưng nàng đã quả thật vì tôi mà chết.

Kể từ lúc nàng chết, tôi chẳng bao giờ nhắc đến tên nàng. Và thành phố hình như cũng quên bẵng, cho dù nàng đã từng có thời làm nhiếp ảnh bao trái tim thanh niên ở đây. Chỉ có đám bạn gái và gia đình nàng thỉnh thoảng nhắc đến Chúa nhật ấy như nhắc đến một cơn ác mộng. Còn kỳ dư ai nghe qua chuyện một cô gái đẹp chết vì đau tim trên biển cũng tưởng như nghe một chuyện cổ tích được truyền lại từ rất lâu đời. ●



Ly Rượu

Hai Mươi Năm

Hồng Hoang

Tôi có cảm tưởng ống điện thoại đã bị chụp nhấc lên rất nhanh khi tiếng reo đầu tiên chưa kịp dứt.

— Hello! Ai đó?

Giọng bé Chân nghe rõ ràng là thẳng thốt. Tôi hỏi:

— Bé Chân đó hả? Mẹ có nhà không cháu, cho cô Thi nói chuyện với mẹ đi.

— Không, mẹ không có nhà.

Tiếp theo là tiếng khóc òa vỡ ra.

— Bé Chân này, chuyện gì vậy cháu? Bị mẹ mắng phải không?

— Không phải.

— Chứ sao cháu khóc?

Tiếng nghẹn ngào nghe càng rõ hơn.

— Con sợ quá hà, tại vì con ở nhà có một mình. Con hồng biết mẹ con đi đâu mất tiêu rồi.

— Mẹ đi hồi nào? Mà sau cháu không đi học bữa nay vậy?

— Hồng có ai dẫn con tới trường

hết. Mẹ con đi hai ngày nay rồi.

— Hai ngày!

Tôi bàng hoàng kêu lên. Chị ấy dám bỏ con bé ở nhà một mình? Nó mới chín tuổi, lỡ có chuyện gì thì ân hận sao kịp? Lạ nhỉ!

— Này, nín đi cháu. Bộ mẹ không nói cho cháu biết là mẹ đi đâu sao?

— Dạ không.

— Từ đó tới giờ, có khi nào mẹ làm như vậy chưa?

— Dạ, chưa.

— Lạ nhỉ! Cháu có hỏi thăm mấy người quen của mẹ cháu chưa?

— Chưa.

— Tại sao?

— Con hồng biết số phận.

— Rồi hai ngày nay cháu làm gì? Có ăn gì không?

— Con khóc hoài hà. Con ăn mì gói...

— Ừ thôi, cháu chờ đó nghen, cô Thi tới liền bây giờ.

Con bé lại tiếp tục khóc rầm rức. Tôi khoác áo ấm, đi vội ra xe. Tôi là người làm việc xã hội nên quen biết nhiều người. Chị Thanh là một người quen nhưng không thân. Chị bước vào cuộc sống mới này bằng con mắt ngỡ ngàng của một người đàn bà với một đứa con không cha! Chị không muốn tâm sự, tôi cũng chẳng tò mò. Đã hơn một lần, tôi đi thông ngôn cho chị để xin tiền trợ cấp xã hội. Tôi hướng dẫn chị đi học thêm tiếng Anh, lâu lâu hỏi thăm chị về cuộc sống hàng ngày... Chỉ có vậy thôi.

Bé Chân ra mở cửa, mắt nó đỏ hoe, đầu tóc rũ rượi. Tôi cầm tay nó ngồi xuống sofa. Tôi biết là nước mắt nó đang chờ chực để trào ra.

— Cháu này, đừng lo sợ nữa, cô Thi sẽ giúp cháu tìm mẹ. Bây giờ cô sẽ báo cho cảnh sát biết để họ điều tra về trường hợp của mẹ cháu. Còn phần cháu thì cảnh sát sẽ đưa về một nơi có người săn sóc đáng hoàng.

— Con hồng thích đi đâu hết. Con hồng có quen mấy người đó. Con...

Bé Chân úp mặt vào lòng bàn tay, thốn thức. Tôi ôm nó:

— Nín đi Châu, rồi cháu sẽ quen. Họ tử tế lắm.

— Không đâu, con không thích ở với họ đâu.

— Vậy thôi cháu về nhà cô Thi nghen?

Nó gật gật đầu. Tôi quệt giọt nước mắt trên má nó:

— Bây giờ cháu đi vô tắm đi, cô chờ.

Con bé rời khỏi vòng tay tôi đi chậm chạp ra phía sau. Tôi đi quan sát một lượt, qua phòng khách, nhà bếp. Trước khi bước vào phòng ngủ, tôi đã do dự một chút, không hiểu mình có nên làm "thăm tử" hay không. Ngần ngừ một chút rồi tôi cũng đánh liều mở cửa bước vào. Mọi thứ đều bình thường, ngăn nắp. Có một quyển truyện để trên bàn. Tôi mở ra, một tấm hình rơi xuống. Nhặt lên nhìn, đó là chị Thanh và một người đàn ông đứng choàng tay nhau cạnh một gốc cây. Phía sau lưng tấm hình là dòng chữ: Ngọc Thanh và Hoà. Tôi kéo hộp tử bản ra. Sơn, phấn, nước hoa và những giấy tờ linh tinh... không có gì lạ hết. Lấy tấm hình bỏ vào ví tay, tôi trở ra, nhắc điện thoại lên, quay số.

— Sở cảnh sát! Chúng tôi nghe!

— Tôi xin được báo cáo về trường hợp vắng mặt bất thường của bạn tôi.

— Xin bà vui lòng cho chúng tôi biết tên.

— Nguyễn Thi.

— Tên người bạn?

— Phan Ngọc Thanh.

— Cảm ơn. Bây giờ xin bà kể chi tiết.

— Sáng nay khi tôi gọi điện thoại tới, đứa con gái vừa khóc vừa cho tôi hay là mẹ nó đi đâu vắng nhà đã hai ngày. Nó mới chín tuổi và mẹ nó chưa lần nào bỏ nó ở nhà một mình như thế. Tôi nghĩ rằng có chuyện không ổn đã xảy ra cho chị Thanh. Xin cảnh sát ra lệnh điều tra giùm.

— Đứa bé hiện giờ ra sao?

— Tôi đang ở cạnh nó, tôi sẽ chăm sóc nó trong thời gian này.

— Cha nó đâu? Còn bà là ai?

— Nó không có cha. Tôi là bạn của mẹ nó.

— Bà hãy tả hình dáng người đàn bà mất tích.

— Cao chừng một thước năm mươi; tóc đen, dài quá vai một chút; mắt đen; da hơi sạm; nặng khoảng bốn mươi ký lô, tuổi chừng ba mươi ngoài và là người Á Đông.

— Được rồi, chúng tôi sẽ cho tiến hành cuộc điều tra. Xin bà số điện thoại để chúng tôi liên lạc, và địa chỉ của bà Phan nữa...

*
* *

Bé Chân không chịu đi học, tôi phải đến trường xin phép cho nó nghỉ thêm vài ngày. Cảnh sát vừa gọi cho tôi hay rằng Thanh đang nằm trong bệnh viện thành phố vì bị xe đụng. Tôi không muốn cho bé Chân biết nên để nó ở nhà với má tôi.

Câu hỏi đầu tiên của cô y tá khi biết tôi vào thăm Thanh là:

— Có phải bà ta bị cảm không?

— Không đâu. Tại sao?

— Ai hỏi gì bà ta cũng không trả lời.

Tôi bỏ cô y tá, đi nhanh vào phòng. Thanh đang nằm im trên giường, mắt nhìn lên trần nhà. Có lẽ thấy bóng người đi tới, Thanh quay nhìn về phía tôi rồi lại đứng đưng nhìn lên trần nhà.

— Chị Thanh! Tôi vào thăm chị nè.

Không có một phản ứng nào hết. Tôi ngồi xuống bên mép giường.

— Thi đây, chị không nhớ sao?

Thanh đảo tròn mắt qua bên trái, bên phải, rồi dừng lại ở khoảng không trước mặt. Tôi có cảm tưởng là Thanh không nghe thấy gì cả. Ánh mắt Thanh vô hồn, nét mặt trơ trơ như thể đeo mặt nạ. Chẳng trách gì cô y tá khi nghĩ rằng Thanh câm. Tôi đứng tần ngần không biết phải làm gì, mãi cho đến khi ông bác sĩ đi vào. Ông ta có vẻ mừng khi trông thấy tôi.

— Tôi là bác sĩ Walker. Cô là thân nhân của bà Phan?

— Không, tôi chỉ là bạn. Bà Phan không có thân nhân nào ở đây.

— Tội nghiệp chưa! Tai nạn không có gì trầm trọng. Chiếc xe đã thắng kịp nên bà Phan chỉ bị té xuống đường, trầy trụa chút đỉnh ở

chân và tay. Chúng tôi đã cho khám nghiệm đầu, không thấy bị tổn thương gì hết. Điều lạ là bà ta không chịu mở miệng nói tiếng nào, với bất cứ ai. Có lẽ vì quá khủng hoảng tinh thần. Hy vọng bà ta sẽ bình phục trong vài ngày tới.

— Cảm ơn bác sĩ, tôi cũng hy vọng như vậy.

Người bác sĩ đến cạnh giường đặt ống nghe ở ngực rồi ở lưng Thanh. Mím cười vui vẻ, ông ta nói:

— Bà có cảm thấy dễ chịu hơn hôm qua không? Rán tỉnh dưỡng vài ngày nữa rồi về nhà. À mà quên, tôi xin được hỏi thăm nơi người bạn về lý lịch của bà để hoàn tất hồ sơ, mong bà không phiền.

Xoay qua tôi, ông ta cầm cây viết chì trong miệng, ngần ngừ giây lát rồi khoát tay:

— Mà thôi, tôi bận việc khác, nhưng mong cô đừng quên ghé lại văn phòng ngoài kia trước khi ra về. Tôi sẽ bảo cô y tá ghi lại vài điều cần thiết về bà Phan. Cảm ơn nhiều.

Ông đi ra ngoài sau khi bắt tay tôi. Thanh vẫn nằm yên đó, không mấy may để ý gì tới cuộc đối thoại của hai người. Tôi nói nhỏ vào tai Thanh:

— Chị Thanh có nhớ bé Chân không? Nó đang đợi chị về đó. Bé Chân khóc nhiều lắm.

Hai đầu lông mày của Thanh hơi chau lại rồi dần ra. Chỉ có vậy. Tôi thở ra nhè nhẹ.

— Chị muốn đi về nhà không? Con gái chị không chịu đi học... Chị bây giờ cảm thấy thế nào?

Im lặng. Cô y tá đi vào với ly nước và một viên thuốc trên tay. Cô cười nhẹ với tôi:

— Bà ấy cần phải ngủ.

Cô y tá rất thành thạo, nhét viên thuốc vào miệng Thanh, đỡ đầu Thanh lên, ấn ly nước vào môi. Thanh nhích môi cho nước chảy vô miệng rồi nuốt xuống, viên thuốc chạy theo. Đặt Thanh nằm xuống giường, cô y tá bỏ đi. Tôi có cảm tưởng như mình mới coi một khúc phim câm. Chẳng lẽ Thanh bị mất

trí nhớ? Bác sĩ phải biết tình trạng của bệnh nhân chứ. Ông ta có vẻ lạc quan lắm, cho rằng Thanh bị khủng hoảng trong vài ngày là hết. Có đúng như thế không? Tôi cảm thấy hoang mang vô cùng. Tại sao Thanh chỉ biểu lộ mỗi một phản ứng nhỏ là chau đôi lông mày lại khi nghe nhắc đến tên đứa con gái duy nhất của mình? Nếu bé Chân không phải là động lực chính yếu để lôi kéo con người Thanh trở về với thực tại thì ai vào đây nữa? Tôi đứng yên vài phút rồi lảng lạng quay lưng đi chầm chầm ra cửa, nhưng một tia sáng chợt loé lên trong trí, tôi vội vàng quay ngược trở vào!

Thanh, vẫn nét mặt lạnh như tượng, đang nhìn tôi. Một cái nhìn không chủ ý. Tôi mở ví, lôi ra tấm hình đã rút ra từ quyển truyện trên bàn Thanh bữa trước. Giơ tấm hình trước mắt Thanh, tôi hỏi:

— Hoà là ai vậy? Chị muốn tôi báo tin cho người ấy biết không?

Dường như có một dòng điện vừa chạy qua người Thanh, chị vùng lên đưa tay chụp lấy tấm hình, bóp lại. Tấm hình nhấn nhúm theo những kẽ hở của ngón tay. Hành động đó nhanh đến nỗi tôi không kịp có phản ứng. Tôi ngần ngại, bàng hoàng. Thanh buông mạnh cánh tay xuống giường, bàn tay vẫn nắm chặt tấm hình đã nhàu nát. Tôi đến sát bên, cúi đầu vào tai Thanh thầm thì:

— Tại sao chị làm vậy? Tấm hình đẹp lắm mà!

Đôi mắt Thanh mở lớn nhìn trừng trừng vào khoảng không...

Tôi ngờ ngần nhìn dòng lệ đang lăn dài trên má Thanh, rớt xuống gối. Tôi vuốt vuốt chỗ gối bị thấm ướt:

— Chị cứ khóc đi, nước mắt sẽ giúp chị vơi đi sầu muộn. Điều may mắn là chúng ta vẫn còn tiếng khóc để biết mình còn có cảm giác. Khóc đi chị Thanh, đừng để cảm giác bị tê liệt. Tâm sự đi chị Thanh, hãy chừa cho tâm tư chị một lối thoát, chẳng những cho đời chị mà cho cả đứa con gái nhỏ của chị nữa. Chị không

phải là kẻ cô đơn và đừng biến bé Chân thành kẻ cô đơn. Nó đang cần mẹ. Chị đã tạo ra nó, trách nhiệm của chị chưa tròn đâu. Hơn nữa, chị vẫn còn những người bạn tốt, họ sẽ giúp đỡ chị. Ngay bây giờ chẳng hạn, Thi đang bên cạnh chị đây, Thi đã trải qua nhiều đau khổ nên Thi rất thông cảm nỗi khổ đau của người khác. Còn Hoà nữa, người đàn ông đó có lẽ cũng đang mong tin chị.

Không một tiếng nấc thoát ra, chỉ có hai dòng nước mắt Thanh chảy dài lặng lẽ. Những giọt nước mắt âm thầm đó dấy lên trong lòng tôi một nỗi chua xót.

— Chị Thanh ạ, nói về Hoà cho Thi nghe đi.

Thanh lắc đầu nhẹ nhẹ. Tôi hỏi dồn:

— Tại sao? Hai người giận nhau hả? Khi yêu nhau, người ta thường hay giận nhau... để tạo thêm kỷ niệm. Nếu là người dung thì ai hơn giận nhau làm gì, phải không? Chị Thanh này...

— Hết rồi!

Câu trả lời gọn lỏn của Thanh làm tôi mừng muốn hét lên. Tôi cầm tay Thanh xiết nhẹ:

— Cái gì hết mới được chứ? Tình yêu phải không? Thật ra tình yêu không bao giờ hết, chỉ vì mình không nhắc nhở, không khơi dậy mà thôi. Ở một nơi nào đó trong tiềm thức, tình yêu vẫn ngự trị, vẫn được cất dấu như một bảo vật của đời người. Chị Thanh hãy đồng ý với Thi như vậy đi. Có thể mười năm hay hai mươi năm nữa, thỉnh thoảng trong những phút giây nào đó, mình sẽ hồi tưởng lại những mối tình đã qua. Tâm tư mình sẽ sống lại với kỷ niệm. Mà kỷ niệm là gì? Phải chăng là những tình yêu xưa!

Thanh buông tiếng thở dài. Tôi hiểu là chị đang sẵn sàng tâm sự. Tôi kiên nhẫn chờ...

— Hoà là một kẻ hai lòng!

Thanh ngừng nói, đưa tấm hình nhàu nát lên vuốt vuốt cho thẳng ra, nhưng những tí vết vẫn còn đó. Thanh nhìn chằm chằm vào nó.

Lâu lắm... Tự nhiên tôi có cảm tưởng rằng cái tai nạn vừa xảy đến cho Thanh không phải chỉ tình cờ. Ít nhiều gì nó cũng phải liên quan đến chuyện giữa hai người, Ngọc Thanh và Hoà!

— Thôi, nếu chị không muốn nói về Hoà thì hãy nói về cái tai nạn đã xảy ra. Chị có nhớ không?

— Tôi đã lao đầu vào xe.

Da tôi tự nhiên nổi đầy gai ốc sau câu nói hết sức bình thản của Thanh. Một vụ tự tử chứ không phải tai nạn! Tôi lay nhẹ tay Thanh:

— Thanh ơi, tự kết thúc đời mình không phải là cách để cứu vãn tình thế, cũng không phải là một lối thoát khôn ngoan. Thanh đừng nghĩ rằng tự giết đời mình là một hành động giản dị. Nó phức tạp lắm. Trước hết, đối với cha mẹ, Thanh đã giết chết một đứa con. Kế đến, đối với trời đất, Thanh đã lấy đi một mạng người. Sau chót, đối với pháp luật, chị đã là kẻ sát nhân. Và quan trọng hơn cả, chị đã cướp đi một người mẹ của đứa con gái mới chín tuổi trong khi nó đã thiếu một người cha.

Thanh nghiêng rằng:

— Đàn ông họ nhẫn tâm lắm.

— Chị nói câu đó có nghĩa là chị đã hiểu họ.

— Tôi hiểu họ từ lâu rồi, từ người đàn ông đã tạo ra bé Chân lận, nhưng thời gian tám, chín năm đã khiến tôi quên lãng bài học đầu tiên, hoặc là tôi ngỡ rằng mình đã khôn hơn một chút. Người đàn ông thứ hai trong đời lại dạy tôi thêm bài học nữa. Chẳng lẽ mỗi người đàn ông là mỗi bài học mới?

Tôi nghe quai hàm mình cứng lại. Tôi phải đồng ý hay phản đối chị? Chị Thanh có lý của chị, thực tế và xác đáng bằng kinh nghiệm chị trải qua. Còn tôi không phải là đàn ông, làm sao tôi có thể bênh vực họ được! Tôi nói thật chậm:

— Bài học nào mình cũng phải trả giá, nhưng nếu trả bằng một mạng người, Thi e rằng nó quá đắt. Thử hỏi, nếu chiếc xe kia không thắng kịp thì mỗi người trong chúng ta sẽ được gì và mất gì? Bài

học vẫn là bài học, lòng người vẫn là lòng người. Bây giờ chị cảm thấy hối hận chưa?

— Lúc đó tôi không còn lý trí nữa. Trong khoảnh khắc, tôi đã trở thành một kẻ điên. Nếu lòng tôi lắng dịu được như bây giờ thì mọi việc đã khác.

— Thi không biết nói sao, chỉ mong lúc nào chị cũng giữ được sự lắng dịu trong lòng mình. Có như thế, mình mới giải quyết được mọi chuyện một cách tốt đẹp.

Thanh há miệng ngáp một hơi dài. Mi mắt chị trông có vẻ nặng hơn. Tôi bỏ tay Thanh xuống:

— Thôi, chị cố gắng ngủ một giấc cho thanh thản. Thi có việc phải đi. Mai Thi sẽ trở lại thăm chị, nhé.

Thanh từ từ nhắm mắt. Tôi nhón gót đi ra khỏi phòng.

* *

Mới thoáng mà thời gian qua đã năm năm, kể từ lúc giao trả bé Chân lại cho Thanh. Chị đã dắt đưa con gái bỏ qua tỉnh khác để tìm quên. Tôi chưa có dịp nào gặp lại người đàn bà đó.

Cho đến hôm nay...

Tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ

khi nhận được lá thư đề tên người gửi là Phan Ngọc Thanh.

Cô Thi thân mến,

Nếu Thi biết được rằng tôi đã viết lá thư này từ trong một nhà tù, Thi sẽ nghĩ sao? Chắc cũng chẳng có gì để nghĩ. Giản dị lắm, tôi đang thi hành bản án hai chục năm vì tội giết người!

Tôi không hối hận đâu. Tôi chỉ làm cái việc cần phải làm thì có gì phải hối hận chứ?

Thi còn nhớ câu tôi nói với Thi hôm trong nhà thương không? "Chẳng lẽ cứ mỗi một người đàn ông là mỗi một bài để học"? Tôi chán ngán lắm rồi. Tôi tự thấy mình cần phải làm một cái gì đó kể từ bài học thứ ba này. Thế là tôi đã giết hẳn ta. Tôi cũng phải có bài học cho kẻ khác chứ! Thi đừng trách tôi chi vội, hãy nghe tôi kể đây:

Trong những ngày tháng bơ vơ và buồn chán nơi trại tị nạn, tôi đã gặp Can. Chúng tôi yêu nhau. Chúng tôi đã hứa hẹn, phác họa với nhau tất cả những gì tốt đẹp nhất cho đời sống lứa đôi sau này. Có một điều lầm lẫn tai hại mà cho tới đoạn kết tôi mới tìm ra, đó là dĩ vãng. Can đã có vợ và hai con ở

Việt Nam. Sau hai năm chờ chồng, chị ấy dắt con vượt biên. Trăm đầu tiên trên đường đi tìm tự do của họ là cái trại tị nạn mà Can đang sống chung với người đàn bà khác, là tôi. Dù muốn dù không, vợ chồng, cha con họ cũng phải gặp lại nhau. Trong lúc họ vui mừng sum họp thì tôi lại bắt đầu ủa mưa, thêm ngọt. Nếu người khác bị đặt vào tình trạng tôi thì họ sẽ làm gì? Tôi không biết, riêng tôi, tôi chỉ im lặng chịu đựng. Can biết điều đó nhưng Can không có thì giờ để an ủi tôi. Hay nói đúng hơn, Can lo sợ "bà chằn lửa" hay được thì bà sẽ xé xác tôi ra từng mảnh vụn. Mà chính tôi cũng không muốn cảnh tượng đó xảy ra. Đâu đẹp để gì? Tôi hỏi Can có đường lối nào để giải quyết tình thế. Can thản nhiên nói rằng, người đàn bà kia dù sao cũng là vợ chính thức do cha mẹ cưới hỏi, Can không thể bỏ đi theo tôi được. Tiếp theo, Can khuyên tôi nên quên đi cuộc tình ngắn ngủi vì duyên nợ chỉ có bấy nhiêu. Còn đưa con trong bụng thì sau này Can sẽ tìm cách liên lạc để cha con gặp nhau.

Thi biết đó, bé Chân từ lúc sinh ra đến giờ vẫn chưa biết mặt cha, mặc dù tôi đã cố gắng nhắn tin cho Can biết nơi chúng tôi đang cư ngụ. Đó, đó là bài học thứ nhất!

Chín năm sau, tôi gặp Hoà. Một người dễ thương, lịch sự. Đứng ra, trong thời gian chín năm qua, tôi đã gặp nhiều người nhưng cảm thấy không thích hợp nên không có gì đáng nhắc. Hoà đã chiếm được trọn vẹn cảm tình của tôi. Tình yêu dành cho Hoà là tất cả. Từ tâm hồn, thể xác đến lòng tin cậy. Tôi tin những lời ngọt dịu của Hoà... Anh yêu em mãi mãi... Chỉ có em mới là người xứng đáng để anh yêu...

Tiếc thay, thời gian đã là nhân chứng trung thực nhất cho một cuộc tình. Hoà lên lút có thêm người yêu khác! Tôi biết được, nhưng nói ra thì Hoà chối bay chối biến... Anh chỉ có một trái tim, yêu em còn chưa đủ, lấy gì yêu người khác...



Một hôm, tôi đi rình để bắt gặp tại chỗ hẹn. Thi biết sao không? Hoà đã tái mặt khi thấy tôi đứng đó, nhưng rồi thản nhiên mở cửa xe cho người đàn bà kia bước lên. Không thèm nhìn tôi, Hoà cho xe chạy đi, như thể tôi chỉ là một người xa lạ. Trong khoảnh khắc, tôi nghe mọi thứ đều sụp đổ, quay cuồng. Tôi đứng yên nhìn theo chiếc xe đang chở người tôi yêu bên cạnh người đàn bà khác mà không biết mình là ai nữa. Cuối cùng tôi bước đi lảo đảo, băng ngang qua đường, một chiếc xe chạy tới, và tôi nhắm mắt lao vào... Đó! Đó là bài

học thứ hai!

Tôi đã nói rồi, đàn ông họ nhẫn tâm lắm. Thế mà hai năm sau, tôi gặp Bút. Chúng tôi về sống chung với nhau. Tôi chỉ có cảm tình chứ không yêu Bút, nhưng tôi muốn có một người đàn ông bên cạnh. Mùa đông ở đây khắc nghiệt quá. Những cơn bão tuyết xảy ra rất thường. Có khi sáng ra, độ cao của tuyết đổ đêm trước còn cao hơn chiều cao của chiếc xe mình. Ít nhất phải mất nửa tiếng đồng hồ mới bước được chiếc xe ra khỏi đống tuyết. Tay chân cóng lạnh. Nước mũi chảy ra biến thành hai sợi băng...

Tôi rất sợ làm công việc đó. Còn những việc khác nữa... Bởi thế, tôi cần có Bút!

Bút rất siêng năng trong mọi công việc. Kể cả việc yêu tôi! Chẳng những thế, Bút còn... yêu cả con gái tôi nữa! Con bé Chân đã mười ba tuổi. Nét nẩy nở của đứa con gái dậy thì đã làm mờ mắt thằng đàn ông dâm dăng! Nó âm thầm dụ dỗ con bé. Đến lúc tôi hay được thì đời con gái tôi đã bước sang giai đoạn đàn bà!

Tôi đã bình tĩnh lắm Thi ạ.

Chiều thứ bảy, tôi chuẩn bị những món ăn thật ngon. Tôi mời mấy người bạn nhậu của hân đến. Họ vui vẻ cụng ly với nhau cho tới khuya. Sau khi mấy người bạn ra về, tôi ngồi xuống rót ly rượu cuối cùng mời hân. Hân mở to mắt ngạc nhiên rồi cũng đưa ly lên uống một hơi cạn tới đáy. Tôi đã cố nén tiếng cười đắc thắng khi nhìn thấy thằng đàn ông uống hết ly rượu cuối cùng của cuộc đời hân. Ly rượu chất chứa những hận thù!

Tôi đã bỏ vào một ly một số lượng thuốc ngủ khá nhiều!

Tôi diu hân vô giường nằm cẩn thận. Năm phút sau, hân ngáy ồn ào như bò rống. Tôi chậm rãi lấy dây cột hết tay chân hân vào thành giường, rồi chậm rãi lấy bình xăng tưới khắp người hân. Tội nghiệp thay, hân chẳng hay biết gì cả. Giấc ngủ vẫn yên lành, cho đến khi tôi bật diêm quẹt lên và thấy cho rơi trên cái thân người đang nằm bất động đó... Tôi đã thản nhiên đứng nhìn ngọn lửa cháy bùng lên.

Cô Thi à, tôi chưa hề dám đập đầu một con cá hay cắt cổ một con gà, nhưng bây giờ tôi đã hiên ngang gặt đầu nhận tội trước toà rằng tôi đã chủ tâm giết hân. Tội hân đáng bị tử hình, nếu tôi không làm việc đó thì sẽ không có ai làm cả.

Hy vọng, hai mươi năm trong tù sẽ giúp tôi tránh được những bài học bất đắc dĩ mà tôi không bao giờ muốn học.

Cám ơn Thi đã bỏ thì giờ ra đọc hết lá thư này.

Ngọc Thanh

như yêu một dòng sông

"Hãy yêu chàng như yêu một dòng sông"
(Oanh, Nguyễn Tất Nhiên)

Tình có vẻ như một đời sông
Nước chảy miên man, nước chảy xuôi dòng
Tôi yêu người, thẩn thờ trong đôi mắt
Tôi gọi người hay tôi gọi tình không?

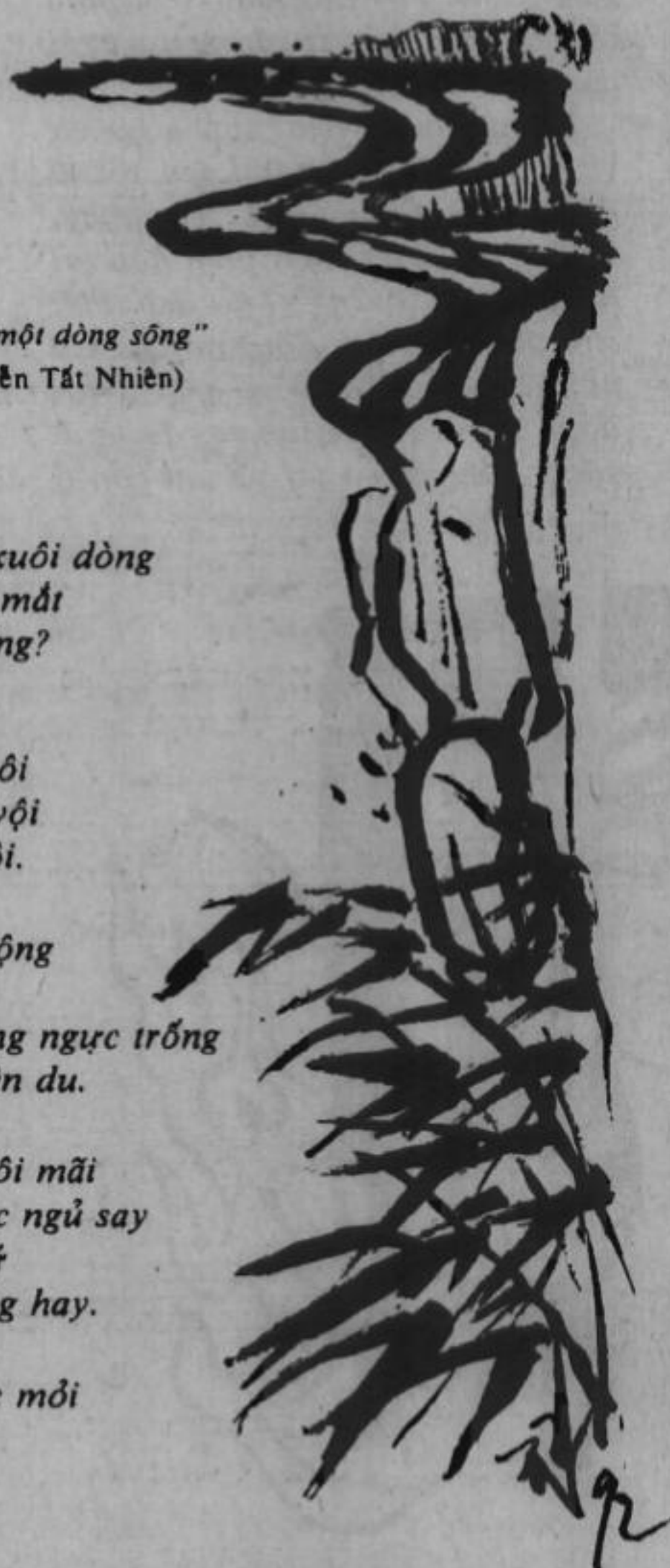
Tình có vẻ theo ai như ngọn nắng
Nắng gọi người rục rỡ trên mặt môi
Tôi gọi người ngực thơm run với vội
Mà sông còn mãi miết lặng yên trôi.

Người trăm năm, người về như mộng
Cây thay màu, ô hay đã mùa thu
Tôi ôm tim mình, băng khuâng lòng ngực trống
Nắng phai màu, sông biến biệt miên du.

Hoa về đâu trên một dòng sông trôi mãi
Một mặt trời buồn trong đáy nước ngủ say
Tôi đứng đó lặng nhìn tôi quá khứ
Năm tháng dài trôi mòn mỏi không hay.

Đợi chờ người bao giờ sông nước mới
Dù mai này ngày tháng có ra đi.

lê thụy vi



Lời Buộc Ràng Trăm Năm

thơ:
Nguyễn
Tất Nhiên

nhạc:
Nguyễn
Hữu Nghĩa

Khi trao em nụ hồng Khi hôn em bàng hoàng
Ta hay đâu nợ nần Trên gian nan đường trần
Khi buông mi cùng người Say sưa hôn nụ dài
Em hay đâu cuộc đời Luôn tiêu tan nụ cười
Ôi bao phen lệ ràn Chan đau thương đầy hồn
Ôi bao lâu ngày gần Trăm anh khó tàn dần
Xin mệnh mong lượng tình Cho nhau luôn lòng thành
Trong không gian vợ chồng Hay không gian tình nhân
Ta có một người yêu có một người yêu để
nhớ Sao có bao kẻ thù có bao kẻ thù để quên.
Ta có một Việt Nam bất hạnh triền miên để khóc.
Ta có ta cùng đường đất em đành lòng lìa quê hương
Em mong manh gầy gò Con phiêu lưu đầy đọa
Trong đêm sâu mù loà Xuôi qua tìm nhạt nhòa
Khi trăm năm buộc ràng Thân long đong cùng chàng
Em tin chưa nụ cười Khai sinh trong ngậm ngùi...

sổ tay

Cung Vũ

● Nguyễn Tất Nhiên, người bạn thơ ở xứ Biên-hòa đã qua đời. Bạn bè ở gần đoán là anh tự-tử bằng thuốc ngủ. Chết trong xe đậu trước sân chùa. Giữa mớ quần-áo sách vở ngổn-ngang, hôi-hám. Một bài thơ trong túi áo. Để lại hai con chưa lớn cho người vợ cũ.

Tháng trước có tang Phạm Văn Cương, một bạn thơ chưa gặp mặt. Tháng này tin dữ Nguyễn Tất Nhiên, một bạn cũ ở xa. Hai cái chết đều bất-ngờ. Hai sự ra đi đều là mất-mát. Phạm Văn Cương chết trong lúc hầy còn thấp trong lòng một tia hi-vọng vượt qua cuộc thanh-lọc, tựa vào lòng nhân của thế-giới. Với Nguyễn Tất Nhiên thì tất cả đã tắt ngấm từ lâu. Dù vẫn cười dòn che dấu. Dù vẫn ra dáng bất cần...

Nhớ lắm chứ, những ngày mở trại du-ca. Chàng thi-sĩ từ Biên-hòa về dự khóa. Trại tổ-chức làm bích báo. Đọc được một bài thơ hay. Hỏi tới tác-giả, chàng cười hề-hề, xưng là thi-sĩ chuyên-nghiệp, là sống bằng ngòi bút. Không tin, vì có bao giờ mà thơ nuôi nổi người, nhưng vẫn kết bạn, vì thích những bài thơ học-trò hay hay, ngang chướng.

Tới sau 1975, tình-cờ gặp Nguyễn Tất Nhiên lang-thang ngoài chợ sách. Đưa về nhà chơi. Có khi bày cho chàng viết nhạc, phổ thơ. Có khi tụ-tập dăm ba người bạn văn-nghệ lén-lút khóm phường đàn-đúm hát hồng nhậu-nhết.

Những năm 1980, có dịp sang Cali chơi, gặp lại Nguyễn Tất Nhiên luôn. Vẫn xanh-xao gầy-gò,

đầu gối quá tai, tay chân dài quá khổ, vẫn cười hề-hề, chửi bới vùng thiên-địa, thằng nọ thằng kia vắng tú tung. Dù đã có vợ con tử-tế, anh chàng vẫn làm thơ tán-tĩnh khắp xóm. Vẫn cái tánh tàng tàng, bất chấp.

Có lần lái xe bị co-quẹt với một thanh-niên Việt-nam khác, chàng xuống xe cười cười xưng là thi-sĩ Nguyễn Tất Nhiên và thú thực là xe...không có bảo-hiêm. Anh kia cúi-tiết xáng một bạt tai trước khi bỏ đi. Nguyễn Tất Nhiên thân-nhiên kể chuyện rồi kết-luận, một bạt tai rẻ chán, xong cười ngất.

Thoát nghe tin vợ Nhiên lẳng-lặng bỏ con bỏ đi, để lại một món tiền. Hơi ngạc-nhiên, vì MT là mẫu người chịu-đựng. Nhưng sau đó thì hiểu cho nàng. Sức người có hạn. Một tay nàng vừa kiếm sống, vừa phải chăm-sóc chồng và hai con mọn. Anh chàng thì suốt ngày dạo xóm và làm thơ. Hết cô 'cao nguyên mây mù', tới 'nụ hồng phương ấy'. Cho dù MT có là "ma soeur" thì ma soeur cũng vẫn là người. Cho nên ngạc-nhiên thì cứ ngạc-nhiên, thương bạn thì cứ thương, mà không ai nữ trách.

Mấy năm sau này gặp lại MT, sống cùng Đ., đã có với nhau một mặt con kháu-khỉnh. Mái gia-đình của họ bình-dị và hạnh-phúc.

Rồi có tin Nguyễn Tất Nhiên qua đời, hai tháng sau khi bị cắt trọc-cấp xã-hội dành cho người tàn-phế tâm-thần. Chỗ anh nằm chết không cách xa nhà mẹ và các em bao nhiêu. Thân-nhân, bè-bạn, chắc không ai ngờ thi-sĩ đã tự viết cho đời mình một cái đoạn-kết bi-thảm như thế, dù chàng đã nhiều lần thổ-lộ.

Người ra đi chắc đã thông-dong, vì toại ý. Người ở lại băng-khuâng. Nỗi băng-khuâng kéo dài. Nghe tin anh mất, lòng nặng trĩu. Ngồi viết tin, mấy ngón tay nặng như đeo chì. Làm thơ tiễn, nghe hồn thơ chai cứng. Giở mấy bài nhạc cũ phổ thơ anh ra hát, chợt bắt gặp giọt nước mắt lăn dài trên phím. Nguyễn Tất Nhiên, một âm giai thứ nảo-nùng...

gửi nguyễn tất nhiên

phương người tin dữ đưa sang
bạn xa đã rời cõi thế
im nghe giữa hồn ứa lệ
gió chiều tê buốt dương quang.

nghe tin bạn ngủ sân chùa
qua đời như thể đang mơ
thương tay chân dài quá khổ
tháng hè vẫn cứ co ro.

nhớ xưa, những ngày sáu bảy
thân quen từ buổi can qua
mười bốn, người chàng thi-sĩ
mười lăm, ta kẻ du-ca.

tuổi thơ người khóc cuộc tình
tuổi thơ ta hát yêu thương
chia nhau những lời trúc, dự
trao nhau những khúc dị thường.

duyên xưa, tình con gái bắc
thủy xưa, hiền-hậu bên người
bể dâu cảnh đời chia cách
thơ không thay nổi tình vui.

bảy lăm đất trời sụp-đổ
bạn bè sót lại lựa-thừa
gặp người mang chồng sách cũ
trao người đổi bát cơm dưa.

nhìn nhau nói cười bờ-ngõ
áo cơm trời chặt hồn thơ
bày người dăm câu nhạc nhỏ
gượng làm vui phút cuồng mơ.

mấy năm gần, rồi chia biệt
mỗi người một lái ra đi
gặp nhau phương trời xa mịt
hồn chiều một cõi tà huy.

trời nam người đời lặn-đặn
bắc phương ta vẫn long-đông
tin thư mỗi ngày một vắng
hồn thơ héo rụng bên song.

nguyễn tất nhiên! nguyễn tất nhiên!
mừng người cất gánh muộn phiền
qua đi những ngày khổ nhọc
buộc ràng chi, chút tình riêng.

giờ người phiêu-bạc cõi nào
quanh người có còn gió rét
mắt người có thấy trăng sao
tâm người có buồn chia biệt?

tiền người không bằng rượu nhạt
tiền người không thấp đèn hoa
tiền người ngập-ngừng câu hát
cho ta gửi chút tình ta!...

cung vũ

tổng biệt nguyễn tất nhiên

Anh đã nằm yên dưới mộ rồi
người ta ném xuống đóa hoa tươi
người ta rót xuống lời thân ái
những giọt lệ hồng thấm thiết rơi!

Hỡi Nguyễn Tất nhiên, người trẻ tuổi
hồn anh đang tản bốn phương trời
tắm thân cát bụi tung cùng gió
chắc thấy đời thôi... một tiếng thôi?

Anh chẳng nói chi lời để lại
thà như mưa gió, gió mưa ơi
mưa quanh tượng đá ai ngồi khóc?
gió lách lườn đâu, có ngậm ngùi?

Hỡi Nguyễn Tất Nhiên, người trẻ tuổi
bốn mươi năm sống chẳng ngày vui
khi anh nằm xuống, người ta khóc
cho chữ Thiên Thu hoá nọ cười!

Anh hãy nằm yên đừng trở dậy
dầu ngày đang sáng, nắng đang tươi
Biên Hoà buri ngọt đừng mong hái
bởi trái sầu chung đã chín muồi!

Hỡi Nguyễn Tất Nhiên, người trẻ tuổi
thơ là nhật nguyệt chẳng ai soi
khi anh còn sống, anh cười ngất
mà chết... sao đời để lệ rơi?

Tôi viết cho anh tôi viết thế!
bài thơ Tổng Biệt có ai coi?
bài thơ một vận đầu như cuối
rồi cũng tan trong cát bụi vui!

trần văn lệ

cho nguyễn tất nhiên

Tôi đã tới, ngài đừng coi khách lạ
Có nhận ra tên "quỷ nhỏ đuôi dài..."?
Chiếc sừng tôi, và Chúa: mũ đình gai
Ngài cũng biết làm người sao vất vả!
Và đừng trách rằng sao tôi vội vã
Cõi nhân gian đi chẳng được bao nhiêu!
Chúa và tôi hai kẻ chết vì yêu
Ngài cũng hiểu chữ tình sao nghiệt ngã!

d.h.

tất nhiên hoàng hạc đã bay

Đã ba ngày hoàng oanh thôi hót
Đã ba đêm trăng sao rực rỡ thêm
Để đón chào một tinh cầu lên vút
Về với hư không chẳng chút ưu phiền

Nắng hạ Cali mảnh gương vỡ
"Thà như giọt mưa" đã về đâu
Soi mặt thủy tinh thấy gì trong đó
Lấp lánh mảnh tim quặn thắt niềm đau

Thảnh thơi trải nhục thân bên chùa vắng
Nương theo dòng Bát Nhã Ba-la-mật-đa
Vút cao vút cao qua bờ tịch lặng
Về mau, về mau nhập cõi ngân hà.

Không ngoảnh lại chốn ta bà uế độ
Có chiếu trên chiếu dưới sân si
Giọt tim hồng ứa ra ai nhớ
Chẳng sao! Đã đến lúc phải chia lìa

Một đôi lần bận tâm bằng hữu
Thương nhau đâu đáng chuyện áo cơm
"Tâm dung" chưa gặp duyên kỳ ngộ
Để khi xa người nhớ kẻ buồn

Đã ba hôm nắng lửa như thiêu xác
Còn bàng hoàng sao khắc nghiệt với thi nhân
Tầm nhả tơ cho đời đến khi thác
Sao Tất Nhiên đi lạnh lẽo và âm thầm?

Giọt lệ Kiều tóc Đạm Tiên cỏ rồi
Hương khói vương quện nhúm tro tàn
Bay đi bay đi ba ngàn thế giới
Xót xa người lệ đổ thơ chan...

t.t. mây trên ngàn

Nhân Tài

Hoàng Quốc Minh

Phòng họp cộng đồng lác đác độ hơn hai chục người, rải rác thành từng nhóm nhỏ, nói cười ầm ĩ. Lân định sà vào đám cờ tướng cuối phòng thì nghe tiếng Bái gọi giật:

— Anh Lân! Lại đây, lại đây...

Lân nhìn Bái, mắt tròn xoe ngạc nhiên. Quái lạ, không hiểu sao hôm nay cha này lại diện như đi ăn cưới vậy? Ngày thường trông hần như một anh nghiện, nhưng tối nay hần đóng bộ, đầu chải bóng và đeo kính trắng, trông lịch sự và bảnh như một ông giáo sư đại học. Bái vồn vã bắt tay Lân rồi hơi nghiêng đầu, trang trọng chỉ vào người đàn ông đứng cạnh:

— Xin được hân hạnh giới thiệu với anh: đây là anh An, một bác sĩ thú y nổi tiếng. Anh An trước ở bên North Hill, mới dọn về đây tuần trước. — Gã quay sang An: Còn đây là anh Lân, chủ tịch hội học sinh sinh viên, phó giám đốc Trung tâm Văn hoá Việt Nam, trưởng ban vận động chấn hưng Phật giáo, hội trưởng hội cờ tướng. Có thể nói anh Lân là một nhà hoạt động văn hoá và xã hội nổi tiếng của vùng này.

Lân rất hài lòng về những lời giới thiệu ấy. Hần hãnh diện chìa tay cho An bắt. An trông có vẻ trí thức. Hần chưa đến bốn mươi, đẹp trai, nhưng nhìn kỹ thì hơi có vẻ lưu manh. Cả ba cùng ngồi xuống ghế. Lân móc thuốc lá mời Bái và An rồi quay sang hỏi Bái:

— Tối nay họp gì thế?

— Ơ! Cuộc họp này là do Trung tâm Văn hoá tổ chức mà sao anh không biết? Tay Đồng nó gửi giấy mời cho tôi từ tuần trước.

Đúng là Lân không biết gì về cuộc họp này thật. Lúc chiều hần nghe phong văn rằng ở văn phòng cộng đồng tối nay có họp nên hần tạt qua. Lân nhìn lên phía bàn chủ tọa, thấy Đồng đang cười cười nói nói gì với người chung quanh. Tự nhiên Lân thấy ghét Đồng thậm tệ.

Trông hần cười nói càng thấy ghét hơn, đúng là hình ảnh của một kẻ tiểu nhân đắc chí. Ăn hại đái nát như Đồng mà ngồi được vào cái ghế giám đốc Trung tâm Văn hoá cũng là nhờ một tay Lân xếp đặt, vậy mà giờ này nó chơi trò ăn cháo đái bát thì hỏi ai không tức?

Trước đây, các cuộc họp của Trung tâm Văn hoá đều do Lân chủ tọa, các thứ giấy tờ cũng do một tay hần soạn thảo. Lân vẫn tự hào là hần có tài ngoại giao, ăn nói giỏi.



Được rồi, để xem cái thằng phản phúc này định giở trò gì. Ăn không nên đợi, nói không nên lời như nó mà điều khiển được cuộc họp thì chó nó cũng có vảy linh!

Không ngờ Đồng ăn nói cũng được. Nó ma lanh rập y hệt các bài bản mà trước kia Lân vẫn làm. Trong lời chào mừng quan khách nó cũng dài dòng cảm ơn ông bà kia, hội đoàn này tổ chức nọ... Đồng nhìn về phía Lân, vừa nói vừa vung vẩy chân tay như khiêu khích:

— ...Trong thời gian qua, Trung tâm chúng tôi đã được nhiều nhân tài cộng tác và giúp đỡ. Các tài năng đó đã vượt xa giới hạn nhỏ hẹp của văn hoá Việt Nam. Nhiều tài năng của chúng tôi đã đạt tới đỉnh cao trí tuệ. Vâng, đúng vậy, đỉnh cao của trí tuệ... Bởi vậy, trong giờ phút long trọng này, tôi xin phép được tuyên bố: Đổi tên Trung tâm Văn hoá Việt Nam thành Trung tâm Văn hoá Đông Nam Á. Bây giờ tôi xin được giới thiệu thành phần lãnh đạo của Trung tâm Văn hoá Đông Nam Á: Tổng giám đốc Nguyễn Văn Đồng, tức là... tôi. Phó tổng giám đốc là ông Lê Anh Mã. Xin hân hạnh giới thiệu với quý vị, đây: ông Lê Anh Mã. Ông Mã nguyên là một sĩ quan cao cấp trong quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Ông từng là phụ tá cao cấp của tướng Lư Hán sang Việt Nam ta để giải giới quân Nhật. Sau đó ông Mã đã ở lại Việt Nam, đi khắp ba miền đất nước. Vì công việc làm ăn, ông Mã từng cư ngụ tại Cam Bốt, Mã Lai... Ông thông thạo tiếng Trung quốc, tiếng Việt Nam, nói được tiếng Miên và tiếng Mã Lai. Tóm lại, ông Mã là một nhà hoạt động văn hoá và xã hội tầm cỡ quốc tế. Vâng, đúng vậy... Tổng thư ký là bà Vũ Thị Xinh, vâng... là nhà tôi...

Phòng họp ăm ỉ tiếng huýt sáo, tiếng cười... Bái vỗ nhẹ vai Lân:

— Ủa, sao không có tên anh?

Lân sĩ diện:

— À, Đồng nó năn nỉ mãi đấy chứ, nhưng tôi dứt khoát từ chối. Bạn nhiều việc quá mà...

Mã trạc năm mươi tuổi, lùn và béo. Ông ta sửa lại cặp kính trắng cho ngay ngắn, vuốt lại cà-vạt rồi hùng dũng bước tới bàn nói chuyện:

— Kín thưa tổng pào, kín thưa kí vị... Anh Tổng pảo tôi vào cái hội văn hoá này... Tôi ló lợc tiến Trung Coóc, tiến Riệc Lam, ló lợc cả tiến Cam pốt, tiến Mã Lai... Hầy à... Tôi ló lợc hết à...

Người ta cười như chợ vỡ. Lân cũng phì cười. Nhà văn hoá tầm cỡ như ông này mà lãnh đạo Trung tâm Văn hoá Đông Nam Á thì cầm bằng là chữ cha thiên hạ rồi còn gì!

Bái kéo tay Lân đứng dậy:

— Về thôi chứ? Ngồi đây chán bỏ mẹ!

— Ừ thì về.

An cũng uể oải đứng dậy đi theo. Ra tới đường, Lân đi sát cạnh An, thân mật hỏi:

— Anh An đỗ bác sĩ lâu chưa? Chắc anh làm việc cho bệnh viện thú y bên Albert?

An lúng túng:

— À... à... tôi đỗ lâu rồi nhưng chưa kiếm được việc làm...

— Thế nghĩa là anh vẫn ăn tiền trợ cấp thất nghiệp?— Mặt Lân hơi xịu xuống, lắc lắc đầu:

— Tôi cũng thế. Tài như tui mình mà tiếc không có đất dụng võ. Ở đời này thật đầy dẫy chuyện bất công.

— Này, các cậu có “đạn” không? Bái hỏi.

— Có thì sao? Lân hỏi lại. Muốn đi Casino chứ gì?

Hai mắt An sáng lên:

— Đi casino hả? Hai anh cho tôi đi với. Tôi chưa được đi casino bao giờ.

— Sao, chưa đi casino lần nào à?

— Lân nhìn An tỏ vẻ thương hại. Hấn lên giọng, giảng giải: Làm thằng đàn ông mà không biết mùi casino thì là đồ bỏ, bằng bác sĩ, kỹ sư hay tiến sĩ gì thì cũng bỏ. Làm người phải trải đời, phải biết hưởng thụ... Ở xứ tự do mà không biết hưởng quyền tự do thì thật uổng...

Nhắc tới chuyện casino tự nhiên

Lân nhớ tới Đồng. Hồi cuối năm ngoái có Lân vay nó một trăm bạc trên sòng bạc. Hôm sau, mới bảnh mắt, Lân còn nằm trên giường thì nó đã đến gõ cửa nhà đòi nợ. Nhưng sau đấy hai tuần Lân thắng to, cho nó vay ba trăm tiền mặt hẳn hoi, vậy mà nó lần khần hằng nửa năm cũng không trả hết. Đòi thì nó bảo là nó túng quá. Nói nặng nó mấy câu thì nó trở mặt, bảo là: “Tiền cờ bạc gác bụi tre”. Nó bảo bao giờ nó thắng thì nó trả. Nó cũng giả chứ không phải là không. Nhưng mỗi lần gặp trên casino nó trả nhỏ giọt, lần thì hai chục, lần thì ba chục... Thế là nát bét ba trăm bạc. Tháng trước Lân lại thắng được mấy trăm. Chợ chưa họp, kẻ cắp đã đến. Chưa kịp đổi ra tiền mặt đã thấy nó lần đến hỏi vay. Lân không cho vay, thế là nó thù, gặp ngoài đường nó cũng tránh mặt. Không ngờ nó đến mức đá Lân khỏi Trung tâm Văn hoá.

Lân là người đề xướng lập Trung Tâm này. Tiếng là một trung tâm có cương lĩnh, nội quy, điều lệ... hẳn hoi, nhưng kỳ thật chỉ có hai vợ chồng Lân và hai vợ chồng Đồng làm mà thôi. Từ lâu Lân đã chán ngấy cái Trung tâm Văn hoá này rồi, làm phó giám đốc chỉ được cái tiếng hão, ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng. Bị đá hấn không tiếc, chỉ ức.

Xứ này có khá đông người Việt định cư nhưng lại không có lấy một tiệm sách báo hay cửa hàng bán băng nhạc, văn hoá phẩm Việt Nam nào cả. Lân tính rằng mở cái trung tâm ấy làm chiêu bài để treo đầu dê bán thịt chó may ra có thể kiếm chác được. Cái tên Trung tâm Văn hoá nghe kêu lắm, nhưng công việc duy nhất là làm đại lý cho mấy nhà xuất bản bên Mỹ ăn hoa hồng và sang băng nhạc lậu bán với giá rẻ. Nhưng tính một đằng đi một nẻo. Nếu Lân không lấu cá dựa vào sự giúp đỡ của mấy hội từ thiện người Anh thì chắc đã mang nợ ngập đầu.

Người mình ở đây tiếng là đông nhưng số người ham đọc sách không nhiều, phần lớn chỉ thích

đọc chùa, mượn được thì đọc, không thì thôi. Băng nhạc cũng vậy, mượn được thì nghe chơi, nếu hay thì mua băng trắng về thu lại, dở thì bỏ. Người ta có thể bỏ hàng trăm bạc vào một đêm vui hay một đêm đen đỏ, nhưng khó lòng chi ra vài hào để mua tờ báo. Đã có lần Lân định cho xoá sổ cái trung tâm nặng nợ này, đem đóng sách báo ế bán cho thư viện thành phố để gán nợ, nhưng Đồng còn tiếc rẻ nên chưa dứt khoát. Bây giờ không biết Đồng kiếm ở đâu ra nhà văn hoá Lê Anh Mã to gan tuyên bố thành lập Trung tâm Văn hoá Đông Nam Á. Chắc là Đồng tính chuyện thu và cho thuê video phim bộ Tàu, hiện đang phổ biến mạnh trong cộng đồng người Việt.

— Ê Lân, cậu thử đoán xem trong túi tớ có bao nhiêu nào?

Bái hỏi giật giọng làm Lân hơi giật mình. Hắn nheo mắt nhìn Bái, vẻ chế nhạo:

— Anh ấy à? Nhiều thì vài ba đồng, ít thì... mấy hào đi xe buýt cũng đếch có.

Bái là tay nghiện casino có tiếng. Hắn nghiện tới mức ngày nào cũng phải bỏ lên casino mấy tiếng mới yên. Hắn chẳng mấy khi có xu dính túi, linh được tí tiền trợ cấp nào là đi nướng ngay. Có tiền thì chơi, không có thì ngồi chầu rìa, hễ có người quen nào được bạc thì hắn ngửa tay xin hoặc hỏi vay. Ăn uống thì khỏi lo vì sòng casino nào cũng phục vụ điểm tâm và giải khát miễn phí. Những ngày đông bão hay những hôm casino đóng cửa, hắn như người ốm dở, ngồi đứng không yên. Có kỳ ốm liệt giường hắn vẫn gượng bò lên casino cho bằng được. Như có thuốc tiên, tới nơi là bệnh gì cũng khỏi hết. Những khi chầu rìa, bao giờ hắn cũng lăm lăm trong tay chùm chìa khoá, mắt đảo kỹ từng găm bàn. Hễ thấy có quân nhựa nào là hắn giả vờ đánh rơi chìa khoá, cúi xuống nhặt để chơi cho đỡ thèm. Hắn rách đến nỗi nhiều khi không có cả tiền đi xe buýt. Có một lần hắn rủ Lân đi casino. Thường khi tiền vé xe của ai

nấy trả, nhưng lần này khi xe vừa tới là Bái nhảy tót lên tầng trên của xe, vừa rảo bước chạy vừa chỉ tay vào Lân ra ý với người tài xế rằng Lân sẽ trả tiền vé cho hắn. Túng quá Bái liều lắm, Lân trách thì hắn trơ mặt nhe răng ra cười trừ. Nếu không có tiền đi xe thì phải hỏi xin đảng hoàng, lần này mà hắn còn giở cái trò ma bùa ấy nữa thì Lân nhất định sẽ làm cho hắn biết.

Bái hềnh hếch cười:

— Cậu tưởng lúc nào túi tớ cũng nhẵn à? Sáng nay tớ phát, chiều lại phát nữa. Ha.. ha.. ha.. Các cụ vẫn bảo “phúc bất trùng lai”. Sai bét! Riêng ngày hôm nay “phúc” nó “lai” với tớ ba lần liền. Có một cu cậu ở Hoà Lan sang đây thăm người nhà. Nghe nói cu cậu đánh cờ cũng khá nên sáng nay tớ gạ. Hình như cu cậu đã biết tiếng tớ nên hơi run. Ván đầu chơi một đồng một ván, tớ thả cho cu cậu được. Cu cậu khoái lắm, có vẻ coi thường tớ. Tớ gạ mười đồng một ván, cu cậu gật liền. Lúc ấy tớ mới thắng cánh giết ba ván liền làm cu cậu toát mồ hôi. Xong ván thứ ba, cu cậu móc tiền trả rồi ù té chuồn thẳng. Ha.. ha.. ha.. làm hăm chín đồng bạc ngon ơ. Lân này, cái chức chủ tịch hội cờ tướng cậu phải để cho tớ làm mới phải... Giá cái ván thứ ba ấy tớ thả cho cu cậu được thì thế nào cũng giết thêm được mấy ván nữa. Giết mạnh tay quá cũng là thất sách. Buổi chiều tớ đang ngồi ngáp ruồi thì một con mẹ lạ hoặc mang một chai rượu, một tút thuốc với cái phong bao hai chục tới gõ cửa năn nỉ nhờ tớ kiểm hộ cái nhà Council. Thì ra mục mới ở vùng khác dọn về chưa kiếm được nhà, nghe nói tớ làm phó chủ tịch cộng đồng kiêm trưởng ban cố vấn các vấn đề an sinh và xã hội thì tưởng là tớ có thể giúp được. Lúc chấp tới đi họp, may mắn thế nào vừa ra khỏi cửa đã vớ được tờ hai chục không biết của ai đánh rơi. Ha... ha... Các cậu bảo hôm nay tớ có đỏ không?

Ông bác sĩ thú y An mãi nghe đến nỗi quên cả nhìn đường, đập mặt vào cột điện một cái đau nổ đom

đóm mắt.

Một chiếc xe buýt vừa xuất hiện từ góc phố. Ba nhân tài vội vã vọt chân lên cổ về phía trạm xe buýt ở cuối đường.

* * *

Lão Hà ngồi uống bia một mình. Lão muốn say cho quên đi nỗi tức nhưng không hiểu sao lão càng uống càng tỉnh, càng tỉnh càng thêm tức. Lão năm nay đã ngoài sáu mươi, có cháu nội cháu ngoại rồi mà vẫn bị chửi. Ưc nhất là cái đứa chửi lão lại là thằng Tuấn, cái thằng con nuôi mà lão từng quý hơn con đẻ.

Lão biết Tuấn từ khi còn ở bên trại tị nạn Mã Lai, cùng sang Anh định cư một ngày, trên cùng một chuyến máy bay. Tuổi tác lão và Tuấn chênh lệch hơi nhiều, nhưng cả hai cùng chịu chơi nên thân thiết lắm, lúc nào cũng quấn lấy nhau như hình với bóng.

Lão vốn ăn chơi từ nhỏ. Tổ tôm, mà chược... cái gì lão cũng thuộc



loại thập thành. Nhà lão là nơi tụ họp của đám cờ bạc. Những bàn xập xám, mà chược... thâu đêm suốt sáng, rồi lại từ sáng đến đêm. Nhà lão lúc nào cũng đông chật người, tiếng cười nói, cãi cọ, sát phạt... hầu như không bao giờ dứt. Dân tị nạn ở đây phần lớn chỉ lo chuyện học hành, chuyện làm ăn, buôn bán. Người ta cấm con cái không được bén mảng đến nhà lão, người ta tránh lão như tránh một loại bệnh dịch dễ lây. Con cái, cháu chắt không chịu được tính lão, dần dần dọn ra ở riêng. Lão vẫn chửi chúng là ngu. Ở Việt Nam phải chịu vất vả, phải quần quật như trâu để kiếm miếng bỏ miệng đã đành, bây giờ ở đây, cái gì cũng được chính phủ lo cho cả, không đi làm đã có tiền trợ cấp, có phúc mà không biết hưởng!

Lão có năm người con, ba trai hai gái. Lão tiếc là chẳng đứa nào khôn ngoan và trải đời như lão. Cả năm đứa đều đã lập gia đình riêng, đứa nào cũng có công ăn việc làm, đứa nào cũng tậu nhà, sắm xe. Người ta không ưa lão bao nhiêu thì lại quý mến và khen ngợi con lão bấy nhiêu. Nhưng lão và đám bạn cờ bạc của lão thì lại nghĩ khác. Mua nhà tậu cửa làm cái quái gì? Chẳng cần tậu nhà lão cũng có nhà để ở. Nhà của nhà nước hay nhà của mình thì cũng là để ở, có khác gì nhau? Thằng Tuấn, thằng Đồng, thằng Bái, thằng Lân và bao nhiêu thằng khác nữa, có làm ăn gì đâu, vậy mà chúng nó vẫn ngày hai ba bữa, vẫn có nhà để ở. Vậy thì cần gì phải đi làm, cần gì phải mua nhà? Lão nghe nói bên Mỹ, người ta chỉ cấp tiền thất nghiệp cho có năm rưỡi đầu, sau phải kiếm việc làm để tự túc. Mỹ khác, đây khác; vả lại lão cũng già rồi, chẳng ai để lão chết đói mà sợ.

Mỗi khi có ai khen con lão thì lão lại đem chuyện thằng Tú ở cuối phố ra kể. Cái thằng ấy cả vợ lẫn chồng đều làm quần quật như nô lệ, ký ca ký cốp từng hào. Cuối năm ngoài tậu nhà thì đầu năm nay lại sắm một chiếc xe thật oách. Ai chả

khen? Ấy thế mà mới tháng trước bị một thằng say rượu đâm vào trên xa lộ. Cái xe nát tan, vợ chồng cùng vào bệnh viện, không bỏ mạng cũng còn là may lắm! Mới hôm nọ lão gặp Tú ngoài phố, mặt vẫn còn mang sẹo, tay còn chống nạng. Tái ông thất mã, họa phúc biết thế nào! Chỉ có lão với đám bạn bạc của lão là sướng, có đồng nào đánh bạc và uống rượu đồng ấy, ăn xong rồi chơi, chẳng phải lo nghĩ gì cả.

Cách đây ít lâu, Tuấn bàn với lão Hà chuyện thành lập Câu lạc bộ Thanh niên và Hội Cao Niên. Mới nghe qua lão đã lắc đầu xua tay ngay. Đánh bài chơi bạc thì được chứ từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, lão nào có biết chuyện lập hội lập hệ thế nào, hơn nữa chuyện ấy Cộng đồng cũng đã làm từ lâu rồi.

Tuấn hết sức thuyết phục lão. Kể ra thì nó nói cũng có lý. Cộng đồng đã có một Hội Cao niên đấy, nhưng một tuần mở cửa được có một buổi, lèo tèo vài ba người, bữa được bữa cái. Chuyện ấy cũng dễ hiểu. Các cụ già ngồi nhà mãi cũng buồn, lập Hội Cao niên là để lấy chỗ cho các cụ giải trí, trò chuyện, vậy mà một bộ cờ tướng, một bàn mà chược... cũng không có thì giải trí cái gì? Có những thứ ấy mà chơi ăn tiền nữa thì mới vui, mới hứng, giết thì giờ mới nhanh, chẳng cần phải vận động mòi mọ, tự nhiên người ta khác tìm đến. Mấy tay ở Cộng đồng cũng biết điều đó nhưng không dám làm vì sợ mang tiếng là tổ chức sòng bạc làm hỏng các cụ. Vậy nó mới thất bại. Có ai hơi đâu chống gậy lò dò đến Hội Cao niên chỉ để uống cốc nước và nói chuyện tầm phào?

Câu lạc bộ Thanh niên cũng ở tình trạng trơ trêu ấy. Vứt mấy cuốn sách Việt Nam trên bàn rồi gọi thanh niên đến tập trung để đọc thì khó lắm. Đã là câu lạc bộ cho thanh niên thì phải có nhảy đầm, phải có âm nhạc, phải có mấy bàn snooker... làm mòi thì mới dụ được đám trẻ. Xứ này là xứ tự do, họ lập rồi mình vẫn có thể lập được, cũng như mở cửa tiệm ấy, ai khéo làm,

đất khách thì ăn tiền.

Cũng như ban Văn hoá chẳng hạn. Chỉ nội vùng này đã có tới năm tổ chức về vấn đề văn hoá, cứ loạn xì ngầu lên, chẳng ai biết được cái nào là chân cái nào là giả nữa. Cộng đồng có ban văn hoá của Cộng đồng, nhà thờ có ban văn hoá của Giáo hội, bên Phật giáo có hội văn hoá Vạn Hoa, rồi lại còn Trung tâm Văn hoá Đông Nam Á, hội Văn hoá Tình nguyện nữa. Hội nào ban nào cũng vỗ ngực tự nhận là tổ chức văn hoá chân chính của dân Việt Nam tị nạn. Để mong đạt mục đích cuối cùng là xin được tiền trợ cấp của hội đồng thành phố, họ ra thông cáo, tuyên ngôn... kể lể về thành tích của mình và chê bai kẻ khác.

Lý lẽ của Tuấn đã thuyết phục được lão Hà. Chỉ hai tuần sau, một già một trẻ cho tổ chức lễ khai mạc câu lạc bộ thanh niên Đoàn Kết và hội cao niên Vạn Thọ. Có thể nói hôm ấy là một ngày hội đông vui và rôm rả nhất của người Việt ở đây. Cả hai tổ chức cùng ra đời một lúc và cùng dùng nhà lão Hà làm trụ sở. Người dự là đám con bạc hàng ngày cộng thêm người nhà và bạn bè của họ, cùng với số đông người Việt khác trong các khu, vùng lân cận. Phải công nhận rằng Tuấn ngoại giao giỏi. Không biết nó làm cách nào mà mới được gần hai chục người Ăng-lê đại diện cho các tổ chức từ thiện và các cơ quan chính quyền đến dự khiến cho lễ khai mạc càng thêm long trọng. Ngay ngày hôm sau, mấy tờ báo quanh vùng đều đăng bài tường thuật về lễ khai mạc với ảnh lão Hà áo the khăn xếp, hội trưởng hội cao niên Vạn Thọ, đứng cạnh Tuấn, giám đốc câu lạc bộ Đoàn Kết.

Vì không biết chữ nên mọi giấy tờ, thư từ của Hội Cao niên, lão Hà đều giao tuốt cho Tuấn. Đúng là lão quý nó hơn con đẻ. Ngược lại, nó cũng quý lão lắm, một điều "bố Hà" hai điều "bố Hà" ngọt sớt.

Thứ bảy tuần nào lũ con cháu lão Hà cũng về thăm lão. Để giữ hoà khí gia đình, lão Hà đã cấm cửa

đám con bạc cả ngày hôm đó. Thông thường thì thư từ nào liên quan đến Hội Cao Niên, người ta đều gửi cho lão, nhưng lão không bao giờ mở đến. Không hiểu sao hôm ấy lão lại lôi cái thư mới nhận được ra và sai thằng con rể đọc. Lá thư ấy là của hội đồng thành phố gửi. Họ viết rằng họ đã xét đơn xin bổ túc thêm tiền trợ cấp cho Hội Cao Niên và quyết định trong tuần tới sẽ gửi cho lão một chi phiếu năm trăm đồng để thêm vào số tiền hai nghìn bảy trăm đồng mà họ đã gửi cho lão hồi cuối tháng trước. Nghe đọc thư, lão cứ ngơ người ra. Từ trước đến giờ lão chẳng ngửa tay xin tiền ai và cũng chẳng ai cho lão tiền ngoài đám con cháu lão. Mọi chi phí của Hội lão đều lấy từ chỗ tiền hồ mà lão thu của đám con bạc. Lão chạy sang nhà thằng Tuấn hỏi thì nó chối, thề sống thề chết là không biết.

Đám con cháu lão cũng không vừa. Mấy hôm sau chúng đánh xe đưa lão lên hội đồng thành phố để hỏi. Chuyện thằng Tuấn ăn chặn bị vỡ toé loe. Suốt hơn một tuần người ta gọi nó lên phỏng vấn liên tục. Cuối cùng nó phải hoàn lại số tiền ấy.

Chuyện ấy cách đây đã nửa năm. Từ ngày ấy hội cao niên Vạn Thọ của lão vẫn hoạt động đều sáu ngày một tuần, nhưng câu lạc bộ thanh niên Đoàn Kết thì không thấy ai nhắc đến nữa. Tuấn ở nhà phụ vợ và mẹ vợ làm báo.

Vợ Tuấn là hội trưởng hội phụ nữ Kim Hoàn. Hoàn là tên của thị, còn Kim là tên mẹ thị, một cô đồng chuyên nghiệp đồng thời cũng là một tín đồ tận tòng Thiên Chúa giáo, giữ chức phó hội trưởng kiêm tổng thư ký. Hội này không thêm kết nạp người ngoài. Cả ban chấp hành và hội viên chừng độ mươi người, đều là họ hàng nội ngoại của Tuấn. Hoạt động duy nhất của Hội là phát hành tờ báo biếu có tên là nguyệt san *Các mẹ*. Tờ báo ấy lèm nhèm như ma mút, tiếng là nguyệt san mà có khi cả năm trời mới ra được một số, nhưng nó lại là nguồn

thu nhập béo bở của gia đình Tuấn. Tuấn rất giỏi trong việc luồn lách xin tiền. Đối tượng đào khoét của nó vẫn là các cơ quan chính phủ, các nhà băng, các hội từ thiện, các tổ chức tôn giáo... nhưng lần này nó đặc biệt nhắm vào các hội đoàn phụ nữ Ấng-lê, các công chúa, quân chúa... trong hoàng gia Anh.

Nói tới tờ báo và gia đình Tuấn, người ta thường hay nhắc đến câu "chiếc bình phong cái và người phụ nữ Việt Nam đực". Tuấn ức lắm. Mà họ đâu có nói ngoa! Vợ Tuấn chưa học xong tiểu học, còn mẹ thị thì một chữ cũng không biết. Loại ấy cầm cuốc, cầm cày thì được chứ làm sao cầm nổi bút viết báo? Tuấn để họ làm chủ bút, chủ nhiệm với thư ký toà soạn cũng là bất đắc dĩ,

không có chó bắt mèo... vậy.

Tuấn vốn là một thằng ngang ngược, từ ngày làm báo nó lại càng ngang ngược hơn. Số báo nào nó cũng dành ra già nửa số trang để chửi. Không ưa ai là nó lôi người ấy ra chửi. Hầu hết những anh có tí máu mặt đều bị nó chửi. Ai đời một thằng đàn ông mà nó ngoa ngoắt, tục tĩu hơn cả mấy mụ hàng tôm, hàng cá ngoài chợ. Chửi ai nó lôi cả lò cả ổ người ta ra, "tổ tiên dựng dậy mà chiêu hồn về". Tự dưng bị chửi thì ai chẳng tức? Nhưng dân ở đây vốn hiền lành, người ta bụng bảo dạ: "Thằng ấy nó điên. Ai hơi đâu mà rầy với hủi!" Thấy vậy Tuấn đắc chí lắm, càng chửi già.

Chập tối, sau khi đám con cháu lão Hà vừa về khỏi thì thằng Ân,

thư nhà

*đời xa xứ đâu còn gì an ủi
ngoài lâu lâu nhận mấy bức thư nhà
chuyện nhà kể nhào từ tim đến phổi
mỗi lần đọc là một lần xót xa!*

*thư chị viết dựa theo lời của mẹ
(chữ mẹ to sợ nhiều giấy nặng thư)
cha mang bệnh vẫn nằm lì một chỗ
mẹ suốt đời vẫn chưa một ngày vui!*

*thư ông cậu kể đàn con tám đứa
cực khổ hai mùa mưa nắng Vinh Ba
đất đỏ phụ dẫu ép lòng muốn bỏ
nhưng biết đâu... no ấm ở quê nhà!*

*thư thằng em than "sanh làm thế kỷ"
ngày đời chỉ mới tuổi mười ba
thời "cách mạng", ôm cành hồng lý lịch
"Ngụy" cả nhà, bên mẹ lẫn bên cha!*

*thư đứa cháu gọi mình bằng chú ruột
mở còi cha từ lúc núi sông buồn
than mẹ yếu không đủ lo tiền thuốc
mái nhà hư không che hết nắng sương!*

*tôi gấp vội những tờ thư mong đợi
đọc một lần qua, rất vội vàng thôi,
muốn nghiền ngẫm để nhớ thương tằm gọi
nhưng sao lòng nghe ghen giữa buồn vui!*

nguyễn bá dĩnh



một con bạc quen rất trẻ đến tìm lão. Vừa thấy nó, lão đã gắt ngay:

— Hôm nay thứ bảy, mày không nhớ à? Ông đã cấm cửa chúng mày ngày thứ bảy cơ mà!

Đám đàn em đã quá quen thuộc với lối gắt gỏng trịch thượng ấy của lão. Ân móc túi áo lấy ra một cuốn sách mỏng gấp làm tư đã nhàu, để xuống bàn:

— Con mang cho bố cái này...

— Cái gì? Sách à? Vứt mẹ nó vào thùng rác cho tao.

— Không phải sách. Báo đàn bà của thằng Tuấn. Mẹ kiếp! Nó viết bài chửi bố đây này. Bố đọc đi.

Lão Hà cúi:

— Mày đã biết ông không biết chữ rồi mà còn... đọc cái đầu lâu mày à? Mày đọc xem nó chửi tao cái gì.

Ân vuốt vuốt tờ báo cho thẳng rồi lật tìm một bài đã được đánh dấu sẵn:

— Đây này, bài nó viết chửi bố đây này. Đến bố mà nó cũng không chừa thì lão thật. Tên bài báo là: “Lão già mắc dịch và lọ thần được Con Ruồi Tây Ban Nha”...

Càng nghe lão càng tức. Thằng Ân cũng tức thay cho lão. Thằng Tuấn tuy không nêu đích danh nhưng nhóm chữ “lão già mắc dịch” kia rõ ràng là ám chỉ lão. Hồi còn trẻ thì chẳng cần nhắc lại làm gì, còn từ ngày sang định cư ở xứ này, lâu lâu lão cũng đi một lần để “biết mùi đời”. Chuyện ấy lão không thêm giấu giếm. Một đôi lần lão cũng có nghe người ta nói tới loại thuốc “Con ruồi Tây Ban Nha” nhưng lão chưa bao giờ dùng đến. Lão tuy tuổi đã cao nhưng sức lực còn khá lắm, bọn trai trẻ chưa dễ gì ăn đứt được lão, cần gì phải thuốc với thang cho hại người. Thế mà cái thằng chó má này dám bịa đặt ra câu chuyện đồn mạt ấy để bêu giếm lão. Thằng Ân vất tờ báo xuống bàn rồi đứng dậy. Nó nhìn lão Hà, hai mắt đỏ ngầu, giọng đánh lại:

— Cái thằng ấy khốn nạn quá lắm! Bố, nếu bố gạt đầu là con sẽ cho nó một bài học ngay. Bây giờ

con có việc phải đi, sáng mai con sẽ trở lại. Bố cứ nghỉ đi, con chỉ cần cái gạt đầu của bố thôi.

Lão biết đám đàn em lão, nhất là thằng Ân, chúng nó dám thí mạng lắm. Chỉ cần lão gạt đầu...

Nhưng khi cơn giận nguôi đi ít nhiều thì lão lại thấy rằng không thể dùng vũ lực với thằng Tuấn. Đánh nó sẽ bị coi là “hành hung nhà báo”, phiền cho thằng Ân lắm. Hơn nữa bài báo ấy không nêu đích danh lão, làm to chuyện chẳng hoá ra “có tật giật mình” ư? Lão già rồi, còn nó thì chỉ đáng tuổi con lão. Một già một trẻ chửi nhau thì bao giờ anh già cũng chịu phần thiệt. Danh chính ngôn thuận thì tờ báo ấy lại là của vợ nó, nếu nó cứ nấp kỹ đằng sau váy con vợ thì chẳng hoá ra lão đi chửi nhau với đàn bà à? Càng nghĩ lão càng thấy khó xử. Chửi nó thì không ổn, đánh nó thì không xong mà tha cho nó thì lại càng không được. Cái thằng này chửi dai lắm, nếu lão không có biện pháp ngăn chặn thì các số báo sau nó lại lôi lão ra chửi nữa cho mà xem.

Càng nghĩ lão càng thêm tức. Chợt lão nghĩ đến Lam, người được lão đặt cho cái biệt hiệu là thằng ba-thứ-tóc-sáu-chế-độ.

Nghe nói mới mười bảy tuổi Lam đã làm cu-li cho Pháp. Được khoảng nửa năm thì Nhật đảo chính, nó quay sang làm cu-li cho Nhật. Nhưng rồi nó nhanh chóng nhận thấy rằng cả Nhật lẫn Pháp đều không thể trông cậy được, nó ngầm liên lạc với Việt Minh và tham gia hoạt động nội thành. Hoà bình lập lại, đồng nghiệp nó kẻ thì chạy vào Nam, người thì đi tù, riêng nó lãnh huân chương Kháng chiến và cất nhắc làm phó giám đốc một nhà máy lớn ở Hải Phòng. Nó lấy vợ để con và sướng như một ông hoàng con. Nhưng rồi chiến tranh bùng nổ, năm 68 nó được đưa vào Nam hoạt động với chức tước khá lớn. Luồn rừng trèo núi cực quá chịu không nổi, mới vào đến Trung phần nó trốn ra hồi chánh. Gió chiều nào che chiều ấy, không biết luồn lọt thế nào mà chỉ ít

lâu sau nó được giao cho cầm đầu cơ quan chiêu hồi của tỉnh. Nó lại lấy vợ, để con, cuộc đời lại phơi phơi như tiền. Chiến tranh ngày càng ác liệt, nó lại đón gió lần nữa. Vào một buổi tối đầu năm 75, nó cải trang trà trộn vào đoàn người “tùy nghi di tản”, bỏ lại vợ con không một lời từ biệt, chạy tuốt vào tận Hà Tiên, thay tên đổi họ và tìm cách móc nối với Mặt trận Giải phóng. Khi Sài Gòn thất thủ, nó tham gia cuộc nổi dậy cướp chính quyền và được cử làm phó chủ tịch ủy ban quân quản thị xã. Nó lại lấy vợ, để con, cuộc sống tuy không đế vương nhưng cũng khá sung túc. Năm 79, khi cuộc chiến tranh Hoa-Việt bùng nổ, nó vứt lại vợ con, giả mạo Hoa kiều trốn ra Bắc rồi chạy sang Trung quốc, sau đó tìm đường ra nước ngoài...

Cuộc đời Lam nhiều phong ba biến động, đầy thử thách nhưng cũng rất linh hoạt của một kẻ thông minh, mưu lược hơn người. Lão Hà vẫn cho rằng ngay cả mấy anh cố vấn sừng sỏ của tổng thống Hoa kỳ chưa chắc đã khôn ngoan bằng Lam. Những thằng như Lam thì dù vút vào hoàn cảnh nào nó vẫn sống và sống sung sướng nữa là khác. Khi chân ướt chân ráo tới trại tị nạn Hồng Kông, Lam đã xấp xỉ ngũ tuần, thế mà nó vẫn lấy được cô vợ khá xinh, duyên dáng và có học, tuổi đời chưa tới ba mươi. Nó lấy vợ nhưng không làm hôn thú. Sang tới Anh, nó lại bảo lãnh cô vợ cũ ở Hà Tiên. Lam sống với cả hai người vợ. Không biết nó dàn xếp cách nào mà cả hai người đàn bà ấy đều yên phận để con và chăm sóc chồng, chưa một ai thấy họ lời chì tiếng bác với nhau. Lão Hà vẫn tiếc cho cái tài “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của Lam không gặp thời. Từ nhiều năm nay, Lam tham gia sinh hoạt cộng đồng, gia nhập hội Cựu quân nhân nhưng cũng có chân trong hội Việt kiều yêu nước. Ngày ba mươi tháng tư, Lam hùng hồn đọc diễn văn kỷ niệm Quốc Hận, nhưng ngày mồng hai tháng chín nó lại cầm đầu phái đoàn của

hội Việt kiều Yêu nước tham dự lễ Quốc khánh tại toà đại sứ Việt Nam tại Luân Đôn. Chủ nhật hàng tuần nó cùng các tín đồ Công giáo đi nhà thờ. Ngày rằm, mừng một lại thấy mặt nó trong đám Phật tử ở chùa. Ngoài ra nó còn có nghề thầy cúng và là một phụ đồng đắc lực của cô đồng Kim, mẹ vợ thằng Tuấn... Thật là một người đa tài, đa mưu.

Lão phải đi kiếm Lam nhờ nó làm quân sư mới được!

*

* *

Cả nhà Lam đang quần quăn ở phòng khách xem ti-vi. Thấy lão Hà đến, Lam chào đón bắt tay rồi rít. Hai người vợ của Lam cũng nhanh nhẩu chào khách rồi một người vào bếp pha trà, người kia dọn đám trẻ lau nhau lên gác bắt chúng đi ngủ. Nhìn cảnh ấy lão càng phục Lam hơn. Nhà người ta một chồng một vợ mà đánh nhau sút đầu mẻ trán, người này ngoại tình, người kia ly dị, vậy mà... Thằng này giỏi thật!

Nghe lão Hà kể lại chuyện, Lam cũng có vẻ tức:

— Mẹ cái thằng ấy, nó không biết kẻ trên người dưới là gì cả!... Mà cũng khó cho ông thật. Ấc ở chỗ tờ báo ấy là của vợ nó...

Bỗng mắt gã sáng lên:

— A có rồi! Nó cho vợ nó làm báo chứ ông thì ông cho đám cháu ông làm báo chứ lại nó. Thượng sách! Thượng sách!

— Thượng sách cái con khỉ! — Lão Hà bĩu môi — Đám cháu tao suốt ngày lau lấu tiếng Ăng-lê, tiếng Việt nói còn không thạo thì làm báo thế nào được?

Lam cười to:

— Thế con vợ thằng Tuấn có biết viết đâu mà vẫn làm được báo? Ăn thua là ở người điều khiển đằng sau cơ ông ơi. Cứ như thằng Tuấn ấy. Này nhé, chủ bút, chủ nhiệm với thư ký toà soạn gì gì đó thì để đám trẻ con đứng tên hết. Tên báo thì dễ lắm, *Tuổi thơ*, *Măng non*, *Mầm non*, *Thiếu nhi*... cái gì chẳng được! Có tờ báo trong tay rồi ông muốn chữ đưa nào lại không

được? Chỉ những thằng điên mới đi chửi nhau với trẻ con. Người Anh họ quý trẻ, xin tiền làm báo cho trẻ con chắc là dễ, có khi vớ bẫm là đằng khác!

Lão Hà gật gật đầu:

— Ờ, anh nói cũng phải... Nhưng mà tao đếch biết chữ, cũng phải có đứa văn hoá khá một chút để viết bài chứ! Hay là anh hộ tao nhé?

— Được, tôi sẽ giúp ông một tay. Nhưng cũng phải kiếm thêm một hai người nữa phụ giúp. A, có rồi, tôi mới biết một tay bác sĩ thú y, nhà hán cũng gần đây thôi. Để tôi đưa ông sang gặp hán.

— Liệu nó có chịu giúp không?

Lam tùm tùm cười:

— Cứ có tí "tê" thì cái gì cũng xong. *Thớt có tanh tao ruồi đổ đến, gang không mật mỡ kiến bò chi!* Ông yên chí, tôi nói thế không phải bảo ông móc tiền túi ra trả cho tôi đâu. Bao giờ xin được tiền báo ông chia cho chúng tôi ít nhiều, thế là được. Bây giờ mình sang nhà tay bác sĩ ấy đi, giờ cũng hơi khuya rồi, không khéo nó đi ngủ rồi thì toi công.

Lão Hà và Lam rảo bước trên hè phố vắng. Tới một ngôi nhà ở cuối con đường, Lam định bấm chuông thì lão Hà ngăn lại:

— Anh bảo đưa tao đến nhà tay bác sĩ nào cơ mà, vào đây làm gì?

— Thì nhà nó đây này.

— Con khỉ. Đây là nhà thằng An. Lam ngạc nhiên:

— Ờ, đúng rồi. Thế ông biết nó à?

— Con tườu! Anh bảo đưa tao đến nhà thằng bác sĩ nào cơ mà?

— Thì nhà nó đây. Bác sĩ thú y An.

Lão Hà cau:

— Bác bác chú chú cái con bú dừ! Anh đừng có loè tao! Đây là nhà thằng An hoạn lợn, con một thằng bạn nổi khổ của tao.

— Làm gì có chuyện hoạn lợn với hoạn chó ở đây! Hay là ông nhầm nhà?

— Nhầm thế nào được! Tao vẫn đến luôn. Tối qua thằng An còn mời tao đến đây ăn tiết canh vịt. Ở Việt Nam nó làm nghề hoạn lợn.

Gà, bò, trâu, chó... loại gì nó cũng hoạn được hết. Nó cũng đếch biết đọc biết viết như tao thì bác sĩ cái gì?

Bỗng một chiếc xe của cảnh sát tấp vào lề đường sát ngay bên cạnh khiến cả hai cùng giật mình quay lại. Một người cảnh sát Anh bước tới gần họ, lễ phép hỏi:

— Xin lỗi đã làm phiền các ông. Tôi muốn tìm ông Trần...

Lão Hà không thèm biết tiếng Anh, đứng khoanh tay ra bộ khinh đời. Lam hơi hoang mang nhưng cũng trả lời:

— Tôi là Trần đây. Có việc gì vậy?

Viên cảnh sát mừng rỡ:

— Thưa ông Trần, tôi ở trạm cảnh sát số năm. Cách đây khoảng hai tiếng có một người đàn ông Việt Nam bắt trộm vịt và ngỗng ở hồ nước Golden Spoon, nằm giữa công viên Green Park. Chúng tôi bắt được quả tang trong túi của ông ta hai con vịt và một con ngỗng. Vì người này không biết tiếng Anh, chúng tôi muốn phiền ông đến trạm cảnh sát để thông dịch giúp. Tiền thù lao chúng tôi sẽ giúp từ bây giờ...

— Sao ông biết chúng tôi ở đây?

— Chúng tôi điện thoại đến tư gia ông nhưng ông không có nhà, người nhà ông cho chúng tôi địa chỉ này. Thật may mắn, vừa tới đây thì gặp ông. Xin mời hai ông lên xe.

Lam kéo tay lão Hà chui vào xe, vui vẻ:

— Anh em mình lại có tiền tiêu rồi. Cảnh sát nó trả tiền phiên dịch khá lắm.

Lam và lão Hà theo chân viên cảnh sát vào một căn phòng nhỏ. Một người đàn ông đang ôm đầu ủ rũ ngồi ở góc phòng. Vừa thấy hán, Lam ngạc nhiên kêu lên:

— Ủa, anh bác sĩ An đây mà...

Lão Hà ngắt lời:

— Bác bác chú chú gì cái thằng An hoạn lợn này!

Ông bác sĩ thú y từ từ ngẩng đầu lên, thấy lão Hà hán ngược ngừng cúi xuống, lí nhí:

— Bác Hà...

Gả Thiếp Về Vườn

Hồ Trường An

Mẹ mong gả thiếp về vườn
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh.
Ca dao

Bà Phán Hoành bảo con gái:

— Không phải má ép uống con, nhưng má thấy thằng Ba Thoại hiền lành lại con nhà khá giả, có của ăn của để nên má mới tính gả con cho nó.

Cô Hai Phụng Cơ e dè:

— Con không muốn cãi má, nhưng lấy chồng miệt đó con ngại lắm. Má ơi đừng gả con xa, chim kêu vượn hú biết nhà má đâu! Nội nghe ba tiếng U Minh Thượng là con rùng rợn rồi!

Ngọn đèn đặt trên chiếc bàn dài giữa cặp trường kỷ chạm nai, khỉ, chim, sóc, chùm nho bông kêu một tiếng tách, toé bông đèn rực rỡ như chùm pháo bông. Bà Ký Banh trấn an:

— Cháu đừng lo. Ông bà Hội đồng Hườn, ba má thằng Thoại giàu sụ, có toà cao lẫm lớn, dãy dọc nhà ngang. Dinh cơ họ rộng minh mông, đầy cây cao bóng mát. Ông bà tuy ở miệt khỉ ho cò gáy nhưng biết cách ăn ở theo người tỉnh thành, nuôi nhiều tôi trai tớ gái. Cháu mà về làm dâu nhà họ, cháu khỏi làm động tới móng tay, sẽ có ba con tớ gái hầu hạ. Một đứa lo việc chải đầu rửa mặt, một đứa lo

việc bếp nước, một đứa để cháu sai vặt. Con vợ thằng Hai Tường sao thì cháu cũng được như vậy.

Cô Hai Phụng Cơ liếc xéo bà Ký Banh. Bà này có tật ít xít ra nhiều. Vận sự nào mà lọt qua miệng bà cũng được bà nhơn lên gấp rưỡi, gấp đôi sự thiệt. Đó là vận sự thường. Còn đối với việc làm mai làm mối, làm áp-phe để sanh lợi biết đâu bà chẳng nhơn lên gấp ba gấp bốn, một nhúm gạo bà nấu thành nguyên nồi cháo, nghe tiếng pháo bà sẽ hô tiếng súng thần công cũng không biết chừng. Chèn ơi, lúc kể về cái bề thế giàu sang quý phái của ông bà Hội đồng Hườn, mặt bà Ký Banh như mê đi. Bà Phán Hoành ngồi giảo tại ra nghe, miệng nín khe nhưng cặp mắt long lanh háo hức, coi không giống ai.

Cô Hai Phụng Cơ là bạn cô Tư Nguyệt Yểng, con gái của bà Ký

Banh. Cô này có người chị con nhà bác tên Hai Nguyệt Thanh lấy con trai lớn của ông bà Hội đồng Hườn là Hai Tường. Song thân cô Hai Nguyệt Thanh là ông bà Phủ Bảnh chẳng những có tước trọng quyền cao mà còn là bậc đại điền chủ ở Vĩnh Long, có 200 mẫu ruộng tốt ở miệt An Hương, Mỹ An. Khi cô Hai Nguyệt Thanh về làm dâu ông bà Hội đồng Hườn thì ông bà Phủ Bảnh cho cô hai đứa tớ gái là con Xiêm, con Lài theo hầu.

Theo lẽ thường, khi sanh con đầu lòng, con gái phải về nhà cha mẹ; xỏ bầu, tịnh dưỡng cho tới cứng cáp mới về lại nhà chồng. Cô Hai Nguyệt Thanh vừa về tới nhà tía má mình, véo von với lũ em liền:

— Chèn ơi, được về đây, tao tưởng chừng ở chín tầng địa ngục trời lên dương gian. Bởi tao lụy ảnh nên tao mới chịu về U Minh



Thượng chớ xú gì mà đầy rừng tràm, nước đỏ au au, đất phèn khô khao khô khốc, trồng chuối còn chưa được, nói chi tới trồng cam, quýt, ổi, mận... Hầy day qua bên này thì gặp rừng tràm; day bên nọ thì gặp sóc Thổ; ngó về bên kia là đồng đầy cỏ lác, cỏ năng; ngược qua đàng trước gặp đám điều lộn hột; ngoái lại đàng sau là thấy ao, bầu, lung, vũng, đám sậy, rừng lau...

Về tới Vĩnh Long, cô Hai Nguyệt Thanh ăn hàng để báo thù những ngày thêm lạt ở chốn khỉ ho cò gáy. Cô ăn quýt đường, cam hồng mật, đu đủ, xoài, mận, ổi xá lý... Cô ăn ốc gạo chấm nước mắm chanh ớt, gỏi cuốn ốc gạo, thịt heo quay, thịt vịt quay... Nhưng hôm cô Hai Phụng Cơ theo cô Tư Nguyệt Yếng tới thăm ông bà Phủ Bảnh, được mời ăn cơm, mới rõ được phần trù phú của quê chồng cô Hai Nguyệt Thanh. Vừa ngồi vào mâm, cô Hai Nguyệt Thanh đã trề môi nhún mồm, ông ọo chê bai:

— Xời ơi, con cá lóc xú Văng mình sao mà ốm o đèo đẹt! Tôm trứng cỡ ngón tay thì nhiều mà tôm càng cỡ cườm tay thì ít nên mắc như vàng. Xứ sở của chồng tui bị thiệt về trái cây nhưng được xôm về tôm cá. Tôm càng dưới đó rẻ rẻ, mỗi lần ăn tôm, lấy gạch ra cầu cả chén. Cá lóc, cá bông bự bằng bắp chơn, trứng lớn cỡ ngón trỏ... Còn loại cá lụn vụn như cá chốt, cá rôi, cá linh ai mà thèm ăn! Thứ đó chỉ dùng làm phân bón rầy. Từ hôm về đây, bà con có thấy tui đi ăn cá nướng trui, bún tôm nướng, chạo, suông bao giờ chưa? Mấy món đó, chị bếp của tía má chồng tui làm hà rầm, ăn tới ngán ngược...

Cô Hai Nguyệt Thanh vừa sanh xong thì tuần lễ sau, hai Tường và Ba Thoại đi đò máy rồi đi xe đò lên thăm, ở chơi nhà ông bà Phủ Bảnh vài ngày. Cô Hai Phụng Cơ cứ tháp tùng cô Tư Nguyệt Yếng đến đó chơi nên cô lọt vào mắt xanh chàng công tử miệt vườn Ba Thoại.

Hai Tường trắng trẻo, cao lớn, đẹp trai, ăn nói mềm mỏng duyên

dáng, cô Hai Nguyệt Thanh vui lòng về làm dâu chốn khỉ ho cò gáy cũng phải. Còn Ba Thoại tuy cao lớn như anh, mặt mũi không có gì đáng chê trách, nhưng sắc diện lăm lăm, cặp mắt soi mói, nhìn ai là như muốn xoáy vào da thịt, tim gan đương sự. Vừa mới chạm mặt chàng ta, cô Hai Phụng Cơ đã nghĩ thầm: "Cái thứ tằm ngấm tằm ngấm như tên này dám làm chuyện động trời động đất lắm đa. Xời ơi, cái miệng thẳng chả khi cười coi sao mà nham nhở! Tui có giành trâu cướp ruộng hần đâu mà hần cứ nhìn tui gườm gườm như muốn ăn tươi nuốt sống vậy cả!"

Ba Thoại muốn ăn tươi nuốt sống cô Hai Phụng Cơ thiệt. Chàng nhờ chị dâu mình cậy bà Ký Ban làm mai cô Hai Phụng Cơ cho chàng sau khi viết thơ về tỏ tường trong đục cho cha mẹ hay.

*
* *

Cô Hai Phụng Cơ lấy chồng mà lòng bất mãn lắm. Không phải cô chê Ba Thoại xấu trai hay dị dị, nhưng khi nghĩ tới cảnh đi làm dâu tại vùng cực nam đất nước, chốn đĩa vất muỗi mòng, trên rừng có cộp, dưới sông có sấu mà tay chơn cô bủn rủn, hỗn phách cô bàng hoàng.

Đám cưới được tổ chức tại nhà hương hỏa của ông bà Cai tổng Viên, anh ruột của bà Hội đồng Hườn, thuộc quận Cái Răng, tỉnh Cần Thơ. Cô dâu chú rể ở đó chơi một tháng hoặc đi Sài Gòn, Vũng Tàu tùy ý rồi mới trở về U Minh Thượng.

Trước ngày vu qui, cô Hai Phụng Cơ khóc với cô Tư Nguyệt Yếng:

— Tao lấy chồng mà lòng lạnh ngắt. Trời đất thánh thần ơi, rồi đây về U Minh Thượng nếu tao không bị muỗi tha xác thì cũng bị đĩa hút hết máu, sống sao cho nổi để về thăm cha mẹ, chòm xóm cùng bạn bè xứ Văng này?

Bà Ký Ban thường bảo bà Phán Hoành:

— Rồi đây con Hai của chị sẽ ăn nên làm ra. Từ của cải ruộng đất

của chồng, nó sẽ làm ra cơ nghiệp đồ sộ cho chị coi. Hôm tui tới nhà chị làm mai thì thấy ngọn đèn trở bông chói lòa. Điềm hên đó đa chị!

Cô Hai Nguyệt Thanh bảo cô Tư Nguyệt Yếng và cô Hai Phụng Cơ:

— Má chị có lần đi xuống U Minh Thượng dự đám tang của bà mợ dâu, có dịp viếng nhà ông bà Hội đồng Hườn. Bà thấy gia cảnh của họ rõ ràng nên muốn gả chị cho anh Tường, không cậy ai mai mối. Khi trở về đất Văng, bà rủ chị tới thăm cậu của chị, rồi tổ chức cho anh Tường gặp chị. Vừa gặp nhau, cả hai bị tiếng sét ái tình long trời lở đất, dội ngực thốn tim. Bởi đó chị mới chịu về cái xứ quê mùa hẻo lánh đó làm dâu.

Ai cũng nói vô thì cô Hai Phụng Cơ làm sao lộn nài bẻ ống tháo ra đây? Vào thập niên 30, các cô gái đều phải chịu cảnh cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Vả lại Ba Thoại chẳng những có ăn học mà còn dễ coi, vóc mình liền lặc, tay chơn cứng cáp, phải thể trạng phu, cho nên cô đành ngậm hai câu:

Ra đi là sự đánh liều,

Mua mai nào biết nắng chiều nào hay!

Cô Hai Phụng Cơ đi lấy chồng thì cảnh nhà ông bà Phán Hoành lạnh ngắt. Bởi tánh cô bải buôi vui vẻ, ưa nói véo von, ưa cười giòn khăm khừu, ca hát lãnh lót nên cảnh nhà ảm áp, vắng cô là vắng tất cả sinh động. Cây khế ngọt trở bông tím quanh năm ngoài bến nước từ đó vắng bóng cô chiều chiều ra hóng mát hoặc thêu thùa... Có chàng trai chiều chiều chèo tam bản dọc trên sông Long Hồ, khi qua đó thường ngậm nga:

Trèo lên cây khế mà rung

Khế rớt đùng đùng không biết khế ai!

Khế của ông Phán chẳng sai

Khế vừa có trái, cô Hai đi lấy chồng...

Hôm đám cưới, cô Hai Phụng Cơ mặt mày ủ ẻ bất mãn. Lũ chị em cô cậu, lũ chị em bạn dì, lũ chị em chú bác với cô kể thì lấy chồng cùng tỉnh, người thì lấy chồng Sài Gòn,

Mỹ Tho, Cần Thơ, Sa Đéc... ai cũng được hưởng ánh sáng thị thành, ai cũng có dịp khoe thú ăn chơi, những chuyện giao du của mình với xã hội... Riêng cô phải lấy chồng xa múi tí tề. Đã vậy khi xe nhà trai tới thì trời bắt đầu mưa lâm râm, tới lúc ông bà mai lên cặp đèn sáp chạm rồng phụng thì bên ngoài mưa như cầm tín mà đổ. Tuy nhiên hai ngọn đèn cháy đều, sáng phùng như hai búp sen bằng lửa.

Trên đường về Cái Răng qua bắc Cần Thơ, tới nhà ông bà Cai Tổng Viên, trời vẫn mưa lai rai. Trước khi ra xe để về Vĩnh Long, bà Ký Banh vịn vai cô Hai Phụng Cơ, cười ngỏn ngởn:

— Đám cưới mà gặp mưa là điềm tốt đó cháu. Lại nữa, khi bác trai và bác lên cặp đèn, thì ngọn đèn cháy đều và sáng quắc. Thêm một điềm tốt nữa, cháu có thấy không?

Cô Hai Phụng Cơ miệng thì dạ dạ nhưng cặp mắt kín đáo liếc xéo bà mai, tại bà thầy lay mà tui xa xứ, tại bà ham đầu heo bự mà tui lìa quê!

Cô Hai Phụng Cơ hai tuần sau, từ Vũng Tàu gửi thơ cho cô Tư Nguyệt Yếng:

Ô cấp ngày...

Bố con Nguyệt Yếng,

Chồng tao dắt tao đi Ô cấp, ở khách sạn để hưởng tuần trăng mật. Sau đó anh sẽ đưa tao qua Long Hải ở chơi thêm một tuần nữa. Tụi tao sẽ leo núi Bồng Lai, viếng am cốc...

Giờ đây tụi tao tắm biển đã đời, ăn sò huyết, cua biển, ghẹ, nghêu, chêm chếp, ăn đủ món cá... Tao thức thiết khuya, dậy thiết trễ, đêm ngắm trăng biển, ngày nghe nhạc phi lao. Tao phải nói rằng tao hạnh phúc. Chồng tao cưng tao lắm Yếng à. Trung tuần tháng tới tao sẽ theo chồng về chốn U Minh Thượng xa lắc tí tề. "Có chồng thiếp phải theo chồng. Nắng mưa thiếp chịu lạnh lòng thiếp cam". Có tình yêu của chồng, tao thấy cuộc đời nơi quê hương mới không còn ghê gớm như tao đã nghĩ trước kia.

chén tương phùng

*Rượu em núu gót phong trần
Trái tim thương tích trăm lần lại rung
Tao phùng gọi chén tương phùng
Ấm lòng lữ thứ nát lòng biển dâu*

*Tóc anh trắng nửa mái đầu
Mắt em thoáng điểm vết nhàu chân đêm
Chuồn anh rồi lại chuồn em
Một tay thăm đủ ba miền tỉnh say*

*Kiểm thiêng trả lại hồ này
Liều ôm Tháp Bút trong tay tự tình
Môi trà ngát nụ Di Linh
Núi đồi Đà Lạt chuyển mình nhấp nhô*

*Tiền giang thăm thiết giọng hò
Hậu giang cổ mặn đôi bờ sóng rēm
Trái tim bầm giập trao em
Không yêu ai giữ trái tim làm gì?*

*Nghiêng hồ dốc cạn sầu đi
Rượu em bầu ấy ngàn khuya vẫn đầy.*

hà huyền chi

Rồi đây mây và tao mỗi người mỗi ngã, hướng rẽ càng dang xa. Tao chỉ biết cầu cho mây hạnh phúc viên mãn, cầu luôn cho trăm năm sau, hạnh phúc của tao vẫn tròn trịa như bây giờ, không sút mẻ, không trầy trụa, Yếng à.

Tao tạm dừng bút. Hẹn khi về tới U Minh Thượng sẽ gửi thơ tiếp. Nhớ cầu Trời Phật phò hộ cho hai đứa mình ghen mậy.

Bạn mây

Trần thị Phụng Cơ

Bà Ký Banh nhân một hôm đến nhà bà Phán Hoành ăn giỗ, cười bảo bạn:

— Con gái đứa nào cũng như đứa này, hễ đi lấy chồng xa là mặt mày ủ dột, oán ghét ông bà mai các cơ trở trêu xô tụi nó ra khỏi nhà cha mẹ. Đó, chị coi đó, con Hai bây giờ cơm ngon canh ngọt với chồng, nó viết thơ về tháo trút tâm sự với con gái tui mà tâm sự nào cũng hân hoan ráo rọi.

* * *



Cô Hai Phụng Cơ vừa dứt đầu vô nhà chồng ở U Minh Thượng là gặp cái không khí nghiêm trọng rồi. Ông bà Hội đồng Hườn mặt như trắng một lớp thép mỏng nguội ngát. Hai Tường tuy cười mà nụ cười kèm hăm không để lộ nguyên hàm như hồi chàng đến thăm ông bà Phủ Bảnh. Còn cô Hai Nguyệt Thanh chưa chi đã đối gương mặt nhí nhảnh hồn nhiên thành vẻ mặt trịch thượng của bậc kẻ cả, thấy mà ngứa gan!

Dinh cơ của ông Hội đồng Hườn cách chợ làng khoảng năm cây số. Chợ này có nhiều gian hàng lợp lá của người Tàu, có tiệm mì, hủ tiếu, tiệm chạp phô, tiệm vải. Từ nhà họ, khách bộ hành có thể vượt qua đám điều lộn hột hoang dã, vượt qua bãi lau sậy, qua cánh đồng cỏ năng để đến sóc Thổ của người Miên rồi đến xóm Cây Đa của người Việt dọc theo dòng kinh đào. Từ vòm kinh đào giáp với lòng rạch song song với rừng tràm, du khách có

thể vượt sáu cây số là tới chợ Chác Bàng, nơi thị tứ sầm uất.

Nhà ông Hội đồng gồm ba căn hai chái, nóc lợp ngói âm dương, nền đá da qui cao tới ngực, ở hàng ba thì lát gạch men trắng vẽ bông xanh, bên trong lát gạch trắng chen gạch đỏ. Bên trái ngôi nhà từ ngoài ngõ vô là sân lát gạch tàu, kế đó là lẫm lúa gồm ba căn, vách bồ kho, mái lợp ngói móc. Lẫm lúa cũng có hai chái. Chái bên trái dành để nông cụ, chái bên mặt để cối xay lúa và cối giã gạo. Trong sân nhà có cây mù u tàn rậm, che bóng mát một vùng. Sân trước bày hòn non bộ, mấy chậu cau kiểng, tóc tiên, kim quít. Phía sau nhà là cây da xà cũng để lấy bóng mát. Trong vườn, ông Hội đồng Hườn cho trồng dừa Tam Quan, cau xiêm, măng cầu xiêm. Ông cũng đang thử trồng chuối nhưng vì đất còn nhiều phèn nên chuối còi cọc lắm. Chung quanh khuôn viên nhà, ông cho đào mương, mỗi hướng có chiếc cầu tre bắc qua bên kia đường đi của đám ruộng. Dọc theo mương, ông trồng cây gừa buồng rẽ lòng thông. Ông còn trồng tre làm hàng rào bên ngoài, trồng cây xương rồng và cây độc trụ bọc bên trong.

Vợ chồng Hai Tường chiếm căn phòng ở chái bên trái, có cửa sổ mở ra sân gạch tàu và lẫm lúa. Vợ chồng Ba Thoại chiếm căn phòng ở chái bên mặt, có cửa sổ mở ra mương nước thả dây ấu xanh tươi.

Cô Hai Phụng Cơ từ nhỏ tới lớn chỉ lo ăn học. Tư tưởng tự do lãng mạn nơi mấy cuốn tiểu thuyết từ năm này qua năm nọ chui vô óc cô rồi mắc kẹt luôn trong đó. Song nó chưa có dịp ngo ngoe vẫy vùng. Bởi lẽ cô chưa va chạm với đời nhiều nên cô còn nhút nhát. Bởi lẽ ba má cô giáo dục cô theo lối xưa nên cái tánh quật khởi của cô chưa có dịp cháy bùng. Về nhà chồng, cô chẳng biết nấu nướng chi ngoài các món cá kho, thịt kho, vài món canh, món xào thông thường. Trong khi đó, cô Hai Nguyệt Thanh là con ông Phủ, địa vị bên cô ta trội hơn bên chồng nên cô được thung dung tự tại, làm bếp hục hạo, thuê may cầm chừng. Cô Hai Nguyệt Thanh ngoài con Lài, con Xiêm là hai tờ gái cô mang theo, cô còn được bà má chồng cho thêm con Kim Heng lai Miên để cô sai vặt. Trong khi đó, cô Hai Phụng Cơ chẳng mang theo tờ gái nào, mà bà Hội đồng Hườn cũng chẳng nghĩ tới việc mượn cho

cô một mụ nào để phụ bếp, để coi sóc nhà cửa giúp cô. Từ khi cưới cô cho Ba Thoại, bà Hội đồng cho mụ bếp Năm Cánh nghĩ việc. Con Lài, con Xiêm tuy có phụ cô việc bếp núc, việc coi sóc nhà cửa, nhưng tụi nó không phải là đầy tớ của cô nên cô không dám sai bảo tụi nó nhiều hay cần nhắc nhở la chi cả.

Một hôm, cô Hai Phụng Cơ nấu cơm gạo mới. Cô vô ý đổ nhiều nước và đợi cơm sôi ba dạo mới chắt nước. Cô Hai Nguyệt Thanh khi mở nắp vung ra liền cười bảo bà Hội đồng Hườn:

— Mèn ơi, con tưởng đâu hôm nay thím Ba khuấy bánh đúc chứ!

Bà Hội đồng Hườn xán cho cô Hai Phụng Cơ một cái nhìn nháng lửa:

— Xời ời, ai coi con dâu út của tui! Nó nấu cơm chệt nhệt, nhão như làm như ai nhai cơm rồi nhổ phết vô nồi vậy!

Khoảng đời làm dâu ba năm của cô Hai Phụng Cơ tốn biết bao là nước mắt. Nhưng trời bù đắp là Ba Thoại yêu thương cô rất mực, thường che chở cho cô nên cô cũng nguôi ngoai phần nào. Lại nữa cô Hai Nguyệt Thanh chỉ để một mụn con gái rồi nán một thời gian dài. Còn cô Hai Phụng Cơ để liền tiếp hai đứa con trai. Nhờ sanh đẻ, máu huyết thay đổi, cô Hai Phụng Cơ phốp pháp và trắng phau phau.

Ít lâu sau, ông bà Hội đồng Hườn cất nhà cho vợ chồng Ba Thoại ở xóm Cây Da để cả hai trông nom sở ruộng ba mươi mẫu, loại ruộng gò. Nhà của họ cũng ba căn hai chái, vách bồ kho nhưng mái lợp ngói móc, nền lát gạch tàu. Chung quanh khuôn viên là hàng rào đóng bằng cây tràm khô dày bít.

Ngay khi về nhà mới, cô Hai Phụng Cơ ớn ớn với chồng:

— Em thiệt không ngờ mình cùng em nên khi thì ớn ớn, khi thì làm trận làm thương với ba má để giờ đây vợ chồng mình có giang sơn một cõi. Có vậy em mới tìm lại đời sống riêng cho em, cho anh...

Trong lúc bỗng bột vì sung

hương với

tặng nhà văn Trà Lũ

Quê hương xa bên kia bờ sóng vỗ
Chốn chôn nhau muôn trùng nhớ thân yêu
Những nụ với bao nhiêu tình ấp ủ
Gửi đến bên này ấm áp bấy nhiêu

Hương với bám trong lòng người biệt xứ
Từ thuở nào dưới mái bếp nhà xưa
Lung bát nước, đầy tràn hương quê cũ
Đậm đà thơm khói bốc lên chan hoà

Từng ngậm nhỏ chảy vào hồn trần trở
Gợi nhớ thôn nghèo hàng với bờ ao
Môi nhấp cạn cho vui niềm tâm sự
Mà tình quê muôn thuở dễ quên đâu.

lê sơn hà



sướng, Ba Thoại ôm vợ hun tro hun trất:

— Em càng ngày càng mơn mớn nuốt nà, nhìn hoài không chán, nhìn suốt tháng cũng chưa bura. Hề chỗ nào em vui là anh vui. Ba mươi mẩu ruộng này là của chú Tư anh để lại cho anh chớ không phải của ba má đâu.

Về ở xóm Cây Da, cô Hai Phụng Cơ sắm chiếc ghe hầu, mũi sơn xanh da trời, mũi ghe chạm trổ, khung cửa khoang cũng chạm trổ. Hề buồn buồn, cô kêu bạn chèo ghe đưa mẹ con cô ra chợ Chác Bạng ăn mì, cháo, hoành thánh, nem nướng đã đời. Đôi khi cô cùng chồng đi viếng các sở rầy của người Triều Châu, mua bông bí đem về luộc chấm nước cá kho hay chấm mắm mực, mắm nêm. Có lần đi ngang Cầu Đúc Cái Xinh mua dưa hấu về ăn Tết, gặp trái ruột hương lợt, cô xắt ra để nấu canh tôm thịt rồi rắc tiêu, hành, ngò gai. Rừng tràm bên kia dòng rạch đầy dây choại, hề khi ăn chay cô sai con Tím qua bên đó hái ớt choại nỏn mềm về luộc. Khoai lang ở đây rẻ rề, cô sai bà vú Dàn mài khoai ra nhào với nước rồi vắt nước cốt lọc qua lớp vải the mỏng. Bột trong nước cốt lắng xuống, cô chỉ cần gạn bỏ nước trong rồi đem bột ướm phơi khô. Thứ bột này khuấy nước sôi, trong vẫn vắt, có màu nâu tím lợt, pha với đường phèn là trở thành một môn thuốc giải nhiệt hay thần sầu, chẳng những ngon miệng mà còn trị được chứng mụn nhọt, đổ ghèn...

Cô Hai Phụng Cơ khi về xóm Cây da, để lần thứ ba hai con tiểu tỷ song sanh, ba năm sau cô rặn thêm một con oát tí nữa. Còn bên U Minh Thượng, cô Hai Nguyệt Thanh đẻ thêm một đứa con gái đeo đẹt nữa rồi nín luôn.

Cô Hai Phụng Cơ biết địa vị của mình trong gia đình chồng đã vững lắm rồi. Cô ngoả nguê trong hạnh phúc với người chồng lúc nào cũng một lòng một dạ yêu cô. Nhưng cô vẫn có vài điều bất mãn. Trước hết là cuộc đất ở xóm Cây Da khô khao, đất chỉ có thể làm rầy chớ

không thể lập vườn. Ở đây chỉ có cây da, cây gừa, cây bình bát sống được. Nhìn quanh quất cô chỉ thấy rừng tràm đầy bít, còn là đồng chua, đất khô nứt, hoa dừa bấp nỏ rộ khi mùa mưa lướt thướt kéo về. Chợ Chác Bạng thì xa, rồi đây hai đứa con trai cô phải rời xóm Cây Da ra ngoài học, sáng đi chiều về bằng tam bản, thiệt không tiện chút nào. Thêm nữa, cái sóc Thổ gồm toàn người Miên khiến cô ngại lắm. Người Miên vốn giỏi bùa chú, thư ếm. Biết đâu họ thấy vợ chồng cô giàu có sẽ thư ếm cho cả hai điền khùng hoặc đoán mạng để đoạt của.

Bà Hội đồng Hườn tuy thương yêu hai thằng cháu nội nhưng vẫn không hề thông cảm với nàng dâu út. Bà tức ầm ạch vì từ khi về xóm Cây Da, cô Hai Phụng Cơ tìm cách đuổi hết tôi trai tớ gái bà đưa đến. Từ chị bếp, cô tớ sai vặt, chị vú, các anh lực điền đều là người quen biết của cô Hai Phụng Cơ, của bà Phán Hoành đưa về. Bà Hội đồng Hườn ghim mối bất mãn trong bụng nên lâu lâu bà giả đồ đến xóm Cây da để thanh tra và quan sát nếp sống của vợ chồng Ba Thoại. Bà lấy cớ ở cuối xóm có ông thầy thuốc Miên giỏi tài trị phong thấp bằng ngải và lá thuốc cứu nên lâu lâu bà cần đến xóm Cây Da vài ngày, trước trị bệnh, sau để tiện đường ra chợ Chác Bạng nhờ ông Bang Xạch Hui ở tiệm thuốc Khương Kiện Đường coi mạch hốt thuốc ích khí bổ thần cho bà.

Cứ mỗi lần bà Hội đồng cùng con ở tên Thia tới nhà là cô Hai Phụng Cơ như cá mắc cạn. Cô quay mòng phục dịch mẹ chồng, không dám nhõng nhẽo với chồng. Bà Hội đồng Hườn hề đặng đâu là chê đó:

— Nè vợ thằng Ba, đây là chỗ tạm, mấy sầm chi chén kiêu đĩa kiêu nhiều dữ vậy? Còn đồ chứa nước mưa, mấy chỉ cần sắm hai chiếc mái dầm là đủ rồi, ai coi nó đã sắm hai chiếc mái dầm rồi còn đến thêm lu bầu, rồi khạp, rồi bồn, rồi ăng... Nhà ông Thiên Hộ, nhà ông Vạn Hộ chưa chắc xuê xoang bằng nhà

này. Chèn ơi, cái sân thì nhỏ, để dành phơi lúa chớ, sao mấy trung bày bùm sùm, cau kiểng, mít kiểng làm chi? Theo mép rào mà mấy không biết trồng bông dừa bấp là mấy quê lắm... Nhà này sao mà không phép tắc gì hết! Tôi trai hề rảnh là nhậu nhẹt, tớ gái bạ đâu nằm đó, rồi tùm năm tùm bảy ngồi lê đôi mách, không thêm lý tới việc nhà...

Rồi vào một lần thăm viếng của bà Hội đồng Hườn, cô Hai Phụng Cơ bắt đầu phản kháng. Cô thấy mẹ chồng cô cư xử vượt quá giới hạn hơi xa. Hề tức nước thì vỡ bờ, già néo thì đứt dây, cho nên cô đợi dịp trả đũa.

Trưa hôm đó, sau một chiều chỉnh lý nàng dâu, bà Hội đồng nằm trên võng đong đưa thiu thiu đồ giấc. Trong khi đó cô Hai Phụng Cơ ngồi trên chiếc divan cẩm lai, cắt chiếc quần đáy giữa bằng cẩm nhung trắng. Cô liếc xéo về phía mẹ chồng. Xời ơi, người gì mà khuôn mặt lười cày, cặp môi củ ấu, đôi chơn mày xiên xiên, cái bên trái dấu sắc, cái bên phải dấu huyền. Mặt mày như vậy hèn gì tánh tình khó khăn! Tui vốn nghiệp dầy đức mỏng, phước cạn nghiệp sâu nên mới nhào vô làm dâu mẹ mẹ chồng khó tánh hay chấp nhặt chấp thừa như bà thái hậu Dịch Thiên Kim... Tui phải làm sao cho bả từ đây nề mặt tui, lần lần tránh xa tui, để tui thở khoan khoái, ợ ngáp tự do, đuổi co mặc ý...

Cô Hai Phụng Cơ vừa thấy thằng Khương đi ngang, liền hét lên:

— Khương, tại sao bà nội mày vừa ngủ mấy làm lộp cộp lạch cạch vậy? Đồ bất hiếu, không sợ trời đánh hay sao chớ?

Bà Hội đồng Hườn giật mình choàng dậy thì cô Hai Phụng Cơ bồi liến:

— Đời nay còn cháu gì kỳ quái! Bà nội tui nó già cả giấc ngủ càng lúc càng ngắn, bữa ăn càng lúc càng vơi, vậy mà khi bả mới đồ giấc là tui nó chạy rần rật, khua động rầm rĩ thì bực già cả làm sao ngủ ngon

được!

Bà Hội đồng thở dài, đưa vông qua lại, mắt khép mà miệng lâu bầu. Cô Hai Phụng Cơ xuống bếp kiểm cái đĩa nhôm rồi trở lên chiếc divan cầm lai. Vừa khi nghe mẹ chồng ngáy se se, cô lấy chiếc kéo đập vỡ đĩa nhôm và dù không thấy thẳng Ninh ở đâu, cô cũng la oai oái:

— Thánh thần thiên địa ơi! Mày làm giống gì vậy Ninh? Bà nội mày vừa ngon giấc kia cà, bộ mày đui hay sao mà cứ làm ầm ầm loảng xoảng, bùng đầu nhức óc vậy Ninh? Mày gan quá mà, mày không sợ lưỡi búa Thiên Lôi mà!

Bà Hội đồng Hườn choàng tỉnh dậy, giựt mình thẳng thốt. Cô Hai Phụng Cơ giả nhơn giả nghĩa:

— Xin má cứ ngủ ngon giấc. Bởi hai thằng cháu khỉ khộn rần mắt cứ chạy giỡn làm đồ đạc rớt bể tùm lum không cho má ngủ suông sẽ nên con phải la rầy tội nó.

Bà Hội đồng Hườn lại tiếp tục đồ giấc. Vừa nghe bà bắt đầu ngáy như cưa cây, như thụt ống bể lò rên, cô Hai Phụng Cơ ré lên:

— Tiên nhơn tổ đường ơi, điều tới kia cà! Bầy đâu? Mau đuổi điều mau coi nào. Tội nó bay qua sân thế nào cũng xót gà con ăn thịt. Ê! Ê! Điều! Điều! Ê! Ê! Bay chỗ khác chơi!

Bà mẹ chồng lồm cồm ngồi dậy, nguyệt nằng dàu một cái nháng lửa rồi đứng dậy phủi đất bước ra hàng ba.

*
* *

Dòng lịch sử chảy qua biết bao khúc quanh biến động. Từ khi ra riêng ở xóm Cây Da, cô Hai Phụng Cơ cứ ờn ỉ chồng mua vé quốc trái và gởi tiền vào Đông Dương ngân hàng. Riêng cô, cô lo sắm vàng, sắm hột xoàn và gởi cho má cô giữ.

Trước năm 1945, nào Nhựt đảo chánh Tây, nào giặc Đảng Thổ dậy lên giết chóc người Việt, nào bọn Việt Minh đêm đêm bắt hào phú trong làng đem đi thủ tiêu... Riêng ở xóm Cây Da, nhờ ngài lục cụ và mẹ sóc hiền đức, tu hành tinh tấn

nên dân Đảng Thổ không nổi dậy làm giặc. Tuy vậy cô Hai Phụng Cơ vẫn sợ lắm, cô ờn ỉ chồng bán ba chục mẫu ruộng cho ông bà Bang Biện Hanh rồi dọn về Vĩnh Long mở tiệm bán đồ tạp hoá nhập cảng từ bên Tây.

Năm 1945, khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, vợ chồng Ba Thoại bị bọn Quốc gia Tự vệ cuộc bắt tổng giam về tội giao du với Tây. May nhờ có Ba Tốt, chồng Tư Nguyệt Yểng vốn có công trạng với Việt Minh, ra tay can thiệp nên cả hai chỉ bị cạo đầu và giam hai tuần lễ rồi được thả ra.

Riêng ông Hội đồng Hườn thì bị bọn Việt Minh bắt đem thủ tiêu. May cho Hai Tường nhờ theo ghe lúa đem bán cho chánh ở Cái Răng nên thoát nạn. Cô Hai Nguyệt Thanh tom góp của cải rồi cùng hai con chèo ghe than len lỏi đến chợ Vàm Xáng, Hỏa Lựu rồi đi đò máy về Cái Răng. Sau đó, vợ chồng Hai Tường lên Lèo làm ăn, mở hăng xuất nhập cảng, công việc buôn bán càng lúc càng phát đạt.

Khi Tây trở lại, Ba Tốt phải bỏ nhà vào khu Tám. Để nhớ ơn cứu mạng, cô Hai Phụng Cơ giúp vốn cho Tư Nguyệt Yểng mở một tiệm چاپ pho bán đồ nhậu kèm với món cháo cá giò heo đối diện với miếu Quốc Công.

Khương, Ninh vừa lớn lên thì tỉnh Vĩnh Long đã mở trường Cao Tiểu. Cả hai trúng tuyển vào năm đệ nhứt. Cô Hai Nguyệt Thanh cũng cho hai đứa con gái mình là Nguyệt Hiền, Nguyệt Phổ về ở với ông bà Phủ Bảnh. Nguyệt Hiền học sau Khương, Ninh một năm, còn Nguyệt Phổ học chung trường Long Hồ với ba cô con gái của Ba Thoại là Phụng Kiều, Phụng Các, Phụng Song.

Trước khi người Thổ dậy giặc khắp Hậu Giang thì bà Hội đồng Hườn bị té, mang chứng bán thân bất toại. Chính cô Hai Phụng Cơ đến U Minh Thượng săn sóc mẹ chồng. Chính cô huấn luyện con Thìn trong việc chăm nom bà trước khi cô trở về xóm Cây Da. Sau khi

bà chết đi, tình bạn giữa cô và cô Hai Nguyệt Thanh nẩy nở chơn thành. Rồi đó, những cơn gia biến đã thắt chặt thâm tình của hai chị em bạn dẫu thêm chặt chẽ.

Thù giết tía chồng, thù bị sung công ruộng đất, thù bị cạo đầu xâm phạm vào tâm khảm cô Hai Phụng Cơ. Tuy thương yêu, biết ơn cô Tư Nguyệt Yểng nhưng cô vẫn không làm sao có cảm tình nổi với phe kháng chiến mà cô biết rằng cùng một phần một lũ với bọn Việt Minh cộng sản. Cô Tư Nguyệt Yểng từ chỗ có chồng vào bụng kháng chiến, đâm ra có cảm tình với Việt Minh và chịu đứng ra truyền nọc cộng sản khắp nơi. Chối tai gai mắt cho cô Hai Phụng Cơ biết bao khi cô thấy Ba Thế Phụng, em trai cô, đi cưới Năm Huỳnh Mai, em gái Ba Tốt. Cả hai vợ chồng này hề gặp Tư Nguyệt Yểng là xúm vô nói xấu Tây, ngắt véo địa chủ, xỉa xói cái xa hoa của những người giàu có như vợ chồng cô. Xời ời, nói vậy mà nghe được! Nhà giàu sang cũng có kẻ tốt người xấu, người nghèo hèn cũng có kẻ hiền lương người trệt búa chớ bộ! Cái bọn Việt Minh dưới mắt cô Hai Phụng Cơ là bọn ăn cướp cạn, vừa sát nhơn vừa điều ngôn xảo ngữ để tự phong thánh phong thần. Tía má chồng cô tuy nghiêm khắc nhưng đối đãi với tá điền tá thổ vẫn có lòng nhơn đạo. Còn nhà nước Bảo Hộ theo cô thấy chẳng có chỗ nào đáng chê trách hết. Thời họ, dân Nam kỳ dù nghèo mạt rệp trên mâm cơm cũng có món canh, món mặn, món xào. Từ khi có vụ chống Pháp, bề sinh sống bắt đầu khó khăn, mua gì cũng mắc. Cô Hai Phụng Cơ vốn không ưa chánh trị nên cô không để ý gì tới thời sự. Cô nhìn những người ái quốc qua hình ảnh những tên Việt Minh đã cạo đầu còn mắng nhiếc bêu xấu cô đủ điều. Tội khốn nạn đó sẵn dao bén còn cạo đôi chơn mày lá liễu của cô trụi lủi.

Hiện giờ cộng sản, Việt Minh ở đâu không thấy, cô chỉ thấy vợ chồng Ba Thế Phụng, cô Tư Nguyệt Yểng và lũ bạn cô Tư xúm lại bàn

tán mấy cuốn tiểu thuyết đề cao kháng chiến của Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Liên Chớp, Dương Tử Giang. Cô Hai Phụng Cơ hăm lắm, đợi dịp chỉnh lý cái thứ ăn no rồi bày đặt ủng hộ bọn siêu mưu làm loạn kia.

Hôm đó nhà ông bà Phủ Bảnh có đám giỗ. Vợ chồng cô Hai Phụng Cơ, Ba Thế Phụng được mời tới dự tiệc. Cô Tư Nguyệt Yếng là con cháu trong nhà nên có mặt từ hôm bữa giỗ tiên qua bữa giỗ chánh. Từ khi con gái út của bà Phủ Bảnh là cô Út Ngọc Dung si tình một thanh niên khuynh cộng thì Tư Nguyệt Yếng thường theo vợ chồng Ba Thế Phụng đến rủ rê cô mỗi tháng đóng nguyệt liêm cho trạm y tế của phe kháng chiến ở Cái Ngang. Họ còn giới thiệu cô Út bọn công tác thành, bọn nội ứng mà cô Tư Nguyệt Yếng gọi bằng cái tên mỹ miều đồng cảm: "Những kẻ chiến đấu trong lòng địch" để cô Út mở rộng tầm hoạt động.

Sau bữa tiệc thịnh soạn, cô Út Ngọc Dung mời vợ chồng Ba Thế Phụng, cô Tư Nguyệt Yếng và các cô bạn đồng tâm đồng chí ra nhà mát, giáp mé sông Cái Cá để dùng trà bánh. Cô Hai Phụng Cơ liếc xéo về phía họ rồi cất giọng rồn rảng hỏi bà Phủ Bảnh:

— Thưa bác, mấy năm nay bác có góp được lúa ở mấy sở ruộng miệt Tam Bình, chợ Thầy Phó không?

Bà Phủ Bảnh xụ mặt:

— Có được hột nào đâu, cháu! Hồi năm 45, hai bác nhờ ông bà khuất mảy khuất mặt phò hộ nên trốn khỏi cuộc lùng bắt của bọn quỷ vương đó, kể là may lắm rồi. Giờ đây mình vác thây vô vùng đó để góp lúa thì có khác nào dung thây vào miệt cộp, miệng chần tinh cháu ơi!

Giọng cô Hai Phụng Cơ rồn rảng một thì giọng bà Phủ Bảnh rồn rảng mười. Giọng bà rót vào tai đám thanh niên rõ mồn một. Bà Phủ Bảnh tuyệt nhiên chưa rõ sự kết ước của cô gái út mình với chàng thanh niên khuynh cộng. Bà chỉ

sắc không

ta thả lên trời
sợi sắc không
trái tim vô lượng
phiến mây hồng
lênh bênh
như kiếp đời
trôi giạt
thực thực
hư hư
có rồi không.

việt phương



thấy cô trưởng nữ mình là Hai Nguyệt Thanh đã bao phen trầy vi tróc vảy vì bọn Việt Minh, cùng sự điều đứng của vợ chồng bà hồi năm 1945, cho nên bà hung hăng khạc từng tràng từng lộn lời ác, lời thô:

— Ai sao kệ mỗ tổ họ, chớ riêng bác, bác thích Tây ở xứ mình hoài. Tụi Tây mà xuống tàu về nước, những kẻ chết trước là vợ chồng bác đó cháu. Hai bác làm sao sống nổi với bọn đầu trâu mặt ngựa Việt Minh đó!

Cô Hai Phụng Cơ cười hăng hắc, ôm chầm lấy bà Phủ Bảnh:

— Thiệt tình, sao bác nói hạp ý cháu quá!

Nhiều đêm, nằm gác tay lên trán để suy nghĩ nỗi nọ đường kia, cô Hai Phụng Cơ mới thấy dù đời sống thị thành hạp với óc cầu tiến và tánh ham hoạt động của cô, nhưng tâm hồn cô đã mọc rễ vào vùng đất U Minh Thượng, xóm Cây Da, chợ Chác Bàng khó mà bứt ra. Đành rằng đất phèn khô khan, trồng lúa thì được mà lập vườn phải đợi vài chục năm nữa, nhưng đó là cuộc đất hứa hẹn vì nhà nước bắt đầu đào thêm rạch, khơi thêm ngòi mới. Chắt phèn trong đất mỗi mùa mưa, theo nước mưa trôi xuôi ra biển mỗi lúc một nhiều. Trong những chuyến đi thăm bà con bên chồng ở miệt Hóc Hoả, Hoả Lựu, vịnh Chèo, vịnh Trà Bay, cô Hai Phụng Cơ thấy đất cát vùng đó bắt đầu trồng được

chuối, măng cầu xiêm, dừa, cau, khóm... Những vùng đó nào có xa xôi gì với quê chồng cô, vậy thì cái ngày U Minh Thượng lập thành vườn chắc cũng không mấy lâu. Nhưng Việt Minh đã xô đẩy vợ chồng cô ra khỏi cuộc đất hứa hẹn đó. Sau hiệp định Geneve, cô dò dẫm về thăm quê chồng thì nghe rằng trước khi tập kết ra bắc, Việt Minh gài bọn nằm vùng rất đông. Chúng đã nửa đêm tới nhà bắt thầy Tư Thạnh con ông Bang Biện Hanh đem đi thủ tiêu. Chúng còn liệng lựu đạn vào đám tiệc của Xã trưởng Thọ. Cảnh sát hương thôn yếu quá, không dám vô sâu trong lán trong bưng nên bọn nằm vùng vẫn tiếp tục lộng hành.

Đường về quê chồng đối với cô Hai Phụng Cơ kể như mất lối. Thuở ở xóm Cây Da tuy cô siêng năng lo việc tề gia nội trợ nhưng không quá nỗ lực vào thời giờ như khi ra thị thành buôn bán. Đối với cô, nó là một thiên đường vì vợ chồng cô đã sống đời tự lập, đã nếm mùi hạnh phúc lứa đôi ở đó. Hai thằng con cô không hề giữ lại một chút gì về quãng đời thơ ấu của chúng nơi quê cũ. Thằng Khương thì đậu tú tài liền ghi tên học Y khoa, còn thằng Ninh thì học Dược. Thằng anh đi bơi:

— Con rán kiếm tiền để về già chuộc lại ruộng vườn xưa, sửa lại mái nhà hương hoả. Từ đây tới đó, tình hình thời cuộc sẽ đổi khác, má

tin đi!

Thằng em cũng nói xạo:

— Hễ lúc nào đầu óc căng thẳng, con đọc truyện đồng quê của Phi Vân, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam là đầu óc con mát rười rượi. Kiếm nhiều tiền, con sẽ mua vườn ở ven đô hay vùng phụ cận tỉnh nhà, con sẽ nhường cho má sắp đặt khuôn viên giống như nhà cửa, khuôn viên ở xóm Cây Đa.

Ôi, tất cả còn là lời hứa, còn là dự định, bao giờ mới thực hiện được đây? Cô Hai Phụng Cơ dẫu sao cũng bằng bụng lắm. Cô nghĩ rằng con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Cô chẳng có tài gì đặc biệt để cho các con giống, cô chỉ có niềm yêu đất quê. Tụi nó mà biết noi theo chí hướng và tấm lòng tha thiết với cổ hương thì tụi nó sẽ tạo được một cơ nghiệp, một giang san cho con cháu sau này.

Con Phụng Kiều thi đậu xong trung học đệ nhất cấp thì chọn học ban A. Nó thường khoe với cả nhà:

— Chèn ơi, thầy Toàn dạy toán lý hoá ăn nói đậm đà, có duyên ác!

Con Phụng Song chõ mớ:

— Em biết mà, thầy là người Bắc kỳ.

Con Phụng Kiều trợn mắt nhìn em, tát liền:

— Bắc kỳ rồi sao? Bộ Bắc kỳ không có quyền hát hay, nói giỏi hay sao? Tao thử hỏi mấy, ca sĩ hát tân nhạc xứ mình, người Bắc nhiều hay người Nam nhiều? Trong mấy

cuộc họp, ai lên phát biểu ý kiến hay? Tao thấy người Nam mình hát vọng cổ thì mùi, còn hát tân nhạc thì lạt nhách. Hễ vô hội họp thì người Nam mình ngồi thù lù một đống, quan bảy cũng ừ, quan tư cũng gật...

Cô Hai Phụng Cơ hoảng kinh nhìn cô trưởng nữ. Coi vào này, con nha đầu kia mê trai Bắc kỳ rồi. Cái thứ Bắc kỳ vô đây ở nhờ mà luôn coi mình là khách. Họ ăn vú sữa, xoài, tôm càng, cá chái mà miệng cứ luôn luôn ca tụng đào, mơ, mấm rươi, cá chép... Cô nhứt định rồi, cô sẽ cản đưa con gái rương ngành của mình, không cho nó kết hôn với kẻ khác xứ. Ai chê cô kỳ thị Bắc Nam cô chịu, chớ cô nhứt định chọn rể nếu không là người sông Hậu thì cũng là người sông Tiền, biết rành tập tục miền Nam, biết thưởng thức cái lương, vọng cổ, biết nhậu rượu đế với thịt chuột, dơi, rắn, lươn... Nhưng rồi con Phụng Kiều của cô tuy khen thầy Toàn nói giỏi, hát tân nhạc hay mà nó lại chọn thằng sinh viên Bắc kỳ học trường Nông lâm súc. Thằng này tuy khô ngô nhưng ít nói, giọng thùng thiếc bẽ nên hát tân nhạc rất dở. Cô Hai Phụng Cơ bực mình lắm vì bọn Tư Nguyệt Yếng, Ba Thề Phụng cứ theo eo sèo chỉ chiết.

Sự chia rẽ Bắc Nam càng lúc càng phai lợt dần trong tâm tưởng hai bên, Bắc cũng như Nam. Đó là lúc vợ chồng cô ghiền nghe ngâm thơ Tao Đàn, mê trà mạn sen, ưa ăn bánh cuốn, phở, bánh tôm chiên, bánh cốm, bánh xu xê... Nhìn thằng rể Bắc kỳ ăn thử một múi sầu riêng mà nhợn tới nhợn lui, cô Hai Phụng Cơ thông cảm:

— Cũng có nhiều người Nam không ăn được sầu riêng vì họ chê hôi, để má gọt xoài cát, đu đủ cho con ăn.

Tía má chàng rể Bắc kỳ vốn hấp thụ nho phong nên cư xử đứng đắn, ăn nói mực thước khiến trước mặt họ, cô Hai Phụng Cơ cảm thấy mình quê mùa kém cỏi. Dù họ không có chỗ nào đáng chê trách,

nhưng cô vẫn kiếm chuyện để hạ họ xuống ngang hàng thì cô mới bằng bụng. Bởi đó, trong bức thư gửi cho vợ chồng Hai Tường, cô viết: "Ông xuôi bà xuôi của tụi em mặt mày chim bìm. Xời ơi, theo người Nam mình, xuôi gia gọi nhau bằng anh chị. Đàng này họ gọi tụi em bằng ông bà. Xí, cái thứ trôi sông lạc chợ vô tới quê người mà không chịu nhập giang tùy tục, cứ ăn nói kiểu cách, nghi lễ rườm rà thấy phát ghét!"

Con Phụng Kiều tuy được làm kỹ sư phu nhơn nhưng cô Hai Phụng Cơ coi con gái mình như Chiêu Quân cống Hồ. Cô chỉ còn cậy trông vô sự hiểu biết của hai đứa trẻ. Nhưng mà ông bà ông vải ơi, trái tim con người vốn đại dột. Nghe con Phụng Các mở miệng ra là khoe dân Nam mình thế này, dân Nam mình thế nọ, ai có dè nó lên Sài gòn gặp một thằng Bình Định là lậm liền. Nó ỏn ẻn khoe với con Phụng Song:

— Ảnh sanh trưởng tại làng Tây Sơn, quê hương của vua Quang Trung Nguyễn Huệ đó đó. Ảnh còn biết võ nữa. Em còn nhớ câu: "Ai về Bình Định mà coi, Đờn bà cũng biết múa roi đi quờn" không?

Cô Hai Phụng Cơ sẵn lòng chiêm ngưỡng vua Quang Trung cùng chiến công hiển hách của vị anh hùng ấy. Cô cũng rất ái mộ văn tài của nhà văn Võ Phiến. Nhưng nếu hoàng đế Quang Trung có tái sanh, ông Võ Phiến có chưa vợ mà đi hỏi con Phụng Các, chắc cô cũng hoang mang lắm. Làm sao cô ưa nổi cái quê hương nghèo nàn cùng cách phát âm bù chả bù chệt của một vùng trên dải đất Trung kỳ?

Phụng Các và gã sinh viên Bình Định kia vừa tốt nghiệp xong thì được bổ đi dạy ở Bình Dương. Có thêm thằng rể không phải là dân Nam kỳ quốc, lại chỉ là nhà mô phạm lương ba cọc ba đồng, cô Hai Phụng Cơ bắt mẩn ra mặt.

Trong chiến tranh, vùng kiểm soát của phe quốc gia sau chiến dịch Phụng Hoàng càng lúc càng thu hẹp. Cô Hai Phụng Cơ hết mong

định sầu

dang tay

đỡ cánh hoa rơi

lỡ chân đạp vỡ

cõi đời

tịnh yên

thôi về

nằm duỗi bên hiên

ngờ đầu chót vót

ngồi trên

định sầu.

hồ ông

lập vườn ở ven đô hay các vùng phụ cận tỉnh Vĩnh Long vì vùng nào cũng có đánh nhau, có lộn xộn. Tuy bị cuốn theo mệnh nước nổi trôi, cô Hai Phụng Cơ vẫn hy vọng mong manh, hy vọng vô căn cứ. Nhiều đêm nhớ về U Minh Thượng, cô trần trọc với nỗi u hoài khó hiểu trong khi chồng cô, Ba Thoại, ngủ ngáy pheo pheo bên cạnh. Từ lâu sống ở đô thị, tiếp xúc với thị dân miền Nam, với người Bắc trung lưu, nghe cách phát âm ráo rề của người Sài Gòn, giọng nói bén ngót sắc sảo của người miền Bắc, đôi lúc cô Hai Phụng Cơ nhớ tha thiết giọng nói quê mùa đả đót của dân Hậu Giang. Họ không phát âm đúng được những tiếng khởi đầu bằng chữ r và bằng chữ kh. Ôi làm sao cô quên câu "*con cá gô bỏ vô gổ nhẩy gột ghệt*" và câu "*phía phía ăn phai cho phẻ*" của các anh nông dân, của các chị thương hồ? Vậy mà khi ra đồng làm ruộng hoặc lúc chèo ghe nơi sông rộng, họ "mùi" sáu câu vọng cổ, vần và chữ được phát âm trúng phóc, nghe giống Út Trà Ôn, Hữu Phước thật kinh. Ôi Hậu Giang! Ôi quê xưa xa lắc! Có nhiều lúc cô tưởng chừng nó lọt ra ngoài giấc mộng qui khứ lai từ của cô khiến cô đau thắt ruột gan.

*
* *

Sau 30.4.75, đưa con trai lớn của cô Hai Phụng Cơ đi học tập năm năm rồi được thả về sống nhờ tiền cấp dưỡng của thằng cháu đích tôn cô gửi về. Thằng thứ nhì nhờ vợ có quốc tịch Pháp nên được qua Pháp theo chính sách hồi hương. Con Phụng Song nhờ làm chiêu đãi viên hàng không nên bay qua đảo Guam trước ngày 30.4.75. Vợ chồng con Phụng Kiều liều thân vượt biển, trên chuyến hải hành phải thủy táng thằng con bốn tuổi vì thiếu nước. Sau đó gia đình nó định cư bên Úc. Vợ chồng con Phụng Các may mắn vượt biên êm xuôi qua Nam Dương rồi lập nghiệp ở Hoa kỳ. Con Phụng Song làm giấy tờ bảo lãnh cho cha mẹ qua Mỹ. Ba Thoại đã bắt đầu lần thẩn, ư moi đồng

rác lượm chai lọ, đồ phế thải chất đầy góc nhà. Còn cô Hai Phụng Cơ mạnh dạn mở tiệm bán sách báo, kèm thêm bánh mì nên sống rất vững.

Phụng Song làm quen được một chàng bác sĩ, dắt về nhà giới thiệu với cha mẹ:

— Nam kỳ chánh cống đó ba má.

Cô Hai Phụng Cơ bằng bụng lắm, lòng phơi phới. Chàng rể này chào đời ở Ô Môn thuộc Cần Thơ. Chàng có kiến thức sâu rộng về miền phù sa sông Cửu. Cô Hai Phụng Cơ có nhiều dịp kể cho chàng ta nghe về quê hương của chồng mình. Từ đó chàng lần la tới nhà cha mẹ vợ tương lai, chàng khuyến khích Ba Thoại viết hồi ký cho nên chồng cô có việc làm để giải trí. Cô Hai Phụng Cơ tưởng như ông trời vừa lì xì cho mình một đứa con mới, hồn quê lúc nào cũng sáng vằng vặc như bóng trăng rằm trong tâm tưởng. Cô gọi điện thoại qua Washington DC để báo tin cho anh chồng chị dâu, giọng háo hức:

— Anh chị ơi, con út của em tìm được thằng thầy thuốc gốc gác Nam kỳ để trao thân gửi phận rồi. Nam kỳ muôn năm!

Cô gọi điện thoại qua Pháp để báo tin cho đứa con trai thứ bằng giọng đắc thắng:

— Con Phụng Song em con từ bấy lâu nay bùng nổ may đi nửa vòng trái đất mới tìm được một chàng đồng tương Nam kỳ. Con nên mừng cho em con!

Cô gọi cho Phụng Các ở Texas, cho Phụng Kiều ở Sydney, khoe bằng giọng sôi nổi nồng nàn:

— Chèn ơi, Phật Trời nhận lời cầu xin của má nên mới lì xì cho má thằng rể bác sĩ sản sanh ở Ô Môn, tâm hồn mát rượi như dòng sông Bassac. Ai dè con Phụng Song có phước phận dương ấy. Biết đâu nay mai cộng sản bị tiêu diệt, nó sẽ về làm dâu đất Ô Môn. Từ Ô Môn đi U Minh Thượng bằng đò máy chỉ chừng một ngày là cùng.

Những khi chàng rể Nam kỳ tới chơi, cô đãi hết bánh tằm bì chan nước cốt dừa tới món suông, chạo

tôm, gỏi gà... Cô mua tôm động lạnh bọc cỡ cuờm tay để làm tôm bún, cô mua cá hồi để tẩm cá lóc làm bún nước lèo...

Cha mẹ chàng rể tương lai ở chung với người anh kế chàng ta tận tiểu bang Ohio. Cô Hai Phụng Cơ kéo nài để được gặp ông bà suôi cho biết. Chàng rể cứ ừ ừ cầm chừng, thái độ không mấy sốt sắng.

Thế rồi một hôm, Phụng Song mặt mày chù ụ, tiết lộ với má:

— Má à, ảnh thú thiệt với con rồi. Ba má ảnh là Bắc kỳ. Ba ảnh vốn là nhơn viên nhà dây thép vô Nam năm 1935. Thuở đó, lưu dân Bắc kỳ chỉ có mấy ông làm việc nhà dây thép và dân cạo mủ cao su. Má ảnh vô Nam một lượt với chồng. Bởi ảnh biết con kén chồng gốc Nam kỳ nên ảnh giấu giếm cội nguồn của ảnh. Mà cũng bởi sanh trong Nam nên ảnh nói tiếng Nam, ăn giá sống, húp nước dừa ròn rột không kém chi người Nam hết, do đó con mới lầm. Nhưng mà con thương ảnh lắm, xa ảnh chắc con chết...

Cô Hai Phụng Song hơi cau mày. Thiệt ra cô đã bớt kỳ thị Bắc Nam từ lâu. Cô chỉ muốn có chàng rể Nam kỳ để huấn luyện lũ cháu ngoại cô yêu miền Nam sâu sắc đậm đà hơn, vậy thôi. Thôi, duyên nợ biết sao mà lường được! Số các con gái cô là số gặp duyên thiên lý, cô làm sao cưỡng lại ý trời? Vả lại mẹ nào mà nỡ ngăn cản nhơn duyên tốt lành của con? Cho nên, cô Hai Phụng Cơ sau phút do dự, hăng hái bảo:

— Ôi, chánh quán mà nhầm nhò chi con! Chỉ có sanh quán là đáng kể! Như thằng đây, sanh ở Ô Môn, học trung học Cần Thơ, đại học ở Sài Gòn. Từ nhỏ tới lớn nó hít thở không khí miền Nam, uống nước sông miền Nam, ăn cơm gạo, bột bún cùng con cá lá rau miền Nam, như vậy nó là người miền Nam rồi. Đứa nào dám lờ nó về phe người Bắc là phải bước qua xác chết của mẹ vợ Ba Thoại này. Thôi thì má cũng đành hô "Bắc kỳ muôn năm" cho nó gọn!



Tha Hương

Ngô Du Trung

Sơn dừng xe lại nơi một trạm xe buýt. Người khách già đứng bên lề đường chậm chạp ngược mắt nhìn lên tấm bảng ghi số và tên lộ trình chạy bằng điện tử ngay phía trên cửa ra vào đang chớp tắt thay đổi liên tục bằng đôi mắt hoang mang ngơ ngác. Một lát, người khách già cúi xuống, lần từng bước thận trọng bước lên xe. Sơn lặng lẽ ngồi chờ. Bàn tay người khách run run, sờ soạng, lần mò trên thanh sắt tròn dọc theo lối vào. Lần hết ba bậc cấp, đứng hẳn trong xe rồi người khách bắt đầu cho tay vào túi áo lục tìm vật gì đó.

Sơn cất tiếng chào:

— Chào cụ.

— Hả?

Người khách già giật mình sửng sốt, bàn tay dừng lại nơi mép túi, ngược mắt nhìn Sơn dò xét. Sơn cười, lặp lại:

— Chào cụ.

Người khách ngập ngừng:

— Ông là người Việt Nam?

— Vâng, thưa cụ. Cháu là người Việt Nam.

Nét mặt người khách lộ vẻ vui mừng. Ông lão cất giọng vừa xúc

động vừa ngạc nhiên:

— Thật may quá, quý quá! Ở đây cũng có người Việt Nam lái xe hở ông?

Sơn đáp:

— Dạ có, thưa cụ.

Người khách vẫn chưa hết ngạc nhiên và xúc động, đứng xớ rớ, miệng cứ lẩm bẩm lặp đi lặp lại mấy tiếng: may quá, may quá! Sơn hỏi:

— Cụ xuống phố phải không ạ?

Như sức nhớ ra, ông cụ vội vàng cho tay vào túi áo vừa lục tìm vừa nói với Sơn:

— Thật may quá! Tôi cứ ngại đi lạc. Tôi già rồi mà tiếng Tây tiếng u không biết. Con gái tôi có viết cho mấy chữ để đưa cho tài xế, không biết tôi bỏ vào túi nào, lại còn cái vé xe...

Sơn cười:

— Thôi cụ không cần phải tìm nữa. Mời cụ ngồi xuống đây.

Sơn chỉ tay vào băng ghế cạnh tài xế, tiếp:

— Cụ ngồi gần đây nói chuyện cho vui.

Người khách già nhìn quanh trong xe rồi ngồi xuống băng ghế Sơn chỉ:

— Sao vắng khách thế này? Tôi

ngồi đây được hả ông? Con gái tôi dặn chỗ này dành cho người già và người tàn tật.

Sơn đáp dịu dàng:

— Dạ được, cụ cứ ngồi. Cụ cũng là người già, không phải vậy sao?

Cụ già mỉm cười, nụ cười hom hem ngượng ngập:

— Tôi đi xe buýt đây là lần đầu, ngại quá, cái gì cũng ngại!

Đợi người khách ngồi xuống xong, Sơn cho xe tách ra khỏi lề đường, nhập vào dòng xe cộ nhộn nhịp rồi trả lời tiếp câu hỏi của ông cụ:

— Hôm nay cụ là người khách đầu tiên của cháu. Chốc nữa sẽ có thêm nhưng không đông lắm đâu. Buổi sáng còn có khách, chứ trưa có hôm cháu chỉ chạy xe không.

Ông cụ ngạc nhiên:

— Thế à? Rồi làm sao đủ sống?

Sơn cười, giải thích:

— Đây là hãng xe buýt công cộng, cháu chỉ lái xe ăn lương giờ. Dân chúng đi làm đóng thuế cho chính phủ thì chính phủ phải lo. Dù có người đi hay không cũng phải có xe chạy, nếu không họ thừa gởi, khiếu nại lung tung, phiền phức lắm.

— Ông chạy cả ngày à?

— Thưa cụ không. Cháu chỉ lái vài chuyến buổi sáng rồi về nghỉ giao cho người khác thế, chiều lại chạy vài chuyến nữa.

Ông cụ chép miệng:

— Tốn kém nhỉ! Xe to lớn đẹp đẽ thế này mua phải bốn tiền, rồi xăng nhớt, sửa chữa, bảo trì mà chỉ để chở dăm ba người khách! Xe này mà ở Việt Nam thì phải biết.

Sơn tò mò:

— Cụ mới từ Việt Nam sang?

— Vợ chồng đưa con gái tôi bảo lãnh tôi sang đây được sáu tháng nay. Ở nhà buồn quá ông ạ. Hai vợ chồng chúng nó đi làm, mấy đứa cháu đi học. Nhà vắng tanh vắng ngắt, tôi hết đi ra rồi đi vào, không biết làm gì cho hết ngày. Xem ti-vi không được, nghe nhạc không được, đọc sách một lát là mỏi mắt. Hàng xóm thì toàn là Mỹ. Mong cho lũ con cháu về để mình nói

chuyện cho vui mà lũ trẻ về đến nhà là nói toàn tiếng Mỹ. Tôi bảo chúng nói tiếng Việt thì chúng cũng rần cho tôi vui lòng nhưng thực ra tôi nghe cái món tiếng Việt của chúng cũng chẳng khác gì tiếng ngoại quốc, chỉ hiểu đại khái. Còn bố mẹ chúng về đến nhà là mệt phờ, ăn uống qua loa, hỏi han dăm ba câu lấy lệ rồi lăn ra ngủ để mai còn đi làm tiếp. Buồn thì có buồn nhưng đâu có thể bắt chúng ngồi nghe mình nói mãi được. Với lại có chuyện gì quan trọng đâu ông. Tôi già rồi, nói toàn những chuyện lảm cẩm, chúng nghe chắc chán lắm.

Sơn an ủi:

— Cháu hiểu tình cảnh các cụ già bên này. Bố mẹ cháu cũng vậy. Hai cụ buồn quá cứ đòi về Việt Nam hoài. Cháu thật khó nghĩ. Đời sống bên này nó vậy cụ ạ.

— Nghĩ cũng tội cho chúng nó. Vợ chồng nó thấy tôi buồn mới ghi tên tôi vào hội bỏ lão già đó, chỉ tôi đường đi xe buýt để ngày ngày tôi xuống gặp mấy cụ đồng hương nói chuyện cho vui. Nó bảo dưới đó người ta dạy tiếng Mỹ nữa. Nó nói bố cố học ít tiếng Mỹ. Chà, tôi già từng tuổi này, học tiếng Mỹ để làm cái gì? Mà giá như có học được thì biết nói với họ cái gì? Họ khác, mình khác, cái gì cũng khác, phải không ông?

— Dạ cụ nói đúng. Phong tục tập quán của họ khác xa mình.

— Tôi mới qua không biết nhiều như các ông, nhưng tôi thấy cái gì cũng kỳ cục. Tên họ thì đối xuôi đối ngược. Xóm làng gì mà nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm suốt ngày. Hàng xóm láng giềng với nhau mà cả tháng không thấy mặt nhau, không nói với nhau lời nào. Ai đời con cái đi kiện cha mẹ vì cái tủ lạnh, học trò thừa thầy giáo vì nghịch bị thầy đét vào đít. Hừm, người mình nói nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò, trẻ con ở đâu thì cũng phá như giặc, không đét vào đít thì làm sao chúng nên người được, phải không ông?

Sơn gật gù khen ông cụ:

— Cụ mới qua mà đã biết nhiều rồi. Thực ra họ có cái sai mà cũng

có cái đúng. Tỉ như chuyện đánh con nít. Cụ dạy rất đúng, con nít thì phải bị đòn chút ít mới nên người được, nhưng ở đây có nhiều người đánh con nít như đánh kẻ thù. Thiếu gì trường hợp cha mẹ bỏ bê con cái, hành hạ con cái cho đến chết, thành ra luật là để ngăn ngừa những chuyện đó.

Cụ già chép miệng:

— Càng nhiều luật càng phiền. Mà luật nào đặt ra cho hết mọi chuyện ở đời. Ông nghĩ coi...

Sơn ép xe vào lề đường rồi dừng lại. Hai cô cậu học sinh đang đứng ôm nhau vội vàng buông ra rồi lục tục lên xe. Cả hai vừa đi vừa nhún nhảy kéo nhau đến ngồi ở dãy ghế cuối cùng. Chiếc xe lại tiếp tục lăn bánh. Cụ già trở lại câu chuyện bị gián đoạn:

— Đó, ông thấy chưa? Có luật nào cấm trẻ con mười ba mười bốn tuổi ôm nhau ngoài đường, trên xe đâu! — Ông cụ vừa nói vừa liếc chừng về phía sau như sợ hai cô cậu nhỏ hiểu được điều mình nói — Mà chuyện đó cũng nên đặt luật để cấm đấy.

Sơn cười lớn làm hai cô cậu đang ôm nhau nơi cuối xe vội vàng buông ra:

— Cụ ơi, cụ mà xúi người ta làm luật cấm bọn trẻ ôm nhau là sẽ có loạn lớn đó.

— Thì tôi nói vậy thôi chứ sức nào mà cấm.

Sơn lại dừng xe đón khách. Hai người đàn bà da đen to cồng kềnh ịch ạch nhấc từng bước trên các bậc cấp. Chiếc xe buýt rung lên, lắc lư theo từng bước chân của họ. Cụ già co hai chân lại, cố thu mình nhường lối như sợ mấy khối thịt khổng lồ đó sẽ bắt thần đè phủ lấy mình. Cụ ngược mắt tò mò, ngạc nhiên nhìn theo hai người đàn bà đang ịch ịch đi dần về giữa xe rồi chật vật gieo mình xuống chiếc ghế nhỏ hẹp. Cụ lắc đầu nói với Sơn:

— Người đâu mà béo tốt quá!

Sơn vừa cho xe chạy vừa nói với ông cụ:

— Béo chứ không tốt đâu cụ ạ. Chỉ tốn tiền đai-ét.

Ông cụ nhú mày:

— Đai-ét là cái gì, ông?

— Dạ, đai-ét là ăn kiêng. Họ phải nhịn ăn hoặc ăn những thức ăn dành riêng cho người mập để tiêu bớt mỡ, xuống bớt cân. Mập quá cũng không tốt đâu cụ ạ.

Ông cụ tự nhiên im lặng. Ông ngồi thẳng lưng, hai tay đặt ngay ngắn trên đùi, những ngón tay gầy thỉnh thoảng gõ nhịp thông thả như đang đếm từng ý nghĩ trong đầu. Ông cụ nhìn ra ngoài cửa xe. Nhà cửa cây cối chạy lùi về phía sau làm ông cảm thấy chóng mặt. Ông lại quay vào trong. Người đàn bà da đen lúc nãy đang ngủ gà ngủ gật, khuôn mặt mập tròn đè xuống cái cổ ngắn làm vồng lên những gân thịt nung núc. Không nghe ông cụ nói gì, Sơn tưởng ông cụ đã chán chuyện. Nhưng xe chạy được một quãng, ông cụ lại lên tiếng:

— Nghĩ cũng thật bất công ông nhỉ. Bên Việt Nam không có mà ăn, bên này lại phải kiêng ăn.

Sơn gọi chuyện:

— Nghe nói bên nhà bây giờ dễ thở hơn trước nhiều phải không cụ?

Ông cụ lắc đầu chậm chạp:

— Có dễ thở gì đâu ông! Ai cũng sắp tắt thở tới nơi nên nhà nước sợ, nới chút xíu cho khỏi sinh loạn, rồi ở ngoài người ta la ầm lên là có sửa đổi, có cải cách, như vậy là dễ thở rồi! Chà, Cộng sản mà để cho dân dễ thở thì đâu phải là Cộng sản nữa!

Ông cụ ngừng lại, đôi mắt ngó mông về phía trước. Sơn cũng không tiện nói gì, chỉ im lặng lái xe. Một lát ông cụ quay sang Sơn, giọng tâm sự:

— Tôi đã sống qua bao nhiêu thời rồi. Từ thời Bảo Đại, thời Pháp, đến thời Quốc gia rồi thời Cộng sản, tôi chưa thấy thời nào mà dân mình khổ sở, khổ nạn như cái thời Cộng sản này. Đàn bà con gái bán thân chỉ vì một lon gạo. Giành giật, chém giết, lừa đảo nhau chỉ vì một lon gạo. Đạo đức, lễ nghĩa suy đồi, xuống dốc thê thảm. Cô giáo vừa dạy học vừa bán quà

cho học trò ngay trong lớp. Thầy giáo bỏ dạy đi chạy chợ trời, đi đập xích lô. Ông nghĩ coi, có thời nào mà thầy cô phải bầm bụng đi làm những việc như vậy? Là bởi vì đói quá mà! Trẻ con phải bỏ học đi nhặt bao ni-lông. Người người, từ già tới trẻ đều phải xoay đủ cách mà cái ăn vẫn không có. Ông có học, có đọc sách đọc sử chắc biết cái thời bọn Tàu đô hộ nước mình, bắt dân mình lên núi tìm ngà voi, xuống biển mò ngọc trai đem dâng cho chúng. Tôi nghĩ tổ tiên mình hồi đó có khổ chắc cũng chỉ khổ như dân mình bây giờ chứ không hơn. Ngày nay người dân cũng phải lên non xuống biển tìm vàng, chứ không phải ngà voi, để nộp cho nhà nước.

Sơn quay sang nhìn ông cụ, kêu lên:

— Có vậy hả cụ?

Ông cụ thở dài chép miệng:

— Chà, thực ra thì nhà nước không bắt dân đi tìm vàng như bọn Tàu đô hộ nước ta ngày xưa. Nhà nước Cộng sản là nhà nước của nhân dân mà, đâu có làm những chuyện bóc lột như vậy! Nhưng nhà nước để dân đói quá thì dân phải tính, mà ở thành phố, đồng bằng còn gì nữa để tính? Từng đồng rác cũng đã bị bó nát ra rồi, nên phải lên núi đào xới may ra được chút gì chẳng. Rồi nó thành ra cái dịch đi tìm vàng, đi đãi vàng là vậy.

Sơn tò mò:

— Có đào được vàng không cụ?

Ông cụ lắc đầu:

— Thú thực tôi không rõ, nhưng từ khi có phong trào tìm vàng thì nhà nước nhảy vào. Nhà nước chia lô từng khu rừng ra bán lại cho dân khai thác. Dân chúng đào xới, đãi lọc không biết có ra được tí vàng nào không mà người thì chết vì đói khát, vì sốt rét bệnh tật; người thì chết vì sục hầm sục hố, vì tranh giành cướp bóc. Còn nhà nước thì tự nhiên ngồi không có được khối tiền. Nhà nước Cộng sản sáng suốt anh minh hơn bọn Tàu phong kiến là vậy.

Giọng ông cụ đều đều, trầm trầm mà buồn quá, chua xót quá. Bất

chợt Sơn quay sang. Ông cụ đang cúi xuống nhìn vào những ngón tay đặt trên đùi, thế ngồi từ lúc lên xe đến giờ vẫn không thay đổi. Những sợi tóc bạc lưa thưa phủ xuống cái trán rộng đầy những nếp nhăn.

— Tôi ở với họ mười mấy năm, thấy bao nhiêu cảnh khổ, đau lòng, kể không biết bao giờ mới hết. Các ông may mắn đi trước, không tưởng tượng ra được hết đâu...

— Sao cụ không qua sớm hơn?

— Tôi già rồi, sống nay chết mai, không muốn sang xứ lạ sống lơ lảo những ngày cuối đời. Vả lại, tôi cũng không có nhu cầu gì nhiều. Hàng năm con cái tôi ở bên này gửi về chút ít tiền đủ cho hai vợ chồng tôi sống qua ngày, không phải làm lụng vất vả như những người khác. Nhưng từ hồi bà nhà tôi mất đi, lũ nhỏ bên này thúc hối, nài nỉ quá, tôi đành phải sang cho chúng vui lòng. Vậy là tôi sống thêm một thời nữa, thời Tư bản đó ông ạ.

Sơn hỏi đùa:

— Cụ thấy Tư bản thế nào?

Ông cụ ngồi trầm ngâm không trả lời ngay. Những ngón tay gõ nhịp trên đùi, mắt nhìn thẳng về phía trước như đang suy nghĩ lung lăm. Mãi một lúc sau ông cụ mới cất tiếng chậm rãi:

— Tôi thấy đói quá thì sinh loạn mà no quá thì sinh tật. Đói khổ quá thì đạo lý không giữ được mà no đủ quá thì quên hết đạo lý. Chà, tôi nói không được rõ ràng mạch lạc. Tôi nhớ có ông nhà văn nào đó nói một câu đại khái thế này: Cộng sản đem vật chất ra để khống chế linh hồn; còn Tư bản đem vật chất ra để mua rẻ linh hồn. Lời đó tôi thấy chí lí ông ạ. Thành ra tôi nghĩ như thế này: ở bên nhà đói quá, khổ quá, quá mức chịu đựng thì đạo lý không giữ được là chuyện có thể thông cảm; nhưng bên này no đủ quá, sung sướng quá mà để người ta đem vật chất ra mua rẻ linh hồn thì thật là điều đáng trách.

Chiếc xe chạy quanh co trong khu vực dân cư đón thêm một số khách rồi trực chỉ xa lộ. Xe bắt đầu

chạy nhanh, gió lùa vào những khe hở kêu rít lên hoà với tiếng người nói chuyện trong xe ồn ào nên từ đó ông cụ ngồi im không nói thêm gì nữa. Ông cụ ngại phải lớn tiếng và cũng không muốn làm Sơn phân tâm khi lái xe trên hệ thống xa lộ đan nhau chằng chịt nhiều tầng nhiều lớp.

Mười lăm phút sau Sơn bỏ xa lộ rẽ vào con đường dẫn xuống phố. Hành khách bắt đầu xuống ở các trạm ngừng. Đến một ngã tư và cũng là trạm cuối, người khách duy nhất là ông cụ. Sơn dừng xe, quay sang nói với ông cụ:

— Cụ đi theo con đường này đến cái đèn đỏ kế tiếp rồi quẹo phải, căn nhà thứ ba bên phải là văn phòng hội bộ lão đó cụ.

Ông cụ chậm chạp đứng dậy, nhìn theo hướng Sơn chỉ:

— Tới rồi hả ông? Nhanh quá nhỉ! Hôm nay được nói chuyện với ông một bữa bằng tiếng Việt thật thú quá. Lâu lâu mới có dịp nói thành ra nói hơi nhiều, không phiền gì ông chứ?

Sơn vội vàng trả lời:

— Dạ không, cụ đừng ngại. Được hầu chuyện cụ, cháu học thêm nhiều điều bổ ích, cháu thích lắm.

Ông cụ đứng nấn ná chừng như không muốn rời xe, chừng như việc chia tay với người đồng hương gặp gỡ bất ngờ trên xe buýt làm ông cụ cảm động. Ông nói thêm vài lời cảm ơn rồi chậm rãi bước xuống xe. Đứng trên lề đường, ông quay lại nhìn Sơn lần nữa, cánh tay gầy đưa lên nửa chừng và gật đầu nhẹ nhàng:

— Thôi chào ông.

— Dạ, chào cụ.

Ông cụ quay lưng bước đi. Sơn ngồi yên nơi tay lái nhìn theo cái dáng người nhỏ nhắn, gầy yếu của ông cụ lạc lõng giữa đám người bản xứ to lớn kèn cang. Bước đi của ông cụ hơi xiêu, thỉnh thoảng dừng lại ngược mắt dò tìm với vẻ rụt rè, ngơ ngác. Bất chợt Sơn thấy lòng chùng xuống, buồn bã lạ thường.

xóm cũ

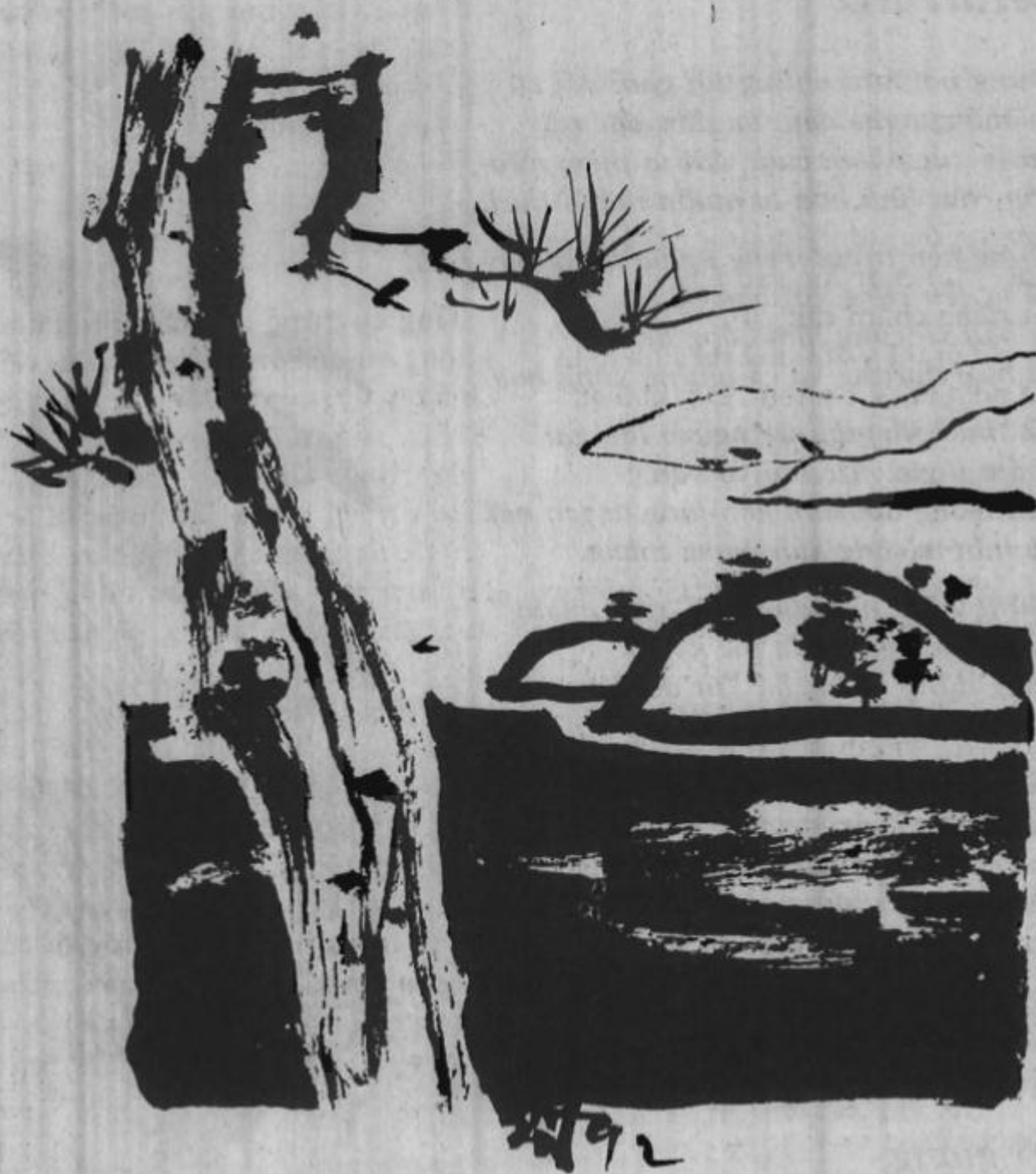
LTS.—Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về Một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cánh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sỏi chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Nhớ Về Đà-Lạt

Vi Sao



Nói đến Đà Lạt chắc hẳn mọi người đều biết, hoặc nghe tên hoặc đã có lần đặt chân đến miền đất cao nguyên sương mù này.

Đà Lạt là quê hương nhỏ bé của riêng tôi, nơi tôi được sinh ra và lớn lên, nơi vẫn được mệnh danh là trung tâm du lịch của Việt Nam mà một số du khách ngoại quốc gọi là "Petite Paris".

Đây là một thành phố xinh đẹp nằm trên vùng đồi núi thuộc cao nguyên Lâm Viên, cách thủ đô Sài Gòn 250km đường chim bay. Nhờ ở cao độ 1500m nên khí hậu lúc nào cũng dễ chịu, trung bình là 18 độ bách phân. Đà Lạt có hai mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Đôi lúc cũng có mưa đá. Sương mù hay xảy ra vào mùa mưa phủ trên các thung lũng một tấm áo trắng lạnh toát. Riêng trên bề mặt cao nguyên chỉ có một lớp mù mỏng làm cảnh vật càng trở nên diễm ảo.

Trước năm 1897, Đà Lạt vẫn còn là vùng đất xa lạ đối với nhiều người. Rừng núi hoang vu, quanh năm mây mù, lác đác dưới những thung lũng một vài thôn ấp nhỏ, mấy cụm chòi tranh lưa thưa, những nhà sàn thô sơ được bao quanh bởi những rừng thông xanh bát ngát cùng những đoá lan rừng hoang dại. Đó đây bày cà-tong nhàn nhã dạo chơi, bày nai lưng thững gặm cỏ bên con suối nhỏ róc rách nước trong veo... Ngày ấy, vùng đất này thuộc quyền cai trị của viên tù trưởng Thượng tên Yagut, thuộc chủng tộc Koho. Sau này để nhớ ơn người tù trưởng đã góp phần khai phá, dân chúng Đà Lạt đã lấy tên ông đặt cho một con đường (dinh thự của bà Ngô Đình Nhu tọa lạc trên con đường này).

Mùa thu năm 1897, một y sĩ Pháp, ông Yersin và người yêu là nữ hầu tước Luxembourg, lần đầu tiên đặt chân lên vùng đất này đã nhận thấy đây là nơi lý tưởng để khai hoang lập nghiệp. Ý nghĩ của y sĩ Yersin phù hợp với tham vọng của viên toàn quyền Pháp lúc bấy giờ là Paul Doumer. Ông này cho

thiết lập các cơ sở hành chánh, đài khí tượng, vườn ương cây..., đắp một con đường giao thông huyết mạch nối Đà Lạt với vùng hạ du qua đèo Ngoạn Mục (Bellevue) và một đường khác xuôi nam qua đèo Bảo Lộc, dẫn về Sài Gòn. Đà Lạt thời đó như một thiếu nữ dậy thì duyên dáng kiều sa đã thu hút mọi giới đổ xô đến lập nghiệp hoặc xây cất những dinh thự làm nơi nghỉ mát.

Về thắng cảnh, Đà Lạt có khá nhiều hồ: hồ Xuân Hương nằm ở trung tâm thị xã, hồ Mê Linh, hồ Than Thở cách thị xã 5km... với những rừng cây bạch tùng, ngô tùng và thông mọc san sát trên các con đường vòng uốn khúc, tạo cho toàn cảnh một vẻ nên thơ đặc biệt. Ngoài ra, do cấu tạo địa chất, các sông suối của Đà Lạt chảy qua nhiều loại đá khác nhau tạo nên nhiều ghềnh thác: thác Cam Ly rất đẹp, nguồn của sông Đồng Nai; đập Suối Vàng cách Đà Lạt 18km; thác Prenn, thác Liên Khương, thác Gugah hùng vĩ...

Đối với nhiều người, nhắc đến Đà Lạt là nhắc đến các loại rau, hoa ôn đới. Nhờ khí hậu ôn hoà, thành phố này có thật nhiều màu xanh. Màu xanh của những rừng thông già, của những đồi cỏ trùng trùng điệp điệp, hoà lẫn màu xanh của hồ nước, của trời tạo cho con người cảm giác thoải mái, gần gũi với thiên nhiên. Đà Lạt quy tụ rất nhiều kỳ hoa dị thảo. Tất cả các loại hoa hiếm quý của thế giới đều có thể trồng được ở Đà Lạt. Từ những khóm hoa nhỏ bé như violet, forget-me-not, penssée đến những loại anh đào Nhật bản... Chỉ riêng hoa hồng, Đà Lạt đã có mấy chục loại, khác nhau từ hương đến sắc khiến kẻ yêu hoa mê mẩn. Hoa lan có đến hàng ngàn thứ, từ những loại dễ trồng trong chậu như thổ lan đến những loại sống bám trên cây như phong lan mà hương và sắc vô cùng phong phú, chỉ có những tay sành lan mới có thể phân biệt được. Nhà văn Nhất Linh lúc sinh tiền đã biến khuôn viên của ông thành một vườn lan nổi tiếng vào

thập niên 50, 60.

Là một thành phố tân lập, ngoài những sắc dân thiểu số, cư dân Đà Lạt đến từ nhiều vùng đất nước nên giọng nói mang một âm hưởng đặc biệt vì pha trộn cả ba miền Bắc Trung Nam, nghe thật ngộ nghĩnh và ngọt ngào dễ thương. Đặc biệt là các thiếu nữ Đà Lạt có làn da thật mịn màng, đôi má lúc nào cũng hồng hồng làm rung động biết bao trái tim trai trẻ.

Sinh hoạt Đà Lạt bắt đầu từ tờ mờ sáng. Khi màn đêm còn bao phủ, người người còn nồng say giấc điệp thì tiếng chuông công phu chùa Linh Sơn đã ngân vang, thức tỉnh thế gian. Đây là ngôi chùa lớn nhất Đà Lạt, tọa lạc trên một ngọn đồi ở đường Phan Đình Phùng. Sau chùa là đồi chè bát ngát xanh

um, kế tháp chuông là trường trung học Bồ Đề. Giờ này, trên khắp các nẻo đường từ thành phố, những người sống bằng nghề trồng rau đang lũ lượt kéo nhau về sau phiên chợ khuya. Ai nấy gánh những quang gánh nhẹ tênh vì rau cải, bắp sú, cà rốt, mận, dâu... đã được bán cho bạn hàng tiểu thương đóng rau chở về các tỉnh. Vài chiếc xe ngựa nặng nhọc thồ những kiện rau cải lớn về chợ Đà Lạt. Tiếng móng ngựa gõ trên đường khuya hoà lẫn tiếng nói cười của những cô gái quê đi chợ sớm tạo thành một âm thanh ma quái trong sương khuya. Chợ đêm, một sinh hoạt rất đặc biệt của Đà Lạt, họp từ 1 giờ khuya, kéo dài đến khoảng 5 giờ sáng thì tan chợ.

Khi ánh dương ló dạng, những tia nắng đầu ngày chiếu xuyên làn

phần nộ

*Đừng nói nữa những lời gian dối cũ
ta chẳng nghe đâu, tai điếc đặc rồi
đừng xúc phạm cuộc đời ta thêm nữa
còn chút linh hồn ta muốn thanh thoi.*

*Đừng kèn trống trong nghĩa trang này nữa,
để ta yên cùng với bạn bè ta
ta hận vô cùng tấm bằng liệt sĩ
cả huy chương và cả những vòng hoa.*

*Ta thuở sống bị các người lừa gạt
ở âm ti giờ bực bội vô vàn
kèn trống om sòm làm lòng ta tan nát
và hồn ta càng hận mang mang.*

*Đừng nhắc nữa danh từ "cách mạng"
bị bôi đen gần nửa thế kỷ rồi
cũng đừng nhắc chữ "tự do dân chủ"
bởi miệng các người giờ quá tanh hôi.*

*Thê thảm quá, ôi sao vàng năm cánh
Sĩ-nông-công-thương-bình tất cả đã rời
máu dân tộc phải đâu là nước lạnh
để các người đùa giỡn vui chơi?*

*Nếu trả được bạn bè ta xương máu cũ
đã trải đầy trên khắp nẻo Việt Nam
và trả được đồng bào ta cuộc đời no đủ
không trống kèn hồn ta vẫn hân hoan.*

tô giang



sương mù trông như những hào quang của phép lạ, làm lóng lánh những hạt sương đêm còn đọng trên búp hoa, trên tàu lá và trên những thảm cỏ nhung xanh biếc... thì lác đác trên các nẻo đường từ buôn làng dẫn vào thành phố, vài nhóm người Thượng thuộc chủng tộc Koho đi hàng một, thành từng nhóm nhỏ. Người nào cũng đen đúa, phần đông đi chân đất, có người còn đóng khố, vai vác chà gạc, lưng đeo gùi đựng đầy những khúc củi ngo dùng để nhóm bếp hay những giỏ lan rừng đem ra chợ để đổi lấy gạo, muối.

Đêm Đà Lạt với màn sương giăng giăng một màu lam tím nhạt, ánh đèn đường vàng vọt yếu ớt chiếu không lọt qua màn sương tạo thành một thứ ánh sáng mờ ảo huyền hoặc như từ một thế giới nào không thực. Những cơn gió từ mặt hồ Xuân Hương gây gây lạnh khiến ta thêm không khí ẩm cúng và giọng nhạc trữ tình của cà-phê Tùng với hương vị cà phê thật đặc biệt, đậm đà ấm áp, uống một lần là nhớ mãi. Người ta đồn cà phê Tùng có pha hạt cau nên hương vị khác những cà phê quán khác. Điều này không biết thực hư thế nào nhưng tất cả dân Đà Lạt đều kháo nhau như thế. Nếu thích không khí bập bùng quyến rũ với ly cà phê pha rhum thì bạn nên đến cà phê Vui của mình tinh màn bạc Kim Vui. Sau đó nếu còn hứng, bạn cùng tôi từng bước từng bước thăm, tay trong túi *manteau*, nhẩn nha dạo phố.

Đi một lúc mỗi chân khát nước thì đây, mời bạn ghé lẽ đường Minh Mạng uống một ly sữa đậu nành nóng hổi thơm phức mùi lá dứa mà bạn đã ngửi thấy từ xa trên đầu ngọn gió. Bạn cũng nên mua trái bắp nướng nóng hổi của người bán rong bên vỉa hè, vừa đi vừa lấy từng hạt bỏ vào miệng, vị ngọt ngào và dẻo quánh của từng hạt bắp mới hái ngon mộc mạc mà đậm thắm như tình quê hương. Bạn cũng đừng quên ông già bán đậu phụng rang của Đà Lạt. Ông này có biệt tài

rang đậu phụng thật khéo, thật giòn, thật nóng mà lớp vỏ nâu nâu vẫn còn nguyên. Một đặc điểm khác là trông ông rất nghệ sĩ, điển trai kiểu tài tử gánh xiếc, lúc nào cũng đóng bộ quần áo của ông bầu đoàn xiếc, chiếc nơ không khi nào thiếu trên cổ và nụ cười không khi nào vắng trên môi. Ông thường đeo thùng đậu phụng rang trước bụng bán trong các rạp hát Ngọc Lan, Ngọc Hiệp và Hoà Bình, sau đó ông đeo thùng đậu phụng đằng sau xe đạp, rảo quanh khắp các phố chính, nơi nhiều du khách qua lại với tiếng rao khan khan đục đục: "Đậu phụng don don, đậu phụng don don đây...".

Đêm đã khuya, bụng đã đói, mời bạn ghé đường Trương Vĩnh Ký, sau lưng nhà hàng khách sạn Thủy Tiên. Nơi đây bạn tha hồ chọn món ăn: Một tô cháo lòng hay phở xào Bả Béo, miếng gà Thủy Tiên hay mì hoành thánh chú Ba, một bát chè trứng vịt hay chè chế-mà-phủ, chè kê... của cô Tàu trẻ dễ thương ngọt ngào không kém chi chè của cô ta... Những thức ăn bình dân ở đây cam đoan với bạn nấu không thua gì nhà hàng Chic Changai hoặc Sơn Nam, Nam Kinh...

Ngoài thắng cảnh, khí hậu, Đà Lạt còn nổi tiếng vì là nơi tọa lạc của trường Võ Bị Quốc Gia và đại học Chính Tranh Chính Trị, nơi đào tạo những thanh niên ưu tú của đất nước. Những ai từng dự lễ mãn khóa tại trường Võ Bị, chắc chắn không thể quên hình ảnh oai hùng của sinh viên thủ khoa lúc bắn bốn mũi tên đi bốn phương, tượng trưng cho chí tang bồng hồ thi; cũng như không thể quên được lễ Đeo Nhẫn và đêm Chiêu Hồn Tử Sĩ.

"*Lắng nghe chiều xuống thành phố mộng mơ, màu lam tím Đà Lạt sương phủ mờ, từng đôi đi trên phố vắng, bước chân em giữa không gian hoàng hôn của màn đêm...*" Bản nhạc gợi nhớ khôn nguôi đến Thanh Tuyền, người ca sĩ nổi tiếng của Đà Lạt mà tiếng hát vẫn còn réo rắt từ hải ngoại đến quốc nội. Rồi

Lệ Khánh với thi phẩm *Em là gái trời bắt xấu* giờ đang lưu lạc nơi đâu?... Hỡi những nữ sinh Bùi Thị Xuân, nam sinh Trần Hưng Đạo, các bạn Trí Đức, Văn Học, Việt Anh, Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux... giờ này các bạn đang ở đâu, có nhớ về Đà Lạt với bao nhiêu tiếc nuối như tôi? Rừng Ái Ân, hồ Than Thở, vườn Bích Câu... nơi hẹn hò của bao nam thanh nữ tú. Thung lũng Tình Yêu bên bờ hồ Đa Thiện với đường vòng Lâm Viên, cùng bạn bè thi đua đạp xe leo dốc nhà thờ dựng đứng. Rồi sân Cù, thác Cam Ly âm âm đổ, đèo Prenn với những bờ đá cheo leo phủ đầy hoa rừng vàng tím, đập Suối Vàng với làn nước lúc nào cũng óng ánh vàng, Giáo Hoàng học viện với thư viện đồ sộ lớn nhất Đông Nam Á, dòng tu Đông Các Cô (Don Bosco) mà chỉ toàn các thầy với tiếng thánh ca chiều nào cũng vang dội một góc Đà Lạt...

Giờ đây Đà Lạt đã nghìn trùng xa cách. Kể từ khi lọt vào tay cộng sản, Đà Lạt mất hẳn địa vị thành phố du lịch mà bị hạ xuống thành một thị trấn cao nguyên nhỏ bé. Những vườn hoa của những ngôi biệt thự giờ được thay thế bằng những luống lang và vài hàng rau húng rau răm trông thật tội nghiệp. Những ngôi nhà nguy nga, đẹp đẽ xưa kia nay trở thành những khu nhà tập thể, cán bộ nuôi heo, gà trong phòng ngủ, quần áo phơi la liệt trước ban-công, trên sân thượng... Tất cả mọi nẻo đường đã vắng bóng những chiếc áo dài tha thướt. Nhìn đâu cũng thấy cảnh tiêu điều tang thương.

Đến năm 1987, dù được nhà nước cộng sản cho tu bổ nâng cấp trở lại làm thành phố du lịch hầu thu hút ngoại tệ, biết bao giờ Đà Lạt mới lấy lại được phong độ xưa! Ước mong một ngày không xa, Việt Nam không còn cộng sản, chúng ta sẽ trở về xây dựng lại quê hương, biến Đà Lạt thành một thành phố nổi danh, ngang hàng với các thành phố du lịch nổi tiếng khác trên thế giới. ■

xóm mắng



Mẹ Con Sấu và Chiếc Răng Sâu

Ngô Nguyên Dũng

“Một hôm sấu mẹ bảo sấu con lên bờ tìm tới nha sĩ gấu xin một cái hẹn nhỏ răng. Sấu mẹ than:

— Cái răng sâu đã lâu năm, mỗi lần nhai là mỗi lần nhức thấu xương, nhỏ quách cho rồi.

Sấu con hỏi ngớ ngẩn:

— Vậy chứ mỗi lần mẹ ăn xong, há miệng cho mấy chị dòng dục tới mổ thịt trong lỗ răng sâu, không hết đau sao?

— Ôi trời, nhắc làm gì mấy cái tằm xỉa răng vô tích sự đó! Chúng nó háu ăn, mổ tía lia vào lỗ răng hư, càng làm mẹ đau hơn. Thôi đi đi, nhớ bảo nha sĩ gấu là mẹ bận lắm, tới là nhỏ ngay, không có chờ lâu như lần trám răng trước đâu đó!

Sấu con quấy đuôi, lạch bạch bò lên bờ, lủi vào bụi cây mất dạng. Còn lại mình sấu mẹ trong hồ nước sâu. Sấu mẹ lười linh thả trôi hóng nắng trên mặt nước êm ả.”

Cún 2 nghe mẹ đọc tới đó, rút ngón tay cái ra khỏi miệng, hỏi:

— Sấu nó ăn cái gì hở mẹ?

Mẹ ậm ừ, nhớ lại đoạn phim trong truyền hình chiếu cảnh sấu ăn tươi nuốt sống một con nai tơ, trông đáng thương quá chừng, nên nói dối:

— Sấu ăn chay con ạ!

Cún 2 thắc mắc:

— Tàu hũ chiên chấm với tương đen Lee Kum Kee ấy à?

— Không, ăn chay có nghĩa là không ăn thịt. Cá sấu chỉ ăn rong rêu và cỏ cây sống dưới nước mà thôi.

— Vậy mà cũng bị sâu răng sao?

— Sấu mẹ bị sâu răng vì làm biếng, buổi tối trước khi đi ngủ và sáng thức dậy không chịu đánh răng.

Cún 2 định hỏi, tại sao con đánh răng kỹ lắm mà cũng bị sâu ăn, nhưng sợ lâm vào cảnh như mẹ con cá sấu, bị bắt tới nha sĩ xin cái hẹn nhỏ răng, nên ngậm miệng thín thít. Hỏi anh Cún 1 thì anh ấy trả lời, vì

Cún 2 ưa ăn kẹo. Hỏi chị Kiki thì biết rằng, vì Cún 2 xí xọn mới ra nông nổi. Nghĩ lại, Cún 2 thấy chị Kiki có lý hơn vì mẹ với bố đâu có ăn kẹo nhiều mà vẫn bị hư răng. Thế nên Cún 2 quyết định từ rày về sau ít nói hơn, còn kẹo thì vẫn ăn thả cửa như trước.

Một sáng nọ thức dậy, Cún 2 bỗng cảm thấy triệu triệu trong miệng. Cu cậu lấy lưỡi rà qua lại thì cảm thấy có một cái răng lung lay. Rủi thay, không phải cái răng sâu đã làm Cún vật vã bao phen, mà là cái răng cửa. Cún 2 đưa hai tay lúc lắc chiếc răng sữa, thấy chỉ hơi tê tê, không đau lắm, hy vọng ngày mai sẽ... khỏi.

Buổi tối mẹ vào phòng đọc tiếp truyện *Mẹ con sấu và chiếc răng sâu* cho Cún nghe:

“Nha sĩ gấu lấy hai cái ruột xe đạp xin được của bác tiểu phu buộc chặt sấu mẹ vào giường tre. Khi ông bảo sấu mẹ há miệng ra, thấy hàm răng chom chẻm, ông lạnh người, bèn gọi nữ y tá chồn hôi lấy dây lát cột hai quai hàm mẹ vào hai cột giường cho chắc ăn. Sấu mẹ ứ ớ:

— Nhỏ có đau lắm không?

Nha sĩ gấu cười khì:

— Cam đoan không đau. Nếu đau, không trả tiền.

Nói xong, ông ta chui đầu vào miệng sấu mẹ xem xét:

— Ôi, lỗ răng sâu toang hoác như cái hang để thế này, nhỏ là phải. Chị chồn, đưa cho tôi lọ thuốc.

Nữ y tá chồn hôi xoắn xuýt chạy lại, chìa ra trước mặt ông lọ đựng một loại lá màu tím tím như tía tô. Nha sĩ gấu bốc vài nhánh, bỏ vào miệng nhai rau rầu. Xong, ông nhổ ra tay, rắc thêm một ít bột màu trắng, vè thành bánh rồi đắp chung quanh chiếc răng sâu của sấu mẹ. Trong khi chờ thuốc ngấm, nữ y tá chồn hôi sửa soạn y cụ nhỏ răng. Có kèm nhon, chìa ba, cưa sắt và xà-beng. Sấu mẹ rợn người, lấp bấp:

— Làm gì mà giống như phá tử sát thế này?

Nha sĩ gấu ôn tồn:

— Ấy, chúng tôi để phòng trường hợp nhỏ khó, thật ra tôi chỉ cần cái này.

Nói xong, ông giơ ra trước mặt sáu mẹ một sợi dây thừng dài chừng năm vòng tay. Sáu mẹ trở mặt không hiểu. Nha sĩ gấu tằm mỉm cười:

— Bà chờ xem!

Lát sau, thuốc ngấm, nha sĩ gấu và nữ y tá chồn hôi cặm cùi cột dây quanh chiếc răng sâu của sáu mẹ. Từ này giờ, sáu con đứng cạnh giường nhỏ răng, cứ thắc mắc không biết chú ngựa rừng đứng đấy làm gì mà mắt cứ lăm la lăm lét ngó chừng. Khi thấy nha sĩ gấu tới buộc đầu dây còn lại vào bụng chú ngựa rừng thì cả hai mẹ con sáu chợt hiểu ra. Chưa kịp phản ứng thì nha sĩ gấu đã vỗ tay cái bốp. Chú ngựa hí lên một tiếng xé trời, vụt bỏ chạy. Sáu mẹ ngoác miệng la lên một tiếng kinh hoàng. Dây nhợ cột quai hàm, cột thân sáu mẹ đứt phừng phụt. Bụi bay mù mịt. Sáu mẹ ngã phịch xuống đất, ngất đi...

Cún 2 nồn nao hỏi:

— Rồi sao, rồi sao nữa? Sáu mẹ có ngỏm củ tỏi không?

Mẹ lắc đầu, đọc tiếp:

— “Khi tỉnh dậy, sáu mẹ thấy mình nằm trên giường tre lót rơm êm ái. Bên cạnh, sáu con gục đầu khóc rầm rút. Trước tiên, sáu mẹ sờ thử chỗ răng hư. Thấy trống hốc, không đau lắm, chỉ hơi ê ẩm. Sáu mẹ yên tâm nghĩ bụng, màn nhỏ răng phải gọi là táo bạo nhưng có hiệu quả tốt. Sau khi vỗ về sáu con, trả công cho nha sĩ gấu mười con cá hương, mẹ con sáu dắt nhau ra về, không quên xin chiếc răng sâu làm kỷ niệm”.

Mẹ gấp sách lại. Cún 2 vẫn chưa ngủ, mắt lim dim, ngón tay cái ngậm trong miệng. Mẹ cúi xuống hôn lên trán Cún 2, chúc ngủ ngon. Trước khi rời phòng, mẹ bước tới giường Cún 1, kéo chăn thẳng thớm rồi tắt đèn khép cửa lại. Cún 2 mút tay “chụt, chụt” một lát rồi thiếp đi, quên cả cái răng lung lay sắp gãy.

* * *

Sáng thứ bảy, nhân lúc bố chở mẹ đi chợ, Cún 2 táo bạo đề nghị với Cún 1 và Kiki:

— Em có cái răng lung lay, tại mình đóng tuồng Mẹ con sáu và chiếc răng sâu nhé?

Cún 1 và Kiki bằng lòng ngay, vì giống như Cún 2, cả hai đều yêu câu chuyện thú vật ấy. Cún 2 phân vai:

— Em đóng vai sáu mẹ. Anh Cún 1 làm nha sĩ gấu. Chị Kiki làm ngựa.

Kiki phản đối:

— Chị yếu xiu, làm ngựa sao nổi?

— Không làm ngựa thì làm nữ y tá chồn hôi vậy.

Kiki trề môi:

— Không thích làm chồn hôi.

Cún 1 và Cún 2 cùng lên tiếng một lượt:

— Vậy muốn làm gì?

Kiki vênh mặt:

— Làm nha sĩ gấu.

Cún 1 nhún vai:

— Lúc nào cũng muốn đóng vai chính không hà, khôn vừa vừa thôi!

Kiki sừng sộ:

— Em có sức đâu mà làm ngựa, cũng đâu có hơi để đóng vai chồn. Không lẽ em đóng vai cá sáu bê-by, con của Cún 2 à, coi sao được!

Cún 1 quơ tay:

— Thôi, được rồi. Cún 2 có cái răng cửa phải nhổ, đóng vai sáu mẹ là đúng. Còn Kiki, anh cho làm “thằng” nha sĩ gấu đó. Gì cũng giành!

Cuối cùng, việc phân vai cũng xong. Kiki vào phòng mẹ, lấy cặp kính mát đeo lên mắt cho có vẻ trí thức, không quên mở hộp bàn thuốc cuộn chỉ may của mẹ bỏ vô túi. Thấy Kiki đeo kính mát, Cún 1 và Cún 2 ôm bụng cười bò. Cún 1 được dịp chỉ trích:

— Làm nha sĩ gấu chó bộ làm thầy bói sao mà đeo kính mát?

Kiki cãi:

— Tại không có kính cận nên đeo kính mát thay thế.

Cún 2 đề nghị:

— Thôi đừng đeo chị ạ, trông giống bà thầy bói mù ngoài chợ quá.

Kiki tên tò, tháo kính đem cất.

Khi màn kịch bắt đầu, Kiki bảo Cún 2 nằm xuống giường, há miệng ra. Kiki giả giọng ồm ồm, la lên:

— Ôi, hai hàm răng nhọn hoắt như răng cá mập thế này, phải cột lại, không thôi nó tấp mình đứt ngón tay.

Cún 2 giả bộ nhăn nhó:

— Nhỏ răng có đau lắm không, thưa nha sĩ?

Kiki cười ồ ồ:

— Hề hề, không đau không lấy tiền.

Cún 2 khều tay chị, nhắc:

— Sai rồi, chị phải nói như vậy: “Không đau đâu. Nếu đau, không lấy tiền!”

Cún 1 đóng vai ngựa, đứng giậm chân, cười hí hí. Kiki lặp lại câu nhắc tuồng của Cún 2, rồi trịnh trọng gọi lớn:

— Y tá chồn hôi đâu, đem kèm búa dao kéo ra đây!

Cún 2 trợn mắt sợ hãi:

— Làm gì mà giống như mỗ heo vậy nha sĩ?

— Ấy phòng hồ thôi mà, thật ra chỉ cần cái này.

Kiki rút cuộn chỉ trong túi ra dứ dứ vào mặt Cún 2. Từ này giờ, Cún 1 đóng vai ngựa, không làm gì cũng chán, thấy vậy vội vàng chạy lại xúm xít giúp Kiki quấn chỉ quanh chiếc răng lung lay của Cún 2, thắt gút lại. Cún 2 nuốt nước miếng một cái ực, run giọng hỏi lần nữa:

— Có đa...a...u lắm không, nha...a sĩ?

Kiki bung cuộn chỉ, lần dây cột hai vòng quanh bụng Cún 1, đáp:

— Đã bảo là không đau mà.

Bây giờ Cún 2 mới thấy mình đại dột, nhưng không dám bỏ cuộc, sợ bị chê là thỏ đế. Cún 2 chỉ còn cách nhắm mắt lại, chờ... xiu. Tại Cún 2 nghe tiếng vỗ “bốp” của Kiki, rồi tiếng ngựa hí rừng rợn của Cún 1. “Phụt” một cái. Cún 2 há hốc miệng ra, muốn ngất lắm mà không ngất được. Hai mắt mở to lăm lét. Cún và Kiki chạy lại, tranh nhau vạch miệng Cún 2 ra coi. Cái răng vẫn còn đó. Sợi chỉ đứt đâu mất tiêu.

Cún 2 lấy tay lúc lắc cái răng lì



lợm, cười như mếu:

— Nha sĩ gấu... cái nhổ răng dỏm quá à!

Kiki nhún vai hai ba cái liên tiếp, tỉnh bơ:

— Nhổ răng dỏm, không tính tiền.

Rồi rút rè hỏi:

— Cún dám để chị nhổ lần nữa không?

Cún 2 le lưỡi, bắt chước giọng người lớn:

— Một lần đủ tổn tới già.

Tối đó vào giường ngủ, Cún 2 mần mò sờ nắn mãi cái răng bé tí. Cún 2 nghĩ thầm, hay nó còn...

thương mình, không nỡ bỏ mình đi? Vậy mà, giữa đêm thức giấc, Cún 2 cảm thấy cộm cộm trong miệng, lura ra thì thấy cái răng cửa rụng hồi nào không hay. Nhớ lời mẹ kể, răng trên thì ném lên nóc nhà cho mèo tha, răng dưới thì quăng vào gầm giường cho chuột gặm, để răng mau mọc, Cún 2 xỏ dép, khoác áo đi ra cửa. Đầu óc ngái ngủ bỗng bình như người mộng du. Nhưng cửa đã khoá kín. Cún 2 cầm chiếc răng trở lại giường nằm, nghĩ ngợi lan man. Chợt Cún 2 cảm thấy hồn lảng lảng vu vơ, như vừa đánh mất một cái gì không rõ.

Ô Chữ Trung Thu

A	N	B	A	N	H	D	E	O	O
N	C	A	Y	D	A	A	N	V	M
H	A	N	G	N	G	A	A	I	D
A	N	H	A	U	N	G	H	E	E
N	H	N	O	I	L	A	O	T	N
C	H	U	C	U	O	I	O	-	L
O	X	O	M	M	A	N	G	N	O
D	E	N	K	E	O	Q	U	A	N
O	N	G	T	R	A	N	G	M	G

CHÚ CUỘI
CÂY ĐÀ
NÓI LÁO
ĂN HẶN
ÔNG TRĂNG
HẰNG NGÀ
HẬU NGHỆ

BÁNH NƯỚNG
BÁNH DÈO
ĐÈN LỒNG
ĐÈN KÉO QUÂN
CỔ ĐỒ
VIỆT NAM
XÓM MĂNG

TIỆN QUÁ!

Người bán hàng:

— Máy điện toán này sẽ làm giúp ông 50 phần trăm công việc.

Khách hàng xoa tay khoái chí:

— Ồ, tốt quá! Vậy ông bán cho tôi hai cái.

LÒNG NHÂN CỦA BÉ

Bé nói với mẹ:

— Mẹ ơi, cho con 50 xu để con tặng ông cụ đi mẹ!

Mẹ xoa đầu bé:

— Ồ, bé của mẹ có lòng thương người, giỏi quá! Mà ông cụ đó ở đâu vậy con?

— Dạ, ông cụ đang đứng bán kem ở góc đường đó mẹ!

NGƯỜI NÀO VIỆC NẤY

Hai người thợ đang làm việc trong công viên. Hễ người này đào xong một cái lỗ là người kia xúc đất lấp ngay. Một khách bộ hành thấy lạ, hỏi:

— Hai anh làm gì lạ vậy?

Một người giải thích:

— Thông thường thì chúng tôi có ba người, nhưng hôm nay người có phận sự đặt cái cây xuống lỗ bị bệnh phải nghỉ ở nhà..!

Ô CHỮ KỲ TRƯỚC

Đ	I	B	A	I	B	I	E	N
Đ	I	N	U	I	S	O	N	G
O	N	G	L	Y	V	U	A	A
N	G	H	I	H	E	T	A	M
B	O	I	C	O	Q	U	O	C
A	A	H	H	A	U	O	E	A
N	I	E	N	H	E	I	A	N
T	H	O	A	T	H	I	C	H
T	U	O	I	T	H	O	A	U

GIẢI-ĐÁP CÂU ĐỐ CHỮ KỲ TRƯỚC:

— Phần sơn tô điển sơn hà
Làm cho tổ mặt đàn bà nước Nam.

BÉ CƯỜI

RUỒI ĐỤC, RUỒI CÁI

Từng khoe với ba:

— Ba ơi, con đập được bảy con ruồi, ba con đục, bốn cái cái.

— Sao con biết con nào đục con nào cái?

— Dạ, vì ba con đậu trên ly bia, còn bốn con kia đậu trên tấm kiếng ở bàn trang điểm ba ạ!

xếp al capone IV



TRUYỆN DÀI
Trường Sơn
Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

Sáng hôm sau, ông chủ tiệm hoa ra đứng nhìn tác phẩm mới thấy phục thằng nào ra tay mà hay quá, đẹp quá! Đúng như lời O'Bannon nói, cửa tiệm chỉ cháy vừa đủ để hãng bảo hiểm phải bồi thường một trăm phần trăm, nhưng cũng không cháy quá để phải chi phí sửa chữa nặng. Ông chủ ôm O'Bannon nhắc bổng lên rồi hôn đến chụt một phát vào mặt. Ông mừng quá đến độ không hỏi xem nó muốn mình thưởng cho nó cái gì...

Chiều hôm đó có một người đến tiệm, đưa giấy giới thiệu là nhân viên hãng bảo hiểm, mặt mày rất xắc lảo, trích thượng thông báo cho mọi người biết là nó đến để kiểm tra. Vừa... đốt nhà xong, nghe nói đến hai chữ bảo hiểm là ông chủ vừa lo vừa mừng, quỳnh lên, niềm nở bắt tay. Đốt cả tiệm chỉ chờ

mong có giây phút quan trọng này nên ông quên khuấy mất một chuyện quan trọng khác là tiệm mới cháy tối hôm qua, ai thông báo hay mời mà nó tới? Theo thủ tục, sau khi khổ chủ đòi tiền bồi thường thì nhân viên bảo hiểm mới đến để điều tra. Riêng ông thì ông biết rõ, ông không mời nó đến sớm như vậy. Nhưng chẳng sao, như mọi người... "đốt tiệm của mình" khác trên cõi đời này, có ai nhìn thấy nhân viên bảo hiểm mà không co rúm người lại và không hề dám thắc mắc, chỉ chờ nó hỏi câu nào là trả lời câu đó. Vừa trả lời vừa nở một nụ cười rất đẹp, chỉ sợ làm phật ý nó, nó phết cho một chữ bậy bạ nào đó thì bỏ mẹ. Tội đốt nhà nhiều khi qua mặt cảnh sát được nhưng không qua nổi những thằng thẩm định thiệt hại của mấy hãng bảo hiểm.

Mà cái thằng hãng bảo hiểm này

tuy mặt mày xắc lảo nhưng ăn bận rất lịch sự, có thể nói là quá sang trọng với cái chức phỏng định thiệt hại của nhân viên bảo hiểm. Nhưng cách phục sức chưa làm ông chủ tiệm thắc mắc. Cái làm ông ngán nhất là sau cái vẻ xắc lảo, mặt mũi nó sao dữ tợn quá chừng. Cặp mắt nhìn đến đâu là chiếu lửa ra tới đó. Hai bàn tay nó lại to lớn quá khổ như xưa nay chỉ chuyên cầm búa chớ không phải cầm bút.

Ông chủ tiệm đưa người của hãng bảo hiểm đi quan sát khắp nơi. Nó lấy cuốn sổ ra cầm tay, vừa xem xét vừa chất vấn, giọng cộc cằn nhiều khi mất dậy như dân đầu đường xó chợ. Miệng hỏi tới đâu tay ngoáy lia lịa tới đó. Mà nó toàn hỏi những câu rất độc khiến ông chủ hãi quá, nhiều khi phải gọi thằng phụ tá O'Bannon vào trả lời thế.

Ông hãi quá nên không để ý một điều là cái bàn tay cầm bút kia cứ ngoáy mãi vào một chỗ mà không hề thấy nó lật sang trang mới, thậm chí xuống hàng cũng không.

Gần đến tối, cuộc phỏng vấn quan trọng và kinh hoàng mới chấm dứt. Thằng cha bảo hiểm đội mũ đi về sau khi sửa một tiếng cộc lốc "Ngày mai tôi trở lại", chẳng thềm hứa hẹn mà cũng chẳng thềm bắt tay một cái cho đúng phép lịch sự.

Đốt nhà lần đầu tiên trong đời nên khi ông chủ tiệm hoa thấy thằng điều tra của hãng bảo hiểm hung dữ và khôn lanh như vậy thì đâm ra hoảng sợ. Thằng bảo hiểm vừa cút, ông liền gọi O'Bannon vào hỏi ý kiến.

Thằng quản lý nhìn ông chủ lắc đầu, mặt tỉnh bơ chẳng có vẻ gì lo sợ:

— Nhân viên bảo hiểm mặt mũi thằng nào cũng khó thương như vậy. Nghề của chúng nó mà. Làm nghề đó mà hiền quá thì người dân thường muốn phóng đại giá cả thiệt hại của mình lên, ông chủ đừng lo.

— Nhưng tao thấy thằng này hỏi nhiều câu kỳ quá, không biết nó có nghi mình đốt tiệm hay không?

O'Bannon cười:

— Ông còn ngây thơ lắm. Nghi thì bao giờ nó chả nghi. Dưới cặp mắt chuyên môn của chúng nó, ai cũng đáng nghi cả. Người chết đã nằm trong lỗ rồi mà nó còn bắt thân nhân đào lên để nó lấy dấu tay rồi mới chịu trả tiền thì chuyện gì nó không dám làm!

Ông chủ tiệm hoa nghe tới đó thì tái mặt lại, ấp úng hỏi:

— Nếu... nếu... nó biết mình đốt tiệm để lấy tiền thì nó sẽ làm gì mình?

O'Bannon nhìn ông chủ, mỉm cười bí mật:

— Đốt tiệm để lấy tiền bảo hiểm là một chuyện xưa như trái đất. Đúng ra, đó là tội ăn cướp. Tội ăn cướp là tội ở tù. Hình như có thêm tội đốt nhà nữa. Tôi biết một thằng chủ tiệm bánh lãnh 10 năm tù chỉ vì đốt tiệm nó.

— Tiệm bánh nó lớn hay nhỏ?

O'Bannon lại bật cười vì sự ngờ ngẩn của ông chủ mình:

— Nhỏ thôi, cỡ một nửa tiệm hoa này.

Mồ hôi ông chủ tiệm hoa đã toát ra đầy trán. Trời ạ, tiệm bánh nhỏ tí teo mà lãnh mười cuốn lịch, tiệm hoa này lớn gấp hai thì chắc phải 20 cuốn. Ôi sao mình đại đến thế để bây giờ phải hối hận. Giọng ông run run, nghẹn ngào như sắp khóc:

— O'Bannon, tao còn trẻ tuổi lắm, còn vợ con ở nhà, tao không muốn ngồi tù bóc một lần hai chục cuốn lịch...

O'Bannon đặt tay lên vai ông chủ đáng thương:

— Sao mà ông cứ hay lo lắng những chuyện vớ vẩn! Lo sợ nó làm mình sống mất vui đi. Bây giờ tôi khuyên ông nên về nhà ngủ một giấc cho ngon, sáng mai ra đây nhận tiền bảo hiểm. Tôi bảo đảm với ông là sẽ không có chuyện gì xảy ra hết.

Rồi nó đứng lên tiễn ông chủ ra cửa. Nhưng ông chủ tiệm hoa không dám tin lời bảo đảm của thằng quản lý nữa. Là dân làm ăn buôn bán, ông thích cái gì chắc chắn, có giao kèo ràng buộc. Mà

nghĩ cho cùng, nó có chuyện gì phải lo đâu! Người ở tù là mình chứ đâu phải là nó. Ông cầm mũ mà tay cứ run lên bần bật, chân bước không nổi:

— Nhưng cậu nghĩ coi, nếu mình không qua mặt được nó thì làm sao?

O'Bannon để ý lần đầu tiên kể từ khi bước chân vào đây làm công, nó được ông chủ gọi bằng "cậu". Một tiếng "cậu" bình thường nhưng khiến O'Bannon cảm thấy khoan khoái hài lòng. Nó gật đầu cương quyết:

— Tôi bảo đảm là mình qua mặt được nó.

— Nhưng tôi hỏi cậu, nếu không được thì sao?

Nắm được nỗi lòng ông chủ trong tay, O'Bannon làm bộ nhún mày suy nghĩ một chút rồi nói:

— Nếu ông lo lắng quá như vậy thì tôi vẫn còn một kế khác, có thể giải quyết nỗi lo gan ruột của ông... Nhưng thôi, bỏ qua đi, chẳng có gì đâu! Ông lo xa quá, mà lại lo những chuyện vớ vẩn. Tôi đoán quyết với ông là sẽ không có chuyện gì xảy ra hết mà.

Vừa nghe nó nói có một kế khác thì ông chủ tiệm hoa mừng quýnh lên như người chết đuối vớ được tấm phao. Ông hớn hờ bặm cứng lấy ngay:

— Ở tù 20 năm đâu phải chuyện lo vớ vẩn. Cậu nói kế khác của cậu cho tôi nghe thử đi, tôi năn nỉ mà...

O'Bannon đứng yên không thêm mở miệng. Ông chủ tiệm lại năn nỉ nữa, giọng nghe như giọng của những người tù sắp sửa nhận bản án 20 năm năn nỉ ông quan toà.

Đến mấy lần như vậy, O'Bannon mới nhún vai, bắc hai cái ghế cho hai người ngồi rồi nói:

— Tôi đã bảo là không có gì hết mà ông cứ lo quá như vậy thì tôi cũng phải giúp ông, nhưng ông phải làm liền tối nay thì mới kịp.

Ông chủ tiệm thở phào nhẹ nhõm:

— Mình phải như thế nào?

O'Bannon nuốt nước miếng rồi mới ân cần giảng giải:

— Này nhé, người ta đốt tiệm chỉ vì muốn lấy tiền bảo hiểm, có đúng không?

— Đúng.

— Nếu tiệm hoa này không phải của ông thì ông có đốt không?

— Không.

— Dựa theo nhưng lý lẽ đó, nếu mình giải quyết vấn đề như thế này thì chẳng có thằng nào kết tội ông đốt tiệm được. Này nhé, nếu ông làm giấy bán quách cái tiệm này cho tôi thì thằng nào kết tội ông đốt nhà được?

— Nhưng tiệm đã cháy rồi, làm sao bán?

— Tôi hiểu. Tôi nói bán là bán trước khi nó cháy kia. Khoảng chừng một tuần là đủ.

— Mình có thể làm được sao?

— Tôi có quen một thằng luật sư rất giỏi. Người chết cả năm mà nó còn dựng xác người ta dậy được để ký vào giấy thì chuyện ký giấy bán tiệm trước hay sau một tuần lễ chẳng có nghĩa lý gì với nó.

Ông chủ tiệm giậm mạnh chân xuống nền nhà. 20 năm tù bồng chốc mọc cánh biến mất tiêu. Đơn giản như vậy mà từ sáng đến giờ sao không nghĩ ra, thằng bé này đúng là thiên tài. Trút được gánh nặng... 20 năm ra khỏi đầu óc, giọng ông chủ tiệm trở nên hớn hờ:

— Nhưng làm vậy nó bắt mày đi ở tù thì có ích gì?

O'Bannon lắc đầu:

— Người mua bảo hiểm là ông chứ đâu phải tôi. Làm sao nó kết tội tôi được?

— Thì ra thế. Vậy là hai đứa mình, chẳng ai mất gì cả.

O'Bannon lại lắc đầu:

— Nhưng ông phải bỏ xứ đi chỗ khác làm ăn.

— Sao vậy?

— Không bỏ đi cho khuất mặt, lúc mấy thằng chủ nợ đến đây đòi tiền thì ông lấy gì mà trả cho chúng nó?

Ông chủ tiệm ngồi ngẩn ngơ một lúc rồi mới gật đầu:

— Ừ nhỉ, tao quên mất cái chuyện nợ nần. Cậu thật là một... thiên tài. Nhưng chẳng sao cả, tôi đi

đâu cũng được, chỉ mong thoát khỏi cảnh tù tội là được rồi.

O'Bannon đứng dậy vỗ vai ông chủ mình, đánh thêm một đòn cân não chót:

— Nhưng mà ông đừng lo tới chuyện đó, tôi nói là nói chơi vậy thôi, chắc không sao đâu! Ông cứ về nhà ngủ kỹ đi!

Nghe tới đó là ông chủ tiệm hoa đứng bật dậy như cái lò xo, nắm chặt hai vai thằng quản lý trẻ tuổi:

— Không, tôi muốn cậu giúp đỡ tôi làm liền việc đó ngay tối nay. Cậu đã lỡ giúp tôi... đốt tiệm, cậu phải giúp tôi chuyện này.

Nhìn dáng điệu ông chủ tiệm, O'Bannon biết là kể từ nay, cửa tiệm hoa này lại trở về nằm trong tay mình. Nó nhất quyết sẽ ôm cái tiệm này đến chết.

O'Bannon làm bộ suy nghĩ một lúc rồi gật đầu:

— Ông đã quyết định như vậy thì mình phải đi liền may ra mới kịp.

Những chuyện ông chủ tiệm hoa lo sợ không vớ vẩn như O'Bannon nói mà có thật. Sáng hôm sau, vừa thàng xe trước tiệm, chưa kịp bước xuống ông chủ đã thấy thằng nhân viên bảo hiểm ngày hôm qua và một thầy đội cảnh sát mặc sắc phục đứng lù lù hai đồng trước cửa tiệm. Ông chủ tiệm cảm phục sự giải quyết nhậm lẹ của mình. Ôi, nếu hôm qua không sang được cái tiệm cho thằng O'Bannon thì giờ này không biết mình sẽ khổ nhọc như thế nào!

Thằng bảo hiểm cùng thằng cảnh sát lẹ quá, đúng là dân chuyên nghiệp. Ông chủ chưa kịp nói được một câu chào hỏi thì chúng nó đã đứng sát ngay bên hông xe. Đi đứng lanh lẹ như vậy thì đúng là chúng nó đi bắt người chứ đâu phải đi mua hoa! Thầy cảnh sát đưa cây dùi cui chỉ vào mặt ông chủ, hất đầu, cất giọng:

— Ông, ông theo tôi về ty cảnh sát Chicago. Chúng tôi muốn thẩm vấn ông.

Như mọi người công dân vô tội khác đang sống trên đất Hoa kỳ, ông chẳng có lý do gì để sợ cảnh sát.

Ông chủ tắt máy xe, bình tĩnh hỏi ngược lại:

— Thẩm vấn về chuyện gì?

— Chúng tôi có bằng chứng là ông đốt tiệm để lấy tiền bảo hiểm.

Ông chủ tiệm hoa nghe vậy thì càng cảm thấy phục thằng quản lý và ngay cả... mình nữa. Nếu mình không quyết liệt sang tên thì giờ này chắc đã xộ khám rồi. Thật là hú hồn!

— Thầy có bằng chứng gì, thầy kể tôi nghe thử coi!

Thầy đội chưa kịp nói thì thằng bảo hiểm đứng bên cạnh đã lẹ miệng đỡ lời:

— Tôi sống trong nghề này trên hai mươi năm, tôi có thừa kinh nghiệm, chỉ cần dòm mặt ông là tôi biết ông... đốt tiệm liền. Mời ông cứ về ty rồi mình sẽ nói chuyện.

Ông chủ tiệm hoa rút chìa khóa xe đút vào túi, bình thần mở cửa bước xuống:

— Xin lỗi, mấy ông tránh đường cho tôi đi và xin mấy ông coi lại cách thức làm việc. Cái tiệm hoa này không phải của tôi, tôi mượn người đốt làm gì?

Để mặc thầy đội cảnh sát và thằng bảo hiểm đứng nhìn nhau chung hững, ông chủ tiệm hoa lững thững bước tới rút chìa khóa mở cửa tiệm. Có tiếng hỏi vọng theo:

— Tiệm không phải của ông, vậy ông tới đây làm gì?

Giọng ông chủ tiệm khinh khỉnh:

— Tôi lấy đồ được không?

Gã nhân viên bảo hiểm chạy theo, chìa ra một tờ giấy:

— Tôi xin lỗi đã làm phiền và nghi oan cho ông. Tên ông là người đứng tên mua bảo hiểm này nên tôi hiểu lầm. Nếu ông đã bán tiệm thì xin ông ký vào tờ giấy giùm tôi.

Ông chủ tiệm hoa quay lui, hỏi:

— Giấy gì vậy?

— Giấy xác nhận chúng ta không có nợ nần gì nhau cả...

Ông chủ tiệm tần ngần suy nghĩ một lúc rồi cúi người ký vào tờ giấy. Cả một cơ nghiệp tan thành mây khói chưa thấy tiếc, tiếc gì một cái chữ ký mà không ký...

Lúc ngẩng lên, nhìn mặt thầy đội

thơ mùa hạ



1.
mùa hạ em về Huế
mùa hạ em theo chồng
thơ tôi buồn từ đó
đến giờ, em biết không?

2.
tháng tám phượng tàn hoa
trường vẫn đầy sắc đỏ
kể từ buổi giãc về
áo trắng không còn nữa.

3.
biển, gió và sóng xô
đêm hạ vùi thân xác
mình yêu nhau chẳng ngờ
rời xa nhau không tiếc

em như một giấc mơ
trong ta cuộc đời thực.

nguyễn văn ngọc

cảnh sát, ông chủ tiệm hoa mới chợt khám phá ra một điều là thầy đội này... ăn cái gì mà trông hung dữ quá! Hung dữ y như cái thằng bảo hiểm vậy! Hai thằng mặt mày như vậy đi với nhau thật là xứng.

Ký xong giấy, ông chủ cũ của O'Bannon vào trong tiệm một lúc rồi lững thững bước ra, khoan thai leo lên xe rồi máy chạy đi.

Tối ngày hôm đó, sau khi ông chủ tiệm hoa đã chở vợ con khăn gói đi khỏi thành phố rồi, trong một quán rượu, O'Bannon ngồi nhâm nhi la-de với ba thằng anh chị. Nếu ai để ý, sẽ nhận ra mặt của ba đứa chúng nó. Thằng ngồi góc bàn đẹp trai nhất và ăn nói thanh lịch nhất đúng là "người bán hoa liên lục địa Hoa kỳ", kể đó là khuôn mặt sẵn sù

của "thằng bảo hiểm" và bên cạnh O'Bannon là "thầy cảnh sát".

O'Bannon để ba xấp đồ -la lên bàn, lấy khăn che lại:

— Công của chúng mày đó, tao đếm kỹ rồi, mỗi đứa thò tay lấy đi.

Một lúc sau, O'Bannon nâng ly nói với tất cả:

— Uống đi tụi mày. Xem ra, ở trên đời này muốn lừa thiên hạ cũng không khó lắm phải không?

Thằng bạn áo vét sang trọng lên tiếng:

— Không, nếu mình biết chúng nó muốn cái gì.

Trưa ngày hôm sau, O'Bannon đang lui cui dọn dẹp trong tiệm thì có một chiếc xe thắng trước cửa tiệm. Người lái xe bước vào, tay xách một cái cạc-táp, ngả mũ chào O'Bannon rồi hỏi:

— Xin lỗi, tôi là nhân viên bảo hiểm của hãng..., cho tôi được nói chuyện với ông chủ.

O'Bannon để cây cọ sơn lên bàn, xoa hai tay vào nhau:

— Mời vào, mời vào. Tôi là chủ nhân đây. Gớm, chờ ông mãi...

Chỉ hai tuần lễ sau, tiệm hoa

được sửa sang và sơn phết lại coi còn sạch sẽ và đẹp hơn ngày xưa nữa. Tiệm bây giờ có tới bốn cô tóc vàng xinh đẹp tiếp khách. Tít trên cao là một tấm bảng hiệu mới tinh kẻ sơn đậm nét: "Tiệm hoa O'Bannon, bán và cung cấp đủ loại hoa cho mọi trường hợp". Ngay trước cửa tiệm, dưới tấm biển vuông kẻ chữ "Mở cửa 7 ngày một tuần", còn có một tấm biển khác nhỏ hơn, viết hàng chữ "Chủ nhân mới. Các chủ nợ cũ xin miễn vào. Cảm ơn".

*
* *

Cuộc đời thường có những khúc rẽ kỳ lạ mà không ai có thể ngờ trước. Từ giã vỉa hè để sống bằng nghề bán hoa, tưởng rằng sẽ an phận làm một anh bán hoa tầm thường suốt đời, O'Bannon không bao giờ ngờ được rằng chính cái tiệm hoa này sẽ mở đường dẫn nó đến một thế giới mới: Thế giới của tội ác, sống ngoài vòng pháp luật...

Chẳng bao lâu sau khi "mua" lại tiệm hoa, với tài kinh doanh có sẵn trong huyết quản từ... mấy ngàn

năm, cộng thêm mở kiến thức học được nơi đầu đường xó chợ suốt mấy năm qua, O'Bannon đã đưa tiệm hoa mình từ một tiệm hoa bán lẻ đến một tiệm hoa nổi tiếng ở Chicago. Hoa của O'Bannon bây giờ có tiếng đến độ, người ta đùa với nhau rằng, nếu người chết về bên kia thế giới mà cầm trên tay một vòng hoa phúng điếu của tiệm O'Bannon thì thánh Phê-rô mới mau lệ mở cửa thiên đàng. Trai thanh gái lịch, các hội hè đình đám cũng chỉ thích tặng nhau hay trang hoàng bằng hoa của O'Bannon...

Trong vòng không tới hai năm, O'Bannon chẳng những lấy lại phong độ của dòng họ mà xem chừng còn có vẻ vượt ông bố một quãng rất xa. Trong nhà thờ Do Thái bây giờ, chẳng còn ai dám nhìn mấy mẹ con O'Bannon bằng cặp mắt khinh thường nữa. Nhớ lại cái ơn đã được nhà thờ giúp đỡ vào những ngày hàn vi, O'Bannon ký ngân phiếu rất mạnh tay trong những cuộc quyên góp. Và có ông đạo trưởng hay cha xứ nhà thờ nào lại có thể lạnh nhạt được với những con chiên biết ký ngân phiếu đẹp như vậy? Cho nên, thỉnh thoảng, O'Bannon được ông đạo trưởng lôi ra khỏi đám đông giáo hữu, cho đứng trên bục cao để "tuyên dương công trạng". Cái màn tuyên dương này, dĩ nhiên, luôn luôn bắt đầu bằng tiểu sử của bố Charlie O'Bannon Senior. Lần nào cũng vậy, hễ mẹ O'Bannon nghe nhắc đến tên chồng thì nước mắt lại chảy ra đầm đìa. Riêng cậu cả thì mắt ráo hoảnh, mặt tỉnh bơ, chẳng thém thay đổi mà cũng chẳng thém làm ra vẻ buồn buồn một chút cho phải đạo làm con.

Nhiều người thấy vậy thì tưởng rằng thằng bé này ăn nên làm ra nên đã quên mất gốc gác tổ tông, quên mất công ơn bố mẹ. Nhưng sự thật không phải vậy. Chỉ có mình O'Bannon biết O'Bannon thôi. Nó không phải là một thằng kém trí nhớ. Chuyện bố bị lừa, bị cướp giật hết cả gia tài, bị xe lửa nghiền đứt hai bàn tay, và cuối cùng bị bóp cổ

khúc xa người

cho dù em đã phụ tình ta
ta vẫn yêu em thắm thiết
đời chúng ta dù đã cách xa
lòng chúng ta chưa từng đoạn tuyệt

ôi vui làm sao những ngày xưa
Huế đó, và sông Hương lộng lẫy
sông An Cựu trong vắt ngày mưa
và đục ngầu những ngày nắng dậy

ta theo các con bơi trên sông
Vĩ Dạ đẹp như thơ Hàn Mặc Tử
ngọc ngà vườn ai xanh mênh mông
tiếng ai hát trên bờ bến Ngự

chiều về nhuộm tím dãy thành xưa
đèn chài hiu hắt lòng sông vắng
chuông chùa Thiên Mụ *

nhẹ nhàng đưa
mời cả Huế đi vào im lặng

nhớ lại đi em, những bài ca
những chiều nhạc tung bừng

náo nhiệt

những đêm thanh ta đọc thơ ta
thơ đạo, thơ tình và thơ triết.

đời ta đã đẹp như ca dao
lại thắm đượm nhiệm màu

thần thoại

ta đã yêu và sống cho nhau
cho lao động và tình nhân loại.

rồi các con ta sẽ lớn lên
sẽ nhớ lại những ngày vui thuở bé
sẽ sống lại những ngày tháng

thần tiên

và sẽ hiểu, sẽ thương tình bố mẹ.

lê hữu mục

* "Thiên Mụ" viết có "g" theo ý tác giả.

chết tươi trong nhà thương làm sao nó quên cho được? Chẳng qua là nó khôn ngoan, biết lượng sức mình và không phải là một kẻ sống bề ngoài. Nó nhớ lại cái buổi chiều kinh hoàng ngày nào ở Nữ Ước. Nếu nó không làm ra vẻ ngu đần thì thằng tài phiệt Abbrey đã cho nó đi theo bố luôn rồi! Có thằng con nào nhìn xác bố bị bóp cổ chết mà lạnh trí xác định rằng bố bị bệnh chết để qua mặt kẻ thù? Nó đã khôn ngoan như vậy thì hình ảnh lão Abbrey nhất định phải còn nằm sâu trong tâm khảm nó. Hơn nữa, O'Bannon là một người thực tế. Nó quan niệm rằng chuyện khóc thương là chuyện dễ dàng, ai làm cũng được, chỉ có hành động mới khó. Và O'Bannon là loại người thích hành động.

Trở thành ông chủ nhà giàu rồi, theo đúng thủ tục Do Thái, O'Bannon bắt một cô vợ Do Thái, làm lễ cưới sang trọng không thua câu công tử nào của cộng đồng Do Thái thời đó.

Làm ăn thuận buồm xuôi gió như vậy được vài năm thì vào một ngày, sát ngay tiệm hoa của O'Bannon bỗng dựng mọc lù lù thêm một... tiệm hoa khác. Lại một điều là tiệm hoa này giống tiệm O'Bannon như in. Giống từ cách trang trí, cách làm ăn, cách quảng cáo...

Cái trò buôn bán thương vậy, hề thấy có ăn là thiên hạ nhào vào.

O'Bannon đang chơi với chưa biết phản ứng thế nào thì nó bắt đầu được nếm ngón đòn cạnh tranh thương mại liền. Chỉ trong vòng một tuần lễ sau khi cái tiệm khốn kiếp kia mọc lên thì giá hoa bán ra đột ngột tụt xuống một cách đáng ngại. Một vòng hoa phúng điếu đang từ 2 đồng bỗng hạ xuống 1 đồng 75 xu, rồi chỉ còn 1 đồng 50 xu. Trong khi đó, giá các vòng hoa cũ của nhà đôn bán lại lại tăng lên theo tỉ lệ ngược. Đang từ 15 xu một vòng bỗng vọt lên 20 xu, rồi 25 xu và cuối cùng là 30 xu. Với cái giá đó mà mua về, muốn nhân công trang hoàng lại để bán ra với giá 1 đồng 50 xu thì chỉ đủ tiền sống lai rai chứ

không thể làm giàu được.

Chuyện này cũng dễ hiểu theo luật cung cầu của thương trường cho nên O'Bannon đành phải bấm bụng hạ giá hàng bán và mua hàng vào với giá cao. Nhưng cái làm O'Bannon ngán nhất là dù mua vòng hoa cũ với giá cao như vậy mà nhiều khi cũng có hàng để mua. Hôm nào chậm chân một chút thì bị thiên hạ mua sạch liền.

Chuyện làm ăn đương trôi chảy bỗng trở nên như vậy thì máu... Do Thái trong người O'Bannon phải sôi lên sùng sục. Suốt mấy ngày, O'Bannon đứng ngồi không yên, tìm cách đối phó với tình thế mới.

Trong hoàn cảnh như vậy, dĩ nhiên tư tưởng của O'Bannon phải hướng về cái tiệm hoa chết dịch vừa mở ngay bên hông mình. Hoa kỳ là đất tự do thương mại, nhưng thương mại cái kiểu mở ngay một tiệm hoa sát ngay tiệm của mình và phá giá hàng như vậy, tuy hợp pháp thực đấy nhưng coi không được chút nào cả. O'Bannon vô đầu suy nghĩ. Tình trạng này không thể kéo dài được. Hai thằng đánh nhau để thiên hạ hưởng lợi rồi cả hai đều sẽ chết. Là tay buôn chuyên nghiệp, nó không lạ gì chuyện này.

Sau mấy ngày suy nghĩ, O'Bannon quyết định hạ mình trước, đi gặp ông chủ tiệm hoa hàng xóm để nói chuyện hợp tác, đề nghị hai bên cùng chấm dứt màn phá giá. Miếng bánh chia đôi vẫn còn đủ no cho hai người mà, giết nhau làm gì để làm lợi cho bọn khách hàng? Thật ra O'Bannon hạ mình xuống đi năn nỉ thiên hạ chẳng phải vì nó hiền lành hay tử tế gì. Cái sọ đầy mưu mô quỷ quyết của nó đã nghĩ đến những giải pháp quyết liệt hơn, như cho thằng chủ tiệm hoa chó đẻ kia đi mò tôm, hay cho người vào phá hoa của nó vào một đêm tối trời.v.v.. Tất cả những chuyện đó đều không thể sử dụng được bởi vì một cái kệt nhỏ: O'Bannon biết đối thủ buôn hoa của mình là một thằng Ý. Và không có thằng Ý nào dám khơi khơi mở tiệm cái kiểu chết người như vậy

nếu đằng sau lưng nó không có bọn Mafia cầm súng yểm trợ. Thỉnh thoảng, nó còn dắt mấy thằng Mafia này về tiệm tổ chức ăn nhậu để dẫn mặt O'Bannon. O'Bannon chẳng phải là hạng chết nhát nhưng nó nghĩ chưa phải lúc gây hấn. Chiến tranh chỉ là giải pháp cuối cùng. Hãy cứ đem thiện chí ra trình bày cái đã, chừng nó không chịu thì trở về chuẩn bị chiến tranh cũng chưa muộn.

Thế là vào một buổi chiều, nhân lúc trời mưa tuyết phấp phới, O'Bannon khoác áo bành-tô sang tiệm hàng xóm nói chuyện hợp tác.

Lão chủ tiệm hoa mập phệ, nói tiếng Mỹ giọng trọ trẹ, xưng tên là Segaro ân cần bắt tay đối thủ trẻ tuổi. Lão nửa khen nửa móc lò bảo O'Bannon trẻ tuổi mà làm ăn giỏi quá, thật đúng là tài nghệ của dân... Do Thái.

Chưa kịp mở miệng nói gì mà hai lỗ tai đã nghe những lời xỏ xiên như vậy thì O'Bannon hăm trong bụng lắm nhưng vẫn cắn răng chịu nhịn.

Khỏi cần chào hỏi hay đưa đẩy bóng gió xa xôi làm gì cho mất thì giờ, O'Bannon đi thẳng vào vấn đề:

— Ông bạn Segaro nghĩ coi, tại làm sao mà mình phải phá giá nhau làm gì kia? Ông đến sau nhưng tôi coi ông như bạn làm ăn. Đất này là Hoa kỳ mà, ai muốn buôn bán gì thì buôn, không ai có quyền ngăn cản ai. Tuy nhiên, chúng ta hãy ngồi lại để bảo vệ quyền lợi của chúng ta, những người mua và bán hoa. Ông biết ngày ông chưa mở tiệm, ba cái vòng hoa mà chúng nó đem vớt đi không ai nhặt, tôi trả cho chúng nó chỉ có 15 xu một cái là chúng nó mừng lắm rồi, tại sao mình lại mua cao giá để giết nhau và làm giàu cho chúng nó?

Segaro pập pập cái ống tẩu, gật gù ra chiều đồng ý, giọng trọ trẹ:

— Vậy thì mình phải làm gì?

— Dễ lắm, mình hợp tác. Từ nay về sau, mình chia đôi số vòng hoa cũ trong nhà đôn ra, ông lấy một nửa và tôi lấy một nửa. Mình chỉ trả cho chúng nó 15 xu một vòng

thời. Vậy là cao giá rồi. Nếu chúng không chịu thì cứ để cho chúng nó đem quăng hết vào sọt rác.

O'Bannon ngưng một lúc, nuốt tí nước miếng câu giờ để dò phản ứng của Segaro rồi tiếp tục:

— Nếu tụi mình chịu hợp tác với nhau, tôi nghĩ mình sẽ sống được. Thị trường hoa có đủ cho hai người, chúng ta khỏi cần tranh nhau làm chi.

Nói xong, O'Bannon nhìn Segaro chờ câu trả lời. Nhưng lão mập chưa thèm trả lời vội, lại cầm cái ống tẩu rút ra đút vào ra chiều tự lự...

O'Bannon thấy vậy là muốn nổi điên lên. Tiên sư cái quân Ý-tà-lờ chó đẻ khốn nạn này! Tao đang làm ăn ngon lành mà mày nhẩy vào phá đám, mở tiệm sát ngay bên nách tao. Tao vì nể nang chút... Mafia, đã chưa muốn hỏi tội mày, còn hạ mình sang đây bàn chuyện hợp tác với mày, tưởng mày thế nào té ra mày bày trò trịch thượng với tao. Bộ mày tưởng hể là Ý-tà-lờ thì muốn làm gì thì làm sao? Đuổi chó chó đuổi vào đường cùng, mày không nhớ câu đó à?...

Tuy đầu óc nghĩ vậy nhưng O'Bannon vẫn giữ bộ mặt bình thản, nụ cười nhẹ nhàng không bao giờ tắt. Mấy năm giang hồ trên vỉa hè đã dạy nó cách giữ cho nét mặt mình lúc nào cũng tươi như hoa. O'Bannon quan niệm rằng chỉ có kẻ yếu đuối mới thường bộc lộ sự nóng giận. Người có bản lĩnh phải biết ghìm sự giận dữ trong tâm hồn rồi mới từ từ cho nó bộc lộ qua hai bàn tay với... một con chó lửa. O'Bannon cố tươi cười:

— Ông thấy ý kiến của tôi thế nào? Mình có đủ thị trường cho cả hai mà...

Dù bực mình lắm nhưng O'Bannon thốt ra những lời đó một cách rất chân thật, tha thiết. Cho đến giây phút đó, nó vẫn còn muốn một sự hợp tác thật tình. Nó chủ trương mở tiệm hoa để làm giàu, không phải để ăn thua với ai cả.

Hình như Segaro cũng đọc được điều này trong ánh mắt O'Bannon.

Lão nhắc cái ống tẩu ra khỏi miệng, mỉm cười nhẹ nhàng:

— Qua có một ý kiến khác, không biết chú em có chịu nghe thử không?

Tiếng "qua" nghe trịch thượng, xấc láo, kẻ cả của những thằng tự cho mình là hơn người. O'Bannon bắt đầu thấy thái dương mình giật giật:

— Ông nói đi.

— Mình có thể làm vậy nhưng qua thấy một cái bánh mà có tới hai người ăn thì chắc chẳng có ai no được. Qua đề nghị hay là em bán quách tiệm hoa cho qua đi, qua nhất định không để em thiệt thòi...

Nếu là một người nào khác nghe như vậy thì chắc đã đứng lên bỏ đi rồi. Gặp thằng hung dữ hơn thì nó có thể xông tới tống vào giữa cái mặt phì nộn kia một quả đấm thôi sơn rồi tới đâu thì tới. Nhưng O'Bannon nghe vậy thì lại... mỉm cười. Do Thái mà. Ủa, tại sao mình lại phải nóng giận kia? Kẻ yếu đuối mới nóng giận, người có bản lĩnh phải kiềm chế được nó.

Nhưng chính nụ cười của thằng tiệm hoa trẻ tuổi lại làm lão Segaro thấy rợn rợn. Vẫn với nụ cười trên môi, O'Bannon nhẹ nhàng hỏi ngược lại, giọng không hề có vẻ tức tối hay bất mãn:

— Ông nói vậy nghe cũng được. Một người ăn một mình một cái bánh bao giờ cũng no hơn hai người. Vậy thì, thay vì ông mua tiệm tôi, tôi đề nghị ông... bán tiệm ông lại cho tôi đi. Tôi sẽ mua tiệm của ông, tôi hứa tôi cũng không để ông phải bị thiệt thòi đâu...

Lời nói nhẹ nhàng, không cay đắng, hằn học mà lão Segaro có cảm giác như vừa bị thẳng lời này tát vào mặt mình một cái. Lão tức muốn điên lên, mặt đỏ bừng. Lão giận quá đến độ cứng họng, không nói được một lời.

Một lát sau, lấy lại chút bình tĩnh, lão đập tay xuống bàn nghe đến ầm một phát, găm lên chát chúa:

— Mua tao? Mày là cái con c. gì mà đòi mua tao? Đu mẹ thằng nhãi

con Do Thái giết Chúa... tao không mua mày thì thôi, tại sao mày dám đòi mua tao? Đu mẹ ai cho mày hỗn láo đến vậy?...

Kể từ khi lang thang khắp thế giới gần hai ngàn năm nay, người Do Thái đã bị lăng mạ nhiều, nhưng chưa ai dám lăng mạ O'Bannon ngay trước mặt nó như vậy. O'Bannon bỗng có một quyết định để giải quyết chuyện cạnh tranh thương mại này trong đầu. Nó nhìn thẳng vào mặt cái... xác chết còn biết nói tên gọi Segaro, cất giọng nhẹ nhàng. Vẫn không cay cú, không bất mãn:

— Thì mình nói chuyện làm ăn, ông có một đề nghị cho tôi, tôi cũng có một đề nghị cho ông. Nếu ông không chịu thì thôi, tại sao phải đem tổ tông tôi ra mà nguyên rủa? Tôi chưa bao giờ tha thứ cho ai nhục mạ tổ tông tôi...

Nói câu đó, tuy giọng nói của nó vẫn đều đều, nhẹ nhàng như hai người bình thường nói chuyện với nhau, nhưng cặp mắt O'Bannon chiếu ra một tia lửa bí mật. Tia lửa đó chỉ loé lên một cái rồi tắt ngay, nhường chỗ cho nụ cười nở ra cũng mau không kém:

— Nhưng mà thôi, nói là nói vậy thôi, bỏ chuyện đó đi, mình nói chuyện làm ăn đàng hoàng. Để tôi hỏi lại, ông có muốn bán tiệm hoa cho tôi không?

Segaro trợn tròn hai con mắt lên tưởng chừng chúng sắp bay tuốt ra ngoài. Thằng Do Thái con này quả không biết sợ trời sợ đất gì hết. Lão đưa tay chỉ ra cửa, gào lên thật to:

— Xéo cha mày ra ngoài kia, đồ cái quân dơ bẩn...

Nói xong lão đứng lên, mặt hầm hầm làm như muốn nhào tới ăn tươi nuốt sống O'Bannon liền lập tức vậy.

Chẳng hề sợ hãi hay để lộ chút phản ứng nào, O'Bannon nhún vai rồi bình thản cầm mũ đứng lên. Nó khoác áo bành-tô và lịch sự cúi đầu chào Segaro:

— Nếu ông thay đổi ý kiến, muốn hợp tác hay muốn bán tiệm, xin cứ

qua gặp tôi. Tôi luôn luôn chủ trương hợp tác làm ăn, tôn trọng quyền lợi của nhau...

Cái sức mạnh hay sự khôn ngoan của O'Bannon là tuy nói rất nhẹ nhàng, rất từ tốn nhưng làm Segaro nghe tới đâu là sôi máu tới đó. Khi máu trong người đã sôi quá rồi thì người ta không còn phản ứng hay nói năng gì được nữa, chỉ đứng yên một chỗ và trợn ngược hai con mắt lên mà ngó.

O'Bannon bình thần bước từng bước một ra cửa.

Trở về tiệm hoa của mình, O'Bannon vào văn phòng đóng cửa lại ngồi yên lặng suy nghĩ.

Giết thằng Segaro thì nhất định phải giết rồi, O'Bannon biết rõ như vậy. Kẹt cái, đằng sau lưng Segaro là cả một hệ thống Mafia lừng danh kim cổ, mình chỉ là một thằng Do Thái trẻ tuổi, làm sao chống lại chúng nó được? Nhưng mũi tên đã

lắp vào cung, không bắn không được. Nếu giết nó để mà chết thì cũng phải giết như thường.

Nghĩ đến đây, lòng ông chủ tiệm hoa trẻ tuổi bỗng dâng lên một nỗi buồn man mác. Than ôi, mình còn trẻ mà chết thì uổng thật! Tương lai cuộc đời phơi phới, đang chờ đón, hứa hẹn một người thông minh tài giỏi như mình, tại sao mình lại chịu chết nhỉ? Mà chết vì một thằng lái hoa tầm thường mới là đau chứ! Nó đâu có bằng mình, nó chỉ là một khối thịt biết ăn nói và làm tình, làm sao một người trẻ tuổi thuộc dòng giống siêu việt như dòng họ O'Bannon lại phải đổi mạng với nó kia?

Hút đến nửa gói thuốc, O'Bannon vẫn chưa tìm ra câu trả lời cho bài toán hóc búa này của cuộc đời. Nó biết là nó phải có quyết định liền, để lâu mọi chuyện sẽ chìm vào quên lãng và nó sẽ trở thành một thằng hèn.

O'Bannon ngồi im trước bàn giấy, đốt thuốc lá hết điếu này đến điếu khác và cố gắng suy nghĩ xem, một dân tộc mà cuốn sử của nước mình đã trở thành cuốn kinh thánh, cuốn sách có nhiều người đọc nhất thế giới trong mọi thời đại, mọi không gian, sẽ phải làm gì trong trường hợp này.

Sự suy nghĩ của O'Bannon dẫn nó đến một người Do Thái trẻ tuổi tên David trong lịch sử Do Thái...

Hồi đó, quân đội Do Thái và quân đội Philitin dàn trận đánh nhau. Mỗi phe chiếm cứ một ngọn đồi cách nhau một thung lũng. Bên Philitin có một thằng khổng lồ mạnh không ai bì kịp, ngày ngày cứ mặc giáp sắt nặng và cầm cây đại đao to lớn đứng dưới thung lũng nhìn quân Do Thái mà chửi.

Nó chửi bới và lăng nhục quân Do Thái suốt 40 ngày mà không ai dám ra đấu vì lý do đơn giản là các chiến tướng bên quân đội Do Thái ai nhìn thấy bộ dạng Goliath thì cũng muốn... đá ra quần.

Ngày thứ 41, tiếng chửi rủa của nó lọt vào tai một cậu bé chăn cừu tên David. Cậu xin vua Do Thái



cho ra độ sức. Saul, vua Do Thái chẳng tin tưởng gì nơi thằng bé chần chừ miệng còn hôi sữa này, nhưng bị Goliath chửi nhục quá, đành phải cho David ra nghênh chiến. Để hỗ trợ tinh thần, nhà vua tặng luôn con ngựa yêu quý của mình và bộ giáp sắt.

David nai nịt gọn gàng leo lên ngựa nhưng rồi lại.. tụt xuống. Nhà vua tưởng thằng nhỏ đổi ý, liền hoảng hốt hỏi thì David xin trả ngựa cùng giáp sắt lại cho vua, chỉ mang theo cái ná của mình cùng 5 hòn đá.

Phần Goliath, sau khi chửi bới 40 ngày mà không có ai dám ra đánh với mình thì đâm ra kiêu ngạo, nay lại thấy chúng gửi một thằng bé không giáp sắt ra đánh với mình thì càng coi thường.

Goliath chưa kịp tiến tới gần thì đã bị David dùng ná bắn một hòn đá vào ngay giữa mắt. Thế là khối thịt khổng lồ của quân Philistin ngã nhào. Không mang gươm theo, David nhào tới dùng gươm của Goliath chặt đứt đầu Goliath, chấm dứt trận đánh ngàn năm để sau này trở thành vua của dân Do Thái.

Dưới sự suy nghĩ của O'Bannon, David ngày xưa vượt qua mọi sự ước đoán của mọi người để giết được gã khổng lồ Goliath là nhờ ba lý do: Thứ nhất, quan trọng nhất, David là người duy nhất dám có gan đánh Goliath dù biết rằng mười phần chết chỉ có một phần sống. Thứ hai, Goliath không ngờ được thằng David bé con này lại có ngón võ rất độc là tài bắn đá. Thứ ba, chính David đã dùng lưỡi gươm của Goliath để chặt đầu Goliath.

O'Bannon cứ tiếp tục suy nghĩ mãi về những điều trên. Tổ tiên mình có những bậc anh hùng như vậy, tại sao mình không bắt chước kia?

Đột nhiên, trong cái đầu đầy dẫy mưu chước của cháu chất vua David bỗng loé lên một ý nghĩ: Tại sao mình không chơi như David? Cứ coi bọn Mafia là thằng Goliath đi, David sẽ hành động như thế

nào? Thứ nhất, mình phải có gan chơi, phải bắn chết tươi những thằng mình thích bắn mà không sợ hãi. Thứ hai, có gan rồi, mình sẽ chơi những đòn táo bạo như hòn đá của vua David mà chúng nó không thể nào ngờ được. Thứ ba, điều bây giờ trở thành quan trọng nhất là mình sẽ dùng gươm của chúng nó để diệt chúng nó. Nghĩa là phải để chúng nó giết lẫn nhau.

Phải rồi, bài toán cuộc đời coi thì phức tạp nhưng giải quyết thì cũng không khó khăn lắm. Cái quan trọng là mình phải muốn làm và chịu khó suy nghĩ.

O'Bannon liền cho gọi một nhân viên của mình vào, ra lệnh cụt ngắn:

— Mày chạy ra phố, kiếm thằng Borland tới đây tao...

Giọng nó sang sảng, bình tĩnh và đầy tự tin như lời nói của vua David ngày nào trước khi cầm ná ra đánh nhau với ông khổng lồ Goliath.

*
* *

Sau cuộc "gặp gỡ lịch sử" của hai ông chủ tiệm hoa độ chừng một tuần thì một buổi chiều, Segaro đang ngồi trong tiệm bỗng có hai người khách lạ ăn mặc sang trọng bước vào. Từ trong văn phòng, Segaro nhăn mặt khó chịu khi nhìn thấy có hai người khách đứng chờ trước quầy tính tiền một lúc mà chẳng có nhân viên nào của mình chịu ra tiếp khách.

"Buôn bán cái điệu này thì chắc có ngày phải đóng cửa. Chúng nó đi đâu hết rồi không biết! Kiếm được một người giúp việc tận tâm lúc này khó thật!" Segaro cầu nhàu rồi đứng dậy mở cửa bước ra khỏi văn phòng:

— Kính chào hai ông, Segaro này có thể giúp quý ông được gì không?

Nói tới đó, Segaro tự nhiên thấy rợn da sau gáy khi thấy cả tiệm hoa của mình sao trống trơn, vắng lặng. Người làm của mình không biết đi đâu hết trơn rồi? Một thằng khách nhìn Segaro rồi cất giọng run run hỏi:

— Vậy ra ông là Segaro?

— Thì đã bảo tôi là Segaro đây mà...

Câu nói của Segaro chưa dứt thì đã thấy thằng khách nọ lẹ làng thọc tay vô túi áo vét. Đến chừng nó móc tay ra, Segaro hốt hoảng khi thấy một con chó lửa đen thui lúi chĩa vào ngực mình nổ một hơi bốn phát liên tiếp. Bất ngờ quá, mau quá, độc quá, Segaro không có được một phản ứng nhỏ. Tiếng nổ chát chúa như muốn xé nát cái tiệm hoa nhỏ bé. Segaro bị đẩy té ngược ra sau.

Cho chắc ăn, thằng khách còn bước tới hai bước, cúi người chĩa thẳng súng xuống đầu nạn nhân, ngay chỗ thái dương bóp cò "oành" thêm một phát nữa.

Thằng thứ hai đứng phía sau đưa tay rút một cánh hoa hồng trên quầy hàng thả nhẹ nhàng xuống xác Segaro rồi bảo bạn:

— Xong rồi Borland, đi mày!

Ngồi ở tiệm hoa bên này, ông chủ O'Bannon nghe rõ những tiếng súng nổ. Giữa một buổi chiều vắng lặng ế khách như thế này mà có những tiếng nổ to như vậy thì không nghe rõ làm sao được?

Một lát sau hai thằng thích khách dọt ra, bình thần leo lên xe nổ máy. O'Bannon nghiêng người vén màn cửa sổ nhìn theo. Miệng nó điểm một nụ cười khó hiểu.

Khó hiểu không phải vì nó vừa giết được một thằng đối thủ mà vì nó vừa tìm ra một tư tưởng mới nữa để sống trên đời: Nhiều khi trong cuộc đời, lúc bị dồn vào đường cùng cũng thường là những lúc người ta tìm thấy được một con đường giải thoát hay nhất.

O'Bannon mỗi một điều thuốc, suy tính nước cờ kế tiếp. Nó biết kể từ giờ phút này, cuộc đời nó đã chuyển sang một hướng mới. Một khi đã đặt chân bước trên con đường này, O'Bannon biết, nó chỉ có thể đi tới chứ không thể quay lui. Cũng như vua David ngày xưa khi vác ná ra trận, ngài chỉ có một con đường duy nhất là giết Goliath...

(còn tiếp)

ngọc sáng trong hoa sen



John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

CHƯƠNG BA

HỒ CỐT TỬU VÀ THANH TRÚC DỊCH

Lan đảo là một hòn đảo nhỏ cách Hương Cảng không xa, tuy không phải một thắng cảnh nổi tiếng nhưng nó là nơi mà những người chán cảnh bon chen ngoài đời

thường tìm về ẩn dật, tu đạo luyện đơn. Không như các tăng ni nhất quyết ly gia cắt ái, đa số những người tu đạo vẫn ít nhiều giữ mối dây liên lạc với gia đình. Tuy ẩn tu nhưng thỉnh thoảng họ vẫn trở về thăm gia đình và được trợ giúp để mua sắm thực phẩm và các tiện nghi cần thiết. Núi Thái Vũ nằm trên Lan đảo là một ngọn núi có nhiều hang động thiên nhiên, thuận

tiện cho những người muốn tìm chỗ thanh vắng tĩnh tu. Trên đỉnh núi còn có một ngôi chùa lớn hàng năm vẫn tổ chức các ngày hội, lôi cuốn rất đông khách hành hương.

Vì không phải ngày hội hay dịp lễ chính nên chuyến tàu đi từ Hương Cảng ra Lan đảo rất vắng khách. Trừ những người lái buôn đem hàng hoá ra đảo bán, khách hành hương chỉ có mình tôi. Có lẽ vì thế khi tàu cập bến Đại Ô, những người lái buôn quen đường xá đã tản mác vào làng xóm quanh đó, chỉ còn mình tôi đứng ngơ ngác trên bến. Đại Ô là một làng chài lưới nghèo nàn, nhà cửa thưa thớt, quanh bãi người ta phơi đầy cá, mùi tanh tươi xông lên nồng nặc. Vì đường lên Bảo Liên tự quanh co khó tìm, muốn đi phải có người hướng dẫn nên tôi đành phải thuê một chiếc kiệu do hai người phu khên.

Đường lên núi ngoằn ngoèo, nhiều chỗ dốc khiến hai người khên phải cố gắng lắm mới giữ cho kiệu được thăng bằng. Vượt qua khúc quanh lưng chừng núi, hai người phu thấm mệt phải dừng lại trước một cái miếu bên đường để nghỉ ngơi. Trong khi chờ họ hút hết điếu thuốc, tôi bước ra khỏi kiệu đi dạo quanh miếu. Cũng giống như những cái miếu thông thường, nó là một căn nhà gồm một phòng làm chánh điện ở giữa và hai phòng nhỏ xây cất hai bên. Mặt tiền của miếu có treo một tấm bảng cũ kỹ bị rêu rong phủ kín, phải cố gắng lắm tôi mới đọc được hàng chữ: Đông Hải thần miếu. Chánh điện tối om, không có nhang đèn chi hết, trên bàn thờ có bày một pho tượng thần, không rõ nam hay nữ, ngồi trên chiếc ngai bằng gỗ sơn son thếp vàng đã bạc màu. Quanh đó có những chân đèn, giá nến không người sắm sóc bụi bám đầy. Tôi đang chăm chú nhìn ngắm những hàng chữ triện đắp nổi trên tường thì nghe tiếng gậy trúc gõ nhịp phía sau lưng. Một người đàn bà tóc bạc như cước, hai mắt đã mù, chống gậy bước đến:

— Đại nhân đến để lễ thần hay còn việc chi?

— Không, tôi chỉ tạm dừng lại để vãn cảnh. Tôi mong có thể lên đến Bảo Liên tự trước khi trời tối.

Bà lão nhún vai có vẻ thất vọng:

— Nếu vậy mời đại nhân dùng chút trà giải khát vậy.

Không đợi tôi trả lời, bà quay về phía sau gọi lớn:

— A Múi, rót trà mời khách đi con.

Bà chưa dứt lời, một đứa bé gái khoảng mười hai, mười ba đã xuất hiện với một khay trà trên tay. Dường như nó đã chuẩn bị sẵn, chỉ chờ gọi là mang trà ra. Không thể từ chối, tôi đành giơ tay tiếp lấy chén trà một cách miễn cưỡng. Đã quen với phong tục nơi đây, tôi biết người ta không mời tôi dùng trà vì hiếu khách mà vì chút tiền trà nước những du khách không thể không trả. Bà lão nhướng cặp mắt không trông trăng đã về phía tôi và hỏi:

— Phải chăng đại nhân thuộc giống Hồng mao?

Đó là một câu hỏi bất lịch sự, hiển nhiên người hỏi phải thuộc hạng bình dân thất học vì không ai trực tiếp gọi một người ngoại quốc như vậy. Danh từ “Hồng mao” hay “mọi lông đỏ” ngụ ý khinh bỉ, coi thường, chỉ được dùng giữa những người Trung Hoa với nhau khi muốn ám chỉ một người ngoại quốc tồi tệ xấu xa nào đó. Tôi nên giận trả lời:

— Đúng thế, nhưng sao bà biết?

— A ha! Tai kẻ mù có khác gì mắt kẻ điếc, tuy đại nhân nói tiếng Quảng Đông trôi chảy nhưng tôi vẫn nhận ra ngay.

Có lẽ khó chịu vì thái độ của bà lão mù hoặc vì danh từ “Hồng mao” gây cho tôi một ấn tượng không mấy tốt đẹp nên tôi uống vội chén trà nhạt như nước lã rồi lên tiếng cáo từ. Trước khi đi tôi móc túi lấy ra một đồng bạc đặt trên bàn nhưng nhìn đôi mắt hấu hấu của đứa nhỏ bưng trà chăm chú nhìn đồng bạc, tôi sợ nó có thể nhanh tay cuỗm mất số tiền của bà mù nên vội lên tiếng:

— Xin bà vui lòng nhận cho ít tiền trà nước.

Nói xong tôi gỡ nhẹ đồng bạc lên bàn cho bà lão nghe thấy. Bà lão chờ tôi ra đến cửa mới lên tiếng:

— Xin cảm ơn lòng tốt của đại nhân, nhưng đường đi còn khó khăn và gian nan lắm, muốn đi xa phải đi từ từ, phải thận trọng, theo đường chính, tránh ngã tắt để làm người ta lầm đường lạc lối. Hãy đi thông thả, đừng hấp tấp.

Tự nhiên tôi bỗng rùng mình. Âm thanh lạnh lạnh của bà lão mù dường như muốn cảnh cáo tôi thì phải! Phải chăng bà muốn nhắc tôi về đường xá trên núi hay còn dụng ý gì khác? Ngồi trên kiệu tôi cứ thắc mắc mãi về câu nói của bà mù. Quả nhiên con đường từ đó lên đỉnh núi rất gập ghềnh, chiếc kiệu cứ đảo hết bên này sang bên kia, nhiều lúc như muốn hất tôi xuống vực sâu. Hai người phu khiêng kiệu vì quen đường cứ thản nhiên phăng phăng bước đi trong khi tôi ngồi trên kiệu mà ruột gan như thất lại. Sau cùng chịu không nổi, tôi phải yêu cầu họ đặt tôi xuống đất để đi bộ theo kiệu

chứ ngồi chệnh vênh như vậy chóng mặt quá.

Bảo Liên tự là một ngôi chùa lớn, tọa lạc trên mảnh đất tương đối bằng phẳng trông ra phía biển. Khi lên đến nơi thì trời đã tối, trong chùa đèn nến đã được thắp lên, có lẽ chư tăng đang chuẩn bị ăn tối, mùi xào nấu phảng phất thơm lừng. Vị tri khách đưa tôi ra giếng rửa mặt cho thoải mái:

— Đường xa xa xôi chắc thí chủ cũng đã đói bụng, vậy xin mời dùng cơm trước rồi đến gặp vị trụ trì sau.

Từ trước đến nay tôi thường nghe kể đa số các chùa đều ăn uống đạm bạc, chỉ cơm hẩm và tương chao nhưng tại đây bữa ăn lại có nhiều món xào nấu rất thịnh soạn.

— Tôi không ngờ nhà chùa lại ăn uống ngon lành như thế này.

Vị tri khách giải thích:

— Chùa này thường có đông du khách thập phương, họ đâu thể ăn uống khổ hạnh được nên nhà bếp phải đặc biệt nấu nướng ngon lành cho họ. Lúc này không phải dịp hội hè đình đám, nếu ông đến vào dịp đó thì sẽ thấy nhiều món ăn thịnh

lục bát rau thơm

Tuyết tan xới đất trồng hoa
Thấy rau húng đã nhú ra mấy chồi
Thương cho mầm sống xa xôi
Vùi trong tuyết lạnh đợi chờ xuân sang
Xa xôi, hương cũ không tàn
Húng cây, húng lủi nồng nàn tim ai
Kinh giới thoang thoang hương bay
Tía tô, lá quế nhớ ai tím lòng
Tần ô ngọc thạch xanh trong
Thu sang nở nụ hoa lòng xinh xinh
Lá răm như mắt đa tình
Tinh riêng chỉ biết một mình đắng cay
Ngò rí lá nhỏ thơm dai
Váng mùi hương cũ nhớ hoài suốt năm
Lá dấp như trái tim xanh
Thương ai tặng hết lòng thành mới thôi
Thương ai đất khách quê người.

nguyên khanh



soạn hơn thế nữa.

Không biết có phải vì đi bộ đôi bụng hay vì cơm chay lạ miệng mà tôi cứ tí tí làm hết bát này đến bát khác một cách tự nhiên. Vị tri khách phải nhắc nhở mấy lần tôi

tình thương mệt mỏi

Tôi nghe tiếng thở dài
Vọng về trong đêm tối
Tiếng của tôi hay người?
Nghe sao buồn diệu vợi.

Tôi thấy giọt nước rơi
Chảy dài trên khuôn mặt
Vốn cần cỗi đã rời
Giọt mưa hay nước mắt?

Tôi nhìn mình trong gương
Có mặt tôi méo mó
Tôi thành thủ tội nguyên
Kể từ tháng tư đó.

Tôi thấy một dòng sông
Bềnh bồng bao thân xác
Trôi về từ biển đông
Những thân người rửa nát.

Tôi thấy một vòng tay
Mang tên tình nhân loại
Đã nở lỏng từng ngày
Vì tình thương mệt mỏi.

Tôi thấy một thân cây
Cần khô không sức sống
Đang chờ hạt sương mai
Để ươm mầm hy vọng.

Tôi thấy hàng kẽm gai
Bủa giăng quanh trại cấm
Nẻo tự do là đây
Là mỗi mồn vô vọng.

Tôi thấy mắt bé thơ
Từ trong hàng rào kẽm
Ôi, ánh mắt đại khờ
Sao nhuộm chiều u ám.

Và tôi thấy nụ hồng
Vừa nở trong đây mắt
Để tôi hiểu được rằng
Tình người không hề mất.

minh tuần

mới chịu dừng đũa để đến gặp vị tu sĩ trụ trì. Khi nghe tôi ngỏ ý xin tạm trú tại đây ít lâu, vị trụ trì nói ngay:

— Cửa chùa lúc nào cũng rộng mở. Ông có thể ở lâu bao nhiêu cũng được nhưng dĩ nhiên phải trả lệ phí ăn ở. Ông định ở đây bao lâu?

— Tôi chưa quyết định, có thể vài ngày, một tuần, hoặc lâu hơn nếu ngài không phiền. Ngoài việc thăm viếng phong cảnh, tôi còn mong có dịp được học hỏi về Phật pháp và các phương pháp thiền tập với chư tăng tại đây.

Vị trụ trì có vẻ ngạc nhiên:

— Ông cũng là một Phật tử ư? Lành thay... lành thay. Dĩ nhiên tại đây cũng có thiền đường nhưng tăng chúng không mấy ai thực hành thiền định. Chùa này không chuyên về tu thiền. Việc học hỏi Phật pháp cũng vậy, ông đến không đúng lúc, vị pháp sư của chùa có việc đi xa không biết bao giờ mới về. Phần tôi không thể giúp ông được...

Ông ngập ngừng một lúc rồi giải thích:

— Tuy là trụ trì nhưng nhiệm vụ của tôi chú trọng về việc điều hành thủ tục hành chánh hơn là dẫn dắt tín đồ. Đó là phận sự của vị pháp sư. Công việc điều hành một ngôi chùa rắc rối đa đoan lắm chứ không giản dị như nhiều người tưởng. Nhiệm vụ của tôi là kiểm soát tài chánh, thu xếp giấy tờ, điều hành, quản trị. Các tăng sĩ tại đây cũng vậy, mỗi người có một nhiệm vụ riêng, người lo nhang đèn, kẻ lo cúng tế, hoặc các thủ tục như ma chay, cưới hỏi. Quanh đây có nhiều đảo nhỏ và làng mạc nhưng lại không có chùa, do đó có việc gì cần người ta đều phải đến rước chúng

mưa qua xóm vỹ

chiều nao mưa vãi bên cồn
tạt qua xóm ngoại hớp hồn con sông
hứa hương có nguội chờ mong
người về lai láng mưa trong chiều nào.

cao xuân tứ

tôi. Chỉ nội việc cúng lễ, ma chay, cầu an, cầu siêu đã mất hết thời giờ rồi, đó là chưa kể việc bảo trì, xây cất, dọn dẹp, quét tước và nấu nướng cho chư tăng và khách thập phương nữa. Dĩ nhiên nếu ông muốn đến đây để tu thiền thì xin tự nhiên, thiền đường nơi đây mở cửa ngày cũng như đêm. Ngoài ra nếu ông muốn dạo chơi văn cảnh thì quanh đây có rất nhiều cảnh đẹp thiên nhiên, phía nam ngọn núi có nhiều hang động, rất thuận tiện cho việc tĩnh tu hay nhập thất nếu ông muốn tìm nơi yên tĩnh, vắng lặng.

— Xin cảm ơn ngài, tôi sẽ tự lo liệu để khỏi phiền đến ai.

Chúng tôi chuyển qua đề tài thời tiết, phong cảnh, đường xá từ Hương Cảng qua đây. Tôi vô tình kể lại việc gặp bà lão mù dưới chân núi. Vị trụ trì nhảy nhồm lên:

— Ông cũng gặp cụ Vương sao? Ông thấy cụ già đó thế nào? Hơi điên khùng có phải không? Nhiều người nói rằng những kẻ khật khùng, tàn phế thường có lắm biệt tài. Họ đồn rằng cụ Vương có tài tiên tri nhìn được quá khứ vị lai. Khi gặp ông, cụ già đó có nói gì không?

— Tôi chỉ gặp bà ấy trong một thời gian rất ngắn, tôi không nghĩ bà ấy nói gì ngoài việc đường đi trơn trượt khó khăn phải cẩn thận, nhưng người ta đâu cần phải có tài tiên tri mới biết được điều đó.

Tuy nói thế nhưng tôi vẫn cảm thấy áy náy về câu nói cuối cùng của bà mù. Phải chăng bà còn ngụ ý gì khác? Chúng tôi đàm đạo một lúc trước khi vị trụ trì xin cáo từ vì còn bận việc. Vị tri khách dẫn tôi đến một căn phòng nhỏ dành cho khách hành hương nằm riêng biệt ở phía sau chùa.

Lúc đầu tôi nghĩ sau chuyến hành trình nhọc mệt mình có thể ngủ thẳng một giấc đến sáng, nhưng không hiểu sao tôi cứ trần trọc không ngủ được. Tôi nằm yên nghe tiếng gió thổi rì rào qua hàng cây, mùi nhang trầm từ trên chánh điện thoảng qua bên khe cửa, thỉnh thoảng lại có tiếng chuông chùa nhẹ

nhàng ngân vang trong đêm khuya vắng lặng. Nghe tiếng chuông ngân nga tôi nghĩ đến những giai thoại liên quan đến địa ngục. Theo kinh điển Phật giáo thì mỗi khi tiếng chuông ngân lên thì các hình phạt trong địa ngục tạm thời dừng lại, các tội nhân đang thọ hình được nghỉ ngơi đôi chút. Tín đồ Phật giáo tin rằng âm thanh của chuông có thể vượt không gian và thời gian, cảm ứng đến các cõi giới vô hình, có công dụng kêu gọi những sinh linh đang mê muội lầm đường lạc lối hãy tỉnh thức. Theo quan niệm của người phương Đông thì địa ngục chỉ là một cõi mà người chết phải sống ở đó một thời gian vì những tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống nhưng nó không hề có tính cách vĩnh viễn. Trong khi đó người phương Tây lại cho rằng khi đã xuống địa ngục là hết hy vọng thoát ra và phải ở đó vĩnh viễn thiên thu (Eternal damnation). Người phương Đông cho rằng khi chết, tùy theo nghiệp lực mà người ta bị dẫn dắt vào các cảnh giới khác nhau. Hoặc sinh vào cảnh trời, cõi trần, hoặc địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba cõi sau được gọi là ba đường ác. Tuy cảnh địa ngục của người phương Đông không khác cảnh địa ngục của người phương Tây, cũng có quỷ sứ trừng phạt, hành hạ tội nhân, nhưng sự khác biệt ở chỗ khi đã trả hết nghiệp quả thì họ sẽ được lên trên các cảnh giới tốt đẹp hơn. Đã thế khi ở địa ngục, nếu biết ăn năn hối cải, biết phát tâm sám hối thì người ta có thể rút ngắn thời gian được. Hiển nhiên một người đang bị hành hạ đau đớn, khổ sở đâu còn nghĩ đến chuyện ăn năn, sám hối, vì thế mới có tiếng chuông chùa để thức tỉnh, để thúc giục người ta mau chóng quay đầu tìm về đường ngay, nẻo chính. Nhiều học giả Tây phương cho rằng quan niệm này “lạc quan và ngây thơ” nhưng tôi cho rằng đó là một hy vọng rất lớn vì bất cứ ai, dù tội lỗi xấu xa đến đâu, một khi đã biết ăn năn hối cải, biết quay đầu thức tỉnh đều có thể chuộc lại

những lỗi lầm của mình.

Hôm sau, tôi khởi sự đi dạo chơi quanh núi. Phong cảnh thật đẹp, biển xanh, mây trắng, những tảng đá gập ghềnh muôn hình vạn trạng, những dòng suối uốn mình khi ẩn khi hiện. Mây mù giăng ngang thung lũng, vài con hạc đậu trên nhánh thông cao lặng lẽ quan sát cảnh vật phía dưới... Có nhìn thấy cảnh này người ta mới ý thức được những đường nét chấm phá tài tình của các họa sĩ vẽ tranh thủy mặc. Khi xưa xem những bức tranh này, tôi nghĩ các họa sĩ đã vẽ theo tưởng tượng hay chịu ảnh hưởng một trường phái nào đó chứ không hề biết rằng họ đã quan sát thiên nhiên kỹ lưỡng và mang những cái đẹp vào họa phẩm của họ. Từ trên núi cao trông ra bốn hướng, cảnh vật lộ mờ khi ẩn khi hiện như tranh vẽ, càng dạo chơi tôi càng bị thu hút vào cảnh thiên nhiên tuyệt vời này. Cứ thế tôi miên man đi dạo từ sáng đến chiều, buổi tối về chùa ăn cơm chay thanh tịnh rồi lăn ra ngủ, không lo lắng, nghĩ ngợi gì. Cuộc sống nhàn tản như thế làm tôi quên hẳn mục đích ban đầu của chuyến đi là học hỏi Phật pháp và phương pháp thiền.

Đã có lần tôi bước chân vào thiền đường. Đó là một căn phòng khá lớn không đồ đạc, chỉ có một bức tranh vẽ tổ Bồ Đề Đạt Ma đang vác gậy có buộc một chiếc dép. Thiền đường vắng tanh không một bóng người, đáng lý ra tôi phải biết lợi dụng cơ hội để thiền tập như vẫn làm khi trước, nhưng không hiểu sao tôi không cảm thấy có động năng gì thúc giục cả. Phía sau thiền đường là Tàng kinh các, có nhiều kệ sách lớn với hàng trăm sách vở, kinh điển xếp đặt theo thứ tự, nhiều cuốn rất cũ chữ đã phai mờ. Nếu không được sao lục, ghi chép lại, có lẽ ít lâu nữa không còn ai có thể đọc xem cuốn sách đó nói những gì. Vì một lý do gì tôi không cảm thấy hứng thú khi tìm được những cuốn sách như vậy mặc dù khi xưa tôi vẫn được mệnh danh là “mọt sách”, luôn luôn ngấu ngiến

bất cứ cuốn sách nào tìm được. Phải chăng sau một thời gian mệt mỏi vì mưu sinh, tôi muốn được nghỉ ngơi trọn vẹn cho đầu óc thoải mái hay còn có lý do nào khác?

Một buổi tối, ngồi đàm đạo với vị trụ trì tôi đã vô tình hỏi:

— Phong cảnh nơi đây thật đẹp, nhiều lúc tôi có cảm tưởng như đi lạc vào chốn thiên thai. Nếu có vài ông tiên ngồi đánh cờ, vài con hạc trắng đậu bên cạnh thì hẳn người ta nghĩ mình đang sống trong cảnh tiên rồi. Tôi nghe nói vùng này có nhiều ẩn sĩ tu đạo luyện độn, ngài có biết gì về họ không?

Vị trụ trì lắc đầu:

— Đã là một Phật tử thì ông để ý đến những kẻ đó làm chi? Những kẻ theo thuyết “trường sinh cửu thị” học kỳ môn, độn giáp, dưỡng khí, luyện thần, lục nhật, thất phần hay những trò huyền bí, mê hoặc nhân tâm đó thì có gì đáng để cho ta phải lưu ý! Họ có làm gì ích lợi đâu, suốt ngày chỉ đánh cờ, gẩy đàn, uống rượu, rong chơi trên lưng hạc...

— Nhưng cưỡi hạc dạo chơi như vậy hẳn cũng thú vị lắm chứ! Chẳng phải làm lụng hay lo lắng gì mà chỉ hưởng thụ những sự sung sướng, đã thế lại không lo đau ốm hay già chết... Tu hành như thế thiết tưởng có thua gì việc được vào cõi Niết Bàn đâu?

Vị trụ trì khó chịu định nói câu gì nhưng kiềm chế lại được. Ông đứng phắt dậy vòng tay trong chiếc áo thụng ra dấu kiêu từ rồi bỏ đi thẳng. Từ đó ông tỏ ra lạnh nhạt, không còn thân thiết với tôi như trước nữa. Tuy nhiên vị tri khách tăng có một thái độ cởi mở hơn, ông cho biết đa số những người ở ẩn không thích tiếp xúc với ai và thường yêu cầu đừng ai làm rộn đến sự tu hành của họ.

— Nhưng họ thường làm gì?

— Làm sao chúng tôi biết được? Mặc dù sống trên cùng một hòn đảo nhưng không mấy khi chúng tôi giao thiệp với nhau.

— Kể cũng lạ nhỉ! Tôi vẫn nghĩ Phật giáo và Lão giáo có nhiều điểm tương đồng.

— Không đâu. Mặc dù Lão Tử chủ trương thanh tĩnh vô vi nhưng đã mấy ai theo nổi. Phần lớn những đạo sĩ đều là những người chán đời, không thích hợp với sự ganh đua nên tìm về chốn vắng vẻ để luyện đan, cầu trường sinh bất tử. Một số người sau khi ẩn tu lại xuất hiện, sử dụng các mảnh khoé hay pháp thuật để trừ tà, chữa bệnh, bán thuốc, bói toán, sấm thuật, xem quá khứ, đoán tương lai. Toàn những trò mê hoặc nhân tâm! Khi xưa ở ngoài đời họ không gây dựng được tiếng tăm gì thì sau khi hạ sơn, họ thường tự xưng là Thiên sư, Đại tiên, Thượng nhân, Lão quân...

— Nhưng ít ra họ cũng phải luyện thành công được một cái gì chứ? Liệu họ có trường sinh bất tử hay không?

Vị tri khách tăng nhìn tôi một lúc rồi bật cười:

— Làm gì có chuyện đó! Nếu họ bất tử thì dân chúng đã bỏ đi theo họ hết còn gì!

— Nhưng ít ra họ cũng phải có một cái gì chứ?

— Làm sao tôi biết được!

Một buổi sáng, khi trời hơi lạnh vì trận mưa đêm trước. Thay vì vẫn cảnh ở phía nam ngọn núi, tôi quyết định đi về phía đông, nơi có nhiều sườn núi dốc thoải xuống đến tận bờ biển. Vượt qua ngọn đồi thấp dẫn xuống một thung lũng nhỏ, phong cảnh vô cùng tĩnh mịch. Bên bên yên lặng chỉ có tiếng côn trùng kêu rả rả và tiếng suối chảy róc rách đâu đây. Vừa bước đến khúc quanh giữa hai eo núi hẹp bỗng nhiên tôi thấy một đứa bé gái khoảng chín, mười tuổi đang thoăn thoắt chạy ở phía trước. Đứa bé mặc một bộ quần áo màu xanh lục, chân đi dép, ngang hông quấn một giải khăn lụa gọn ghẽ, hai bím tóc tết đuôi sam phất phơ theo nhịp chạy. Nhìn cách phục sức, tôi biết nó không phải con cái dân chài lưới trên đảo. Đa số con nhà chài lưới thường mặc quần áo nhuộm đen, ít ai đi dép hay cột tóc như đứa bé này. Hơn nữa

hương ca

áo em màu nhung nhớ
cách trở tháng năm dài
men cay nồng một thuở
chuyên chở nặng đời ai

mây mù bay theo gió
sáng tỏ vầng trăng đêm
bên thềm trăng ở trọ
cho mắt em ứa mềm

sao đêm vừa thấp sáng
trang trí hội hoa đăng
bâng khuâng môi nở rạo
chan hoà ánh men rạo

sương giăng từng sợi hé
lên má nõn động hờ
bờ vai ôm khe khẽ
tan nhẹ vào giấc mơ

đêm mờ trăng sao khuất
trở giấc bên cội già
hoa vươm mình ngây ngất
ướp mặt ngọt hôn ta.

vì, vì



con nhà chài lưới thường bận rộn dưới bãi, mấy ai leo lên tận đỉnh núi hoang vu như vậy. Đứa bé chạy thẳng vào một khu rừng trúc rồi mất dạng sau những thân trúc xanh biếc to bằng cổ tay. Tò mò, tôi vội rảo bước theo. Vượt qua rừng trúc cao tôi thấy một túp lều và một người tuổi trung niên dáng dấp tiên phong đạo cốt, mặc áo thụng màu xanh lục đang đứng trước cửa. Hiển nhiên người này phải là kẻ tu đạo vì ông ta không kết tóc đuôi sam như mọi người mà búi ngược lên đỉnh đầu. Thấy tôi, đạo sĩ có vẻ ngạc nhiên nhưng vẫn cung kính đưa tay vái chào:

— Thật là hân hạnh. Không biết ngọn gió nào đã đưa tiên sinh hạ cố đến đây. Xin mời tiên sinh ghé lại dùng chút rượu nhạt giải khát.

Đạo sĩ khom lưng cúi sát người xuống chào khiến tôi lật đật khom lưng đáp lễ mặc dù hiện nay rất ít ai cúi gần sát đất để chào hỏi như vậy.

Đại sĩ xưng là họ Phan nhưng không nói rõ tên rồi lễ phép mời tôi vào nhà. Đó là một căn lều bằng trúc, mái lợp cỏ rất đơn sơ, tuy chỉ độc có một phòng nhưng nó được ngăn đôi bởi một bình phong cũng bằng trúc, có lẽ để che chiếc giường nhỏ phía sau. Bàn ghế trong nhà đều bằng trúc giản dị mộc mạc nhưng đượm vẻ thanh tao thoát tục. Ngoài bộ bàn ghế, góc phòng có một bàn thờ nhỏ phía trên có treo bức tranh vẽ một tiên ông tay cầm phất trần đuôi ngựa đang cưỡi một con hạc lớn.

— Xin mời tiên sinh cứ tự nhiên ngồi.

Tuy nói thế nhưng đạo sĩ lại phân ngôi chủ khách, mời tôi ngồi vào chiếc ghế quay mặt ra phía ngoài, chỗ ngồi danh dự dành cho quý khách theo tục lệ Trung Hoa. Riêng tôi nhất định đòi ngồi vào chiếc ghế đối diện, quay mặt nhìn vào phía trong, một chỗ ngồi tầm thường,

khiêm tốn nhất mặc dù chủ ý của tôi không phải vì lễ phép mà vì tò mò muốn quan sát mọi việc trong nhà. Đạo sĩ theo đúng thủ tục nhất định mời tôi ngồi vào chiếc ghế kia. Chúng tôi lễ phép mời nhau và từ chối hai ba lần trước khi ai nấy ngồi xuống ghế. Vừa ngồi yên chỗ thì cô bé gái lúc đầu xuất hiện với một chiếc khay nhỏ trên để một hũ rượu và một đĩa thịt rừng khô. Một lần nữa lại có màn đứng dậy mời chào theo đúng thủ tục. Đạo sĩ trịnh trọng rót rượu cho tôi trước khi rót cho mình rồi đưa cả hai tay nâng chén lên ngang mày:

— Xin mời tiên sinh vui lòng nhấp chút rượu nhạt. Hy vọng ngài không chê loại Hổ cốt tửu này. Tôi đã đích thân pha chế nó theo phương pháp gia truyền và chôn dưới đất trong suốt mười hai năm, loại rượu này có công dụng như một linh đơn, có thể chữa trị bách bệnh.

Lúc đầu chúng tôi thay phiên nhau mời chào một cách trịnh trọng, nhưng khi đã uống khoảng nửa hũ thì chúng tôi trở nên tự nhiên và bớt khách sáo hơn, không còn mời chào chúc tụng trước khi uống nữa mà ai nấy cứ thuận tay rót hết chén này đến chén khác. Tôi thấy vị rượu rất nồng, có phần nồng hơn các loại rượu mà tôi đã uống qua. Tuy không phải người sành rượu nhưng tôi cứ khen bừa là chưa thấy rượu nào ngon như thế. Phan đạo sĩ hãnh diện liền tiếp rót cho đến khi hết sạch hũ rồi gọi cô bé mang thêm một hũ nữa. Cho đến khi đó, ông mới hỏi lý do cuộc thăm viếng của tôi. Tôi thành thật cho biết nhân dịp hè, tôi muốn dạo chơi phong cảnh để nghỉ ngơi và hy vọng có cơ hội tiếp xúc với các cao nhân ẩn sĩ. Biết ông là người tu đạo, tôi ngỏ ý muốn được học hỏi thêm về những bí thuật của môn phái này. Ngay lúc đó cô bé mang thêm ra một chén đồ nhắm, lần này không phải thịt rừng khô mà là một đĩa thịt nướng thơm phức. Trong lúc cô bé thông thả gấp thịt ra đĩa, tôi chăm chú nhìn cặp mắt to đen

láy, mái tóc huyền làm nổi bật làn da trắng như ngọc. Tuy cô bé còn nhỏ tuổi nhưng đã có những đường nét sắc sảo đặc biệt khiến tôi phân vân không biết cô bé có liên quan gì đến đạo sĩ này nhưng không tiện hỏi. Tuy nhiên đạo sĩ biết ý tôi nên mỉm cười nói ngay:

— Chắc tiên sinh đang thắc mắc một kẻ ở ẩn như tôi lại có một đứa nhỏ hầu hạ bên cạnh như vậy. Thưa vâng, nó chính là con gái tôi, hậu quả của một lần lầm lỗi cách đây hơn mười năm. Mẹ cháu mất lâu rồi, chỉ còn mình cháu với tôi. Tên cháu là Tiểu Ngọc.

Ông ngưng ở đó không nói thêm. Chúng tôi tiếp tục uống rượu và thưởng thức đồ nhắm. Có lẽ vì chênh choáng hơi men nên tôi đắm

ra bạo dạn hơn lúc bình thường:

— Tôi đọc sách thấy các đạo sĩ tu tiên thường có nhiều phép thuật kỳ đặc như chỉ đá hoá vàng, hoá hiện ra những bầy tiên nữ múa khúc nghệ thuật, hay ít ra cũng một vài mỹ nhân để hầu hạ. Ngoài ra họ còn luyện thuật trường sinh và có những lò linh đơn nữa thì phải?

Đạo sĩ bật cười lắc đầu:

— Tiên sinh lầm rồi. Tôi không phải kẻ luyện phép trường sinh. Nếu có quyền năng chỉ đá hoá vàng thì tại sao tôi lại ẩn náu ở vùng hoang vắng như thế này làm gì? Có lẽ tiên sinh đọc tiểu thuyết hơi nhiều. Một kẻ ẩn thân nơi hoang vu thanh tịnh để tránh cạm bẫy sắc dục thì biến hoá ra mỹ nhân hầu hạ làm gì cho phiền phức. Còn việc luyện



linh đơn nữa, chỉ cần một viên cũng đủ, cần gì phải luyện đến cả lò!

— Ông từ chối khéo lắm. Không có vàng bạc châu báu hay mỹ nhân hầu hạ cũng không sao nhưng tôi thấy ông không hề phủ nhận việc luyện linh đơn. Phải chăng ông vẫn uống linh đơn?

Đạo sĩ phá lên cười làm rung chuyển cả chiếc ghế trúc:

— Ha ha ha! Này anh bạn trẻ, linh đơn đâu phải để uống.

— Vậy để làm gì?

Đạo sĩ không trả lời mà đổi đề tài, yêu cầu tôi đoán xem ông được bao nhiêu tuổi.

— Tôi trông ông khoảng ngoài năm mươi.

— Lầm rồi, tiên sinh đoán lại thử xem.

Tôi nhìn nước da hồng hào, chòm râu đen nhánh của đạo sĩ và cô bé khoảng tám chín tuổi đang hầu rượu gần đó:

— Nếu vậy thì bốn mươi hay bốn lăm. Trông ông còn khoẻ mạnh tráng kiện lắm.

Đạo sĩ bật cười rồi nghiêm nghị:

— Không đâu, tôi đã ngoài bảy mươi tuổi rồi.

Tôi giật mình, không thể tin một người khoẻ mạnh, râu tóc còn đen nhánh như vậy mà đã ngoài bảy mươi. Hơn nữa làm sao một người ngoài bảy mươi lại có con gái mới lên tám hay chín tuổi được, trừ khi ông ta có một phương pháp gì đó.

— Như vậy... như vậy hẳn ông đã thành công trong việc luyện linh đơn và đã cải lão hoàn đồng?

Đạo sĩ bật cười một hồi rồi lắc đầu:

— Lạ thật, một người ngoại quốc như ông mà cũng biết đến các giai thoại về linh đơn hay thuốc trường sinh bất tử. Tôi xem ra ông cũng là người có kiến thức rộng về văn hoá Trung Hoa, nếu vậy để tôi thối tặng ông một điệu nhạc cổ...

Đạo sĩ nói nhỏ với Tiểu Ngọc vài câu. Cô bé chạy vội vào trong nhà lấy ra một cây sáo bằng trúc rất dài. Từ trước đến nay tôi đã nhìn thấy nhiều chiếc sáo trúc, nhưng chưa bao giờ thấy cái nào dài và cổ kính

như chiếc sáo này. Phan đạo sĩ sửa lại y phục, ngồi thẳng người và trịnh trọng đưa sáo lên miệng... Trong các buổi luận đàm về thơ phú với bạn hữu của Tạ Hải, cũng có vài người gõ phách, thổi sáo hay gảy đàn nhưng chưa bao giờ tôi được nghe một âm thanh kỳ lạ thanh thoát như tiếng sáo này. Đó là một khúc nhạc cổ, dường như vui lại như buồn, nó vương vấn nhưng thanh thoát, âm thanh lúc nhất lúc khoan khiến người nghe phải say mê theo dõi. Thật khó diễn tả được cảm tưởng của tôi khi nghe khúc nhạc đó. Có thể vì men rượu, vì âm thanh lạ lùng hoặc vì lý do gì khác khiến tôi ngồi ngây ra, hồn bay bổng tận đâu đâu. Tôi không biết khúc nhạc kéo dài bao lâu nhưng khi âm thanh ngưng lại thì tôi thấy ánh nắng đã tắt dần phía sau sườn núi. Đã đến lúc tôi phải trở về Bảo Liên tự trước khi trời tối hẳn. Tôi đứng dậy lễ phép xin cáo từ nhưng có lẽ vì trí tò mò thúc giục nên tôi cố hỏi vớt một câu:

— Xin cảm ơn ông về bữa rượu và khúc tiêu tuyệt vời, nhưng trước khi từ giã, ít ra ông có thể chỉ dẫn cho tôi thêm về thuyết trường sinh bất tử hay chủ trương vô vi, huyền đồng của ông chứ?

Phan đạo sĩ cau mày lộ vẻ khó chịu nhưng trấn tĩnh lại ngay:

— Này tiểu huynh đệ, nếu anh muốn nghe một bài thuyết giảng thì hãy đến gặp các vị sư. Họ sẽ giảng cho anh nghe đủ các lý thuyết. Phần tôi tuyệt đối chẳng có gì để nói cả. Tuy nhiên gặp nhau bữa nay cũng là một duyên hay, để tôi ngâm một bài thơ của Lý Bạch cho anh nghe.

Ông vỗ bàn ngâm lớn:

*Tam bôi thông đại đạo
Nhất đấu hợp tự nhiên
Dẫn đắc tiểu trung thú
Vật vi tình gia truyền.*

Tạm dịch:

*Ba chén hiểu đạo lớn
Một chum biết tánh thiêng
Say sưa trong thú rượu
Còn hơn kẻ tỉnh điên.*

Tôi không lạ gì bài thơ này vì đã đọc qua nhưng khi đạo sĩ nhấn

mạnh câu “Tuyệt đối chẳng có gì để nói cả” tôi lại nghĩ ngay đến chủ trương “bất ngôn chi giáo” của Lão Tử. Người Tây phương khó có thể hiểu được phương pháp dạy bảo mà không dùng đến lời nói này. Từ ngàn xưa, các bậc hiền giả phương Đông đã cho rằng ngôn ngữ, văn tự là một phương tiện miễn cưỡng vì nó không thể diễn tả được hết ý nghĩa. Một ý tưởng cao siêu tuyệt đối không thể diễn tả bằng thứ ngôn ngữ tương đối mà phải sử dụng đến sự cảm thông vì “đạo khả đạo, phi thường đạo”. Cũng như thế, những chân lý tối thượng không thể sử dụng lời nói, văn tự mà diễn đạt nhưng phải sử dụng đến cái tâm hiểu biết, tâm thông cảm hay lấy “tâm truyền tâm” như chủ trương của thiền “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, kiến tánh thành Phật”. Các vị thầy phương Đông không vội vã truyền dạy những điều họ hiểu biết, họ không tuyên bố ồn ào những điều họ khám phá ra như các vị thầy phương Tây. Thay vì viết sách, mở trường, thu nhận học trò thì họ lại yên lặng sống âm thầm lặng lẽ với điều họ đã chứng nghiệm. Một người muốn học hỏi phải biết đi tìm thầy, phải lặn lội khắp nơi để tìm người hướng dẫn cho mình. Dù gặp được thầy nhưng không mấy khi vị thầy chịu truyền dạy ngay mà còn quan sát học trò một cách cẩn thận và chỉ hé môi nói những gì cần thiết, vừa vặn để cho học trò vỡ lẽ ra thôi. Thay vì sử dụng những lý luận, rõ ràng rành mạch, họ lại tìm những câu nói mờ ám để bắt học trò phải vắt óc suy nghĩ, phải tìm hiểu sâu xa để tự mình tìm ra những điều muốn biết. Đó chính là điểm ưu việt của phương pháp giáo dục không cần sử dụng đến ngôn ngữ, văn tự, lý luận mà chỉ kêu gọi cho người học tự mình quán triệt lẽ đạo mà thôi. Đó cũng là huyền nghĩa của câu “tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri” (biết thì không nói, nói thì không biết).

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

TÀI-LIỆU VỀ HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Hỏi: Thưa bác BC, cha mẹ cháu là người Hoa sinh sống tại Việt-nam. Cháu chỉ biết đọc và biết nói tiếng Việt, và thương nước Việt như chính quê-hương mình vậy. Cháu đọc báo thấy nói người Hoa (Trung Cộng) chiếm đảo Trường-sa và Hoàng-sa của Việt-nam thì cháu không vui. Cháu chỉ mong rằng chuyện đất-đai thì chắc phải có sổ-sách, giấy-tờ, hay có khi có cả thơ văn ca-tụng nữa. Sao mình không đưa mấy tài-liệu đó ra, trình với Liên-hiệp-quốc để xin can-thiệp. Bác có biết về các tài-liệu này không? Nếu có xin đăng lên báo coi trong cộng-đồng có ai cần thì có sẵn. Kính.

Đoàn văn Trọng
Mississauga

Đáp: Trong *Phủ-biên tập lục* của Lê Quý Đôn, tập 2 viết về hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam, có đề-cập tới quần-đảo Trường-sa, thuộc phủ Quảng-ngãi, xứ Quảng-nam, như sau:

"*Phủ Quảng-ngãi, ở ngoài cửa biển xã An-vĩnh, huyện Bình-sơn,*

có nơi gọi là cù-lao Ré, rộng hơn 30 dặm, trước có dân phường Từ-chính cư-trú, trồng đậu, ra biển 4 canh thì đến. Phía ngoài nữa có đảo Đại Trường-sa ở về phía đông-bắc có nhiều đảo, có núi linh-tinh hơn 130 hòn, từ hòn này sang hòn kia đi mất từ vài canh tới một ngày đường. Trên núi có chỗ có nước ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng, dài hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Trên đảo có vô số tổ yến, các thứ chim có hàng nghìn hàng vạn con, thấy người thì đậu vòng quanh không tránh. Bên bãi vật lạ rất nhiều. Thuyền nước ngoài gặp gió thường bị hư-hại ở đảo này."

Vào thời Lê Quý Đôn, Việt-nam coi Trường-sa và Hoàng-sa cùng một đảo, gọi chung là đảo Đại Trường-sa, do đó mới có chuyện đi từ các đảo ở đầu Trường-sa tới các đảo ở đầu Hoàng-sa mất một ngày đường.

Cấu-trúc của một đảo san-hô gồm một vòng đai san-hô ở ngoài cùng, chính giữa là đụn cát, chen vào giữa là hồ nước lặn, trong suốt đến tận đáy, quang-cảnh ngoạn-mục.

Sách *Đại-nam nhất thống chí*, tập 5, trong phần núi sông của tỉnh Quảng-ngãi cũng có nói tới đảo Hoàng-sa, như sau:

"*Đảo Hoàng-sa (chính-thực gồm cả Trường-sa và Hoàng-sa ngày nay): ở phía đông cù-lao Ré. Từ bờ biển Sa-kỳ đi ra, nếu thuận gió, mất ba ngày ba đêm thì tới. Trên đảo, các núi la liệt hơn 130 hòn, cách nhau một ngày đường hay một vài canh. Trong đảo có bãi cát vàng, kéo dài không biết mấy nghìn dặm (chắc gặp lúc nước ròng), tục gọi là Vạn-lý Trường-sa. Trên bãi có giếng nước ngọt. Chim muông tụ-tập không biết cơ man nào. Có nhiều hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích. Hàng hoá của các tàu bị gió mắc cạn tích-tụ nơi đây."*

Ngoài ra, cuốn *Việt-nam dư đồ thuyết* cũng có một đoạn nói về các đảo này, phiên-âm hán-việt như sau (ý nghĩa tương-tự như *Phủ biên*

tập-lục và Đại-nam nhất thống chí):

"*Bình-sơn huyện, An-vĩnh xã, thôn cư cận hải, đông bắc hữu đảo dữ quần sơn trùng điệp, nhất bách tam thập dư linh, sơn gian hữu hữu hải, ước cách nhật hứa hoặc số canh, sơn hạ gián hữu cam tuyến, trung hữu Hoàng sơn chư, trường ước tam thập dư lý, bình dân quảng đại, thủy thanh triệt để, chư thương thuyền đa ý ư thủ."*

QUỐC-KỶ VIỆT-NAM

Hỏi: 1. Xin bác cho biết lá cờ vàng ba sọc đỏ của Việt-nam Cộng-hòa và người Việt tự-do hiện nay đã được hình-thành trong thời-điểm nào của lịch-sử Việt-nam. Nhờ bác giải-thích thêm về ý-nghĩa của lá cờ này.

2. Nghi-thức chào quốc-kỷ, hát quốc-ca và một phút mặc-niệm đã có từ bao giờ ở Việt-nam? Vào thời nhà Nguyễn và các triều-đại trước kia có các nghi-thức này không?

Huỳnh Tuyền
Sydney, Úc-đại-lợi

Đáp: 1. Lá cờ vàng ba sọc đỏ của chúng ta hiện nay là mẫu vẽ của họa-sĩ Lê Văn Đề, họa-sĩ Việt-Nam nổi tiếng trong thập-niên 40. Mẫu này là một trong các mẫu cờ đề-trình ra trước một hội-nghị thân-hào nhân-sĩ cùng đại-diện các đoàn-thể tôn-giáo Việt-nam, do Hoàng-đế Bảo Đại triệu-tập tại Hương-cảng năm 1948. Hội-nghị đã chọn mẫu cờ vàng ba sọc đỏ, với sự đồng ý của Hoàng-đế.

Lá cờ này đã chính-thức trở thành cờ Việt-nam, được chính-phủ lâm-thời của tướng Nguyễn Văn Xuân công-nhận từ ngày 14.6.1948 (đúng 12 ngày sau khi chính-phủ thành hình), và được người Việt yêu-chuộng dân-chủ tự-do tôn-trọng cho tới ngày nay.

Về ý-nghĩa, màu vàng là hành-thổ, tượng trưng cho đất, nằm ở vị-trí trung-ương. Màu vàng vừa tượng-trưng cho lãnh-thổ, lúa vàng của một quốc-gia nông-nghiệp, vừa nói lên uy-quyền lãnh-đạo tối-cao của hồn thiêng sông-núi, và tinh-

thần tự-chủ của quốc-gia. Màu vàng vốn là màu hoàng-gia của Trung-quốc, trên nguyên-tắc quốc-vương các nước nhỏ chung quanh không được phép dùng. Người Việt dùng cờ vàng, cũng là một cách nói lên ý-chí tự-chủ cạnh một quốc-gia láng-giềng khổng-lồ từng đô-hộ mình hơn 1000 năm.

Màu đỏ tượng trưng cho hành hỏa, nằm ở vị-trí phương Nam, biểu-tượng của thành-công. Hai màu vàng đỏ hợp lại nói lên ý-chí độc-lập của một dân-tộc ở phương Nam.

Ba sọc đỏ tượng trưng cho ba miền Nam Trung Bắc. Cả ba miền (ba sọc đỏ) cùng nằm trên một nền vàng, còn nói lên tình đoàn-kết dân-tộc.

2. Lễ chào cờ và hát quốc-ca tại Việt-nam đã có từ thời vua Bảo-đại hồi đệ nhị thế-chiến. Lúc đầu còn chào cờ long tinh và hát bài *Đặng đàn cung*. Cờ long tinh nền vàng một sọc đỏ. Còn *Đặng đàn cung* vốn là bài nhạc lễ cử lên trong lúc nhà vua tiến lên đàn Nam-giao để tế trời. Lễ mặc-niệm một phút sau khi chào cờ, có từ sau Tết Mậu Thân 1968, để tưởng-niệm các đồng-bào bị cộng-sản sát-hại tập-thể tại Ba-đồn (Huế). Về sau, phút mặc-niệm dùng tưởng-niệm cả đồng-bào lẫn chiến-sĩ, những người hi-sinh, chiến-đấu vì lý-tưởng tự-do. Nhạc-khúc dùng trong phút mặc-niệm (không chính-thức) là bài *Hồn tử-sĩ* cũng của Lưu Hữu Phước (xin đừng nhầm với bài *Chiêu hồn tử sĩ* của Đỗ Nhuận).

NHỊ THẬP TỬ HIẾU

Hỏi: Xin bác cho biết sơ-lược sự tích trong Nhị Thập Tử Hiếu. Cảm ơn bác.

Lê Minh Hiền
Vancouver

Đáp: *Nhị thập tử hiếu* là 24 gương hiếu-thảo ở Trung-hoa ngày xưa, do Quách Cư Nghiệp, một học giả đời Nguyên chép lại, bản Nôm song thất lục bát của Lý Văn Phức (thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự

Đức).

28 truyện này gồm:

1. Ngu Thuấn, một trong ngũ đế thời Thượng cổ, sau được vua Đường Nghiêu truyền ngôi (lòng hiếu thảo cảm được thú dữ).

2. Văn đế, con dòng thứ của Lưu Bang Hán Cao-tổ (khi cha đau ốm nếm thuốc trước vì sợ có kẻ hạ độc cha mình).

3. Tăng tử, tức Tăng Sâm (khi ông đi rừng, mẹ muốn gọi về, cắn vào ngón tay chảy máu, ông nghe lòng đau xót, về ngay).

4. Mẫn Tử Khiên, tức Mẫn Tồn, học trò Khổng-tử (xin cha đừng đuổi mẹ kế, sợ các em kế cùng chịu rét).

5. Tử-lộ, tức Trọng Do, học-trò Khổng-tử (đường xa đội gạo nuôi mẹ).

6. Diễm tử, đời nhà Chu (khoác da giả làm hươu lên rừng vắt sữa cho cha mẹ già).

7. Lão lai tử, người nước Sở (70 tuổi, mặc áo sặc sỡ giả trẻ nít làm trò cho cha mẹ vui).

8. Đồng Vĩnh, đời Hậu Hán (hứa dặt lựa trừ nợ mượn lúc chôn cất cha mẹ).

9. Quách Cự, đời Hán (không đủ sức vừa nuôi mẹ, vừa nuôi con, mang con đi chôn sống để dành cơm nuôi mẹ, may đào được hũ vàng).

10. Khương Thi, đời Hán (thường phải đi xa bắt cá và gánh nước hầu mẹ, trời thương cho tuổi chầy cạnh nhà, có cá hàng ngày tới hiến thân cho ăn, khỏi phải đi xa).

11. Thái Thuận, đời Hán (hái dâu lựa trái chín cho mẹ, trái sống cho mình, giặc trông thấy thương tình thưởng tiền).

12. Đinh Lan, đời Hán (tạc tượng gỗ thờ cha mẹ như người sống).

13. Lục Tích, đời Đông Hán (đi ăn tiệc, giấu quít vào tay áo về dâng mẹ).

14. Giang Cách, đời Hán (cồng mẹ chạy giặc, bị giặc bắt, kêu van thảm thiết vì sợ không lo cho mẹ mình, giặc thương tình thả hai mẹ con về).

15. Hoàng Hương, đời Đông Hán (mùa đông nằm ủ chăn cho cha mẹ ấm, mùa hạ quạt gối cho thoáng để cha mẹ nằm).

16. Vương Thôi, nước Ngụy đời Tam-quốc (khi mẹ còn sống sợ sấm sét, khi mẹ chết rồi, mỗi khi mưa giông, ông ra nằm bên mồ cho hồn mẹ đỡ sợ).

17. Ngô Mạnh, đời Tấn (nhà không có mùng màn, cởi trần cho muỗi cắn mình khỏi cắn cha mẹ).

18. Vương Tường, đời Tấn (mẹ mất, mùa đông ông cởi trần nằm lên băng cho bắt tan, bắt cá hầu mẹ kể để làm vui lòng cha).

19. Dương Hương, đời Tấn (tay không đuổi hổ cứu cha).

20. Mạnh Tông, người đất Giang-hạ đời Tam-quốc (mẹ ốm thêm canh măng, mùa đông ông ra ngồi bên gốc tre mà khóc, măng liền mọc lên).

21. Du Kiềm Lâu, người nước Tề (đang trấn nhậm nơi xa, nghe trong lòng hồi hộp, xin về quê thì biết cha ốm nặng).

22. Đường thị vợ họ Thôi (mẹ chồng già rụng hết răng, Đường thị cho bà bú sữa của thị).

23. Châu Thọ Xương, người Tống (từ quan đi tìm mẹ).

24. Hoàng Đình Kiên, đời Đường (tuy làm quan to song vẫn tự tay chăm-sóc cha mẹ).

Quan-niệm về chữ hiếu của người xưa không thể áp-dụng cứng-nhắc vào đời sống thời nay được. Hiếu và nhân phải đi đôi. Vì mẹ mà giết con là phi nhân.



Chuyến Công Tác 21 Ngày Tại Các Nước Âu Châu

Nguyễn Hữu Nghĩa



(tiếp theo)

Cuối cùng rồi tôi cũng tìm ra một nhà hàng... Việt-nam, ngay giữ trung-tâm Rose, một thành-phố biển nhỏ xíu của xứ Catalonia gần biên-giới Pháp, nhìn ra Địa trung hải.

Rose. Mai khôi. Thành-phố mang tên hoa hồng nhưng rất hiếm loài hoa này, nhất là hoa hồng. Nắng, gió biển và cát có khả-năng tàn-phá khả-năng tăng-trưởng của hoa, nhất là các loại hoa đơm dáng đòi hỏi được chăm-sóc kỹ-lưỡng.

Cũng chẳng hề gì. Chẳng mấy ai mò ra biển để tìm hoa. Người ta đi tắm nắng, tắm nước biển, tắm gió thơm, tắm không-khí mần-mặn trong lành và khoẻ-mạnh. Ra biển để gột rửa nhọc-nhân, bức-bối. Nằm dưới nắng trong để thần-kinh "giãn" ra, để lòng chùng xuống sau

những ngày giờ đấu-trí khốc-liệt sau bàn giấy, trên bàn viết, trong công-sở, ngoài thương-trường.

Biển, nơi tịnh-dưỡng tâm-thần. Cõi tâm được nghỉ-ngơi khi toàn thân hoạt-động. Hoạt-động tích-cực, hoạt-động chết bỏ, không biết mệt. Đạp xe hàng giờ trên phố biển. Nhảy sóng dồn-dập dưới nước mát. Nằm lim-dim thả người trên phao, mặc cho làn nước đẩy-đưa. Đi bộ lang-thang từ đầu ghềnh tới cuối bãi. Phơi mình dưới nắng trong. Nhặt vỏ sò vỏ ốc hay moi cát đắp thành đồng lũy, lâu-đài... Ở đây loài người trẻ lại. Trẻ đến mức hồn-nhiên. Những mái đầu bạc trườn bò, lẫn-lộn, tát nước, tung cát, ném banh huyền-náo bên cạnh những mái đầu xanh rộn-ràng.

Ồi biển. Thánh-địa của loài người thành-phố. Ở đây ai cũng lột

xác, cũng phản lão hoàn đồng, cũng tươi-tắn trẻ-trung. Những chiếc mặt nạ đạo-mạo, lăm-lì bị ném xuống, bày ra khuôn mặt rạng-rỡ tự-nhiên. Loài người cởi bỏ lớp vỏ cứng, như những cô gái măng tươi bóc yếm nằm phơi ngực son hồng trên bãi. Lòng trần-tục, thói-tục bỏ lại sau lưng. Tất cả, chỉ còn lại bản hợp-tấu hoang-dại của thiên-nhiên, khoẻ-mạnh và thân-quen. Nắng trong, gió nhẹ, cát vàng và chim biển. Sức sống và tuổi xuân. Mọi tuổi đều xuân. Ồi biển. Liều thuốc hồi sinh...

Nhưng hôm ấy chúng tôi không được tắm. Nước biển lạnh như nước đá đang tan. Gió biển se-sát như mùa đông Đà-lạt. Ơ hay! Địa-trung-hải, *Mediterranean Sea*, cái biển ấm-áp quanh năm nằm giữa ba đại-lục Âu, Phi, Á hôm nay... trở trời trái gió chẳng? Lẽ nào đã đầu tháng 7, trong khi các bãi ở miền Trung Hoa-kỳ, miền Đông Gia-nã-đại và cả miền Nam Na-uy đều đã đủ ấm để tắm, cái hồ bơi này lại se mình, làm khó dễ khách đường xa? Đoàn khách viễn-phương hết nhìn nhau thắc-mắc, lại quan-sát vẻ mặt dân địa-phương để thăm-dò.

Thôi cứ đổ tội cho đất trời. Không tắm được thì đi dạo lang-thang, hít thở không-khí trong, ngắm mây nước và... người tắm nắng. Địa-trung-hải vẫn hiền-lành chân-thật, dù có hơi khó tính.

Thành-phố hoa hồng này được ghi dấu một cách khiêm-tốn trên bản đồ, nhưng trong thực-tế to bằng một thành-phố, nằm xoải dài trên bờ biển, gần xa-lộ liên-châu dẫn về hướng Perpignan (Pháp) và Barcelona (Catalonia, Tây-ban-nha) không xa. Sát biển bao giờ cũng là tiệm bán kỷ-vật, quần áo tắm, nhà hàng và khách-sạn. Khách-sạn ở Rose đủ hạng, từ 30 mỹ-kim một phòng trở lên. Đủ kiểu, từ kiến-trúc Nhật-nhĩ-man, Phú-lang-sa, Y-pha-nho tới lối tân-kỳ Bắc Mỹ.

Từ Rose, du-khách có thể lái xe — và ngay cả đạp xe — đi về phía

bắc, ngang qua các thành-phố lân cận như Cadaqué, El Port de la Selva và Portbou, thành-phố Catalonia cuối-cùng trước khi tới Cerbère nằm ngay trên biên-giới Pháp.

Muốn xuống Barcelona, phải trở ra xa-lộ liên-châu E15, đi về phía Nam, mất hơn một giờ. Barcelona lúc đó đang chuẩn-bị khai-mạc Thế-vận-hội, với kinh-phí 10 tỷ mỹ-kim bỏ ra tổ-chức, dự-trù thu lãi khoảng 500 triệu.

Trước khi vào Barcelona, du-khách có thể ghé qua Badalona xem lễ ...bò rượt. Hàng năm cứ vào tháng bảy, dân Catalan thả bò chạy rông ngoài phố, gặp ai rượt nấy. Trong ngày lễ này thì ông già bà cả lụm-cụm, đàn bà con nít và cả du-khách chậm chân, mặt nhỏ có quyền đóng cửa ở nhà, hoặc mò ra bao-lơn trông xuống đường phố xem cảnh bò rượt người.

Bò Catalonia và Tây-ban-nha nhiều dã-tính hơn bò Việt-nam, chỉ biết sinh con và cày ruộng. Bò xứ này sừng nhọn hoắt, hơi thở khi khịt, mắt đỏ ngầu rất hung-hăng, gặp người là đuổi chạy ngay. Các cậu trai trẻ ưa trò này lắm. Bị bò rượt là một hành-động... anh-hùng. Bị rượt mà chạy kịp, không bị húc chết là một chiến-thắng, ghi dấu thành-tích của tuổi trẻ. Thanh-niên từ Pháp, Đức, Ý, và thậm chí ở Bắc Mỹ, tháng bảy hàng năm đổ về Badalona để chơi trò bò rượt. Năm nào cũng có vài người chết và vài tá người bị thương. Trong số những người chết năm nay, có một cậu sinh-viên từ Los Angeles bay sang. Cái chết lẫm nhách, trò chơi kỳ-cục và người xem cũng đầy... thú tính (xin lỗi!)

Thôi bỏ chuyện bò, bỏ chuyện Badalona, Barcelona, trở lại với Rose, với đường phố nhỏ hẹp hai chiếc xe tránh nhau vất-vả, và với đa-số đường phố chỉ vừa một chiếc xe chạy qua (dĩ-nhiên là một chiều lưu-thông).

Tới lui xuôi ngược mãi thì mỗi chân và đói. Xe đồ xăng thì người đồ cơm. Xăng có loại ít chất bốc

hay nhiều chất bốc (*octan*), thức ăn ngoài loại nhiệt lượng ít hay nhiều nhiệt-lượng, còn chia ra Tây, Tàu, Việt rắc-rối lồi-thôi. Đường xa xứ lạ, tìm đâu cho ra tương dưa, cà muối, chúng tôi ngậm ước-hẹn với nhau: sáng ăn tại khách-sạn (hầu hết khách-sạn ở Âu-châu đều tính chung tiền ăn, tiền... tắm và tiền phòng, không ăn không tắm thì thiệt!); trưa ăn qua-loa ngoài bãi, trong xe (nếu đang di-chuyển) hay các trạm nghỉ; chiều ăn cơm tàu. Cơm tàu rất gần với cơm Việt, nghĩa là có... cơm, dù rằng cơm tàu nấu cho thực-khách Tây-ban-nha, Pháp, Đức, Hòa-lan,... không hợp-khẩu người Việt lắm. Dù sao cũng "đượm mùi dân-tộc" hơn cơm tây.

Bọn nhà quê chúng tôi lái xe chạy vài ba vòng thành-phố, cuối-cùng cũng tìm ra một nhà hàng biển đỏ chữ vàng "*Mekong Restaurant*." Thấy Mekong (sông Cửu-long), chém chết cũng là ...cơm tàu, mặc dù con sông này phát-nguyên từ Tây-tạng, chảy ngang Trung-hoa, Lào, biên-giới Thái-lan, Miến-điện, xuống Cao-miên rồi đổ vào Việt-nam.

Nhiều người bảo cơm Thái-lan ngon hơn cơm Tàu, nhưng cái anh chàng tôi gàn dở nhất định tấy chay không ăn, gọi là cơm... hải-tặc. Ôi, cái định-kiến đã hằn sâu vào tâm thức rồi rất khó phai. Những hình-ảnh đau-buồn hằn đã chứng-kiến trên biển đông 13 năm trước, với những tai-nạn dồn lại suốt 10 năm sau, đã trở thành một vết thương. Dù biết rằng định-kiến là sai-lầm, nhưng nếu không phải là chuyện nước non bất buộc, mà là chuyện ăn chơi, giải-trí, có quyền chọn-lựa, là hấn chọn ngay. Cơm Thái, hấn gọi là cơm hải-tặc. Hàng Thái, hấn gọi là hàng hải-tặc. Mỗi lần tiếp xúc với một người Thái, đổ khối hấn kín-đáo ngấm-nghía để đo lại với nhân dạng hải-tặc mà hấn đã gặp ngoài biển. Khổ thân hấn!

Thôi thì cơm Tàu. Chạy thêm ba vòng nữa mới may-mắn tìm được chỗ đậu xe ở cái thành-phố lăm người nhiều xe này. Tới gần, thêm

một sự ngạc-nhiên nữa. Dưới biển "*Mekong Restaurant*" có hàng chữ nhỏ: "*Chinese and Vietnamese cuisine*."

Chủ nhà hàng, ở giữa xứ Catalonia xa xôi này, là một phụ nữ Việt Nam chính gốc, dòng dõi học giả Trương Vĩnh Ký, lấy chồng Catalan và đã theo chồng về xứ này đã mấy chục năm. Cô gái ấy — bây giờ là bà chủ nhà hàng — nói tiếng Việt miền Nam đúng giọng, chỉ hơi nghèo từ ngữ. Là con nhà khá giả, học trường Tây, cô gái ấy sang Mỹ chơi một mùa hè, duyên số đẩy đưa gặp người thanh niên Catalan để rồi vu qui theo chồng về thành phố Rose ở ven bờ Địa-trung-hải, trở thành người Catalan quốc tịch Tây Ban Nha, nói tiếng Catalan và Tây Ban Nha, nấu cơm Tàu và Việt theo khẩu vị Catalan, bán cho khách địa phương.

Khác với bữa cơm do ông chủ nhà hàng gốc người Tàu Trà Vinh VN, nấu ở Andorra hôm nọ, bữa cơm Việt-nam ở Catalonia này vừa miệng hơn. Đoàn khách viễn-phương ra mở xe lục tìm vài tờ *Làng Văn* mới, để lại tặng bà chủ — khi được biết bà vẫn thích đọc chữ Việt, và tìm mua sách báo Việt rất khó-khăn khi bỏ hàng tại Perpignan hay Marseille (Pháp).

Chúng tôi hơi băng-khuâng. Hóa ra người Việt sống tha-phương đông hơn, và lâu đời hơn mình tưởng. Biển-cổ 1975 là một cái mốc lớn, đánh dấu sự trải rộng của hơn hai triệu người Việt trên khắp mặt địa-cầu. Trước đó, đã có những hạt của giống dân-tộc, bám rễ đâu đó tại các phương trời xa-xăm này.

Sau này trong chuyến đi, do cái thói thích ăn tối bằng cơm Việt, chúng tôi đã tìm ra rất nhiều nhà hàng Việt-nam ngay cả tại các làng-mạc hẻo-lánh, thôn-ổ xa-xôi khắp miền Nam nước Pháp. Những dấu chân chim thiên-di Lạc Việt đã in vết mọi nơi!...

(còn tiếp)

diễn đàn



KIỂM LẠI NGUỒN TIN...

Lâu nay chúng tôi nghe đồn có một số nhà văn ở hải ngoại dự định quyền góp giúp đỡ nhà văn Cộng sản Dương Thu Hương. Xin anh vui lòng cho biết nguồn tin đó có xác thực không?

Nếu đúng như vậy thì hành động kêu gọi quyền góp tiền giúp cho Dương Thu Hương chẳng khác gì gáo nước lạnh tạt vào mặt chúng tôi — những người cầm bút cùng chiến tuyến, một số đang chịu cảnh tù đầy trong chế độ Cộng sản như: Tô Thùy Yên, Vương Đức Lệ, Mai Trung Tĩnh, Hồ Nam, Thảo Trương...; một số khác đã được tha nhưng đang chịu cảnh khổ khó cùng cực như: Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Thụy Long, Thanh Thương Hoàng, Choéc...; và sau hết là những người đang đăm đuổi, tuyệt vọng trong các trại tị nạn như: Nguyễn Quốc Trụ, Đặng Hoàng Hà, Tuấn Quỳnh, Lưu Hữu Vân và một cây bút trẻ gốc Thiếu sinh quân như Trần Dũng Thủy có bài vở cộng tác thường xuyên trên tờ *Việt Luận* (Úc) và đặc san *Thiếu sinh quân* (Hoa kỳ) từ trên hai năm nay.

Áp lực của Kế hoạch Hành động Toàn diện (C.P.A) đang đè trĩu lên số phận đồng bào tị nạn với những cuộc thanh lọc lạnh lùng; với diện tích chỗ ở dành cho mỗi người chỉ vừa vịn bằng... chiếc quan tài; với khẩu phần ăn bị rút bớt, không hơn gì thứ cơm tù ở Chí Hoà, ở các trại tập trung cải tạo. Nhưng cái thiếu thốn hơn cả là tình người. Cái ghê gớm hơn cả là thứ địa ngục do

chính những người cùng hàng ngũ quốc gia đè lên vai nhau. Và hơn ai hết, những người cầm bút rất nhạy cảm trước những biến đổi, mất mát về tình cảm.

Hồ Ông
(Thái lan)

LÁ LÀNH ĐÙM LÁ RÁCH

Ở trại tị-nạn, tôi được biết hai tờ *Đường Sống* và *Làng Văn*. Tôi cho rằng nghĩa cử cao đẹp của *Làng Văn* và *Đường Sống* dành cho người tị nạn trong nhiều năm qua đã an ủi và khích lệ đồng bào tị nạn rất nhiều. Xin trân trọng và biết ơn những những tình cảm cao quý đó. Đáng kính và tự hào thay cho những ai còn nghĩ đến quê hương, đồng bào, khi cuộc sống bị quay tròn bởi những đồng đô-la vật chất!

Đối diện với cuộc thanh lọc đầy bất công, bị bùng bít và cô lập với thế giới bên ngoài bởi mạng lưới cảnh sát và hàng rào kẽm gai kiên cố, mỗi khi *Làng Văn* vào được bên trong trại đã củng cố niềm tin và sưởi ấm nhiệt tình đấu tranh của người tị nạn rất nhiều.

Vì lý do đặc biệt nào đó mà *Đường Sống* đình bản, nhưng tôi hy vọng rằng *Làng Văn* sẽ mãi mãi là chiếc cầu giao lưu giữa thế giới bên ngoài đối với các "ốc đảo" tị nạn toàn Đông Nam Á, đồng thời là món ăn tinh thần đậm đà hương vị quê nhà với những người tị nạn kém may mắn.

Trong lúc tình hình tị nạn đang đi vào chỗ đen tối, hơn lúc nào hết, những người tị nạn đang ở trại cấm

rất cần sự động viên, an ủi, khích lệ của những người Việt ly hương đã có may mắn và sớm được định cư. Tục ngữ ta có câu "*Lá lành đùm lá rách*", cầu mong *Làng Văn* mãi là "*lá lành*" đùm "*lá rách*" như nhiều năm qua.

Lê Tám
(Shatin, Hongkong)

BẠN EM TRONG NƯỚC VẪN MONG LÀNG VĂN

Em lớn lên từ Hà Nội từ nhỏ, nên em hiểu rất rõ tâm tư người Hà Nội kể từ khi mất Sài gòn. Nỗi đau khổ chịu đựng suốt 30 năm qua đã làm cho người Hà Nội bây giờ hoàn toàn thay đổi. Họ không nhìn đảng Cộng sản như một ánh sáng nữa đâu. Lời ru của Cộng sản Việt Nam đối với người Hà Nội đã trở thành bóng ma, ác quỷ. Người Hà Nội chờ đợi một ngày mai mà tất cả mọi người dân Việt yêu nước trở về để thay đổi, xây dựng một Việt Nam mới, có tự do, có dân quyền. Bạn bè em còn kẹt lại trong nước, thư cho em vẫn mong được đọc *Làng Văn* giữa lòng Hà Nội đó. Em có thể gửi thêm vài địa chỉ lên, chị gửi báo về cho họ có được không? Em biết bạn bè em sẽ vui khi biết rằng những người cầm bút ở hải ngoại luôn nghĩ về đất nước. Vì lúc còn ở trong nước, 10 năm học phổ, 6 năm đại học, chúng em bị cấm ngặt, không được tiếp xúc với văn học Sài gòn cũ, nên chúng em hiểu ít lắm. Bây giờ được tiếp xúc với *Làng Văn*, em mới thấy được những cây bút Việt Nam hải ngoại thật tuyệt vời, vừa sâu sắc vừa thẳng thắn, người làm và viết văn không sợ bị trả thù. Em cảm phục họ lắm. Cảm ơn chị và quý báo đã cho em được đến với làng. Thư em viết lộn xộn vì những suy nghĩ, đừng nghĩ em cầu thả nhé.

Dương Ly Hương
(Quebec)

TRỞ VỀ

Hiện trạng ở các trại tị nạn Đông Nam Á đều có chương trình của Cộng đồng Âu châu nhằm khuyến

khích người Việt trở về với CS tại quê hương nhiều đau khổ của họ. Chương trình này ít nhiều đã có kết quả. Đầu khắp các trại tị nạn CS tại Đông Nam Á đã có một số người "tự nguyện hồi hương" dưới sự "giúp đỡ" của UNHCR và EC. Trước thực tế này, một số người đã vội vàng phủ nhận mục đích rời bỏ quê hương của hơn trăm ngàn người Việt khổ đau. Họ không hiểu, hay cố tình không hiểu, số người đã, đang và sẽ trở về là ai? Và điều gì đang chờ đón số người này trong tương lai khi mà CS còn nắm giữ quyền quyết định vận mạng của dân tộc Việt? Dù là CSVN đang hấp hối, nhưng giờ lâm tử của con thú đói sẽ vô cùng hung dữ, tàn bạo.

Hẳn chúng ta, ngay cả UNHCR, đều hiểu rõ những kẻ "tình nguyện hồi hương" có đến 90% nằm trong hai trường hợp sau:

1. Chưa phải là nạn nhân trực tiếp của Cộng sản.

2. Kẻ yếu đuối nhu nhược.

Trong trường hợp 1, ta có thể thấy rõ ràng là không người nào đã là nạn nhân trực tiếp của CS mà xin hồi hương cả. Có thể kể: cựu quân nhân VNCH; những người bị tịch thu tài sản hay trốn về từ vùng kinh tế mới, bị tù tội vì lý do chính trị, bị tru dập vì lý lịch gia đình.

Trong trường hợp 2, người "tự nguyện hồi hương" phần lớn là những kẻ yếu đuối trước thực tế khó khăn, gian khổ nơi các trại tị nạn. Họ bị UNHCR vừa đe dọa vừa dụ dỗ khiến tâm thần dao động. Trong lúc hoang mang, họ vội tin vào những lời hứa hẹn suông của CSVN và UNHCR. Họ đã không dự liệu được chính tương lai của họ sẽ ra sao khi CSVN thay đổi sách lược về vấn đề hồi hương. Hậu quả đen tối đang chờ đón họ tại VN. Khi về nước, chắc chắn họ sẽ trở thành công dân hạng nhì trong xã hội vì dưới con mắt người CS, họ luôn luôn là bọn chạy theo tư bản, phản bội tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa. Có thể khi về nước, những người tự nguyện hồi hương sẽ được CS để yên một thời gian

(vài tháng?, vài năm?); sau đó là "tai nạn giao thông", là "sự cố kỹ thuật", là "vi phạm luật pháp"... để đưa dần những người này vào các trại cải tạo, nhà tù, công nông trường hay pháp trường một cách tinh vi. Lúc ấy thì EC hay UNHCR có biết cũng không thể giúp gì họ được.

Cộng sản VN đang trên đường phân hoá. Ngày tàn của nó tuy không xa nhưng vẫn đủ thời gian để tiêu diệt, cô lập những phần tử mà nó cho là có hại cho chế độ. Tại sao ta không kiên nhẫn chờ đợi một ngày về trong an toàn và vinh dự?

UNHCR hay chính phủ các nước tự do có thể xếp loại ta là "tị nạn kinh tế" theo ý họ, nhưng việc tự phủ nhận chính nghĩa mình của kẻ hồi hương đã vô tình giúp họ thêm lý do để lọc đãi, phân loại ta.

Đứng trước thực tại của vấn đề tị nạn CS, những người tị nạn CS chân chính hãy yên tâm chờ đợi. Chúng ta trốn CS, các trại tị nạn không phải do CS điều hành, hãy yên tâm chờ đợi một ngày mai khác hơn.

Có thể, máu sẽ đổ một lần nữa để bảo vệ chính nghĩa tị nạn. Nhưng hiện tại, chúng ta hãy sống xứng đáng, hãy tự khẳng định mình, hãy tự xếp loại mình trước khi để người khác phân loại.

Ai có thể hiểu rõ CSVN hơn những nạn nhân của chế độ đó? Cao ủy chẳng? Mỹ, Anh, Thái, Mã, Phi... chẳng? Hãy tự cứu mình trước khi mong người khác cứu!

Đoàn T4

(Sungai Besi, Mã Lai)

VĂN LÀ ĐUỐC

Tôi nhận thấy *Làng Văn* ngày một thêm mạnh, được đông đảo độc giả chú ý. Quý báo đã tới tay những độc giả cư ngụ ở gần khắp mọi nơi trên thế giới. Qua đây đủ thấy dân Việt mình quả đi bốn phương tám hướng.

Rất mừng khi vẫn thấy *Làng Văn* đứng đầu cầm đuốc dẫn đường cho những người có lòng với tổ quốc,

nhất là trong thời buổi hỗn loạn như thế này. Cộng sản Nga cùng guồng máy điều khiển nó đã tan rã, cộng sản Việt Nam đang trên đường đẩy chết. Lợi dụng lúc này bọn đốn gió chờ thời nhảy ra ăn cỏ, toan tính lừa đảo người Việt nhẹ dạ. Chưa bao giờ mà vàng thau lẫn lộn như lúc này, không biết đâu là địch đâu là ta, may vẫn còn *Làng Văn* giúp cho những người như tôi phân rõ chân giả.

Cuối cùng, tôi xin chúc *Làng Văn* luôn mạnh để giúp người Việt hải ngoại thấu hiểu những âm mưu thâm độc mà CSVN và bọn cơ hội đang ra sức thi hành nhằm cứu vãn và trì hoãn ngày cáo chung của bọn chúng.

Lê Doãn Tân Triễn
(St. Laurent, Quebec)

THỂ HIỆN TÂM TÌNH NGƯỜI TỊ NẠN

Tôi vừa được định cư tại Canada và về ở tại Yukon, một tỉnh hẻo lánh và nhỏ bé nhất nước Canada. Nơi tôi tìm đến đầu tiên là thư viện thành phố nhưng nơi đây không có một tờ báo nào của người Việt tị nạn dù nơi này cộng đồng người Việt có khoảng 500 người.

Trong thời gian 3 năm ở trại tị nạn Galang, Nam Dương, tờ báo tôi thích đọc nhất là *Làng Văn*. Qua *LV* tôi dần dà tìm lại được thú xem sách báo, điều tôi cảm nhận là đã bị mất mát cùng ngày mất nước. Tôi thành thật ghi nhận một điều là quý vị thực sự đã đáp ứng được phần nào nỗi mong mỏi của người Việt lưu vong muốn tìm lại ngôn ngữ, văn hoá dân tộc qua tư tưởng, văn chương và tình cảm. Và quý vị đã thể hiện được đúng tâm tư và nguyện vọng của phần lớn người Việt tị nạn trong đó có tôi, là làm thế nào để chúng ta vừa không đánh mất cội nguồn dân tộc mà đồng thời vẫn tiếp nhận được những đổi mới, tiến bộ và văn minh của nước người...

Nguyễn Gia Hưng
(Yukon)

giới-thiệu



THƠ CHUA HỒ CÔNG TỬ, I & II

Biếm thi thời-sự của Hồ Công Tử, tác-giả ẩn-hành.

Thơ bàn về nhiều vấn-đề: văn-nghệ viễn-mơ, văn-chương ống-ẹo; nói về nhiều người: "Thiếu-tướng Đỗ Mậu", "Em Dương Thu Hương", "Bốn thầy lang họ Bùi", "Gửi Bùi Tín" và "các tướng lòn trốn Bùi Tín", v.v.

Thơ chua Hồ Công Tử cay-độc và chua-chát. Các bạn thích... của chua, có thể viết thư về tòa-soạn Dân Chủ Mới, P.O. Box 267, MA 01853-0267, USA.

DẤU HUỆ HỒNG

Tập thơ của Triều Hoa Đại (Đỗ Xuân Nho), Sông Thu xuất-bản.

Tập thơ dày 120 trang, in đẹp, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Đỗ Thị Tiến, 2835 Granberry Circle, Middleburg FL 32068, USA.

CHỦ-NGHĨA TU-HỮU HIỂN-PHÁP CHẾ-ĐỘ TU-HỮU

Lý-thuyết chính-trị và kịch thơ của Nguyễn Long. Phần lý-thuyết, tác-giả nói về chủ-nghĩa tư-hữu, phương-cách giải-thoát VN khỏi chế-độ cộng-sản, linh-tinh. Phần kịch thơ, tác-giả in hai bản *Ngọn Gió miền Nam* và *Tổ-quốc trên cao*.

Sách dày 240 trang, không đề giá. Liên-lạc: Kịch Ảnh, 7151 Maple

St., #3, Westminster, CA 92683, USA.

ĐẶC SAN GIÁO-DỤC

Đặc-khảo của Hội Chuyên-gia Việt-nam bàn về vấn-đề giáo-dục của các nước Nhật, Pháp, Hoa-kỳ, Đức và bàn về giáo-dục VN thời hậu cộng-sản.

Một công-trình nghiên-cứu qui-mô. Sách dày 282 trang không đề giá. Liên-lạc: Hội Chuyên-gia Việt-nam, 3175 Meridian Ave., #A2, San Jose, CA 95124, USA.

TÌNH-KHÚC HỒI HƯƠNG

Tập bài hát gồm 12 bài tình-ca của Phạm Anh Dũng, phụ-soạn hòa-âm cho tây-ban-cầm của Phạm Duy Cường, Phạm Duy đề tựa.

Giá sách: 6 mỹ-kim, liên-lạc: Phạm Anh Dũng: 4697 Stillwell Rd., Santa Maria, CA 93455, USA.

TIẾNG HÁT NGUYỆT LAN

Gồm các bài hát ru ầu ơ, Lòng mẹ, Mười thương quê mình, Đêm đông, Mưa rừng, Nỗi lòng người đi, con nhện giăng mùng và Đường về quê hương.

Giá băng: 10 đức mã; liên-lạc: Tăng Fước: Braunschweiger Str. 67, 1000 Berlin, Germany.

CHUYỆN BÉ KIM

Tập I, truyện thiếu-nhi của Từ Nguyên, Măng Non xuất-bản, bìa và phụ-bản Nguyễn Thị Hợp, Ngô Nguyên Dũng giới-thiệu. Sách dày 96 trang, giá 10 mỹ-kim.

Liên-lạc: Từ Nguyên, 53 Rue Amiral Mouchez, 75013 Paris, France.

ANH-HÙNG TIÊU SƠN

Tiểu-thuyết dã-sử của Yên Tử cư-sĩ Trần Đại Sỹ, Xuân Thu xuất-bản.

Sách dày hơn 900 trang, trọn bộ 3 quyển giá 40 mỹ-kim. Liên-lạc: Xuân Thu.



nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

Tìm bạn **TRẦN TỪ THỨC**, tiệm may Paris Mode đường Cao Thắng, hiện định-cư tại Canada; **LÊ QUANG TỐNG**, định-cư tại Pháp; **NGUYỄN BÁ HÒA** ở Mỹ, ước mong các bạn liên-lạc bảo-trợ bạn cũ là **PHẠM XUÂN ĐỨC**, cựu học sinh Pétrus Ký 11B1 năm 72, 73. Địa-chỉ hiện-tại: MC 427008, Sungei Besi Camp, MRCS/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.

TRẦN VĂN THÀNH, cựu trung-ủy Truyền-tin Vĩnh-long, chồng của Võ Thị Hồng, trước ở 314 South 12th, #22, Chariton City, WA 50047, USA — xin liên-lạc với anh vợ là **VÕ VĂN QUÂN**, AS 402022, Boat CL/1264 Galang II, Puskobal - Armahal, P.O. Box 7, Tanjung Pinang Riau 29112, Indonesia.

NGUYỄN THỊ THÚY (PST 1460, House B2/2 Sikiew Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand) trước 1975 là nhân-viên Chương-trình Phục-hoạt của Trung-tâm Caritas Vinh-sơn, cần biết tin và liên-lạc với: **BÙI THỊ XUYẾN** (Hồng Nhung), trước 30.4.75 là tổng thư-ký của đoàn Chuyên-nghiep xã-hội, 38 Tú Xương, Sài-gòn; **VÂN VY LÊ KIM HẢI**, trước 75 làm tại văn-phòng đoàn Chuyên-nghiep xã-hội, nay ở đâu, xin vui lòng liên-lạc về địa-chỉ trên.

Tìm bạn **NGUYỄN VĂN THUẬN**, trung-tá, con ông Trung Thịnh ở Chapa, tin về **PHẠM MẠNH TUỆ**, 1300 W. Elna Rae,

Temple, Arizona 85281, USA.

Cựu Đại-úy **NGUYỄN CÔNG PHỔ**, và Trung-sĩ **NGUYỄN HỮU ĐỊNH**, phòng hỗ-trợ binh-đoàn, Liên-đoàn 340 Yểm-trợ trực-tiếp tại tỉnh Ba-xuyên, xin liên-lạc: **BÙI VĂN HẢI**, MC: 562, ID: 169150, Camp Sungei Sesi, Malaysia.

Cựu Đại-úy **NGUYỄN VĂN SANG**, Pháo binh tiểu khu Vĩnh long (vợ tên Nguyệt), ở Việt-nam, xã Nha-mân, chợ Cái Tàu, Sa-đéc, xin liên-lạc: **NGUYỄN VĂN LIÊU**, MC: 526, ID: 1672. Camp Sungei Besi, Malaysia.

NGUYỄN TIẾN THỊNH, trước ở Đỗ Thành Nhân (chợ Cầu Cống), sang Mỹ năm 1982, và **TRẦN THỊ HUƠNG**, trước ở Đỗ Thành Nhân (bến Vân-đồn), dợt 13 VN, sang Mỹ năm 1984, xin liên-lạc: **ĐỖ VĂN KHIÊM**, MC: 411020, ID: 162600, Camp Sungei Besi, Malaysia.

TRẦN SAN (cậu CÁNH), trước ở số 5 chợ Thị-nghè, rời VN ngày 27.4.75, đi cùng hai cháu sang Sydney, Úc, xin liên-lạc **DIỆP HÙNG**, MC: 536, ID: 167956, Camp Sungei Besi, Malaysia.

LŨ THỊ TUYẾT, trước ở Minh-hải (mẹ là Nguyễn Thị Đính ở Bà-rija), rời VN 1971, xin liên-lạc **NGUYỄN NGỌC VIỆT**, MC: 517, ID: 166963, Camp Sungei Besi, Malaysia.

TRẦN THỊ ĐANG, trước ở đường Phan Thanh Giản, quận 3 Sài-gòn, chồng là Trung-tá Hồ Quang Vọng, quận-trưởng quận 3, hai còn là Hồ Quang Bảo Trân và Hồ Quang Dũng Chinh, xin liên-lạc với bạn là **NGUYỄN THỊ HỒNG HOA** (AK Hoa Cầu), MC: 522, ID: 167405, Camp Sungei Besi, Malaysia.

NGUYỄN THỊ ÚT, trước ở 30 Mayne St. W., Sunshine, 3020 Australia, và **NGUYỄN NGỌC MAI**, trước ở 3110 Square Houy St., #757, Seattle, WA 98126, USA, xin liên-lạc với dượng là **HUỲNH THANH VÂN**, MC: 575, ID:

169595, Camp Sungei Besi, Malaysia.

Bác **NGUYỄN MINH**, bác-sĩ Bệnh-viện Toàn-khoa Qui-nhơn, sang Mỹ năm 1975 với con trai, nay ở đâu xin liên-lạc với con trai của bạn cũ (Phan Kỳ, tổng thư-ký Hội-đồng-tỉnh Bình-định) là **PHAN QUỐC TOÀN**, MC: 501109, Camp Sungei Besi, Malaysia.

Tìm em **LÂM VĂN NGỌC**, con của cậu tư Lâm Văn Cảnh, vượt biên năm 1983, nay ở đâu, xin liên-lạc **NGUYỄN THỊ NGỌC TƯƠI**, MC: 423016, Camp Sungei Besi, Malaysia.

ĐỖ VĂN PHÁN, tự Hoàng, trước ở Pulau Bidong, đi tàu PB 814, MH 3637, đã định-cư tại Canada, nay ở đâu xin liên-lạc số điện-thoại: 011-613-376-3038 để biết tin-tức thân-nhân tại quê nhà.

VŨ THỊ NGỌC LINH và con là Huỳnh Vũ Như Trân, đến Gia-nã-đại năm 1981, ở Montréal, nay ở đâu, liên-lạc **HUỲNH VĂN ĐƯỢC**, 84 Valance St., Oxley, Queensland 4075, Australia, ĐT: 011-617-375-5271.

HUỲNH THỊ PHƯƠNG NGA (Aka Dung), **HUỲNH THỊ PHƯƠNG MAI**, trước ở số 53 Duy Tân, quận 1, đi theo thành-phần con lai Mỹ hồi tháng 3.89, nay hai bạn ở đâu, thư về: **LÂM LIÊU NGA**, MC: 475038, ID: 164606, Camp Sungei Besi, MRCS/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.

Tìm bạn cũ **AN ĐÌNH HÀ**, anh là **AN ĐÌNH LÂM**, trước ở số 17 Nguyễn Huy Tri, Hà-nội, sang Gia-nã-đại năm 1979, xin liên-lạc **DUƠNG VĂN QUANG**, Kleist Str. 19, 3150 Pains, Germany.

Tìm bác **ĐUƠNG KIM SINH**, vợ Cao Thị Keo, các con là Đường Kim Sơn, Đường Kim Hải, Đường Kim Long, Đường Kim Cường, trước ở số 143 Lò Đức, Hà-nội, đi định cư năm 1978, nay ở đâu xin liên-lạc **PHẠM THỊ DUNG** (con

ông Phạm Minh Khang và bà Cao Thị Mến), No 43658, VRD 340/89, Hut 4A, Section A3, Shatin, Hongkong.

NGUYỄN THANH TÔNG, trước 75 học trường Huệ Quang, đi lính Biệt Động Quân, sau 1975 làm thợ sửa Honda ở thành-phố Cần-thơ, tiệm Honda Tông. Mong sự giúp-đỡ của các bạn cũ. Xin thư về: P.S.T. 10635 B1/7 Sikiew Camp, Thai Red Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.

Tìm **NGUYỄN SƠN**, đi tàu ĐN 1886, định cư tại Melbourne, Úc-đại-lợi năm 1983, mất liên-lạc từ 6 năm nay, xin thư về cho: **ANH NGUYỄN**, 1732 Jay St., Rechester, NY 14611, USA (điện-thoại-716-328-8468).

LÊ VĂN HIỀN định-cư tại Brisbane, Úc-đại-lợi năm 1980, xin liên-lạc về **NGUYỄN BẠCH V.A.**, 2675 Islington Ave., #1007, Toronto, Ontario M9V 5C2, Canada.

Tìm **NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG** trước ở số 158/10/2 đường CM Tháng 8 Biên-hòa, sang Mỹ năm 1987, nay ở đâu xin liên-lạc với em là **MAI THỊ THU HUƠNG**, PST 571, House 2B27, Section "O", Panat Nikhom Camp, P.O. Box 1302, Thai Red Cross Society, Bangkok 10501, Thailand.

Tìm mẹ là **THẠCH THỊ PHUN**, được phái-đoàn Mỹ nhận sang Phi tháng 5.1991 theo thành-phần con lai, địa chỉ: BV 843427, Building 829F, C/o PRPC, P.O. Box 7635 Dapopome Stic Pasay City, Philippines. Mẹ đã rời Phi sang Mỹ tháng 9.91, địa chỉ 500 Espanolase, #7, Albuquerque, NM 87108, USA và bắt tin từ đó.

Xin quý cô bác ở Albuquerque ai biết mẹ cháu xin nhấn giùm, vì mẹ cháu không được học nhiều, không đọc sách báo. Xin vui lòng viết thư cho: **THẠCH NGỌC TOÀN**, PST 2033 #C1, P.O. Box 1302, Thai Red Cross Society, Bangkok 10501, Thailand.



Tòa-soạn tặng báo độc-giả tặng tem GỬI BÁO SANG TRẠI CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN

15 MỸ-KIM TIỀN TEM: MỘT NĂM BÁO TỊ-NẠN

- 15 mỹ-kim (18 gia-kim) cho một năm 12 số báo gửi bằng đường thủy.
- Gửi chi-phiếu về Làng Văn, kèm theo địa-chỉ thân-nhân của quý vị tại các trại tị-nạn ở Á-châu và Âu-châu. Nếu quý vị không có thân-nhân, tòa-soạn sẽ chọn một số đồng-bào đứng ra nhận báo để chuyển tay nhau đọc.
- Danh-sách tặng báo dưới đây sẽ đăng liên-tục cho đến số báo tháng 12.1992, sẽ bắt đầu năm báo mới.
- Quý đồng-bào nhận báo mỗi khi sắp rời trại đi định-cư xin giới-thiệu cho tòa-soạn một địa-chỉ mới để tránh mất báo.

GIÚP TEM GỬI BÁO CHO THÂN-NHÂN TẠI CÁC TRẠI TỊ-NẠN:

Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng **Vũ Công Minh** (Nam-dương), **Đào Thái Sơn** (Nam-dương), **Trần Thị Hồng Liên** (Nam-dương), **Phan Thu Thủy** (Mã-lai); **Nguyễn Phước Bảo Quý** (Úc) tặng **Nguyễn Văn Hoạt** (Hương-cảng) và **Trần Như Minh Nguyệt** (Mã-lai); **Võ Văn Hơ** (Gia-nã-đại) tặng **Võ Minh Châu** (Thái-lan); **Nguyễn Thanh Sơn** (Pháp) tặng **Nguyễn Thị Thu Cúc** (Nam-dương); **Vũ Kính** (Toronto) tặng **Phạm Đình Chiến** (Mã-lai); **Lê Văn Nhân Hậu**

tặng **Hà Hoàng Tuấn** (Nam-dương) và **Thư-viện chùa Vạn Đức** (Phi-luật-tân); **D.T.N.Thanh** (Úc) tặng **Lê Thị Ngọc Sương** (Thái-lan); **Nguyễn Xuân Mai** (CA) tặng **Sœur Pascale Lê Thị Triu** (Phi-luật-tân); **Ô. Thơm** (BC) tặng **Phạm Văn Huy** (Phi-luật-tân); "Một người bạn" tặng **Hoàng Thị Kim Huệ** (Thái-lan); **Trương Đình Tuấn** (MB) tặng **Trương Đình Tiến** (Nam-dương); **Thái Văn Trung Anh** (Toronto) tặng **Vũ Kiều Trinh** (Mã-lai); **Nguyễn Thị Trần Lục** (Kanata) tặng **Lại Quốc Thái** (Mã-lai); **BS Lương Thị Diệp** (PQ) tặng **Nguyễn Thị Thu Thủy** (Mã-lai); **Nguyễn Huy Phước** (NJ) tặng **Đỗ Thị Dung** (Mã-lai); **Trần Nhã** (PQ) tặng **Phan Thu Hà** (Thái-lan); **Lê Thanh Nam** (MB) tặng **Phan Tường Vân** (Phi-luật-tân); **Lâm Hoàng Dung** (CA) tặng **Nguyễn Văn Thịnh** (Thái-lan); **Vũ Mạnh Hùng** (VA) tặng **Hoàng Lương** (Thái-lan); **Nguyễn Tài Toàn** (NJ) tặng **Nguyễn Văn Rệp** (Mã-lai); **Ngọc Nhân** tặng **Bành Thị Ngọc Diệu** (Hương-cảng); **Nguyễn Phương** (TX) tặng **Nguyễn Trâm Anh** (Phi-luật-tân);

ĐỘC-GIẢ GIÚP TEM, TÒA SOẠN TÌM NGƯỜI NHẬN

Lê Chi Mai (Hoa-kỳ) tặng **Việt Kiili** (Estonia), **Hoàng Lê Minh** (trại tị-nạn Đông Đức cũ), **LM Jan Stuyt** (Mã-lai); **Phạm Xuân Thảo** (Gia-nã-đại) tặng **Hồ Lê Sinh** (Thái-lan); **Lê Ngọc Huệ** (Đức) tặng **Nguyễn Hùng Hậu** (Nam-dương); **Phùng Đình Hiếu** tặng **Thánh Thất Cao-Đài** (Mã-lai); **Kim**

Vân (Hoa-kỳ) tặng **chùa Vạn Đức** (Phi-luật-tân), **LM Nguyễn Đức Hậu** (Thái-lan), **ĐD Thích Nguyên Đạt** (Mã-lai), **Trung-Tâm Mục-Vụ** (Hương-cảng), **Sœur Pascale** (Phi-luật-tân), **LM Nguyễn Trọng Tước** (Phi-luật-tân); **Trương Thị Kim Anh** (Na-uy) tặng **Bùi Văn Hải** (Mã-lai), **Nguyễn Văn Liêu** (Mã-lai), **Đỗ Văn Khiêm** (Mã-lai), **Phan Như Nghĩa** (Thái-lan), **Võ Văn Quân** (Nam-Dương) và **Dương Trọng Hùng Duy** (Thái-lan); **Lê Thị Trúc** (Úc) tặng **Trần Văn Hiếu** (Nam-dương); **Hoàng Giao** (AB) tặng **Phạm Xuân Đức** (Mã-lai); **N.T. Khánh Hà** (Na-uy) tặng **Thư-viện trại Sungei Besi** (Mã-lai); **Trần Thị Hương** (BC) tặng **Nguyễn Văn Tài** (Phi-luật-tân) và **Nguyễn Hồng Hoàng** (Nam-dương) 2 tờ mỗi kỳ; **Trần Nguyễn** (AB) tặng **Boy Scout Office** (Phi-luật-tân); **M. Loan** (CA) tặng **Thư-viện trại Sungei Besi** (Mã-lai); **Photo Mỹ Lâm** (Toronto) tặng **ĐD Thích Nguyên Đạt** (Mã-lai); **Nguyễn Phước Thanh** (Ottawa) tặng **Phạm Thị Tuyết** (Mã-lai); **Nguyễn Văn Thông** (MA) tặng **Nguyễn Văn Thanh** (Mã-lai); **Lâm Huệ Quân** (BC) tặng **Nguyễn Minh Khánh** (Mã-lai); **Nguyễn Thiện Sơn** (VA) tặng **Phạm Văn Cường** (Mã-lai); **BS Việt Thư** (PQ) tặng cho 20 địa-chỉ: **Nguyễn Công Trứ** (Mã-lai); **Hoàng Thị Hương** (Mã-lai); **Hoàng Thị Tuyết Nhung** (Mã-lai); **Vũ Thị Yên** (Mã-lai); **Trần Thị Hoàng Yến** (Mã-lai); **Quách Văn Hên** (Thái-lan); **Võ Quý Tánh** (Mã-lai); **Huỳnh Mạnh Tùng** (Mã-lai); **Trần Đức Dũng** (Mã-lai); **Đỗ Kim Khánh** (Mã-lai); **Trần Văn Hiếu** (Nam-dương); **Nguyễn Hồng Quang** (Thái-lan); **Trương Hồng Sơn** (Mã-lai); **Đào Quỳnh Nga** (Tiệp-khắc); **LM Nguyễn Quang Vinh** (Phi-luật-tân); **LM Nguyễn Trọng Tước** (Phi-luật-tân); **Nguyễn Thị Mỹ Liên** (Mã-lai); **Phạm Xuân Thanh** (Phi-luật-tân); **LM Nguyễn Đức Hậu** (Thái-lan); **Hà Như Sương** (Đức); **Thi-sĩ Đỗ Ngọc** (MA) tặng 4 địa-chỉ: **Transit Library** (Thái-lan); **Hội Người Việt Dongrek** (Thái-lan); **Trần Duy Đợi** (Nam-dương); **Phan Như Phước** (Thái-lan); **P. Vương** (NY) tặng **Đặng Tú Lương** (Phi-luật-tân); **Nguyễn Đại Dương** (Paris) tặng **Trần Hòa Nhã** (Mã-lai); **Phan Thị Việt** (Hoa-kỳ) tặng **Thư-viện chùa Vạn Đức** (Phi-luật-tân); **Huỳnh Thúy Phượng** (Toronto) tặng **Vũ Hoàng** (Mã-lai); **Nguyễn Khôi Việt** (Paris) tặng **Nguyễn Văn Khái** (Mã-lai); **Doãn Thị Ngọc Thanh** (Úc) tặng **Thư-viện Trung-tâm Palawan** (Phi-luật-tân); **Ngọc Duy** (NC) tặng **Nguyễn Tự Thành** (Thái-lan) và **Phan Đình Đức** (Thái-lan), **Nguyễn Mạnh Dạn** (Mã-lai); **Lê Thị Thắm Vân** (San Jose, Hoa-kỳ) tặng cho **Phạm Hữu Tấn** (Thái-lan), **Dương Ngọc Hùng** (Thái-lan), **Quốc Phong** (Thái-lan), **Phan Như Nghĩa** (Thái-lan), **LM Nguyễn Đức Hậu** (Thái-lan), **Thư viện trại Sungei Besi** (Mã-lai); **Thi-sĩ Hồ Công Tâm** (MA, Hoa-kỳ) tặng **Thư-viện Palawan** (Phi-luật-tân); **Nguyễn Thị Mỹ** (Québec, Canada) tặng **Thạch Ngọc Toàn** (Thái-lan).

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.—Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện Làng Văn tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim

Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.—Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.—Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.—Bài đăng báo:

Bài gửi cho Làng Văn xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quả văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.—Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên Làng Văn: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.—Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên Làng Văn thuộc quyền sở-hữu của Làng Văn of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc: trước với tòa-soạn Làng Văn và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin để: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1

(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....lặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, để và gửi: "Làng Văn"

ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Đại-diện tại Pháp:
Association Culturelle Loi 1901
Làng Văn (Village Littéraire):
Bách Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức:

Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
Germany
ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến
Lijster 77
1628 Am-Hoorn-NH
Holland
ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:

Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

Đại-diện tại Na-uy:

Dương Kim
Kalbakkvn 17
0953 Oslo 9
Norway
ĐT: 216-5607

VP LÀNG VĂN ÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 198
Lakemba, NSW 2195
Australia
ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To
Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
Japan
ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim
Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim
Trang-trong:..... 120.00 gia-kim
Nửa trang:..... 80.00 gia-kim
1/3 trang:..... 60.00 gia-kim
1/4 trang:..... 40.00 gia-kim
1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim
Nửa trang:..... 110 mỹ-kim
1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

thư đi tin lại

● Nguyên Hương phụ-trách



Bà NGUYỄN CẨM HƯƠNG, Montigny — Đã gửi sách cho bà. NH cũng tiếc là trong mùa hè, ở đâu cũng vậy, bao nhiêu sinh hoạt cộng đồng đều dồn vào những ngày cuối tuần, rồi còn tiệc tùng, cưới hỏi nữa, muốn gặp nhau cũng khó. Lần tới, NH sẽ sang vào dịp thu đông. Kính.

Ông LUƠNG DUYÊN NAM, California — Đã nhận được *Thăng cuộc*, cảm ơn ông. Nguyên Hương họ Nguyễn, chính ra là "Nguyễn Hương", bỏ bớt dấu ngã đi cho nhẹ gánh phong trần, lại nghe ra có phần... siêu thoát. Làng đã có Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Phong, Nguyễn Dũng, thêm Nguyễn Hương cho đủ tứ nguyên. Ông có gọi là Nguyễn Hương, cũng đúng, nhưng là NH của *Làng Văn*, không phải NH của các nơi khác. Kính.

Họa sĩ THÁI TUẤN, Orlean — Đã gửi sang thêm cho ông các số 95. Cảm ơn ông về nhận xét "ý kiến xác đáng mà lời văn rất ôn tồn dễ thuyết phục người đọc." Nếu đối tượng của bài viết ấy cũng nghĩ như ông, thiên hạ đã thái bình từ lâu. Mong sáng tác mới. Kính.

PHẠM THỊ THỦY, nhóm Bút Việt, Hương Cảng — Viết văn không phải là một "ước mơ nhỏ bé", và chen được vào *Làng Văn* không phải chuyện dễ làm. Tuy nhiên, nên viết. Trước hết để giải tỏa ẩn ức tâm lý, sau đó còn là tự rèn luyện cho mình. Gắng viết đều. Nếu thấy bài được "biên tập" lại, nên chú ý tìm hiểu, có thắc mắc thì hỏi ngay, người biên tập sẽ góp thêm ý kiến. Chúc cháu thành công.

BẠCH LIÊN NƯƠNG TỬ, Na Uy — Biết nương tử theo đảng gao

lúc muối mè, lại hay thẹn thùng dẫu tên nên NH gọi là bà Muối Mè cho vừa kín đáo, lại thêm mặn mà (ông Bếp dở thói đồ gàn còn gọi là *Diêm Chi Ma cơ*, cũng là muối mè, nhưng nghe như Diêm vương với ma quỷ, sợ quá! Bây giờ gọi đúng tên của nương tử, nghe thoát tục hơn, chịu chưa? Bài thơ hoa sen nghe ra nhiều ẩn dụ quá. Tác giả ký là Nam Hoa Vi Tiểu hay *niêm hoa vi tiểu* (cầm cành hoa lên và miệng mỉm cười)?

Cảm ơn nương tử về cái ảnh. Hôm nào lục được cái ảnh chụp cả nhà, sẽ gửi cho nương tử để trao đổi... tù binh, *thương nhau mới tặng ảnh này* (cười). Thân.

VĨNH HẢO, Cali — Sẽ gửi báo về địa chỉ chính thức... tạm thời của em. Cảm ơn về vài dòng tiểu sử của Hoàng Việt Thi. Thực ra, đối với các cây bút từ trong nước gửi bài ra dự thi, tòa soạn không đòi, và cũng không in tiểu sử vào sách, để bảo vệ tác giả. Đó là những người viết thực với lòng mình, chứ không phải là cán bộ văn hóa "phản kháng có môn bài." Lộ ra tai hại cho họ vô cùng. Thân.

Ông NGUYỄN MẬU HOÀNG, MI — Đã nhận thừa mua sách tặng Nguyễn Kim Quyên. Thấy chi phiếu, nhưng không thấy trái phiếu. Muốn dùng trái phiếu thì phải... chia ra, như xĩa tiền vậy. Xin ông lục lại và gửi về tòa soạn. Kính.

Ông NGUYỄN QUỐC QUÝ, Florida — Đã chuyển thư ông cho thi sĩ Tô Giang. Mong nhị vị sớm bắt lại được liên lạc với nhau. Kính.

Ông VÕ ĐÌNH, Maryland —

NH đồng ý với ông là mỗi tác phẩm, tự nó có ý nghĩa và giá trị của nó, không có gì làm cho giá trị ấy tăng hay giảm. Ở đây, điều cần bàn không phải là tác phẩm, mà là sự tác giả, cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình như thế nào. Một khẩu súng tự nó không làm hại được ai. Nhưng nếu chủ nhân của khẩu súng trao nó cho một kẻ ăn cướp, để hắn ta đi giết người, người chủ súng phải chia sẻ trách nhiệm về cái án cướp bóc, sát nhân ấy.

Ông vẽ ra tranh, viết ra sách, và trao công trình tim óc mình cho một chế độ độc tài, để chế độ ấy dùng tim óc của ông làm phương tiện để mị dân, củng cố chế độ. Tác phẩm tự nó vô hại, nhưng thái độ trao truyền của ông (cũng như trao một khẩu súng), không thể bảo là vô-trách-nhiệm! NH mong ông và một số các văn nghệ sĩ trẻ đã trực tiếp hay gián tiếp trao tác phẩm cho nhà cầm quyền Hà Nội, hãy bình tâm xét lại hành động của mình. Mong lắm thay!

DIỆU HƯƠNG, Atlanta — Mỗi lần ăn mắm tôm chua, cả nhà lại nhắc tới mắm tôm Texas của Diệu Hương, ngon không đâu bằng. Không lục ra số điện thoại DH. Định gọi, nhờ người nhà chuyển từ Texas sang Atlanta vài chục lọ để NH sang dự trại và khuôn về. Sẽ mang các tập bài hát sang. Thân.

Cơ sở TỰ CHỦ, Nhật Bản — Sẽ tiếp tục gửi báo để giữ chặt mối dây. Dù báo *Tự Chủ* không ra nữa, nhưng anh em đâu vẫn nguyên đó, khi nào có công tác liên châu thì làm chung với nhau. Thân kính.

PHÙ LƯU LÃO THÁI, Troyes — Lão thái thái khen người ta viết truyện ngắn hay như Guy de Maupassant. Ngay câu kể, lão thái bảo Guy de Maupassant viết hay được như vậy là nhờ mắc bệnh... giang mai tới thời kỳ thứ ba, gần cái chết nên thần trí sáng tạo bùng nổ sung mãn. Người được khen đọc tới đâu méo mặt tới đó. Khẩu

nghiệp nặng quá, lão thái ơi!

Cho gửi lời thăm và cảm ơn ông tây thực dân về tấm bưu ảnh cùng đoạn văn tả cảnh. Chờ xem *Trang trại thần tiên* của lão thái. Thân.

Thi sĩ HOÀNG DUY TỪ, Cali — Vừa nhận được bài tiểu luận về Phạm Quỳnh, đang đọc, cảm ơn ông. Kính.

NHÓM THIÊN SINH TRẺ TẠI TORONTO — Các bạn yên tâm, ở đây không ai tin là cái đuôi giao lưu ấy phát xuất từ chùa làng Mai, dù họ cứ mập mờ tự nhận như thế, và sự ông chắc cũng biết vụ này. Nhiều nhóm đã làm phóng ảnh bức thư trần tình của các bạn để phổ biến rộng thêm, NH nhận thấy chưa cần đưa lên báo vội. Chúc các bạn an lạc.

Ông HAI Q. ĐOÀN, MB — Lỗi tại tòa soạn ghi nhầm giá. Cuốn *Dọn đường về nước* 18 mỹ kim (23.50 gia kim) chứ không phải 12 mỹ kim (15 gia kim). Cảm ơn ông đã gửi thêm tiền, và tạ lỗi về sự sai sót lĩnh kinh này. Kính.

Thi sĩ TRẦN NGÂN TIÊU, Florida — Cảm ơn ông về các bài thơ, cả chua lẫn... ngọt. Làng sẽ mở mục thơ chua thường xuyên khi có nhu cầu. Kỳ này có quả văn nghệ cho ông. Kính.

Thi sĩ THÚY SƠN, San Jose — Đã liên lạc với nhà sách Toàn Thư. Bà giám đốc cho biết, 40 xu phụ thu không phải là tiền cước, mà là tiền thuế sách báo tiểu bang mới đặt ra; nhà sách có yết thị về tiền phụ thu này. Kính.

Anh NGUYỄN CÔNG MINH, Hương Cảng — Đã nhận được hai phong bì dày đầy áp bài và tranh. Cảm ơn anh và các anh chị em trong nhóm Bút Việt. NH đang đọc. Kính.

TRẦN VĂN HIẾU, Galang — Đã gửi hộ thư em về Việt-nam và chuyển bức kia cho BS Việt Thư. Tương đối, bưu điện Galang dễ chịu hơn Hương Cảng và Mã Lai.

Hãy tạm bằng lòng với tình trạng nhận báo hiện tại, mong rằng dần dần sẽ ít mất hơn. Thân.

TRƯƠNG HỒNG SƠN, Mã Lai — Chúc mừng anh vụ "bằng hồ đề tên." Đã dự định xin đi nước nào chưa? Thân.

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN, Mã Lai — Thành thực chia buồn với chị về cái tang. Sẽ chuyển tên nhận báo sang cho chị. Khi bưu điện Mã Lai nói tay hơn, hoặc tìm ra cách nào đó, sẽ gửi phần quà văn nghệ của anh Phạm Văn Cương cho chị. Rán vững lòng mà phấn đấu. Mong có ngày gặp được chị và cháu. Thân.

Anh NGUYỄN VĂN THÔNG, MA — Đã nhận được thư, tiểu sử và ảnh. Ảnh đủ rõ và rất điển trai, anh yên tâm. Cảm ơn đã báo tin về cái tang anh Cương. Một mất mát chung. Sẽ để ý chăm sóc những người ở lại. Kính.

Anh DUƠNG NGỌC HÙNG, Thái Lan — Cảm ơn anh về sự khích lệ để giữ vững tinh thần cho nhau. Đang chờ truyện của anh. Sẽ gửi báo, mong anh nhận được. Kính.

Thi sĩ THẾ DŨNG, Đức — Cảm ơn anh đã gửi cho tập *Hoa hồng đến muộn*. Hơi thơ mạnh, tâm tình thật và sáng. NH chia sẻ những điều anh viết, dù có một vài vấn đề khác nhau về góc nhìn, và nhiều sự kiện đã cách xa thực tại. Xin tiếp đón anh, như tiếp đón một người bạn mới, cùng góp sức làm một vài việc chung có lợi cho đất nước (lòng NH nhỏ hẹp, chỉ mới dám nghĩ tới *cổ đất nước* thôi, còn chuyện *nhân loại*, nó xa xôi và lớn lao quá, sức người có hạn, dân mình đang khổ, xin để đó ...tính sau).

NH vẫn coi anh là "người bên kia" (hiểu theo nghĩa là sinh ra, lớn lên và được *bên kia* tôi luyện), đúng như anh viết; nhưng không phải "người bên kia" nào cũng là kẻ thù. Dân tộc VN chỉ có một kẻ thù chung, là chủ nghĩa đề ra chế độ cộng sản bạo ngược, và những

người gia tâm bảo vệ sự tồn tại của chế độ đó. Những "người bên kia" nào góp sức trong nỗ lực chung để xóa bỏ chủ nghĩa và chế độ CS, đương nhiên được *Làng Văn* coi là chiến hữu. Còn những kẻ tự nhận là "bên này", nhưng đưa thân ra chống đỡ cho chế độ, thì họ và chế độ ấy chính là kẻ thù đích thực của dân tộc Việt, và dĩ nhiên là kẻ thù của *Làng Văn*, một thành phần của dân tộc.

Không phải chỉ riêng anh, mà chính NH cũng không thích đóng vai giác đấu. Trời sinh chân yếu tay mềm, NH rất sợ hãi khi phải lăn vào cuộc chiến sống còn, thua hay thắng đều mất mát. Là phụ nữ, NH cũng thích được khen tặng, nâng niu, muốn có một cuộc sống phẳng lặng, ung dung phía sau bốn bức bình phong văn nghệ. Thế nhưng dân tộc mình trong giai đoạn này cần cơn áo hơn những bông hoa, cần tự do hơn những lời lừa mị. NH phải nhập cuộc, cố gắng chia sẻ trách nhiệm của một người dân thường đối với tổ quốc và lẽ phải.

Khi chọn bài đăng trên *Làng Văn*, tòa soạn không căn cứ vào "ba đời lý lịch" của tác giả, mà đặt trên tiêu chuẩn giá trị nghệ thuật hoặc/và giá trị đóng góp của nó. Ngay khi anh gửi bài đầu tiên, và những bài kế tiếp tới, ký nhiều bút hiệu khác nhau, NH đã nhìn ra "tông tích" của anh rồi. Làng không có lệ đóng cửa đối với bất cứ một người nào chỉ vì quá khứ chính trị của họ. Bằng chứng là nhiều bài của anh đã được chọn đăng, cùng với nhiều tác phẩm của các cây bút miền Bắc khác, không qua bộ máy kiểm duyệt của đảng. Xin anh yên tâm.

NGÔ KIM KHÔI, Paris — Khôi mới 33, ...nhỏ xíu hê. Gọi NH bằng chị, xưng tôi hoặc xưng tên là vừa phải. Muốn liên lạc với KT, có thể gọi điện thoại cho văn-phòng *Làng Văn* Paris (34-10-26-46) để hỏi địa chỉ. Lần sau sang Pháp sẽ báo tin sớm hơn. Thân.

Thượng-tọa THÍCH THIÊN TÂN (?), 303 1004 108 th St., Edmonton, Alberta — Thói thường hề gửi bài báo này không đăng thì gửi báo khác, chứ viết thư dọa... giết như ông thì hơi lạ! Trước đây, ông xưng là anh họ của Nguyễn Văn Linh, bây giờ xưng là "thượng tọa", còn đòi khai sát giới, khẩu nghiệp nặng quá thế biết bao giờ mới chứng quả! NH không tin ở Alberta có một tu sĩ như ông. Nếu có trường hợp mạo nhận, xin quý độc giả và thân hữu tại Edmonton

lên tiếng hộ.

THẠCH NGỌC TOÀN, Sikiew — Đã đăng hộ em mẫu nhân tin. *Làng Văn* phổ-biến ở Albuquerque (NM) khá nhiều, hi vọng sẽ giúp em tìm được mẹ. Chúc may mắn.

Ông ĐẶNG VĂN GIAI, Marseille — Đã nhận được hai bài thơ mới, cảm ơn ông. Trong chuyến "tây du" kỳ rồi, vì bị loạn xe tải ngăn đường cản lối, NH không vào Marseille được. Kỳ báo này, NH gửi sang ông một gói nhỏ để nhờ cổ

động và giới thiệu cho các đại lý tại địa phương. Mong ông giúp cho! Kính.

Nhà văn NGUYỄN VĂN BA, SK — Báo đại lý vẫn gửi đều, không có gì thay đổi. Đã gửi bù gói bị thất lạc. Cảm ơn anh đã báo tin. Thân.

Cụ NGUYỄN THANH, Brisbane — Chúc mừng hai cụ đã về nhà khỏe mạnh, bình an sau chuyến du lịch vòng quanh thế-giới. Tuổi bát tuần mà được như hai cụ, thật quý lắm. Sang năm, nếu chu du nữa, xin mời hai cụ lại ghé qua làng.

Các bài có tên trong danh sách "sẽ đăng", sẽ lần lượt trình làng. Kính.

Em Đ.KH — Đã gửi "chứng chỉ cộng tác bài vở với *Làng Văn*" cho em theo yêu cầu. Mong rằng những giấy tờ ấy giúp được em phần nào trong việc vượt qua cửa ải thanh lọc khắc nghiệt. Chúc may mắn.

Anh VÕ QUÝ TÁNH, Sungei Besi — Tòa soạn vẫn tiếp tục gửi, và phần lớn báo về Sungei Besi bị kẹt lại ở phòng An-ninh, chờ kiểm duyệt. Trong khi chờ đợi, xin ông đọc tạm ở Phòng Thông Tin của Gia Nã Đại. Kính.

Thi sĩ ĐẶNG THỊ QUẾ PHUONG, Liège — Báo 95, và cả 96, đã gửi từ lâu. Tiếc không được gặp gia đình Quế Phượng ở Paris, vì công chúa Elisa lên ban đờ vào phút chót, không đi xa được. Nếu biết thế, "phái đoàn" đã ghé thăm. Hôm đó lái xe trên đường E40 ngang qua Liège, ông Bếp nhắc QP (có nhảy mũi không?) Thân.

Anh LÊ QUỐC, Nhật Bản — Cảm ơn anh về loạt bài mới. Rất sáng, linh động, thực tiễn và bổ ích. Xin cứ tiếp tục như vậy. Xin lĩnh ý anh về việc gửi báo cho Mã Lai. NH hết sức xoay sở để đồng bào có báo đọc. Kính.

Anh Chị NGUYỄN HỮU NHẬT, Na Uy — Cảm ơn anh chị về các bài mới. Xin giữ *Độc thơ*



Một Trời Như Lai

Tiếng hát
TRỌNG NGHĨA

Thực hiện & Sản xuất:
TRỌNG NGHĨA & MỘNG LAN
Hòa âm & Điều khiển:
DUY CƯỜNG
Thu thanh tại John Tomlinson Studio, CA 1291
Mix: DUY CƯỜNG & JOHN TOMLINSON
Hình ảnh:
TRỌNG NGHĨA & MỘNG LAN
(Ảnh chụp tại Phật Học Viện Quốc Tế, Sepulveda CA)
Photo: THÁI TÀI

liên lạc: Trọng Nghĩa
P.O BOX 832
Artesia, CA 90702-0832
USA
Tel: (310) 809-2526

Kính dâng Chư Phật,
Kính dâng Chư Bồ Tát,
Nguyện xin hồi hướng công đức,
cầu cho Thân Mẫu và toàn gia
quyển được an lành.

Trọng Nghĩa & Mộng Lan



Yêu Nhau, Xin Nhớ Tặng Quà Cho Nhau !

GIÁNG-SINH, NĂM MỚI, TẾT NGUYÊN ĐÁN,
TẶNG QUÀ GÌ THANH-LỊCH, TRANG-NHẪ NHẤT,
DÙNG ĐƯỢC TRỌN NĂM, GIỮ ĐƯỢC TRỌN ĐỜI?

— MỘT NĂM (12 SỐ) BÁO

làng văn

Cao Bá Quát cho Làng Văn. Các bài kia sẽ đăng trên *Chiến Sĩ Tự Do*. Được anh vun xới tinh thần, hoa tuổi trẻ Na Uy chắc chắn phải nở rộ. Mong có dịp công tác chung bên đó. Thân kính.

NGUYỄN TỰ THÀNH, Sikiew — Đã chuyển địa chỉ gửi báo sang Sikiew cho anh. Mong sớm nhận được. Chúc anh nhiều may mắn. Thân.

Anh HỒ HIỆP NGUYỄN, Úc Đại Lợi — Đã gửi sách báo cho anh (bằng đường thủy), tới nay chắc sắp tới. Riêng giải khuyến khích của bộ môn Thơ năm 1990 chỉ có quà văn nghệ, không có báo tặng (xin xem lại *Làng Văn* số 78).

Riêng cuốn *Tuyển tập thơ văn giải VHNT Làng Văn 91-92*, sẽ tặng cho tất cả các tác giả trúng giải và có bài, khi sách in xong (khoảng cuối năm nay).

Bà NANCY NGAT T. ĐỒ, OH — Đã nhận được tiền gia hạn cho bà Trần Thị Thiệt, ở Đức (mã-số 2226-120; hạn báo mới tới số 120). Đã gửi thư mục mới cho bà. Xin tạ lỗi về sự chậm trễ. Kính.

Ông ĐỒ, Milpitas — Ông Đồ chọc phá bà chị văn nghệ làm chi, tội quá! Ngoài chỗ cựa giao còn là ân nghĩa, làm buồn lòng nhau không nên. Ông đồ không cảm được cái ý của bài thơ ấy, chữ chữ nghĩa chẳng tội tình gì. Cảm ơn về các bài thơ thời thế. Thân.

Ông LÊ DOÃN TÂN TRIỂN, Montréal — Đã gửi sách cho bà Ngô Thị Cúc. Cảm ơn ông về lời khích lệ chân tình, *Làng Văn* xin cố gắng hơn nữa để làm tròn bổn phận công dân của mình đối với tổ quốc. Kính.

Ông NGUYỄN GIA HUNG, Whitehorse — NH vẫn biết là có nhiều gia đình người Việt cư ngụ trên vùng bắc cực băng giá ấy, nhưng không ngờ đông tới 500 người, mà thư viện cộng đồng không có sách báo Việt! Kỳ này, NH gửi kèm cho ông một gói báo, nhờ chuyển tặng cho thư viện để đồng bào có mà đọc, và cũng là một cách để giới thiệu cho thư viện. Mong có dịp lên sinh hoạt với cộng đồng người Việt trên đó (NH đoán là hầu hết từ các trại ở Mã Lai và Hương Cảng sang). Kính.

Anh chị BUI HẠNH NGHI, Đức — Đã nhận được thư ngày 20.8, cảm ơn anh chị về lời khích lệ. NH sẽ đảm nhận phần vụ. Riêng cánh cửa sổ nhìn ra văn chương Đức quốc, xin anh kê vai mở hộ cho. Kính.

LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG, Panat Nikhom — Có gọi nhầm NH bằng "ông" cũng chẳng sao. Nhiều người đã nhầm, và NH cũng không hề có mặc cảm vì cái tính "đàn ông hơn nhiều người đàn ông" của mình.

Chúc mừng Ngọc Sương đã được công nhận tình trạng tị nạn.

Truyện viết xong, gửi thẳng về làng. Đã gửi báo về địa chỉ mới. Chúc Sương sớm lên đường về xứ Kangaroo. Thân.

VIỆT NGỌC NGŨ, San Jose — Gói quà bị bưu điện trả lại, ghi chú là "không ai biết.". Xin liên lạc gấp với tòa soạn để điều chỉnh địa chỉ, và gửi tiểu sử, hình ảnh về để in vào sách. Tới ngày sách lên khuôn, nếu vẫn không bắt được liên lạc với tác giả, tòa soạn sẽ coi như không có bài dự thi của bạn. Mong tin.

TRẦN QUỐC THẮNG, Montréal — Cảm ơn anh đã chuyển hộ gói quà. Đã nhận được các dòng tiểu sử. Xin tiếp tục viết và gửi. Mong.

Thi sĩ HỒ TRỌNG KHÔI, Pháp — Cảm ơn thi sĩ và về lời chúc lành. Mong có dịp tái ngộ. Kính.

Thi sĩ HỒ CÔNG TÂM, MA — Nhờ anh "khai" ra, NH mới biết có thêm thi-sĩ Hà Huyền Chi (Đặng Trí Hoàn) cũng lấy bút hiệu bắt đầu bằng chữ Hồ (Hồ An), ngoài các ông Nguyễn Thanh Hoàng (Hồ Anh) và cụ tổng Nguyễn Viết Quang (Hồ Trường An). Cụ tổng làng ta lấy bút hiệu là Hồ Trường An, vì cụ vốn mê văn Hồ Biểu Chánh. Còn thi sĩ Hà Huyền Chi mê... cô nào, thì NH chưa biết.

Thiền nghĩ, lấy họ Hồ, chưa chắc đã vì mê... Hồ Chí Minh (chưa kể Hồ Chí Minh chính ra họ Nguyễn). NH rất mong quý anh đặt nợ nước trước... thù nhà, tạm gác mối bận rộn trong lòng qua một bên để dọn dẹp gai góc trước mặt. (Thực nữ TV can gián hộ chư vị anh hùng này một tiếng, được không?) Thân.

Nhà văn ANH VÂN, Cali — Đã nhận được số điện thoại của nhà địa ốc do anh giới thiệu. Cảm ơn lắm. Dù *Chính Ngôn* không ra nữa, nhưng chiến tướng Anh Vân còn đó, xin dẹp hộ giấc Hồ (thứ thiệt) ở Nam Cali trước, còn "giấc" Hồ... Công Tử, để đó tính sau. Thân.

Anh chị NGUYỄN QUYẾT THẮNG, Hòa Lan — Đã giải quyết



Quý bạn yêu thơ không thể thiếu:
THI-TẬP THƯ TƯ của TUỆ NGÀ

Giá 12 mỹ-kim.

Thư-từ giao-dịch xin liên-lạc:

NGỌC PHƯỢNG

1727 - 24th Ave.,
Oakland, CA 94601
USA

vụ sách báo cho thư viện bên đó, cảm ơn anh chị đã nhắc. Đồng ý với anh, là có dịp thuận tiện sẽ nói chuyện với Thành, vì nó quan hệ tới cả cuộc đời của cháu. Thân.

Thi sĩ KHA HUYỀN, Cali —

Trở về đã xâm nhập quốc nội trọn số sách anh tặng. Tất cả đều lọt, rất mừng. Đọc lời chúc của anh, NH rất thấm thía: "chúc mọi người đều yên vui, lập trường không thay đổi."

Cái mệnh đề thứ hai trong câu chúc phản ánh thực tế chua chát của xã hội Việt nam ở hải ngoại trong giai đoạn *sớm nắng chiều mưa* này. Có người vừa mới chụp cho *Làng Văn* cái mũ... thân Cộng, mũ chưa rời tay, anh ta đã xoay ra bán vé... du lịch Việt Nam!

Anh yên tâm, *Làng Văn* không làm được những chuyện quá lớn lao, nhưng xin gởi cao một đốm sáng, xác định chỗ đứng của mình để qui tụ những người cùng tâm chí trong dòng người thác loạn chạy

lung tung, kẻ kiếm ghề người kiếm... giường! Thân.

Thi sĩ HOÀI VIỆT, Hương Cảng

Sẽ gửi báo về địa chỉ anh ghi trong thư, mong lọt được vào trại! Bức tường ô nhục Bá linh dày thế mà còn sụp đổ, cái hàng rào quanh trại tị nạn mỏng manh thế kia mà cứ bền bỉ đứng hoài, thật là khó chịu! Chúc anh và các bạn đồng cảnh gặp nhiều may mắn. Kính.

Thi sĩ TRẦN THIÊN HIỆP, WA

Bài điểm *Mặt trời lưu vong* sẽ đăng trên số kế. Lâu quá không thấy sáng tác mới của anh. Thân kính.

Nhà văn HỮA HOÀNH, TX —

Bài nào gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ông vui lòng ghi thêm chữ "*riêng*" ở góc trên. Cứ mỗi lần lỡ đăng trùng bài, NH lại bị độc giả (ở đâu cũng có!) trách móc, khổ tâm lắm! Kính.

Tạp chí BẮT KHUẤT, Úc Đại Lợi — Tổ chức nào cũng có người

trên kẻ dưới, tôn ti trật tự, kỷ luật đoàn thể đâu ra đó mới làm việc được. Trống đã đánh xuôi mà kèn muốn thổi ngược, xin hãy thảo luận nội bộ trước để người ngoài biết đường mà liệu. Trong khi chờ đợi trên thuận dưới hòa, đồng lòng đồng giọng, NH yêu-cầu tòa soạn *Bắt Khuất* chấm dứt ngay việc in lại tranh của *Làng Văn*. Tôn trọng tài sản của người khác chẳng những là đạo đức cách mạng, mà còn là đạo đức cá nhân nữa.

Ông BUI JEAN-PIERRE, Paris

NH đã gửi bù số 94 bị thất lạc. Cảm ơn ông về toa thuốc nam, NH xin niêm yết tại tòa soạn, ai cần thì dùng. Đa tạ.

ĐỖ THỊ NGUYỆT NGÀ, St. Paul, MN —

Bốn câu thơ tiếng Anh cháu hỏi, dịch nghĩa tiếng Việt có nghĩa là: *Tâm thiện như khu vườn, Ý lành như cội rễ, Lời thiện trở hoa thơm. Việc lành kết thành trái.* Ý bài thơ nói rằng cội tâm bao

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Thi-sĩ Gioan Baotixita

PHẠM VĂN CƯƠNG

đã qua đời tại Kuala Lumpur, Mã-lai ngày 28.5.1992, hưởng dương 42 tuổi,

Thành kính phân-ưu cùng chị Hoàng Yến và quý tang quyến.

Vợ chồng Nguyễn Văn Thông

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

PHÂN ƯU

Được tin buồn,

Cụ HOÀNG CHÂU HỢP
pháp danh TỪ HIỆP

thân phụ của thi-sĩ HOÀNG SONG AN, đã từ trần tại Ottawa ngày 26.7.92, thọ 75 tuổi,

Xin kính chia buồn cùng anh chị AN cùng quý tang quyến.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CHIA BUỒN

Hay tin buồn, bạn

NGUYỄN HOÀNG HẢI

tức

Thi-sĩ NGUYỄN TẤT NHIÊN

đã qua đời tại sân chùa Việt-Nam, quận Cam California Hoa-kỳ hôm thứ hai 3.8.1992, hưởng dương 40 tuổi, lễ hỏa-táng cử-hành vào sáng thứ bảy 8.8.1992 tại quận Cam.

Bằng-hữu văn-nghệ và bạn bè cũ hết sức tiếc thương. Xin thành-kính phân ưu cùng quý tang-quyến. Chúc hương linh bạn tìm được nơi an-lạc mà bạn không tìm ra trên dương-thế.

Huỳnh Quang Phước

Vợ chồng Nguyễn Văn Liêu

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Vợ chồng Trần Ích Chúc, Trịnh Gia Mỹ

Vợ chồng Khúc Lan, Khúc Minh

Hoàng Anh & Việt Dzũng

Nguyễn Đức Lập

trùm tất cả, như một khu vườn, trong đó ý nghĩ tựa như là rễ cây, lời nói là hoa, việc làm là trái. Tâm có thiện, mới có chỗ cho ý thiện, lời thiện, việc thiện bộc-lộ.

Ông TÔN THẤT SƠN, Na Uy — Truyện dài *Trong quan tài buồn* không hề đăng trên *Làng Văn* bao giờ. Lệ làng không nhận đổi lại sách đã mua, ngoại-trừ trường-hợp tòa-soạn gửi nhầm, sách in thiếu hay lộn trang,... Sách gửi đi gửi về nhiều lần để hỏng và tòa soạn cũng không đủ người chăm sóc. May mà cuốn sách đã về tới tòa soạn không hư hỏng nên NH phá lệ, đổi cho ông một lần này thôi. Đã gửi bù *Làng Văn* 94.

ANH KHÓA, Montréal — Không có ảnh thì nhờ năm ngón tay vàng của họa-sĩ ViVi vẽ cho một cái chân-dung thể mạng. Lần sau đừng... chơi đại. Chúc anh học hành viết lách tử tế (hai cái này khó... đi đôi quá!) Châu Long thời

nay hiếm lắm, nếu có thì phải biết quý, NH xin chúc mừng anh.

Anh khóa là đã là người làng, đã thân nhau vì tình, trọng nhau vì lập-trường, thì không có gì thay-đổi nữa. Thân.

Ông HUY TỬ, Phi Luật Tân — *Làng Văn* chưa đủ sức để in tới loại sách nghiên cứu, ông không phải bận tâm về vấn đề tác quyền, hợp đồng nữa. Kính.

Ông PHẠM NHỰT HƯƠNG, Montréal — Câu hỏi của ông bao trùm nhiều khía cạnh quá, muốn trả lời vắn tắt cũng phải mất một bài báo, sẽ đáp ứng sau. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Thị Khánh Hoà, Nguyễn Tư, Nguyễn Mạnh An Dân, Thế Nam, Vi An, Phạm Thị Thủy.

Thơ: Vạn Giã, Lê Trang, Việt Cường, Bạch Dương (4), Tưởng Dung (2), Hoài Việt (2), Phạm Văn Thanh (2), Hồ Công Tâm (2), Thủy Sơn (2), Huỳnh Liễu Ngạn, Kha Huyền, Nguyễn Nhất Nghi (3), Mây Trên Ngàn, Lê Xuân Cường, Văn Thành (3), Trần Văn Lệ (10).

Tranh: Ba búi.

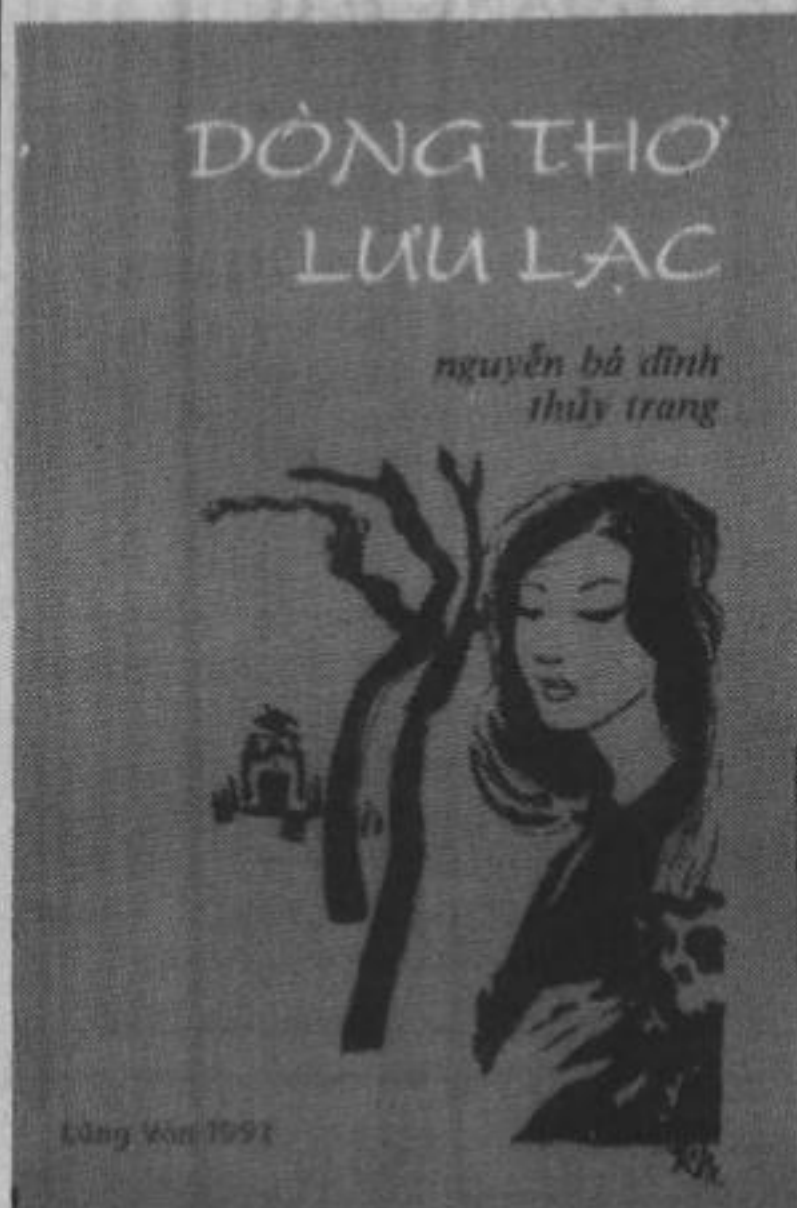
BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Chén trà thơm ngát hương thiền (VA), Thừa đất khô cằn (NVT), Một chỗ cho ông linh mục (NMAD).

Thơ: Dựng lại ngọn cờ (TS), Hải đảo oan cừu (HCT), Kẻ lạ (VG), Oi người em trong thơ anh (KH), Bến sông nào.. (HLN), Còn lại gì không (MTN), Nghẹn ngào trại cấm, Cô giáo bán chè (NNN), thơ Trần Văn Lệ.

Tranh: Ba búi.

Đã phát-hành khắp nơi:



Giá 8MK
(10 GK)

Đã phát-hành
khắp nơi

Hỏi tại
các nhà sách
hoặc
gửi chi-phiếu
về
Làng Văn

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, ông bà ĐẶNG TRÍ HOÀN (thi-sĩ HẢ HUYỀN CHI) sẽ làm lễ vu-qui cho cháu

ĐẶNG KIM CHI

đẹp duyên cùng cậu

DOUGLAS EDWIN CRAIG

con trai của ông bà EDWIN CRAIG.

Hân hạnh chúc mừng hai họ Đặng & Craig, thân ái chúc các cháu Chi và Douglas hạnh phúc bên nhau trọn đời.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
ÔB Trần Thiện Hiệp

CẢM TẠ

Tang quyến chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- . Chư vị đại-đức chùa Từ Ân, Ottawa
- . Quý Phật tử cùng quý vị trong ban Hộ niệm chùa Từ Ân
- . Ban chấp-hành Liên Hội Người Việt Canada
- . Hội-đồng Cộng-đồng Ottawa / Hull
- . Hội Cựu Chiến-sỹ Tự Do Ottawa / Hull
- . Ủy Cao-niên Ottawa / Hull
- . Ủy ban Bảo trợ người Việt tị-nạn Ottawa
- . Trung-tâm Văn Bút Ontario (Ottawa)
- . Liên hội Sinh-viên Việt-nam Ottawa
- . Hội Sinh viên Việt-nam Đại-học Ottawa
- . Mặt Trận QGTNGPVN, cơ-sở Ottawa
- . Ban nhạc Melo Man
- . Cùng quý vị quan-khách, bằng-hữu xa gần đã đến phân-ưu, cầu-siêu và đưa tiễn chõng, cha, ông chúng tôi là

Cụ HOÀNG CHÂU HỢP

Pháp-danh TỪ HIỆP

đã từ-trần lúc 8 giờ 15 phút sáng 26.7.1992 tại Ottawa, hưởng thọ 75 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ xuất, kính mong quý vị niệm tình tha-thứ.

Vợ: Bà quả-phụ Hoàng Châu Hợp,
khuê-danh Kiều thị Cúc

Trường nữ: Hoàng thị Hảo và các con, cháu (VN)

Trường nam: Hoàng Xuân Hoan, vợ, các con (USA)

Thứ nữ: Hoàng thị Xuân Hy, chồng và
các con, cháu (VN)

Thứ nam: Hoàng Song An và vợ (Canada)

Thứ nam: Hoàng Song Hỷ, vợ và con (Canada)

Thứ nữ: Hoàng thị Cường, chồng và
các con (Canada)

Thứ nữ: Hoàng thị Xuân Huy, chồng và con (USA)

Thứ nữ: Hoàng thị Hương, chồng và các con (VN)

Thứ nữ: Hoàng thị Cơ, chồng và các con (VN)

Thứ nam: Hoàng Phương Minh (Canada)

TANG GIA ĐỒNG BẢY TẠ

SÁCH MỚI VỀ:

Thư từ, chi-phiếu đề và gửi về: Làng Văn

(Bớt 10% cho độc-giả dài hạn Làng Văn)

NỮ CHÙA HỒ BA BẾ

truyện dài Hoàng Ly

7.50MK - 10GK

SÔNG MỸ SÔNG VIỆT

truyện ngắn Huỳnh Hữu

Cửu.....6.50MK - 8.50GK

LINH MỤC NGƯỜI LÀ AI

truyện dài Lê Mộng

Thường17MK - 22GK

XẾP AL CAPONE III

truyện dài Lê Xuân Nhị

18MK - 23.50GK

TÌNH NGƯỜI BÊN KIA

CHIẾN TUYẾN

truyện dài

15MK - 19.50GK

ĐIỆP VỤ MÔI HỒNG

truyện dài Hùng Sơn

13MK - 17GK

VN TÔN GIÁO CHÍNH

TRỊ QUAN, II

trực thoại với Đỗ Mậu,

Nghị-luận ...24MK - 31GK

THÀNH ĐỎ GIÓ BỤI

truyện ngắn Nguyễn Văn

Ba.....12MK - 15.50GK

THẮNG NGỌ

truyện ngắn Nguyễn Hữu

Trí.....12MK - 15.50GK

GIỌT NƯỚC MẮT THUỶ-

TINH

truyện ngắn Lê Thao

Chuyên 12MK - 15.50GK

HỌC ANH VĂN BẰNG

THÀNH NGỮ

sách học.....14MK - 18GK

TÌM PHẬT Ở ĐẦU

sách Phật học Minh Tâm

7MK - 9GK

KHÔNG TỬ

biên khảo Nguyễn Hiến

Lê.....12MK - 15.50GK

TRUYỆN MIỀN NAM

biên khảo Võ Phiến

6MK - 8GK

NGHỀ LÀM VUA

truyện dài Lê Hằng

12MK - 15.50GK

GIẤC MƠ II

truyện dài Nguyễn Sa

12MK - 15.50GK

TÌM THƠ

TRONG TIẾNG NÓI

nghị luận văn học Đỗ Quý

Toàn.....14MK - 18GK

BIẾN DIÊN

truyện dài Túy Hồng 12MK

- 15.50GK

TỬ VI TÂY PHƯƠNG VÀ

BÍ QUYẾT

biên khảo

12MK - 15.50GK

SÔNG LỪNG MAFIA

truyện dài Triệu Xuân

12MK - 15.50GK

TỰ HỌC TÂY BAN CẨM

SƠ CẤP

sách học đàn, Lê Thu

10MK-13GK

LÀNG XƯA PHỐ CŨ III

thơ văn nhiều tác giả

18MK - 23.50

HOA NẮNG TRÊN CAO

truyện dài Nguyễn Tư

10MK-14GK

BẢY GIỜ NHẬT BẢN

BIẾT NÓI: KHÔNG

Nghị-luận Phạm Quốc

Bảo.....10MK - 13GK

GIÀN ĐẬU MƯA RỤNG

truyện ngắn Nguyễn Đức

Lập.....12MK - 15.50GK

CÁ LỚN

truyện dài Đào Khanh

12MK - 15.50GK

GIÓ SÔNG HỒNG

truyện ngắn Linh Linh

Ngọc.....10MK - 22GK

VÀNG TIẾNG LOA XƯA

truyện ngắn Nguyệt Ánh

12MK - 15.50GK

ĐỨC MẸ NAM TỰ

sách Công-giáo

7MK - 9GK

MẸ TERESA

sách Công-giáo

7MK - 9GK

ANH MŨ VÀ ANH QUÊ

sách thiếu nhi bằng tranh

màu, song ngữ Việt Anh,

Nguyễn Ngọc Ngạn

15MK - 19.50GK

NÀNG NGUYỄN TIÊU

sách thiếu nhi bằng tranh

màu, song ngữ Việt Anh,

Nguyễn Ngọc Ngạn

15MK - 19.50GK

MÈO VÀ CHUỘT

sách thiếu nhi bằng tranh

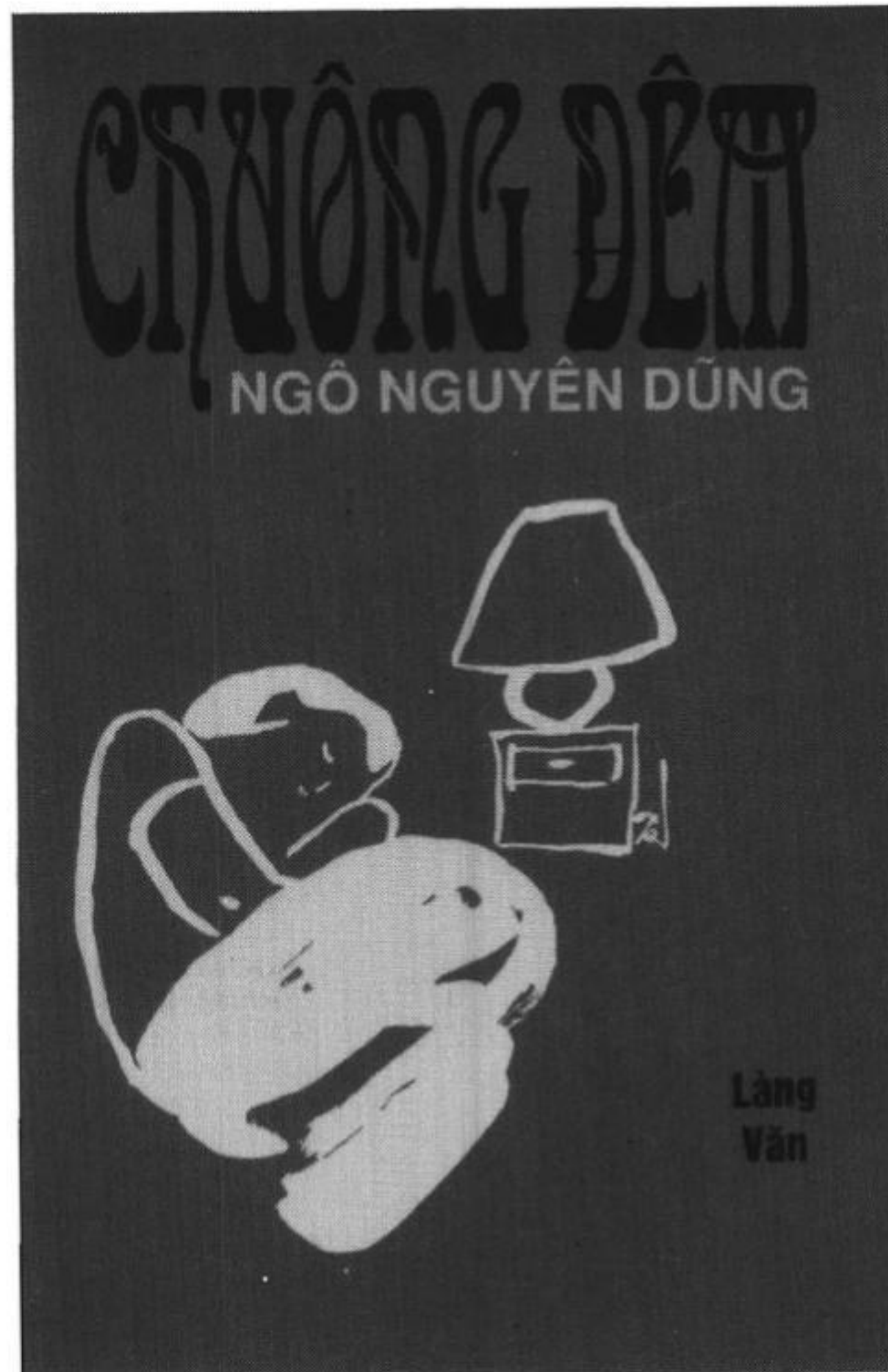
màu, song ngữ Việt Anh,

Nguyễn Ngọc Ngạn

15MK - 19.50GK

LANG VAN is published monthly. Application to mail at Second class postage rates is pending at Lewiston, New York Postmaster, send address changes to P.O. Box 1185, Lewiston, NY 14092

Đã phát-hành khắp nơi.



TRƯƠNG THỊ KIM ANH
NORWAY

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195) - Fax: (416) 240-0342

Đã phát-hành khắp nơi,

**cung vũ
nguyệt bạch**



LÀNG VĂN

Giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim - 80 quan Pháp - 15 úc kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195 - Fax: (416) 240-0342